CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 337/TTr-CP	*Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2021*

TỜ TRÌNH
Về dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi)

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện Nghị quyết số 106/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội khóa XIV về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021, điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020, tại Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 4 năm 2021, Chính phủ đã họp và thống nhất trình Quốc hội dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi), sau đây gọi chung là dự án Luật. Ngày 22 tháng 7 năm 2021, Chính phủ đã có Tờ trình số 256/TTr-CP trình Quốc hội về dự án Luật. Ngày 17 tháng 8 năm 2021 tại Phiên họp thứ 2, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã cho ý kiến về dự án Luật. Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Thông báo Kết luận số 116/TB-TTKQH ngày 20 tháng 8 năm 2021), Chính phủ đã chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật và trình Quốc hội về dự án Luật này như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG (SỬA ĐỔI)

1. Cơ sở chính trị

Ngày 07 tháng 4 năm 2014, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 34-CT/TW "Về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng", nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ động hội nhập quốc tế.

Ngày 15 tháng 5 năm 2016, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", tiếp tục làm cho tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội, xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Ngày 07 tháng 02 năm 2017, Văn phòng Trung ương có Văn bản số 3257-CV/VPTW thông báo Kết luận của Ban Bí thư, trong đó có nội dung "Đề nghị Ban Cán sự đảng Chính phủ khẩn trương chỉ đạo Chính phủ nghiên cứu, đề xuất trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Thi đua, khen thưởng cho phù hợp tình hình mới" và chủ trương tặng thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" cho đối tượng là thanh niên xung phong tham gia kháng chiến, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020, Văn phòng Trung ương Đảng có Văn bản số 13843-CV/VPTW thông báo Kết luận của Ban Bí thư, trong đó có nội dung giao: "Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo tổng kết công tác khen thưởng thời kỳ kháng chiến (hoàn thành và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong năm 2021)".

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Thi đua, khen thưởng được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI (kỳ họp thứ 4) thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2004. Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi tắt là Luật) đã được sửa đổi, bổ sung năm 2005 và năm 2013 là văn bản có giá trị pháp lý quan trọng để triển khai thực hiện công tác thi đua, khen thưởng. Sau 17 năm thực hiện, Luật đã và đang đi vào cuộc sống, được các cấp, các ngành tổ chức thực hiện có hiệu quả, công tác thi đua và khen thưởng ngày càng có vị trí quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và trong đời sống xã hội. Các phong trào thi đua yêu nước thời gian qua đã có đổi mới về nội dung, hình thức, thiết thực và hiệu quả hơn. Các cấp ủy, tổ chức Đảng, lãnh đạo chính quyền các cấp đã có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã chủ động tổ chức các phong trào thi đua thu hút, tập hợp đông đảo đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia hưởng ứng. Công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến được quan tâm và có chuyển biến rõ nét. Công tác khen thưởng đã có tác dụng động viên, cổ vũ các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua. Công tác phát hiện và đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước cho các trường hợp có thành tích đột xuất, người trực tiếp lao động, sản xuất, công tác, chiến đấu; cá nhân, tập thể ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo đã được triển khai. Công tác khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến được tập trung thực hiện. Việc áp dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa quản lý công tác thi đua, khen thưởng đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Luật còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện để phù hợp hơn với thực tiễn.

Thứ nhất, về công tác thi đua

Việc tổ chức triển khai phong trào thi đua ở một số nơi còn hình thức, chưa tạo được động lực thi đua từ cơ sở, từ quần chúng Nhân dân, hiệu quả, tác dụng phong trào thi đua chưa cao; một số nơi phong trào thi đua chưa gắn kết với thực hiện nhiệm vụ chính trị, việc sơ kết, tổng kết phong trào thi đua chưa kịp thời. Nội dung, tiêu chí xét tặng danh hiệu thi đua và việc công nhận danh hiệu thi đua chưa thống nhất; chưa quy định rõ trách nhiệm của Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đơn vị, cơ sở trong chỉ đạo, triển khai tổ chức phong trào thi đua theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị.

Thứ hai, về công tác khen thưởng

Luật có đối tượng điều chỉnh rộng, liên quan đến toàn bộ hệ thống chính trị nhưng điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng chưa bao quát hết các đối tượng và

người trực tiếp lao động, sản xuất, công tác, chiến đấu nên tác dụng khen thưởng chưa cao. Năm 2013, khi sửa đổi, bổ sung Luật đã có quy định điều kiện, tiêu chuẩn để khen thưởng cho công nhân, nông dân, người lao động trực tiếp nhưng trong quá trình tổ chức thực hiện vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Một số quy định về tiêu chuẩn khen thưởng chưa cụ thể, khó áp dụng với một số đối tượng thuộc các lĩnh vực khu vực ngoài nhà nước, phải điều chỉnh bằng các văn bản dưới Luật như Nghị định, Thông tư.

Công tác phát hiện và khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất chưa kịp thời. Luật hiện hành quy định các hình thức khen thưởng cấp nhà nước và các hình thức khác thuộc thẩm quyền của các cấp, các ngành. Tuy nhiên, trên thực tế việc quy định thẩm quyền khen thưởng, phân cấp, phân quyền trong khen thưởng chưa đầy đủ, chưa bao quát được hết các khu vực, đối tượng; tỷ lệ khen thưởng cấp nhà nước chưa cân đối trong từng lĩnh vực, đối tượng, tập trung chủ yếu vào khen niên hạn, khen công chức, viên chức, lực lượng vũ trang. Một số chủ trương, quy định của Đảng về công tác khen thưởng chưa được thể chế hóa kịp thời.

Thứ ba, về thủ tục, hồ sơ khen thưởng

Một số quy định về thủ tục, thành phần, số lượng hồ sơ chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách hành chính; quy định thủ tục, hồ sơ khen thưởng đối với cá nhân, tập thể có thành tích đột xuất được cấp trên phát hiện, khen thưởng và một số loại hình khen thưởng chưa phù hợp.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng chưa được quy định cụ thể, đồng bộ để đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chuyển đổi số quốc gia.

Với các căn cứ nêu trên, việc xây dựng, trình Quốc hội dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi) là cần thiết, nhằm thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, các nội dung chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; khắc phục những tồn tại, hạn chế của Luật hiện hành và quá trình tổ chức thực hiện Luật, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Thực hiện Nghị quyết số 106/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội Khóa XIV về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020, dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi) trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV (tháng 10/2021). Trong quá trình xây dựng dự án Luật (được triển khai từ năm 2017), Bộ Nội vụ đã thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Tổng kết, đánh giá thi hành Luật Thi đua, khen thưởng; Lập hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật; Thành lập Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập xây dựng dự án Luật; Chuẩn bị các tài liệu trong hồ sơ dự án Luật; Tổ chức Hội thảo và lấy ý kiến góp ý của các bộ, ban, ngành, địa phương và ý kiến Nhân dân đối với dự án Luật; Đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định dự án Luật. Tiến hành rà soát các nội dung của dự án Luật để đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống

nhất, đồng bộ của dự án Luật với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; bảo đảm tính tương thích của nội dung dự án Luật với Điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Sau khi hoàn thiện, Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ cho ý kiến về dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi) trong tháng 3/2021.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021, Chính phủ đã có Tờ trình số 256/TTr-CP trình Quốc hội dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi).

Ngày 17 tháng 8 năm 2021 tại Phiên họp thứ 2, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV đã cho ý kiến về dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi) (Thông báo số 116/TB-TTKQH ngày 20 tháng 8 năm 2021).

Trên cơ sở Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi), Chính phủ tiếp thu, hoàn thiện dự án Luật trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 2 (tháng 10/2021).

III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT VÀ PHẠM VI, BỐ CỤC DỰ THẢO LUẬT

1. Quan điểm, mục tiêu xây dựng dự án Luật

a) Thể chế đường lối, chủ trương của Đảng về công tác thi đua khen thưởng; Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Bộ Chính trị "Về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng", nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ động hội nhập quốc tế, trong đó đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo phong trào thi đua, hướng thi đua về cơ sở; gắn kết các phong trào thi đua yêu nước với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", làm cho các phong trào thi đua yêu nước chứa đựng nội dung sâu sắc về tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, qua đó nâng cao chất lượng các phong trào thi đua, các cuộc vận động quần chúng của Đảng, tạo sức lan tỏa trong toàn xã hội.

b) Việc sửa đổi, bổ sung Luật phải trên cơ sở kế thừa đầy đủ những ưu điểm của Luật hiện hành; nội dung sửa đổi, bổ sung bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp với thực tiễn nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; bảo đảm bao quát hết các lĩnh vực, đối tượng; đồng thời thực hiện phân cấp về thẩm quyền việc khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng cho các bộ, ban, ngành, địa phương, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cấp cơ sở nhằm giải quyết các hạn chế trong tổ chức phong trào thi đua; trong công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác thi đua, khen thưởng. Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng, bảo đảm khen thưởng chính xác, không trùng lặp, chồng chéo; chú trọng khen thưởng tập thể ở cơ sở, khen thưởng công nhân, nông dân, người lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh; doanh nhân, doanh nghiệp, trí thức, nhà khoa học;

quan tâm khen thưởng vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo; khắc phục cơ bản những hạn chế, vướng mắc về thẩm quyền, đối tượng, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục khen thưởng.

c) Tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc và cả hệ thống chính trị, để công tác thi đua, khen thưởng đi vào thực chất, thực sự là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của từng bộ, ngành, địa phương và của đất nước trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Bố cục của dự thảo Luật

1. Về bố cục

Dự thảo Luật gồm có 98 điều, đã sửa đổi và điều chỉnh 94 điều, đặt tên điều luật đối với 98 điều, trong đó:

a) Dự thảo Luật điều chỉnh lại 24 điều của Luật hiện hành thành 13 điều của dự thảo Luật, bảo đảm nội dung của các điều được thống nhất, bao quát. Cụ thể như sau:

- Bỏ Điều 11 của Luật hiện hành quy định về quyền lợi của cá nhân, tập thể được khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng. Vì nội dung trên được quy định tại Điều 86 dự thảo Luật quy định quyền của cá nhân, tập thể được khen thưởng và Điều 93 đã quy định về quỹ thi đua, khen thưởng (giảm 01 điều)

- Gộp 05 điều (Điều 9, 12, 13, 17 và Điều 19) của Luật hiện hành quy định về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, thành Điều 11 của dự thảo Luật quy định về Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng (giảm 04 điều).

- Gộp 02 điều (Điều 32 và Điều 33) của Luật hiện hành quy định chung về Huân chương và các loại Huân chương, thành Điều 30 của dự thảo Luật quy định về Huân chương (giảm 01 điều).

- Gộp 02 điều (Điều 52 và Điều 53) của Luật hiện hành quy định chung về tiêu chuẩn Huy chương và các loại Huy chương, thành Điều 51 của dự thảo Luật quy định chung về Huy chương (giảm 01 điều).

- Gộp 02 điều (Điều 73 và Điều 76) của Luật hiện hành quy định Bằng khen của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh; Bằng khen cấp quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng thành Điều 75 của dự thảo Luật quy định về hình thức Bằng khen, Giấy khen khác (giảm 01 điều).

- Gộp 02 điều (Điều 74 và Điều 75) của Luật hiện hành quy định về Giấy khen; tiêu chuẩn tặng Giấy khen thành Điều 74 quy định về Giấy khen (giảm 01 điều).

- Gộp 02 điều (Điều 81 và Điều 82) của Luật hiện hành quy định về thẩm quyền trao tặng và việc tổ chức lễ trao tặng, thành Điều 81 quy định về Thẩm quyền trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (giảm 01 điều).

- Gộp 02 điều (Điều 84 và Điều 86) của Luật hiện hành quy định về hồ sơ, thủ tục khen thưởng và giao Chính phủ quy định thủ tục, quy trình, thời gian xét đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thành Điều 83 quy định về hồ sơ xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng; quy định về điều kiện khen thưởng quá trình cống hiến và chức danh tương đương xét khen thưởng quá trình cống hiến (giảm 01 điều).

- Gộp 02 điều (Điều 87 và Điều 88) của Luật hiện hành quy định về quyền của cá nhân, tập thể được khen thưởng thành Điều 85 quy định về Quyền của cá nhân, tập thể được khen thưởng (giảm 01 điều).

- Gộp 02 Điều (Điều 90 và Điều 91) của Luật hiện hành quy định về quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng và nội dung quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng thành Điều 87 quy định về thẩm quyền, nội dung quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng (giảm 01 điều).

- Gộp 02 điều (Điều 96 và Điều 97) của Luật hiện hành quy định về hủy bỏ quyết định khen thưởng và tước danh hiệu vinh dự nhà nước, thành Điều 93 quy định về Xử lý vi phạm về thi đua, khen thưởng (giảm 01 điều).

b) Dự thảo Luật có 08 điều mới, trong đó có 03 điều mới hoàn toàn và 05 điều mới do tách ra từ các điều của Luật hiện hành.

- 03 điều mới hoàn toàn, gồm:

+ Điều 26 quy định về tiêu chuẩn danh hiệu "Xã tiêu biểu", "Phường, Thị trấn tiêu biểu".

+ Điều 55 quy định về hình thức khen thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang".

+ Điều 96 quy định về Trách nhiệm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- 05 điều mới được tách từ các điều của Luật hiện hành, gồm:

+ Điều 10 của Luật hiện hành: Tách thành Điều 9 Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và Điều 10 Căn cứ xét khen thưởng (thêm 01 điều), để quy định rõ căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

+ Điều 20 của Luật hiện hành: Tách thành Điều 16 về danh hiệu thi đua đối với cá nhân và Điều 17 về danh hiệu thi đua đối với tập thể và gia đình (thêm 01 điều), để quy định rõ danh hiệu thi đua cho đối tượng cá nhân, tập thể và gia đình.

+ Điều 48 của Luật hiện hành: Tách thành Điều 45 Huân chương Chiến công hạng Nhất, Điều 46 Huân chương Chiến công hạng Nhì và Điều 47 Huân chương Chiến công hạng Ba (thêm 02 điều), để quy định rõ từng mức hạng Huân chương Chiến công.

+ Điều 69 của Luật hiện hành: Tách thành Điều 69 Kỷ niệm chương và Điều 70 Huy hiệu (thêm 01 điều), để quy định rõ hình thức khen thưởng của bộ, ban, ngành và địa phương và Kỷ niệm chương của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

c) Khoản 1 Điều 101 Luật hiện hành quy định về khen thưởng tổng kết thành tích khen thưởng kháng chiến được thiết kế thành quy định chuyển tiếp tại

khoản 3 Điều 98 dự thảo Luật quy định về hiệu lực thi hành; khoản 2 Điều 101 của Luật hiện hành quy định các hình thức động viên khác được thiết kế thành 01 điều (Điều 80) quy định về thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với các hình thức động viên khác.

d) Sau khi sửa đổi, bổ sung dự thảo Luật có 8 chương và 98 điều, cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung (gồm 12 điều, từ Điều 1 đến Điều 12).

Chương II. Tổ chức thi đua, danh hiệu và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua (gồm 17 điều, từ Điều 13 đến Điều 29).

Chương III. Hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng (gồm 46 điều, từ Điều 30 đến Điều 75).

Chương IV. Thẩm quyền quyết định khen thưởng, trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thủ tục, hồ sơ xét đề nghị danh hiệu thi đua và khen thưởng (gồm 09 điều, từ Điều 76 đến Điều 84).

Chương V. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng (gồm 02 điều, Điều 85 và Điều 86).

Chương VI. Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng (gồm 06 điều, từ Điều 87 đến Điều 92).

Chương VII. Xử lý vi phạm (gồm 02 điều, gồm Điều 93 và Điều 94).

Chương VIII. Điều khoản thi hành (gồm 04 điều, từ Điều 95 đến Điều 98).

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

Nội dung sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Luật đã thể chế các quan điểm, định hướng đổi mới công tác thi đua, khen thưởng của Đảng vào 04 phương án chính sách xây dựng dự án Luật đã được Chính phủ thông qua. Trong đó, tập trung sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống danh hiệu thi đua; hoàn thiện hệ thống hình thức khen thưởng; hoàn thiện chế định về thẩm quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; cải cách thủ tục hành chính trong thi đua, khen thưởng, cụ thể như sau:

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung về thi đua

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung 18 điều nhằm thể chế hoá chủ trương của Đảng tại Chỉ thị số 34-CT/TW "Về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng". Trong đó đã quy định rõ trách nhiệm người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, đơn vị, cơ sở trong tổ chức triển khai phong trào thi đua, để việc phát động, triển khai các phong trào thi đua trong thời gian tới phải thực sự thiết thực, hướng về cơ sở, gắn kết với thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị, gắn với lợi ích của người trực tiếp tham gia thi đua, hạn chế tính hình thức trong thi đua. Sửa đổi, bổ sung một số tiêu chí, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đã thực hiện ổn định thời gian qua để phù hợp hơn với thực tiễn. Bổ sung danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" cho tập thể khi tham gia các phong trào thi đua theo chuyên đề do Thủ tướng Chính phủ phát động từ 5 năm trở lên và danh hiệu Cờ thi đua cấp bộ, cấp tỉnh cho tập thể khi tham gia phong trào thi đua theo chuyên

đề do bộ, ngành, địa phương phát động từ 3 năm trở lên để phát huy tác dụng khích lệ, động viên phong trào. Cùng với đó, xuất phát từ thực tiễn triển khai các phong trào thi đua thời gian qua, Ban soạn thảo đã nghiên cứu, thống nhất đề nghị bổ sung danh hiệu "Xã tiêu biểu", "Phường, Thị trấn tiêu biểu", là những danh hiệu tổng hợp kết quả phong trào thi đua ở cấp xã và đổi tên, điều chỉnh một số tiêu chuẩn danh hiệu "Thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hoá", "Gia đình văn hoá" thành danh hiệu "Thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố tiêu biểu", "Gia đình tiêu biểu" để thống nhất hệ thống danh hiệu thi đua ở cơ sở và cho gia đình. Đây là những điểm mới của dự án Luật. Cụ thể như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung về danh hiệu thi đua

Bổ sung danh hiệu "Xã tiêu biểu", "Phường, thị trấn tiêu biểu" (Điều 26). Thực tế hiện nay, triển khai thực hiện phong trào "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới", cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư" cấp xã được công nhận danh hiệu: "Xã đạt chuẩn nông thôn mới; phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn đô thị văn minh". Với tốc độ thực hiện xây dựng nông thôn mới hiện nay, tương lai gần sẽ phủ kín các danh hiệu trên. Vì vậy, việc xét tặng danh hiệu "Xã tiêu biểu", "Phường, thị trấn tiêu biểu"; ''thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố tiêu biểu'' và ''gia đình tiêu biểu''sẽ nâng các tiêu chuẩn của các danh hiệu thi đua hiện hành lên mức cao hơn, góp phần nâng cao chất lượng xét tặng các danh hiệu thi đua. Việc quy định trong Dự thảo Luật các danh hiệu này tạo cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện sau khi Luật được Quốc hội thông qua.

b) Sửa đổi, bổ sung về trách nhiệm phát động thi đua; nội dung thi đua; tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

- Bổ sung trách nhiệm của "Người đứng đầu" cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động, chỉ đạo phong trào thi đua (Điều 11 và Điều 15); bổ sung quy định một trong các nội dung thi đua là: Tuyên truyền, phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến (khoản 4 Điều 14) để thể chế hóa chủ trương của Đảng về nâng cao trách nhiệm của "Người đứng đầu" các cấp ủy, tổ chức đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức phong trào thi đua.

- Về danh hiệu Chiến sĩ thi đua (cấp toàn quốc; cấp bộ, ban, ngành, tỉnh; cấp cơ sở): Dự thảo Luật đã quy định cụ thể tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua; bổ sung tiêu chuẩn "có đề án khoa học","công trình khoa học" vì trên thực tế có nhiều cá nhân có đề án nghiên cứu khoa học, công trình khoa học đã được nghiệm thu và được áp dụng có hiệu quả; bỏ từ "nhất" trong cụm từ "tiêu biểu xuất sắc nhất", vì việc so sánh, đánh giá mức độ "nhất" giữa các cá nhân trong bộ, ban, ngành, địa phương chưa có tiêu chí để thực hiện, nhất là đối với các bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực hoặc các cá nhân trong cùng một địa phương gồm nhiều đối tượng khác nhau (Điều 18, Điều 19 và Điều 20).

- Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn xét tặng "Cờ thi đua của Chính phủ", Cờ thi đua bộ, ban, ngành, tỉnh đối với tập thể để phù hợp với thực tiễn (Điều 22 và Điều 23); đồng thời bổ sung tiêu chuẩn xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ đối với tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

Trung ương tổ chức; tập thể dẫn đầu phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động khi sơ kết, tổng kết 05 năm trở lên.

- Bổ sung tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua chuyên đề có thời gian 03 năm trở lên do bộ, ban, ngành, tỉnh phát động khi tổng kết phong trào thi đua theo chuyên đề (Điều 23) để phù hợp với thực tiễn phong trào thi đua do bộ, ban, ngành, tỉnh phát động trong thời gian qua.

- Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn xét danh hiệu thi đua "Tập thể lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng", bỏ tiêu chuẩn "không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên" tại điểm d khoản 1 Điều 24 để phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 24 "có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao".

- Bỏ quy định tiêu chuẩn: "Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương học tập" khi xét tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh (tại Điều 26 của Luật hiện hành), để phù hợp với thực tiễn thực hiện trong thời gian qua.

2. Nội dung sửa đổi, bổ sung về khen thưởng

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung 53 điều với nhiều nội dung mới để bảo đảm bao quát hết các đối tượng khen thưởng, phù hợp với vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền công tác khen thưởng trong hệ thống chính trị; đảm bảo cân đối khen thưởng khu vực cơ quan nhà nước và khu vực ngoài nhà nước. Dự thảo Luật đã thiết kế lại, tạo sự thống nhất, xuyên suốt từ nguyên tắc, loại hình khen thưởng đến các quy định cụ thể tiêu chuẩn khen thưởng; đề cao tính kịp thời của hình thức khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được để khắc phục tình trạng khen thưởng "cộng dồn thành tích" trước đây. Bổ sung nguyên tắc "Quan tâm khen thưởng người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác và khen thưởng tại địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo; mở rộng đối tượng khen thưởng người nước ngoài có nhiều đóng góp cho đất nước Việt Nam trong điều kiện chủ động hội nhập; quy định rõ hơn đối tượng khen thưởng "doanh nhân, trí thức, nhà khoa học", "doanh nghiệp" trong các loại hình khen thưởng để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong khen thưởng ở khu vực ngoài nhà nước và kinh tế tư nhân. Quy định trách nhiệm người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, đơn vị, cơ sở trong phát hiện nhân tố, điển hình tiêu biểu để khen thưởng kịp thời theo thẩm quyền và trình cấp trên khen thưởng. Bổ sung hình thức khen thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang", Kỷ niệm chương của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Những nội dung sửa đổi, bổ sung về khen thưởng chiếm tỷ trọng lớn trong nội dung sửa đổi, bổ sung Luật, cụ thể như sau:

a) Bổ sung về khái niệm về loại hình khen thưởng; mục tiêu khen thưởng; nguyên tắc khen thưởng (03 điều)

- Bổ sung khái niệm và sắp xếp lại thứ tự các loại hình khen thưởng gồm: Khen thưởng theo công trạng; khen thưởng đột xuất; khen thưởng phong trào thi đua; khen thưởng quá trình cống hiến; khen thưởng niên hạn; khen thưởng đối ngoại (Điều 4) để phù hợp với nguyên tắc khen thưởng.

- Bổ sung làm rõ mục tiêu của khen thưởng "là nhằm khuyến khích, cổ vũ, động viên cá nhân, tập thể hăng hái thi đua, lao động, công tác, sản xuất, kinh doanh, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa" (khoản 2 Điều 5).

- Bổ sung nguyên tắc "Thành tích đến đâu khen thưởng đến đó" (điểm d khoản 2 Điều 6) để khắc phục tình trạng khen thưởng "cộng dồn thành tích".

- Bổ sung nguyên tắc khen thưởng: "Quan tâm khen thưởng người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác và khen thưởng tại địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số" (điểm đ khoản 2 Điều 6), để thể chế hóa chủ trương của Đảng về khen thưởng tại địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Sửa đổi, bổ sung về hình thức khen thưởng (02 điều)

- Bổ sung hình thức khen thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" để khen thưởng cho lực lượng thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong các thời kỳ kháng chiến, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (Điều 55) theo Kết luận của Ban Bí thư tại Thông báo số 3257-CV/VPTW ngày 07 tháng 02 năm 2017 của Văn phòng Trung ương Đảng.

- Bổ sung hình thức Kỷ niệm chương của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của Quốc hội (khoản 1 Điều 69).

- Quy định rõ bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội được tặng một hình thức là Kỷ niệm chương, thay cho quy định được tặng một trong hai hình thức là Kỷ niệm chương hoặc Huy hiệu như Luật hiện hành để phù hợp với thực tiễn và thống nhất hình thức khen thưởng (Điều 69).

c) Sửa đổi, bổ sung về đối tượng khen thưởng (14 điều)

- Bổ sung đối tượng khen thưởng là cá nhân người nước ngoài đối với Huân chương Hồ Chí Minh (Điều 32); cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài đối với Huân chương Độc lập các hạng (Điều 33, 34 và Điều 35), Huân chương Lao động các hạng (Điều 39, Điều 40 và Điều 41); quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng Huy chương Hữu nghị (Điều 56).

- Quy định cụ thể đối tượng xét tặng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh cho bộ, ban, ngành, tỉnh, quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương (Điều 31 và Điều 32). Các đối tượng xét tặng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh đã được quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và được thực hiện ổn định trong thời

gian qua, vì vậy, việc quy định nội dung này trong Luật để nâng cao tính pháp lý trong triển quá trình khai thực hiện.

- Quy định cụ thể đối tượng xét tặng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh đối với "hệ lực lượng" thuộc Bộ Công an (Điều 31 và Điều 32), do hiện nay Bộ Công an không còn cấp tổng cục mà chỉ có "hệ lực lượng" tương đương cấp tổng cục trước đây.

- Quy định cụ thể đối tượng xét tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba cho đối tượng là bộ, ban, ngành, tỉnh, các tập thể thuộc và trực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh (Điều 33, 34 và Điều 35), để thực hiện nguyên tắc khen thưởng là "Bảo đảm thống nhất giữa thành tích, hình thức và đối tượng khen thưởng".

- Quy định cụ thể đối tượng khen thưởng Huân chương Lao động các hạng (Điều 39, 40 và Điều 41), "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" (Điều 72), Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh (Điều 73) cho đối tượng là doanh nhân, doanh nghiệp, trí thức, nhà khoa học.

- Bổ sung đối tượng xét danh hiệu "Thầy thuốc ưu tú", "Thầy thuốc nhân dân" cho đối tượng là "hộ sinh/hộ sinh viên" do "hộ sinh viên" là một chức danh chuyên môn y tế, là người trực tiếp làm công tác theo dõi thai kỳ, đỡ đẻ, sơ cứu, cấp cứu sản khoa, chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh (khoản 1 Điều 63).

- Bỏ đối tượng là "công chức, viên chức" trong công an nhân dân được tặng "Huy chương Chiến sĩ vẻ vang", "Huy chương Vì an ninh Tổ quốc" tại các Điều 51, Điều 53 và Điều 54, vì hiện nay lực lượng công an nhân dân không còn đối tượng này.

- Bỏ đối tượng xét danh hiệu "Nghệ sĩ nhân dân", "Nghệ sĩ ưu tú" đối với "nhạc sĩ" và "phát thanh viên", vì "nhạc sĩ" là người sáng tác và soạn nhạc, tác phẩm của nghệ sĩ có giá trị và đủ các tiêu chuẩn sẽ được tặng "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước". Phát thanh viên làm việc ở các Đài phát thanh, truyền hình, trên thực tế phát thanh viên đảm nhiệm cả việc biên tập tin tức như một nhà báo và được thực hiện nhiệm vụ theo vị trí việc làm (Điều 64).

d) Sửa đổi, bổ sung về tiêu chuẩn khen thưởng (34 điều)

- Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn khen thưởng cho công nhân, nông dân có sáng kiến hoặc mô hình sản xuất mang lại giá trị cao và được áp dụng có hiệu quả thay thế tiêu chuẩn "có phát minh, sáng chế" đối với các hình thức khen thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất (khoản 3 Điều 39), Huân chương Lao động hạng Nhì (khoản 3 Điều 40), Huân chương Lao động hạng Ba (khoản 3 Điều 41); "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" (khoản 2 Điều 72), để thực hiện chủ trương của Đảng về chú trọng khen thưởng công nhân, nông dân, người trực tiếp lao động, sản xuất, công tác.

- Bổ sung quy định tiêu chuẩn tặng thưởng Huân chương Độc lập các hạng cho các tập thể là bộ, ban, ngành, tỉnh nhân dịp kỷ niệm năm tròn (Điều 33, Điều 34 và Điều 35), Huân chương Quân công các hạng cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an nhân dịp kỷ niệm năm tròn (Điều 36, Điều 37 và Điều 38)

để phù hợp quá trình triển khai thực hiện trong thời gian qua. Trên thực tế, theo tiêu chuẩn quy định hiện hành để được tặng thưởng Huân chương Độc lập phải đảm bảo tiêu chuẩn đã được tặng Bằng khen, Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh nhưng do hàng năm bộ, ban, ngành, tỉnh không tự tặng Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh nên việc đề nghị khen thưởng theo tiêu chuẩn chung không thực hiện được.

- Quy định cụ thể số năm tập thể đạt tiêu chuẩn "tổ chức đảng được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" khi đề nghị tặng thưởng các hình thức khen thưởng Huân chương Sao vàng (Điều 31), Huân chương Hồ Chí Minh (Điều 32), Huân chương Độc lập các hạng (Điều 33, 34 và Điều 35), Huân chương Quân công các hạng (Điều 36, 37 và Điều 38); Huân chương Bảo vệ Tổ quốc các hạng (Điều 42, Điều 43 và Điều 44); danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân" (Điều 60), danh hiệu "Anh hùng Lao động" (Điều 61), để cụ thể các tiêu chuẩn khen thưởng và phù hợp quy định của Đảng về đánh giá, xếp loại tổ chức đảng hàng năm.

- Bổ sung quy định tặng Huân chương Hồ Chí Minh các lần tiếp theo sau khi được tặng Huân chương Hồ Chí Minh lần thứ nhất (Điều 32), để phù hợp với thực tiễn do Luật hiện hành chỉ quy định tặng Huân chương Hồ Chí Minh lần thứ hai mà không quy định tặng Huân chương Hồ Chí Minh các lần tiếp theo.

- Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được đối với cá nhân từ "hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" thành "hoàn thành tốt nhiệm vụ" đối với các hình thức Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba (Điều 39, Điều 40 và Điều 41), Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba (Điều 42, Điều 43 và Điều 44), "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" (Điều 72), Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh (Điều 73) để phù hợp với quy định của Đảng, Nhà nước về đánh giá, xếp loại đảng viên và cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

- Bổ sung quy định lấy danh hiệu thi đua làm tiêu chuẩn xét khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được, đối với cá nhân lấy danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh thay cho sáng kiến; đối với tập thể lấy danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" hoặc "Đơn vị quyết thắng" thay cho tiêu chuẩn "hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" khi đề nghị hình thức khen thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất, Nhì, Ba (Điều 33, 34 và Điều 35), Huân chương Quân công hạng Nhất, Nhì, Ba (Điều 36, 37 và Điều 38), Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba (Điều 39, Điều 40 và Điều 41), Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất, Nhì, Ba (Điều 42, 43 và Điều 44), "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" (Điều 72), Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh (Điều 73).

- Bổ sung tiêu chuẩn khen thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba (Điều 39, Điều 40 và Điều 41), "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" (Điều 72), Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh (Điều 73) cho cá nhân, tập thể có đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế, xã hội; ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ; công tác xã hội, từ thiện nhân đạo để bao quát hết thành tích, đối tượng khen thưởng.

- Bổ sung tiêu chuẩn khen thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba (Điều 39, 40 và Điều 41),"Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" (Điều 72), Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh (Điều 73) cho đối tượng là doanh nhân, doanh nghiệp, trí thức, nhà khoa học để bao quát hết đối tượng khen thưởng.

- Bổ sung tiêu chuẩn tặng thưởng "Huân chương Lao động hạng Ba" cho cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu được bình xét trong phong trào thi đua do bộ, ban, ngành, tỉnh phát động từ 05 năm trở lên (điểm a khoản 1 Điều 41) để cân đối về thành tích khen thưởng.

- Bổ sung tiêu chuẩn tặng thưởng "Huân chương Lao động hạng Ba" cho tập thể có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động; hoặc do bộ, ban, ngành, tỉnh phát động khi tổng kết 05 năm trở lên hoặc theo chuyên đề phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước (điểm c khoản 6 Điều 41).

- Bổ sung tiêu chuẩn khen thưởng "Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba" (Điều 40 và Điều 41), "Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhì, hạng Ba" (Điều 43 và Điều 44), "Huân chương Chiến công hạng Nhất, Nhì, Ba" (Điều 45, 46 và Điều 47) đối với tập thể lập được thành tích "đột xuất", để bảo đảm khen thưởng kịp thời đối với tập thể có thành tích "đột xuất".

- Bổ sung quy định tiêu chuẩn xét tặng hoặc truy tặng "Huy chương Chiến sĩ vẻ vang" đối với đối tượng là sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ, công chức, viên chức, công nhân quốc phòng làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân có thời gian làm nhiệm vụ ở vùng biển, đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc làm nhiệm vụ quốc tế (Điều 54), để thể chế chủ trương của Đảng là chú trọng khen thưởng cho đối với các cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân.

- Bổ sung tiêu chuẩn phong tặng và truy tặng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân nhân dân" (khoản 3 Điều 60), danh hiệu "Anh hùng Lao động" (khoản 3 Điều 61) đối với cá nhân, tập thể có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, để phù hợp với thực tiễn hiện nay.

- Bổ sung hình thức "truy tặng" đối với danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" để phù hợp với Luật Di sản văn hóa năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); bỏ cụm từ "phi vật thể" để đồng nhất khái niệm "di sản văn hóa" giữa Luật di sản văn hóa và Luật Thi đua, khen thưởng (Điều 65 dự thảo Luật).

- Bỏ tiêu chuẩn khen thưởng thành tích "đột xuất" đối với các hình thức khen thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất (Điều 39), Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất (Điều 42) tặng cho cá nhân để cân đối về thành tích khen thưởng.

- Bỏ quy định về thời gian 5 năm xét tặng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân" (khoản 3 Điều 60), danh hiệu "Anh hùng Lao động" (khoản 3 Điều 61), để đảm bảo nguyên tắc khen thưởng kịp thời động viên tập thể, cá

nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

đ) Các nội dung sửa đổi, bổ sung khác (07 điều)

- Bổ sung quy định nguyên tắc xét tôn vinh và trao tặng giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp (Điều 80 dự thảo Luật) để Luật hóa một số quy định tại Quyết định số 51/2010/QĐ - TTg ngày ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp và giao Chính phủ quy định chi tiết việc xét tôn vinh và trao tặng giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp.

- Bổ sung quy định thành phần của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương "là đại diện lãnh đạo cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ" (khoản 2 Điều 88), để đảm bảo thành phần Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

- Bổ sung quy định cụ thể nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng (Điều 86), trong đó quy định ngoài việc "Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật", của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng cá nhân, tập thể có nghĩa vụ "Phát huy thành tích đã đạt được, tuyên truyền phổ biến kinh nghiệm; bảo quản, lưu giữ các hiện vật khen thưởng, không được tặng cho dưới mọi hình thức".

- Bổ sung quy định mang tính nguyên tắc về Quỹ thi đua, khen thưởng: "Thủ trưởng cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó có trách nhiệm chi tiền thưởng từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý" (Điều 91).

- Bổ sung quy định: Hiện vật khen thưởng là sản phẩm đặc biệt, được Nhà nước bảo hộ để tặng cho tập thể, tặng hoặc truy tặng cho cá nhân khi được cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng, gồm: Huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; bằng, cờ, khung và hộp của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua (khoản 1 Điều 92).

- Bổ sung quy định thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng (khoản 2 Điều 93); bổ sung quy định thẩm quyền quyết định tước, phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước (khoản 5 Điều 93), do Luật Thi đua, khen thưởng hiện hành chưa quy định các thẩm quyền này.

- Bổ sung quy định tước danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng", "Anh hùng Lao động","Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân" đối với trường hợp phạm tội thuộc một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc phạm tội khác bị phạt tù chung thân, tử hình để phù hợp với khoản 4 Điều 54 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (khoản 3 Điều 93).

- Bổ sung quy định: Trường hợp cá nhân được tặng nhiều danh hiệu vinh dự nhà nước bị tòa án tuyên có tội và bản án đã có hiệu lực tương ứng với các hình phạt nào thì sẽ tước đối với danh hiệu vinh dự đó (Điều 93) để phù hợp với thực tiễn.

- Bổ sung quy định tước, phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế là pháp nhân thương mại (khoản 4 Điều 93) để phù hợp với Điều 33 Bộ luật hình sự.

- Bổ sung quy định về việc thi đua, khen thưởng đối với đại biểu Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khác thuộc các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định (Điều 96) để phù hợp với đặc thù hoạt động của Quốc hội.

- Bổ sung quy định chuyển tiếp: Nhà nước tiếp tục xem xét và thực hiện việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến cho những cá nhân, tập thể, gia đình, địa phương và cơ sở có công lao, thành tích trong các cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc (khoản 3 Điều 98). Qua tổng kết khen thưởng thành tích kháng chiến, các địa phương báo cáo hiện còn tồn đọng trên 9000 trường hợp chưa triển khai thực hiện được do chưa đáp ứng được tiêu chuẩn qui định. Bên cạnh đó, ngoài các cuộc kháng chiến từ năm 1975 trở về trước, nước ta còn có những cuộc kháng chiến khác chưa triển khai khen thưởng toàn diện cho các đối tượng có công (chiến tranh bảo vệ Biên giới phía Bắc, Biên giới Tây Nam, hải đảo, làm nghĩa vụ quốc tế…) mà ở đó Bộ Quốc phòng báo cáo còn hơn 11.000 trường hợp chưa được xem xét khen thưởng, nên tiếp tục xem xét khen thưởng thành tích kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc đối với người có công và Luật giao Chính phủ qui định thời gian kết thúc.

3. Sửa đổi, bổ sung các quy định về thẩm quyền

Dự thảo Luật đã bổ sung quy định thẩm quyền công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và phân cấp cho bộ, ban, ngành, tỉnh quy định cụ thể tiêu chuẩn một số danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền. Dự thảo Luật cũng bổ sung quy định về thẩm quyền công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và phân cấp cho người đứng đầu Bộ, ban, ngành, tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phù hợp. Cụ thể như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung về thẩm quyền công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thẩm quyền đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (03 điều)

- Bổ sung thẩm quyền Ủy ban Thường vụ Quốc hội được tặng Kỷ niệm chương (khoản 1 Điều 78).

- Bổ sung thẩm quyền Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở Trung ương, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Tổng Kiểm toán nhà nước, Người đứng đầu Cơ quan Trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được tặng Kỷ niệm chương; bổ sung thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được tặng Huy hiệu

(khoản 2 Điều 78), do Luật thi đua, khen thưởng hiện hành chưa quy định thẩm quyền quyết định tặng hình thức khen thưởng Kỷ niệm chương, Huy hiệu.

- Bổ sung thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được tặng "Xã tiêu biểu, Phường tiêu biểu, Thị trấn tiêu biểu" (khoản 4 Điều 78) để phù hợp với phạm vi xét đối với các danh hiệu này; đồng thời thực hiện phân cấp về thẩm quyền công nhận các danh hiệu này.

- Quy định cụ thể thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, ban, ngành tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến","Chiến sĩ thi đua cơ sở" hoặc ủy quyền công nhận danh hiệu "Lao động tiên tiến","Tập thể lao động tiên tiến","Chiến sĩ thi đua cơ sở" cho cá nhân, tập thể thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành không có tư cách pháp nhân (khoản 5 Điều 78), để phù hợp với thực tiễn do Luật Thi đua, khen thưởng hiện hành chưa quy định cụ thể thẩm quyền công nhận danh hiệu thi đua cho đối tượng này.

- Bổ sung quy định thẩm quyền công nhận danh hiệu "Đơn vị quyết thắng", "Tập thể lao động xuất sắc" trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân do Chính phủ quy định (khoản 6 Điều 78).

- Bổ sung quy định Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định thẩm quyền công nhận danh hiệu "Đơn vị tiên tiến","Chiến sĩ tiên tiến" trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân (khoản 5 Điều 79) để thực hiện phân cấp về thẩm quyền công nhận danh hiệu "Đơn vị tiên tiến","Chiến sĩ tiên tiến" đối với lực lượng vũ trang nhân dân.

- Bổ sung quy định cụ thể thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng danh hiệu "Gia đình tiêu biểu","Lao động tiên tiến" và Giấy khen đối với cán bộ, công chức, nông dân, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý hoặc trên địa bàn cấp xã (khoản 4 Điều 79).

- Bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 82 dự thảo Luật: Tổng thư ký Quốc hội trình khen thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước cho Đại biểu Quốc hội chuyên trách ở trung ương, cơ quan của Quốc hội, để phù hợp với thực tiễn hoạt động của Quốc hội.

- Bổ sung quy định "Đại biểu Quốc hội chuyên trách ở địa phương do địa phương khen thưởng và đề nghị khen thưởng theo phân cấp về thẩm quyền quản lý đối với cán bộ ở địa phương" (khoản 3 Điều 82).

- Bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 82 dự thảo Luật: "Tổng thư ký Quốc hội đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội tặng Kỷ niệm chương".

- Bổ sung quy định: Người đứng đầu có trách nhiệm phát hiện cá nhân, tập thể có thành tích để khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng; đánh giá thành tích và chịu trách nhiệm về quyết định khen thưởng và việc trình cấp trên khen thưởng; Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm phát hiện cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng (khoản 6 Điều 82).

b) Một số nội dung phân cấp cho bộ, ban, ngành, tỉnh quy định cụ thể tiêu chuẩn một số danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền (09 điều)

Phân cấp về thẩm quyền quy định đối tượng, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo hướng: Luật sẽ quy định tiêu chuẩn chung đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của bộ, ban, ngành, tỉnh; đồng thời giao bộ, ban, ngành, tỉnh trên cơ sở quy định chung của Luật, căn cứ đặc điểm, tình hình của từng đối tượng, lĩnh vực, ngành nghề để quy định cụ thể một số nội dung được giao trong Luật, phù hợp với từng vùng miền, ngành nghề của các bộ, ngành, địa phương và để thực hiện chủ trương của Đảng là quan tâm khen thưởng cơ sở và người trực tiếp lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác, chiến đấu. Cụ thể:

- Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định cụ thể tiêu chuẩn tặng xét danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến" (Điều 21).

- Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh (Điều 23).

- Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng" (Điều 24).

- Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến" (Điều 25).

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc xét tặng danh hiệu "Xã tiêu biểu", "Phường, Thị trấn tiêu biểu" (Điều 26).

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc xét tặng danh hiệu "Thôn tiêu biểu", "Làng tiêu biểu", "Bản tiêu biểu", "Ấp tiêu biểu", "Tổ dân phố tiêu biểu" và tương đương (Điều 27).

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc xét tặng danh hiệu "Gia đình tiêu biểu" (Điều 28).

- Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định cụ thể tiêu chuẩn Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh cho cá nhân, gia đình (Điều 73).

- Phân cấp cho Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định tiêu chuẩn tặng Giấy khen (Điều 74). Cụ thể: Luật không quy định tiêu chuẩn Giấy khen mà phân cấp cho bộ, ban, ngành, tỉnh quy định để đảm bảo khen thưởng kịp thời cho cá nhân, tập thể có thành tích trong phong trào thi đua.

c) Về giao Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết

- Luật giao Chính phủ quy định chi tiết một số điều (30 điều) liên quan đến khen thưởng quá trình cống hiến, danh hiệu vinh dự nhà nước; thủ tục hồ sơ khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng và một số nội dung cần quy định trong các văn bản quy định chi tiết, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện.

- Luật giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định 02 điều về tiêu chuẩn khen thưởng và về việc thi đua, khen thưởng đối với đại biểu Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Một số nội dung sửa đổi, bổ sung liên quan đến cải cách thủ tục hành chính trong thi đua, khen thưởng; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý công tác thi đua, khen thưởng

Để thực hiện chủ trương đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng, tạo điều kiện thuận lợi cho tập thể, cá nhân khi đề nghị khen thưởng, dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

a) Về cải cách thủ tục hành chính

Giảm số lượng hồ sơ từ 03 bộ đối với hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước và 02 bộ đối với hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ xuống chỉ còn 01 bộ (bản chính) được gửi về cơ quan chuyên trách về thi đua, khen thưởng ở Trung ương để thẩm định và lưu trữ; đối với số lượng hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền của bộ, ban, ngành, tỉnh do bộ, ban, ngành, tỉnh quy định (khoản 5 Điều 83).

b) Về thành phần hồ sơ

Giảm bớt thành phần trong hồ sơ đề nghị khen thưởng do người đứng đầu cấp trình khen thưởng phát hiện khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, khen thưởng quá trình cống hiến, khen thưởng niên hạn, khen thưởng đối ngoại, cụ thể:

- Giảm biên bản xét khen thưởng vì các hình thức khen thưởng nêu trên đều có thành tích, công trạng rõ ràng nên việc xét khen thưởng không nhất thiết phải thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng để bình bầu, lựa chọn mà người đứng đầu quyết định và chịu trách nhiệm về việc trình khen thưởng.

- Đối với khen thưởng quá trình cống hiến, khen thưởng niên hạn, trong báo cáo chỉ tóm tắt thành tích, liệt kê quá trình công tác, vì thành tích, công trạng khen thưởng đã rõ ràng.

c) Về đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục khen thưởng

Bổ sung quy định về hồ sơ, thủ tục khen thưởng theo hướng đơn giản hóa thủ tục do người đứng đầu cơ quan, đơn vị phát hiện thông qua các phong trào thi đua; khen thưởng đột xuất, khen thưởng cống hiến, khen thưởng niên hạn, khen thưởng đối ngoại, khen thưởng thành tích có nội dung bí mật nhà nước để đảm bảo khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất, công trạng rõ ràng và phục vụ nhiệm vụ chính trị đối ngoại (Điều 84).

d) Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng

Bổ sung quy định "ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng và trong hệ thống thi đua, khen thưởng" là một nội dung quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng (điểm i khoản 2 Điều 87) để thể chế hóa chủ

trương của Đảng về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước.

Trên đây là Tờ trình dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi), Chính phủ kính trình Quốc hội./.

(Hồ sơ dự án Luật kèm theo:(1) Tóm tắt Tờ trình của Chính phủ trình Quốc hội về dự án Luật; (2) Dự thảo Luật; (3) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp về dự án Luật; (4) Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (5) Báo cáo tổng kết 17 năm thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng; (6) Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề nghị xây dựng dự án Luật; (7) Báo cáo chính sách dân tộc, lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật; (8) Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của bộ, ngành, địa phương; (9) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của bộ, ngành, địa phương; (10) Bản chụp ý kiến góp ý của bộ, ngành, địa phương (11) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật; (12) Báo cáo khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến (13) Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật).

Nơi nhận:
- Như trên (15);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (15);
- Hội đồng dân tộc của Quốc hội;
- Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội (20);
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (15);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Nội vụ (20);
- Lưu: VT, PL (10).

TM.CHÍNH PHỦ
TUQ.THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

(Đã ký)

Phạm Thị Thanh Trà

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 338/TTr-CP	*Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2021*

TỜ TRÌNH TÓM TẮT
Về dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi)

Kính gửi: Quốc hội

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG (SỬA ĐỔI)

1. Cơ sở chính trị

Ngày 07 tháng 4 năm 2014, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 34-CT/TW "Về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng", nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ động hội nhập quốc tế.

Ngày 15 tháng 5 năm 2016, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", tiếp tục làm cho tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội, xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Ngày 07 tháng 02 năm 2017, Văn phòng Trung ương Đảng có Văn bản số 3257-CV/VPTW thông báo Kết luận của Ban Bí thư: "Đề nghị Ban Cán sự đảng Chính phủ khẩn trương chỉ đạo Chính phủ nghiên cứu, đề xuất trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Thi đua, khen thưởng cho phù hợp tình hình mới" và chủ trương tặng thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" cho đối tượng là thanh niên xung phong tham gia kháng chiến, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020, Văn phòng Trung ương Đảng có Văn bản số 13843-CV/VPTW thông báo Kết luận của Ban Bí thư, trong đó có nội dung giao: "Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo tổng kết công tác khen thưởng thời kỳ kháng chiến (hoàn thành và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong năm 2021)".

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Thi đua, khen thưởng được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI (kỳ họp thứ 4) thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2004. Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi tắt là Luật) đã được sửa đổi, bổ sung năm 2005 và năm 2013 là văn bản có giá trị pháp lý quan trọng để triển khai thực hiện công tác thi đua, khen thưởng.

Sau 17 năm thực hiện, Luật đã và đang đi vào cuộc sống, được các cấp, các ngành tổ chức thực hiện có hiệu quả. Các phong trào thi đua yêu nước thời gian qua đã có đổi mới về nội dung, hình thức, thiết thực hơn. Các cấp ủy, tổ chức Đảng, lãnh đạo chính quyền các cấp đã có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đã tổ chức nhiều phong trào thi đua thu hút, tập hợp đông đảo đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia hưởng ứng. Công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến được quan tâm và có chuyển biến. Công tác khen thưởng đã mang lại tác dụng động viên, cổ vũ các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua. Công tác phát hiện và đề nghị khen thưởng cho các trường hợp có thành tích đột xuất, người trực tiếp lao động, sản xuất, công tác, chiến đấu; cá nhân, tập thể ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo đã được triển khai. Khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến được tập trung thực hiện. Việc áp dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa quản lý công tác thi đua, khen thưởng đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Luật còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện để phù hợp hơn với thực tiễn.

Thứ nhất, về công tác thi đua: Việc tổ chức triển khai phong trào thi đua ở một số nơi còn hình thức, chưa tạo được động lực thi đua từ cơ sở, từ quần chúng Nhân dân. Phong trào nhiều nhưng hiệu quả, tác dụng một số phong trào thi đua chưa cao; một số nơi phong trào thi đua chưa gắn kết với thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác sơ kết, tổng kết phong trào thi đua chưa kịp thời. Nội dung, tiêu chí xét tặng danh hiệu thi đua và công nhận danh hiệu thi đua chưa thống nhất; chưa quy định rõ trách nhiệm của Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đơn vị, cơ sở trong chỉ đạo, triển khai tổ chức phong trào thi đua theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị.

Thứ hai, về công tác khen thưởng: Luật có đối tượng điều chỉnh rộng, liên quan đến toàn bộ hệ thống chính trị nhưng điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng chưa bao quát hết các đối tượng. Năm 2013, khi sửa đổi, bổ sung Luật đã có quy định điều kiện, tiêu chuẩn để khen thưởng cho công nhân, nông dân, người lao động trực tiếp nhưng trong quá trình tổ chức thực hiện vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Một số quy định về tiêu chuẩn khen thưởng chưa cụ thể, khó áp dụng với một số đối tượng, lĩnh vực.

Công tác phát hiện và khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất chưa kịp thời. Luật hiện hành quy định các hình thức khen thưởng cấp nhà nước và các hình thức khác thuộc thẩm quyền của các cấp, các ngành. Tuy nhiên, trên thực tế việc quy định thẩm quyền khen thưởng, phân cấp, phân quyền trong khen thưởng chưa đầy đủ, chưa tạo sự chủ động cho các cấp, các ngành nên chưa bao quát được hết các khu vực, đối tượng; tỷ lệ khen thưởng cấp nhà nước chưa cân đối, tập trung chủ yếu vào khen niên hạn, khen công chức, viên chức, lực lượng vũ trang. Một số chủ trương, quy định của Đảng về công tác khen thưởng chưa được thể chế hóa kịp thời.

Thứ ba, về thủ tục, hồ sơ khen thưởng: Một số quy định về thủ tục, thành phần, số lượng hồ sơ chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách hành chính; quy định thủ tục, hồ sơ khen thưởng đối với một số loại hình khen thưởng chưa phù hợp.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng chưa được quy định cụ thể, đồng bộ để đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chuyển đổi số quốc gia.

Với các căn cứ nêu trên, việc xây dựng, trình Quốc hội dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi) là cần thiết, nhằm thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, các nội dung chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; khắc phục những tồn tại, hạn chế của Luật hiện hành và quá trình tổ chức thực hiện Luật, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Quan điểm, mục tiêu xây dựng dự án Luật

a) Thể chế đường lối, chủ trương của Đảng về công tác thi đua khen thưởng; Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Bộ Chính trị "Về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng", nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ động hội nhập quốc tế; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo phong trào thi đua, hướng thi đua về cơ sở; gắn kết các phong trào thi đua yêu nước với thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cấp, các ngành và địa phương, đơn vị; gắn với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", nâng cao chất lượng các phong trào thi đua, tạo sức lan tỏa trong toàn xã hội.

b) Việc sửa đổi, bổ sung Luật phải trên cơ sở kế thừa đầy đủ những ưu điểm của Luật hiện hành; nội dung sửa đổi, bổ sung bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp với thực tiễn nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; bảo đảm bao quát hết các lĩnh vực, đối tượng; đồng thời thực hiện phân cấp về thẩm quyền việc khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng cho các bộ, ban, ngành, địa phương, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cấp cơ sở nhằm giải quyết các hạn chế trong tổ chức phong trào thi đua; trong công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác thi đua, khen thưởng. Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng, bảo đảm khen thưởng chính xác, không trùng lặp, chồng chéo; chú trọng khen thưởng tập thể ở cơ sở, khen thưởng công nhân, nông dân, người lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh; doanh nhân, doanh nghiệp, trí thức, nhà khoa học; quan tâm khen thưởng vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo; khắc phục cơ bản những hạn chế, vướng mắc về thẩm quyền, đối tượng, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục khen thưởng.

c) Tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc và cả hệ thống chính trị, để công tác thi đua, khen thưởng đi vào thực chất, thực sự là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của từng bộ, ngành, địa phương và của đất nước trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

III. BỐ CỤC CỦA DỰ THẢO LUẬT

Sau khi sửa đổi, bổ sung dự thảo Luật có 8 chương và 98 điều, cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung (gồm 12 điều, từ Điều 1 đến Điều 12).

Chương II. Tổ chức thi đua, danh hiệu và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua (gồm 17 điều, từ Điều 13 đến Điều 29).

Chương III. Hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng (gồm 46 điều, từ Điều 30 đến Điều 75).

Chương IV. Thẩm quyền quyết định khen thưởng, trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thủ tục, hồ sơ xét đề nghị danh hiệu thi đua và khen thưởng (gồm 09 điều, từ Điều 76 đến Điều 84).

Chương V. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng (gồm 02 điều, Điều 85 và Điều 86).

Chương VI. Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng (gồm 06 điều, từ Điều 87 đến Điều 92).

Chương VII. Xử lý vi phạm (gồm 02 điều, gồm Điều 93 và Điều 94).

Chương VIII. Điều khoản thi hành (gồm 04 điều, từ Điều 95 đến Điều 98).

IV. NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung về thi đua*:* Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung 18 điều nhằm thể chế hoá chủ trương của Đảng tại Chỉ thị số 34-CT/TW "về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng". Trong đó đã quy định rõ trách nhiệm người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, đơn vị, cơ sở trong tổ chức triển khai phong trào thi đua, để việc phát động, triển khai các phong trào thi đua trong thời gian tới phải thực sự thiết thực, hướng về cơ sở, gắn kết với thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị, gắn với lợi ích của người trực tiếp tham gia thi đua, hạn chế tính hình thức trong thi đua. Sửa đổi bổ sung một số tiêu chí, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đã thực hiện ổn định thời gian qua để phù hợp hơn với thực tiễn. Bổ sung danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" cho tập thể khi tham gia các phong trào thi đua theo chuyên đề do Thủ tướng Chính phủ phát động từ 5 năm trở lên và danh hiệu "Cờ thi đua cấp bộ, cấp tỉnh" cho tập thể khi tham gia phong trào thi đua theo chuyên đề do bộ, ngành, địa phương phát động từ 3 năm trở lên để phát huy tác dụng khích lệ, động viên phong trào. Cùng với đó, xuất phát từ thực tiễn triển khai các phong trào thi đua thời gian qua, Ban soạn thảo đã nghiên cứu, thống nhất đề nghị bổ sung danh hiệu "Xã tiêu biểu", "Phường, Thị trấn tiêu biểu", là những danh hiệu tổng hợp kết quả phong trào thi đua ở cấp xã và đổi tên, điều chỉnh một số tiêu chuẩn danh

hiệu "Thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hoá", "Gia đình văn hoá" thành danh hiệu "Thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố tiêu biểu", "Gia đình tiêu biểu" để thống nhất hệ thống danh hiệu thi đua ở cơ sở và cho gia đình. Đây là những điểm mới của dự án Luật. Cụ thể như sau:

- Bổ sung trách nhiệm của "Người đứng đầu" cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động, chỉ đạo phong trào thi đua; tuyên truyền, phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến để thể chế hóa chủ trương của Đảng về nâng cao trách nhiệm của "Người đứng đầu" các cấp ủy, tổ chức đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức phong trào thi đua.

- Bổ sung danh hiệu "Xã tiêu biểu", "Phường, thị trấn tiêu biểu": Thực tế hiện nay, triển khai thực hiện phong trào "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới", cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư"; cấp xã được công nhận danh hiệu: "Xã đạt chuẩn nông thôn mới; phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn đô thị văn minh". Với tốc độ xây dựng nông thôn mới hiện nay, tương lai gần sẽ phủ kín các danh hiệu trên. Vì vậy, việc xét tặng danh hiệu "Xã tiêu biểu", "Phường, thị trấn tiêu biểu" sẽ tổng hợp được tiêu chuẩn của các danh hiệu hiện hành ở mức cao hơn, góp phần nâng cao chất lượng xét tặng các danh hiệu thi đua, thúc đẩy phong trào thi đua ở cơ sở.

- Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua các cấp" đối với cá nhân; danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ", "Cờ thi đua bộ, ban, ngành, tỉnh" đối với tập thể, đồng thời bổ sung tiêu chuẩn xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ đối với tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức; tập thể dẫn đầu phong trào thi đua chuyên đề ở cấp toàn quốc và cấp bộ, cấp tỉnh khi sơ kết, tổng kết.

2. Nội dung sửa đổi, bổ sung về khen thưởng*:* Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung 53 điều với nhiều nội dung mới để đảm bảo bao quát hết các đối tượng khen thưởng, phù hợp với vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền công tác khen thưởng trong hệ thống chính trị; cân đối khen thưởng khu vực cơ quan dân cử và khu vực ngoài nhà nước. Dự thảo Luật đã thiết kế lại, tạo sự thống nhất, xuyên suốt từ nguyên tắc, loại hình khen thưởng đến các quy định cụ thể tiêu chuẩn khen thưởng; đề cao tính kịp thời của hình thức khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được, đảm bảo nguyên tắc thành tích đến đâu khen thưởng đến đó, khắc phục tình trạng khen thưởng "cộng dồn thành tích" trước đây. Bổ sung nguyên tắc "quan tâm khen thưởng cho người trực tiếp lao động, sản xuất, công tác, chiến đấu và địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo"; mở rộng đối tượng khen thưởng người nước ngoài có nhiều đóng góp cho đất nước Việt Nam trong điều kiện chủ động hội nhập; quy định rõ hơn đối tượng khen thưởng "doanh nhân, trí thức, nhà khoa học", "doanh nghiệp" trong các loại hình khen thưởng để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong khen thưởng ở khu vực ngoài nhà nước, kinh tế tư nhân. Quy định trách nhiệm người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, đơn vị, cơ sở trong phát hiện nhân tố, điển hình tiêu biểu để khen thưởng kịp thời theo thẩm quyền và trình cấp trên khen thưởng. Bổ sung hình thức khen thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" để khen thưởng thanh niên xung phong tham gia kháng chiến, xây

dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những nội dung sửa đổi, bổ sung về khen thưởng với nhiều nội dung mới, chiếm tỷ trọng lớn trong nội dung sửa đổi, bổ sung Luật, cụ thể:

- Bổ sung mục tiêu khen thưởng; nguyên tắc khen thưởng; sắp xếp lại thứ tự các loại hình khen thưởng gồm: Khen thưởng theo công trạng; khen thưởng đột xuất; khen thưởng phong trào thi đua; khen thưởng quá trình cống hiến; khen thưởng niên hạn; khen thưởng đối ngoại.

- Sửa đổi, bổ sung về hình thức khen thưởng: Bổ sung hình thức khen thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang"ốc. Quy định rõ Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội được tặng Kỷ niệm chương; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được tặng Huy hiệu để phù hợp với thực tiễn và thống nhất hình thức khen thưởng.

- Quy định cụ thể đối tượng xét tặng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh là bộ, ban, ngành, tỉnh, quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương, "hệ lực lượng" thuộc Bộ Công an. Đối tượng xét tặng Huân chương Độc lập hạng các hạng là bộ, ban, ngành, tỉnh, các tập thể thuộc và trực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh để thực hiện nguyên tắc khen thưởng là "Bảo đảm thống nhất giữa thành tích, hình thức và đối tượng khen thưởng". Bổ sung quy định tiêu chuẩn tặng thưởng Huân chương Độc lập các hạng cho bộ, ban, ngành, tỉnh nhân dịp kỷ niệm năm tròn, Huân chương Quân công các hạng cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an nhân dịp kỷ niệm năm tròn để phù hợp quá trình triển khai thực hiện.

- Quy định cụ thể đối tượng khen thưởng Huân chương Lao động các hạng, "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh cho đối tượng là nông dân, công nhân, người trực tiếp lao động, sản xuất, công tác; doanh nhân, doanh nghiệp, trí thức, nhà khoa học để thực hiện chủ trương của Đảng về chú trọng khen thưởng công nhân, nông dân, người trực tiếp lao động, sản xuất, công tác.

- Sửa đổi, bổ sung về đối tượng khen thưởng là cá nhân người nước ngoài đối với Huân chương Hồ Chí Minh; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài đối với Huân chương Độc lập các hạng, Huân chương Lao động các hạng.

- Bổ sung tiêu chuẩn khen thưởng Huân chương Lao động các hạng và "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ"; Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh cho cá nhân, tập thể có đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế, xã hội; ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ; công tác xã hội, từ thiện nhân đạo.

- Bổ sung tiêu chuẩn tặng thưởng "Huân chương Lao động hạng Ba" cho cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu được bình xét trong phong trào thi đua do bộ, ban, ngành, tỉnh phát động từ 05 năm trở lên. Bổ sung tiêu chuẩn tặng thưởng "Huân chương Lao động hạng Ba" cho tập thể có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động; hoặc do bộ, ban, ngành, tỉnh phát động khi tổng kết 05 năm trở lên hoặc theo chuyên đề phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước.

- Bổ sung tiêu chuẩn phong tặng và truy tặng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân nhân dân", danh hiệu "Anh hùng Lao động" đối với cá nhân, tập thể có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất và bỏ quy định về thời gian 5 năm 1 lần xét tặng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân" và danh hiệu "Anh hùng Lao động", để đảm bảo nguyên tắc khen thưởng kịp thời động viên tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Một số nội dung sửa đổi, bổ sung khác: Quy định nguyên tắc xét tôn vinh và trao tặng giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp; Quy định mang tính nguyên tắc về Quỹ thi đua, khen thưởng: "Thủ trưởng cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó có trách nhiệm chi tiền thưởng từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý"; quy định thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng; bổ sung quy định thẩm quyền quyết định tước, phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước, do Luật Thi đua, khen thưởng hiện hành chưa quy định các nội dung này.

- Bổ sung quy định chuyển tiếp: Nhà nước tiếp tục xem xét và thực hiện việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến cho những cá nhân, tập thể, gia đình, địa phương và cơ sở có công lao, thành tích trong các cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc; Chính phủ hướng dẫn thể thức và thời hạn kết thúc việc khen thưởng tổng kết thành tích các cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc để khen thưởng cho cá nhân, tập thể, nhân dân có thành tích trong các cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc, biên giới Tây nam, Hải đảo và làm nghĩa vụ quốc tế.

3. Sửa đổi, bổ sung các quy định về thẩm quyền: Dự thảo Luật đã bổ sung quy định thẩm quyền công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và phân cấp cho bộ, ban, ngành, tỉnh quy định cụ thể tiêu chuẩn một số danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền. Trên thực tế, từ khi thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng đến nay, xuất phát từ vị trí, chức năng và tổ chức của Quốc hội, chưa có hình thức khen thưởng của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội để khen thưởng cho đại biểu Quốc hội và các cá nhân có thành tích xuất sắc, đóng góp thiết thực cho hoạt động của Quốc hội, vì vậy dự thảo Luật đã bổ sung thẩm quyền của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội có hình thức khen thưởng "Kỷ niệm chương" và bổ sung quy định về việc Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định công tác thi đua, khen thưởng đối với đại biểu Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khác thuộc các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội để phù hợp với đặc thù hoạt động của Quốc hội. Dự thảo Luật cũng bổ sung quy định về thẩm quyền công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và phân cấp cho người đứng đầu Bộ, ban, ngành, tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phù hợp. Cụ thể như sau:

- Bổ sung quy định cụ thể thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng các bộ, ban, ngành tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến","Tập thể lao động tiên tiến","Chiến sĩ thi đua cơ sở" hoặc ủy quyền công nhận danh hiệu "Lao động tiên

tiến”,“Tập thể lao động tiên tiến”,“Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho cá nhân, tập thể thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành không có tư cách pháp nhân.

- Bổ sung quy định Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định thẩm quyền công nhận danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” ,“Chiến sĩ tiên tiến”, “Lao động tiên tiến” trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân.

- Bổ sung quy định: “Tổng Thư ký Quốc hội đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương, Huy chương cho đại biểu Quốc hội và các tập thể, cá nhân có đóng góp trong công tác Quốc hội, để phù hợp với thực tiễn hoạt động của Quốc hội.

- Bổ sung quy định: Người đứng đầu có trách nhiệm phát hiện cá nhân, tập thể có thành tích để khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng. Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm phát hiện cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

- Một số nội dung phân cấp cho bộ, ban, ngành, tỉnh theo hướng: Luật sẽ quy định tiêu chuẩn chung đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; đồng thời giao bộ, ban, ngành, tỉnh trên cơ sở quy định chung của Luật, căn cứ đặc điểm, tình hình của từng đối tượng, lĩnh vực, ngành nghề để quy định cụ thể một số nội dung được giao trong Luật, phù hợp với từng vùng miền, ngành nghề lĩnh vực.

4. Sửa đổi, bổ sung liên quan đến cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý công tác thi đua, khen thưởng

- Về cải cách thủ tục hành chính: Giảm số lượng hồ sơ đề nghị khen thưởng Nhà nước chỉ còn 01 bộ (bản chính) được gửi về cơ quan chuyên trách về thi đua, khen thưởng ở Trung ương để thẩm định và lưu trữ.

- Bổ sung quy định về hồ sơ, thủ tục khen thưởng theo thủ tục đơn giản do người đứng đầu cơ quan, đơn vị phát hiện thông qua các phong trào thi đua; khen thưởng đột xuất, khen thưởng cống hiến, khen thưởng niên hạn, khen thưởng đối ngoại, khen thưởng thành tích có nội dung bí mật nhà nước.

- Bổ sung quy định “ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng và trong hệ thống thi đua, khen thưởng” là một nội dung quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Trên đây là Tờ trình tóm tắt dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi), Chính phủ kính trình Quốc hội./.

QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /2022/QH15	

LUẬT
THI ĐUA, KHEN THƯỞNG (SỬA ĐỔI)

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi).

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về đối tượng, nguyên tắc, hình thức, tiêu chuẩn, thẩm quyền và trình tự, thủ tục thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cá nhân, tập thể, gia đình người Việt Nam; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và viết tắt

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thi đua là hoạt động có tổ chức với sự tham gia tự nguyện của cá nhân, tập thể nhằm phấn đấu đạt được thành tích tốt nhất trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Danh hiệu thi đua là hình thức ghi nhận, biểu dương, tôn vinh cá nhân, tập thể có thành tích trong phong trào thi đua.

3. Khen thưởng là việc ghi nhận, biểu dương, tôn vinh công trạng và khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với cá nhân, tập thể có thành tích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Văn phòng Trung ương Đảng, các Ban của Đảng và tương đương ở Trung ương; Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Kiểm toán Nhà nước; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, sau đây gọi chung là Bộ, ban, ngành, tỉnh.

Điều 4. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng là khen thưởng cho cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng ngay cho cá nhân, tập thể sau khi lập được thành tích xuất sắc đột xuất.

3. Khen thưởng phong trào thi đua là khen thưởng cho cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động trong thời gian cụ thể hoặc chuyên đề phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia hoạt động trong các giai đoạn cách mạng hoặc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, có công lao, thành tích đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân có thành tích, có thời gian tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân theo quy định.

6. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Điều 5. Mục tiêu thi đua, khen thưởng

1. Mục tiêu của thi đua nhằm tạo động lực động viên, thu hút, khuyến khích mọi cá nhân, tập thể phát huy truyền thống yêu nước, năng động, đoàn kết, đổi mới, sáng tạo vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2. Mục tiêu của khen thưởng là nhằm khuyến khích, cổ vũ, động viên cá nhân, tập thể hăng hái thi đua, lao động, công tác, sản xuất, kinh doanh, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Điều 6. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua gồm:

a) Tự nguyện, tự giác, công khai;

b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Nguyên tắc khen thưởng gồm:

a) Chính xác, công khai, minh bạch, công bằng, kịp thời;

b) Bảo đảm thống nhất giữa hình thức, đối tượng khen thưởng và công trạng, thành tích đạt được;

c) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được;

d) Thành tích đến đâu khen thưởng đến đó;

đ) Quan tâm khen thưởng người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác và khen thưởng tại địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Danh hiệu thi đua

Danh hiệu thi đua gồm:

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể.

3. Danh hiệu thi đua đối với gia đình.

Điều 8. Hình thức khen thưởng

Hình thức khen thưởng gồm:

1. Huân chương.

2. Huy chương.

3. Danh hiệu vinh dự nhà nước.

4. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”.

5. Kỷ niệm chương, Huy hiệu.

6. Bằng khen.

7. Giấy khen.

Điều 9. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua.

1. Phong trào thi đua.

2. Đăng ký tham gia thi đua.

3. Thành tích thi đua.

4. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

Điều 10. Căn cứ xét khen thưởng

1. Tiêu chuẩn khen thưởng.

2. Phạm vi, mức độ ảnh hưởng của thành tích.

3. Điều kiện và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tuyên truyền, động viên các thành viên của mình và tham gia với các cơ quan chức năng tuyên truyền, động viên nhân dân thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng;

b) Tổ chức hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước tổ chức các cuộc vận động, các phong trào thi đua;

c) Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng.

3. Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; tích cực tham gia phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; phổ biến, nêu gương, nhân rộng các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt, góp phần cổ vũ, khích lệ phong trào thi đua. Công tác tuyên truyền phản ánh đúng kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

4. Cơ quan, tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm:

a) Tham mưu, đề xuất thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng;

b) Tham mưu phát động thi đua; xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung thi đua;

c) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng;

d) Tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 12. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Tổ chức thi đua, khen thưởng trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước; lợi dụng thi đua, khen thưởng để vụ lợi.

2. Cản trở hoặc ép buộc tham gia các phong trào thi đua.

3. Kê khai gian dối, làm giả hồ sơ, xác nhận, đề nghị sai trong thi đua, khen thưởng.

4. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị, quyết định khen thưởng trái pháp luật.

5. Lãng phí tài sản của Nhà nước, của tập thể trong thi đua, khen thưởng.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 13. Hình thức, phạm vi tổ chức thi đua

1. Hình thức tổ chức thi đua gồm:

a) Thi đua thường xuyên;

b) Thi đua theo đợt, chuyên đề.

2. Phạm vi thi đua gồm:

a) Toàn quốc;

b) Bộ, ban, ngành, tỉnh;

c) Cụm, Khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương, bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức;

d) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương, cơ sở.

Điều 14. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung và tiêu chí, thời gian, kế hoạch, biện pháp tổ chức phong trào thi đua.

2. Phát động, triển khai, thực hiện phong trào thi đua.

3. Kiểm tra, giám sát phong trào thi đua.

4. Tuyên truyền, phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến.

5. Sơ kết, tổng kết và khen thưởng.

Điều 15. Thẩm quyền phát động, chỉ đạo phong trào thi đua

1. Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi cả nước.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Người đứng đầu ban, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong ngành và lĩnh vực do mình phụ trách.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi địa phương.

4. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 16. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân

1. “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

2. Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh.

3. “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

4. “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

Điều 17. Danh hiệu thi đua đối với tập thể và gia đình

1. Danh hiệu thi đua đối với tập thể gồm:

a) “Cờ thi đua của Chính phủ”;

b) Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh;

c) “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”;

d) “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”;

đ) “Xã tiêu biểu”, “Phường, Thị trấn tiêu biểu”;

e) “Thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố tiêu biểu”.

2. Danh hiệu thi đua đối với gia đình là “Gia đình tiêu biểu”.

Điều 18. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục được tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh.

2. Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học công trình khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng toàn quốc của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học do người đứng đầu bộ, ban, ngành, tỉnh xem xét, công nhận. Việc công nhận sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu và phạm vi ảnh hưởng toàn quốc do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, công nhận.

Điều 19. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh”

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

2. Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hiệu quả có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quân hoặc toàn lực lượng công an nhân dân.

Việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học do người đứng đầu bộ, ban, ngành, tỉnh xem xét, công nhận. Việc công nhận sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu và phạm vi ảnh hưởng trong toàn quân hoặc toàn lực lượng công an nhân dân do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, công nhận.

Điều 20. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”.

2. Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được đơn vị công nhận.

Điều 21. Danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến"

1. Danh hiệu "Lao động tiên tiến" được xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

b) Có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua.

2. Danh hiệu "Chiến sĩ tiên tiến" được xét tặng cho sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Danh hiệu "Lao động tiên tiến" xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

b) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

4. Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định cụ thể tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến" cho cá nhân trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 22. "Cờ thi đua của Chính phủ"

1. "Cờ thi đua của Chính phủ" được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc, có mô hình mới; hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm, là tập thể tiêu biểu trong số các tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua của bộ, ban, ngành, tỉnh.

b) Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. "Cờ thi đua của Chính phủ" được xét tặng cho tập thể dẫn đầu Cụm, Khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức.

3. "Cờ thi đua của Chính phủ" được xét tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động khi sơ kết, tổng kết 05 năm trở lên.

Điều 23. Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh

1. Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh được xét tặng hàng năm cho tập thể là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của các cụm, khối thi đua do bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh được xét tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề có thời gian 03 năm trở lên do bộ, ban, ngành, tỉnh phát động khi tổng kết phong trào thi đua theo chuyên đề.

3. Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định cụ thể đối tượng, tiêu chí xét tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh.

Điều 24. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng"

1. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

b) Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";

d) Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở";

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều này có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ tiên tiến" thì được xét tặng danh hiệu "Đơn vị quyết thắng".

3. Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng".

Điều 25. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến"

1. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

b) Tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Danh hiệu "Đơn vị tiên tiến" được tặng cho tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này và phải có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Chiến sĩ tiên tiến".

3. Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến".

Điều 26. Danh hiệu "Xã tiêu biểu", "Phường, Thị trấn tiêu biểu"

1. Danh hiệu "Xã tiêu biểu" để tặng cho xã đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt chuẩn nông thôn mới;

b) Dẫn đầu thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giao;

c) Có giải pháp nâng cao chất lượng và tỷ lệ gia đình tiêu biểu, thôn, làng, ấp, bản tiêu biểu.

2. Danh hiệu "Phường, Thị trấn tiêu biểu" để tặng cho phường, thị trấn đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Dẫn đầu thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giao;

b) Thực hiện tốt việc quản lý, xây dựng đô thị theo quy hoạch;

c) Có giải pháp nâng cao chất lượng và tỷ lệ gia đình tiêu biểu, tổ dân phố và tương đương tiêu biểu.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc xét tặng danh hiệu "Xã tiêu biểu", "Phường, Thị trấn tiêu biểu".

Điều 27. Danh hiệu "thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố tiêu biểu"

1. Danh hiệu "thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố tiêu biểu" được xét tặng cho thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương tiêu biểu, dẫn đầu trong các thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương thuộc xã, phường, thị trấn đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Dẫn đầu trong việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Dẫn đầu trong phát triển kinh tế, xã hội;

c) Dẫn đầu trong xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú ở khu dân cư;

d) Dẫn đầu về giữ vững trật tự, an toàn - xã hội.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc xét tặng danh hiệu "Thôn tiêu biểu", "Làng tiêu biểu", "Bản tiêu biểu", "Ấp tiêu biểu", "Tổ dân phố tiêu biểu" và tương đương.

Điều 28. Danh hiệu "Gia đình tiêu biểu"

1. Danh hiệu "Gia đình tiêu biểu" được xét tặng cho gia đình văn hoá tiêu biểu nhất trong các thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương;

b) Gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ; thường xuyên tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng;

c) Tổ chức lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác đạt chất lượng và hiệu quả cao.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc xét tặng danh hiệu "Gia đình tiêu biểu".

Điều 29. Các danh hiệu thi đua khác

1. Danh hiệu, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội do cơ quan trung ương của các tổ chức này quy định.

2. Cờ thi đua cấp quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng do Bộ Quốc phòng quy định.

3. Danh hiệu, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với cá nhân, tập thể, những người đang học tập tại nhà trường, cơ sở giáo dục khác theo quy định của pháp luật về giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc bộ, ban, ngành, tổ chức quản lý nhà trường, cơ sở giáo dục quy định.

4. Việc quy định các danh hiệu, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua tại các khoản 1, 2 và khoản 3 của Điều này được ban hành sau khi thống nhất với cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở trung ương.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Mục 1

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG HUÂN CHƯƠNG

Điều 30. Huân chương

1. Huân chương để tặng cho tập thể có nhiều thành tích; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có công trạng, lập được thành tích hoặc có quá trình cống hiến trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể.

2. Huân chương gồm:

a) "Huân chương Sao vàng";

b) "Huân chương Hồ Chí Minh";

c) "Huân chương Độc lập" hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;

d) "Huân chương Quân công" hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;

đ) "Huân chương Lao động" hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;

e) “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;

g) “Huân chương Chiến công” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;

h) “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”;

i) “Huân chương Dũng cảm”;

k) “Huân chương Hữu nghị”.

3. Hình thức các loại, hạng huân chương được phân biệt bằng màu sắc, số sao, số vạch trên dải và cuống huân chương.

Điều 31. “Huân chương Sao vàng”

1. “Huân chương Sao vàng” là Huân chương cao quý nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. “Huân chương Sao vàng” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc;

b) Có công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc đối với đất nước ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, đối ngoại hoặc lĩnh vực khác.

3. “Huân chương Sao vàng” để tặng cho bộ, ban, ngành, tỉnh đã được tặng thưởng “Huân chương Hồ Chí Minh”, 25 năm tiếp theo trở lên lập được nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng rộng và có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập; có bề dày truyền thống, có công lao đóng góp to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

4. “Huân chương Sao vàng” để tặng cho quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương, hệ lực lượng trong Công an nhân dân, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Hồ Chí Minh”, 25 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích đặc biệt xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng rộng và có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập;

b) Có bề dày truyền thống, có công lao đóng góp to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc; nội bộ đoàn kết; tổ chức Đảng liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 10 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

5. Tập thể đã được tặng thưởng “Huân chương Hồ Chí Minh” lần thứ hai thì thời gian và tiêu chuẩn để đề nghị tặng thưởng “Huân chương Sao vàng” được tính từ khi được tặng thưởng “Huân chương Hồ Chí Minh” lần thứ hai.

6. “Huân chương Sao vàng” để tặng cho Nguyên thủ quốc gia nước ngoài có công lao to lớn đối với đất nước Việt Nam.

7. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng “Huân chương Sao vàng” đối với cá nhân có quá trình cống hiến.

Điều 32. “Huân chương Hồ Chí Minh”

1. “Huân chương Hồ Chí Minh” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc;

b) Có nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, sản xuất, kinh doanh, quốc phòng, an ninh, ngoại giao hoặc các lĩnh vực khác.

2. “Huân chương Hồ Chí Minh” để tặng cho bộ, ban, ngành, tỉnh đã được tặng thưởng “Huân chương Độc lập” hạng Nhất hoặc “Huân chương Quân công” hạng Nhất và 10 năm tiếp theo trở lên lập được nhiều thành tích xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng rộng và có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập; có bề dày truyền thống, có công lao đóng góp to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

3. “Huân chương Hồ Chí Minh” để tặng cho quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương, hệ lực lượng trong Công an nhân dân, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Độc lập” hạng Nhất hoặc “Huân chương Quân công” hạng Nhất và 10 năm tiếp theo trở lên lập được nhiều thành tích xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng rộng và có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập;

b) Có bề dày truyền thống, có công lao đóng góp to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc; nội bộ đoàn kết; tổ chức Đảng liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 05 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

4. Tập thể đã được tặng thưởng “Huân chương Hồ Chí Minh” và 15 năm tiếp theo trở lên lập được nhiều thành tích xuất sắc; nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 10 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được xét tặng “Huân chương Hồ Chí Minh” lần tiếp theo. Trong thời gian đó, nếu được tặng “Huân chương Độc lập” hoặc “Huân chương Quân công” thì thời gian đề nghị tặng “Huân chương Hồ Chí Minh” lần tiếp theo là 10 năm tiếp theo trở lên tính từ ngày được tặng Huân chương Độc lập hoặc “Huân chương Quân công”, trong đó tổ chức đảng có 10 năm trở lên liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 05 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

5. “Huân chương Hồ Chí Minh” để tặng cho cá nhân người nước ngoài có công lao to lớn đối với đất nước Việt Nam.

6. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng “Huân chương Hồ Chí Minh” đối với cá nhân có quá trình cống hiến.

Điều 33. “Huân chương Độc lập” hạng Nhất

1. “Huân chương Độc lập” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân lập được thành tích đặc biệt xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu

gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

2. "Huân chương Độc lập" hạng Nhất để tặng cho bộ, ban, ngành, tỉnh nhân dịp bộ, ban, ngành, tỉnh kỷ niệm ngày thành lập năm tròn, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng "Huân chương Độc lập" hạng Nhì;

b) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc, có bề dày truyền thống, có công lao đóng góp to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

3. "Huân chương Độc lập" hạng Nhất để tặng cho tập thể thuộc và trực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng "Huân chương Độc lập" hạng Nhì và 10 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", trong thời gian đó có 03 lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" và 01 lần được tặng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ"; hoặc có 03 lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" và 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức Đảng liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 05 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

4. Huân chương Độc lập" hạng Nhất để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đặc biệt xuất sắc đối với Nhà nước Việt Nam được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận, đề nghị.

5. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng "Huân chương Độc lập" hạng Nhất đối với cá nhân có quá trình cống hiến.

Điều 34. "Huân chương Độc lập" hạng Nhì

1. "Huân chương Độc lập" hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân lập được nhiều thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

2. "Huân chương Độc lập" hạng Nhì để tặng cho bộ, ban, ngành, tỉnh nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập năm tròn, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba;

b) Lập được nhiều thành tích xuất sắc, có bề dày truyền thống, có công lao đóng góp to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

3. "Huân chương Độc lập" hạng Nhì để tặng cho tập thể thuộc và trực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng "Huân chương Độc lập" hạng Ba và 10 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", trong thời gian đó có 02 lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" và 01 lần được tặng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" và 01 lần được tặng Bằng khen cấp bộ,

ban, ngành, tỉnh; hoặc có 02 lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" và 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh và 01 lần được tặng Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 05 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

4. "Huân chương Độc lập" hạng Nhì để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài có nhiều thành tích xuất sắc đối với Nhà nước Việt Nam được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận, đề nghị.

5. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng "Huân chương Độc lập" hạng Nhì đối với cá nhân có quá trình cống hiến.

Điều 35. "Huân chương Độc lập" hạng Ba

1. "Huân chương Độc lập" hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

2. "Huân chương Độc lập" hạng Ba để tặng cho bộ, ban, ngành, tỉnh lập được thành tích xuất sắc, có bề dày truyền thống, có công lao đóng góp to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc, nhân dịp bộ, ban, ngành, tỉnh kỷ niệm ngày thành lập năm tròn.

3. "Huân chương Độc lập" hạng Ba để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng "Huân chương Lao động" hạng Nhất, 10 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", trong thời gian đó có 02 lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" và 01 lần được tặng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ"; hoặc có 02 lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" và 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức Đảng liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 05 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

c) Có quá trình xây dựng và phát triển từ 30 năm trở lên.

4. "Huân chương Độc lập" hạng Ba để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích xuất sắc đối với Nhà nước Việt Nam được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận, đề nghị.

5. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng "Huân chương Độc lập" hạng Ba đối với cá nhân có quá trình cống hiến.

Điều 36. "Huân chương Quân công" hạng Nhất

1. "Huân chương Quân công" hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân lập được chiến công đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, huấn luyện, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng

toàn dân, nền an ninh nhân dân hoặc hy sinh anh dũng, được Nhà nước ghi nhận và nêu gương trong toàn quốc.

2. "Huân chương Quân công" hạng Nhất để tặng cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập năm tròn, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng "Huân chương Quân công" hạng Nhì;

b) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc, có bề dày truyền thống, có công lao đóng góp to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

3. "Huân chương Quân công" hạng Nhất để tặng cho tập thể trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng "Huân chương Quân công" hạng Nhì và 10 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" hoặc "Đơn vị quyết thắng", trong thời gian đó có 03 lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" và 01 lần được tặng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ"; hoặc có 03 lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" và 02 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an.

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức Đảng liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 05 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

4. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng "Huân chương Quân công" hạng Nhất đối với cá nhân có quá trình cống hiến trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Điều 37. "Huân chương Quân công" hạng Nhì

1. "Huân chương Quân công" hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân lập được nhiều chiến công xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, huấn luyện, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân hoặc hy sinh anh dũng, được Nhà nước ghi nhận và nêu gương trong toàn quân, toàn lực lượng Công an nhân dân.

2. "Huân chương Quân công" hạng Nhì để tặng cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập năm tròn, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng "Huân chương Quân công hạng Ba.

b) Lập được nhiều thành tích xuất sắc, có bề dày truyền thống, có công lao đóng góp to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

3. "Huân chương Quân công" hạng Nhì để tặng cho tập thể trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng "Huân chương Quân công" hạng Ba và 10 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" hoặc "Đơn vị quyết thắng", trong thời gian đó có 02 lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" và 01 lần được tặng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" và 01 lần được tặng Bằng khen của Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng; hoặc có 02 lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" và 02 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ Quốc

phòng hoặc Bộ Công an và 01 lần được tặng Bằng khen của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức đảng liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 05 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

4. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng "Huân chương Quân công" hạng Nhì đối với cá nhân có quá trình cống hiến trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Điều 38. "Huân chương Quân công" hạng Ba

1. "Huân chương Quân công" hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân lập được chiến công xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, huấn luyện, xây dựng lực lượng, củng cố nề quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân hoặc hy sinh anh dũng, được Nhà nước ghi nhận và nêu gương trong toàn quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng hoặc hệ lực lượng thuộc Bộ Công an.

2. "Huân chương Quân công" hạng Ba để tặng cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an lập được thành tích xuất sắc, có bề dày truyền thống, có công lao đóng góp to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc, nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập năm tròn.

3. "Huân chương Quân công" hạng Ba để tặng cho tập thể trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng "Huân chương Bảo vệ Tổ quốc" hạng Nhất và 10 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" hoặc "Đơn vị quyết thắng", trong thời gian đó có 02 lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" và 01 lần được tặng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ"; hoặc có 02 lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" và 02 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 05 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

c) Có quá trình xây dựng và phát triển từ 30 năm trở lên.

4. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng "Huân chương Quân công hạng Ba" đối với cá nhân có quá trình cống hiến trong lực lượng vũ trang nhân dân**.**

Điều 39. "Huân chương Lao động" hạng Nhất

1. "Huân chương Lao động" hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc trong lao động, học tập, công tác có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc hoặc được giải thưởng cao của thế giới;

b) Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc hoặc công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp Nhà nước;

c) Có nhiều đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội; ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật; công tác xã hội, từ thiện nhân đạo;

d) Đã được tặng thưởng "Huân chương Lao động" hạng Nhì và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong thời gian đó có 03 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có 02 lần được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh";

đ) Có quá trình cống hiến lâu dài trong các cơ quan, tổ chức, đoàn thể.

2. "Huân chương Lao động" hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b và điểm c khoản 1 Điều này;

b) Công nhân có 03 sáng kiến mang lại giá trị cao được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có 03 sáng kiến được áp dụng có hiệu quả trong phạm vi bộ, ban, ngành, tỉnh mang lại lợi ích giá trị cao hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 05 năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân thoát nghèo và tạo việc làm cho nhiều lao động được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận.

3. "Huân chương Lao động" hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b và điểm c khoản 1 Điều này;

b) Có nhiều đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận, đề nghị.

4. "Huân chương Lao động" hạng Nhất để tặng cho tập thể có nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc;

b) Có thành tích đặc biệt xuất sắc tiêu biểu, được bình xét trong phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động trong phạm vi cả nước;

c) Đã được tặng thưởng "Huân chương Lao động" hạng Nhì và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" hoặc "Đơn vị quyết thắng", trong thời gian đó có 02 lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ"; hoặc có 01 lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" và 02 lần

được tặng Cờ thi đua của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh; hoặc có 04 lần được tặng "Cờ thi đua của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh";

d) Có nhiều đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội; ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật; công tác xã hội, từ thiện nhân đạo.

5. "Huân chương Lao động" hạng Nhất để tặng doanh nghiệp chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, c và điểm d khoản 4 Điều này;

b) Có nhiều đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận, đề nghị.

6. "Huân chương Lao động" hạng Nhất để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đặc biệt xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận, đề nghị.

7. Chính phủ quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng "Huân chương Lao động" hạng Nhất đối với cá nhân có quá trình cống hiến.

Điều 40. "Huân chương Lao động" hạng Nhì

1."Huân chương Lao động" hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội; ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật; công tác xã hội, từ thiện nhân đạo

b) Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp bộ, ban, ngành, tỉnh;

c) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong lao động, học tập, công tác có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc được giải thưởng cao nhất ở khu vực;

d) Đã được tặng thưởng "Huân chương Lao động" hạng Ba và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có 01 lần được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh;

đ) Có quá trình cống hiến lâu dài trong các cơ quan, tổ chức, đoàn thể.

2. "Huân chương Lao động" hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b và điểm c khoản 1 Điều này;

b) Công nhân có 02 sáng kiến mang lại giá trị cao được cấp bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có 02 sáng kiến được áp dụng có hiệu quả trên phạm vi bộ, ban, ngành, tỉnh mang lại lợi ích giá trị cao hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 04 năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân thoát nghèo và tạo việc làm cho người lao động, được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận.

3. "Huân chương Lao động" hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b và điểm c khoản 1 Điều này;

b) Có đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận, đề nghị.

4. "Huân chương Lao động" hạng Nhì để tặng cho tập thể có nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Có đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội; ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật; công tác xã hội, từ thiện nhân đạo;

c) Có nhiều thành tích xuất sắc tiêu biểu, được bình xét trong phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động trong phạm vi cả nước;

d) Đã được tặng thưởng "Huân chương Lao động" hạng Ba và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" hoặc "Đơn vị quyết thắng", trong thời gian đó có 01 lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" và 01 lần được tặng Cờ thi đua của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh; hoặc có 03 lần được tặng Cờ thi đua của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh.

5. "Huân chương Lao động" hạng Nhì để tặng doanh nghiệp chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, c và điểm d khoản 4 Điều này;

b) Có đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận, đề nghị.

6. "Huân chương Lao động" hạng Nhì để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận, đề nghị.

7. Chính phủ quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng "Huân chương Lao động" hạng Nhì đối với cá nhân có quá trình cống hiến.

Điều 41. "Huân chương Lao động" hạng Ba

1. "Huân chương Lao động" hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc, tiêu biểu được bình xét trong phong trào thi đua do bộ, ban, ngành, tỉnh phát động từ 05 năm trở lên;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong lao động, học tập, công tác có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong lĩnh vực bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc được giải thưởng cao ở khu vực;

c) Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong lĩnh vực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu trong lĩnh vực bộ, ban, ngành, tỉnh;

d) Có nhiều đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội; ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật; công tác xã hội, từ thiện nhân đạo.

đ) Đã được tặng thưởng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", sau đó có 05 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó 01 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có 03 lần được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở";

e) Có quá trình cống hiến lâu dài trong các cơ quan, tổ chức, đoàn thể.

2. "Huân chương Lao động" hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, c và điểm d khoản 1 Điều này;

b) Công nhân có sáng kiến mang lại hiệu quả cao trong lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh và được cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc bộ, ngành, tỉnh công nhận, có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có sáng kiến được áp dụng có hiệu quả trong phạm vi bộ, ngành, tỉnh hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 03 năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân thoát nghèo và tạo việc làm cho người lao động, được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận.

3. "Huân chương Lao động" hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, c và điểm d khoản 1 Điều này;

b) Có nhiều đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận, đề nghị.

4. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng cho tập thể có nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Có nhiều đóng góp trong phát triển kinh tế - xã hội; ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật; công tác xã hội, từ thiện nhân đạo;

c) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động; hoặc bộ, ban, ngành, tỉnh phát động khi tổng kết 05 năm trở lên hoặc chuyên đề phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước;

d) Có quá trình xây dựng, phát triển từ 10 năm trở lên, trong thời gian đó đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, sau đó có 05 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc “Đơn vị quyết thắng”, trong đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”; hoặc 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh; hoặc có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh và 01 Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh. Đối với tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, trong thời gian đó có 03 lần được tặng Bằng khen của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh.

5. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng doanh nghiệp chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, c và điểm d khoản 4 Điều này;

b) Có nhiều đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận, đề nghị.

6. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận, đề nghị.

7. Chính phủ quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Ba đối với cá nhân có quá trình cống hiến.

Điều 42. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhất

1. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc hoặc có phát minh, sáng chế, công trình khoa học, tác phẩm đặc biệt xuất sắc cấp nhà nước về quốc phòng, an ninh được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận;

b) Đã được tặng “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhì và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong thời gian đó

có 03 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có 02 lần được Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ;

c) Có quá trình cống hiến lâu dài trong lực lượng vũ trang nhân dân.

2. "Huân chương Bảo vệ Tổ quốc" hạng Nhất để tặng cho tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc được Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an công nhận;

b) Đã được tặng thưởng "Huân chương Bảo vệ Tổ quốc" hạng Nhì và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" hoặc "Đơn vị quyết thắng", trong thời gian đó có 01 lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" và 02 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an; hoặc có 04 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an; nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng có 05 năm trở lên được công nhận hoàn tốt nhiệm vụ trong đó có 03 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Chính phủ quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng "Huân chương Bảo vệ Tổ quốc" hạng Nhất đối với cá nhân có quá trình cống hiến trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Điều 43. "Huân chương Bảo vệ Tổ quốc" hạng Nhì

1. "Huân chương Bảo vệ Tổ quốc" hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc cấp nhà nước về quốc phòng, an ninh được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận;

b) Đã được tặng "Huân chương Bảo vệ Tổ quốc" hạng Ba và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có 01 lần được Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ;

c) Có quá trình cống hiến lâu dài trong lực lượng vũ trang nhân dân.

2. "Huân chương Bảo vệ Tổ quốc" hạng Nhì để tặng cho tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quân hoặc toàn lực lượng Công an nhân dân, được Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an công nhận;

b) Đã được tặng thưởng "Huân chương Bảo vệ Tổ quốc" hạng Ba và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất

sắc" hoặc "Đơn vị quyết thắng", trong thời gian đó có 01 lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" và 01 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an; hoặc có 03 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an; nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng có 05 năm trở lên được công nhận hoàn tốt nhiệm vụ trong đó có 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng "Huân chương Bảo vệ Tổ quốc" hạng Nhì đối với cá nhân có quá trình cống hiến trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Điều 44. "Huân chương Bảo vệ Tổ quốc" hạng Ba

1. "Huân chương Bảo vệ Tổ quốc" hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc cấp bộ, ngành, tỉnh về quốc phòng, an ninh, được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận;

b) Đã được tặng thưởng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", sau đó có 05 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có 01 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có 03 lần được Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở;

c) Có quá trình cống hiến lâu dài trong lực lượng vũ trang nhân dân.

2. "Huân chương Bảo vệ Tổ quốc" hạng Ba để tặng cho tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng hoặc lĩnh vực thuộc Bộ Công an được Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an công nhận;

b) Có quá trình xây dựng, phát triển từ 10 năm trở lên, trong thời gian đó đã được tặng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", sau đó có 05 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" hoặc "Đơn vị quyết thắng", trong thời gian đó có 01 lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ"; hoặc 02 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an; hoặc có 01 lần được tặng Cờ thi đua và 01 lần được Bằng khen của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an; nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng có 05 năm trở lên được công nhận hoàn tốt nhiệm vụ, trong đó có 01 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đối với tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua, trong thời gian đó có 03 lần được tặng Bằng khen của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an; nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng có 05 năm trở lên được công nhận hoàn tốt nhiệm vụ trong đó có 01 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng "Huân chương Bảo vệ Tổ quốc" hạng Ba đối với cá nhân có quá trình cống hiến trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Điều 45. "Huân chương Chiến công" hạng Nhất

1. "Huân chương Chiến công" hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được chiến công đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, thành tích đạt được có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận;

b) Mưu trí, sáng tạo, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc không sợ hy sinh tính mạng, kiên quyết đấu tranh với tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; thành tích đạt được có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

2. "Huân chương Chiến công" hạng Nhất để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, thành tích đạt được có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận;

b) Trung thành với Tổ quốc và nhân dân; chủ động, sáng tạo, mưu trí, dũng cảm, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; thành tích đạt được có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

Điều 46. "Huân chương Chiến công" hạng Nhì

1. "Huân chương Chiến công" hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được chiến công xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân, toàn lực lượng Công an nhân dân hoặc trong bộ, ban, ngành, tỉnh được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận;

b) Chủ động, mưu trí, dũng cảm, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân, toàn lực lượng Công an nhân dân hoặc trong bộ, ban, ngành, tỉnh, được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

2. "Huân chương Chiến công" hạng Nhì để tặng cho tập thể, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong

toàn quân, toàn lực lượng Công an nhân dân hoặc trong bộ, ban, ngành, tỉnh được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận;

b) Trung thành với Tổ quốc và nhân dân; chủ động, sáng tạo, mưu trí, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân, toàn lực lượng Công an nhân dân hoặc trong bộ, ban, ngành, tỉnh được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

Điều 47. "Huân chương Chiến công" hạng Ba

1. "Huân chương Chiến công" hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được chiến công xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng hoặc lĩnh vực thuộc Bộ Công an hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận;

b) Mưu trí, dũng cảm, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng hoặc lĩnh vực thuộc Bộ Công an hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

2. "Huân chương Chiến công" hạng Ba để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng hoặc lĩnh vực thuộc Bộ Công an hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận;

b) Trung thành với Tổ quốc và nhân dân; chủ động, sáng tạo, mưu trí, dũng cảm, đạt hiệu quả trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng hoặc lĩnh vực thuộc Bộ Công an hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

Điều 48. "Huân chương Đại đoàn kết dân tộc"

"Huân chương Đại đoàn kết dân tộc" để tặng hoặc truy tặng cho nhân sĩ, trí thức, chức sắc tôn giáo và cá nhân, có công lao to lớn, thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Điều 49. "Huân chương Dũng cảm"

"Huân chương Dũng cảm" để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có hành động dũng cảm trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, thực hiện cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân khi gặp hỏa hoạn, thiên tai, tai nạn, thảm họa; dũng cảm bảo vệ tài sản của Nhà nước, tính mạng và tài sản của công dân trước tội phạm hoặc dũng cảm xung phong vào những nơi nguy hiểm do dịch bệnh gây ra nhằm bảo vệ tính mạng của nhân dân; thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong phạm vi bộ, ban, ngành, tỉnh.

2. Đã hy sinh anh dũng trong khi cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân, được nhân dân kính phục, nêu gương, học tập.

Điều 50. "Huân chương Hữu nghị"

1. "Huân chương Hữu nghị" tặng hoặc truy tặng cho người nước ngoài, tặng cho tập thể người nước ngoài có những đóng góp to lớn trong xây dựng, củng cố và phát triển tình hữu nghị giữa Việt Nam và các nước trên thế giới.

2. Chính phủ quy định đối tượng, tiêu chuẩn "Huân chương Hữu nghị".

Mục 2

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG HUY CHƯƠNG

Điều 51. Huy chương

1. Huy chương để tặng hoặc truy tặng cho sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ, công chức, viên chức, công nhân quốc phòng làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân có thời gian cống hiến, đóng góp; Thanh niên xung phong các thời kỳ, người nước ngoài có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Huy chương gồm:

a) "Huy chương Quân kỳ quyết thắng";

b) "Huy chương Vì an ninh Tổ quốc";

c) "Huy chương Chiến sĩ vẻ vang" hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;

d) "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang";

đ) "Huy chương Hữu nghị".

3. Hình thức các loại, hạng huy chương được phân biệt bằng màu sắc, số vạch trên dải và cuống huy chương.

Điều 52. "Huy chương Quân kỳ quyết thắng"

"Huy chương Quân kỳ quyết thắng" để tặng hoặc truy tặng cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, viên chức, công nhân quốc phòng làm việc

trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân, có quá trình cống hiến liên tục từ 25 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 53. "Huy chương Vì an ninh Tổ quốc"

"Huy chương Vì an ninh Tổ quốc" để tặng hoặc truy tặng cho sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân, có quá trình cống hiến liên tục từ 25 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 54. "Huy chương Chiến sĩ vẻ vang"

1. "Huy chương Chiến sĩ vẻ vang" để tặng hoặc truy tặng cho sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ, công chức, viên chức, công nhân quốc phòng làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân, có thành tích, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao góp phần vào sự nghiệp xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân.

2. Tiêu chuẩn xét tặng hoặc truy tặng "Huy chương Chiến sĩ vẻ vang" đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này như sau:

a) "Huy chương Chiến sĩ vẻ vang" hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến liên tục từ 20 năm trở lên;

b) "Huy chương Chiến sĩ vẻ vang" hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến liên tục từ 15 năm đến dưới 20 năm;

c) "Huy chương Chiến sĩ vẻ vang" hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến liên tục từ 10 năm đến dưới 15 năm.

3. Tiêu chuẩn xét tặng hoặc truy tặng "Huy chương Chiến sĩ vẻ vang" đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này có thời gian làm nhiệm vụ ở vùng biển, đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc làm nhiệm vụ quốc tế, được hưởng phụ cấp đặc thù 100% trở lên được quy định như sau:

a) Đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng thuộc Quân đội nhân dân và sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân thuộc Công an nhân dân, thời gian công tác được nhân hệ số 2 để tính thời gian xét tặng "Huy chương Chiến sĩ vẻ vang" các hạng;

b) Hạ sĩ quan, chiến sĩ thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân thời gian công tác đủ 01 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ thì được xét tặng "Huy chương Chiến sĩ vẻ vang" hạng Ba;

c) Đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng, hạ sĩ quan, chiến sĩ thuộc Quân đội nhân dân và sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân thuộc Công an nhân dân hy sinh và được công nhận liệt sĩ, nếu thời gian làm nhiệm vụ chưa đủ 01 năm thì được xét truy tặng "Huy chương Chiến sĩ vẻ vang" hạng Ba; nếu thời gian làm nhiệm vụ từ 01 năm trở lên thì được xét truy tặng "Huy chương Chiến sĩ vẻ vang" hạng Nhì; nếu thời gian làm nhiệm vụ từ 05 năm trở lên thì được xét tặng "Huy chương Chiến sĩ vẻ vang" hạng Nhất.

Điều 55. "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang"

"Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân là thanh niên xung phong các thời kỳ kháng chiến, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Thanh niên xung phong tham gia thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, làm nhiệm vụ quốc tế giúp bạn Lào và Camphuchia, hoàn thành nhiệm vụ, có thời gian tại ngũ từ 02 năm trở lên. Đối với trường hợp hy sinh, bị thương trong khi làm nhiệm vụ đã được công nhận liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, thanh niên xung phong bị nhiễm chất độc hóa học, có thời gian tại ngũ 01 năm trở lên thì được xét tặng hoặc truy tặng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang".

2. Thanh niên xung phong tham gia thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hoàn thành nhiệm vụ, có thời gian tại ngũ từ 5 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý thanh niên xung phong có thời gian tại ngũ từ 9 năm trở lên. Đối với trường hợp hy sinh, bị thương trong khi làm nhiệm vụ đã được công nhận liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, có thời gian tại ngũ 01 năm trở lên được xét tặng hoặc truy tặng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang".

Thanh niên xung phong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, có thời gian làm nhiệm vụ ở vùng biển, đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thời gian công tác được nhân hệ số 2 để tính thời gian xét tặng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang".

Điều 56. "Huy chương Hữu nghị"

1. "Huy chương Hữu nghị" để tặng cho người nước ngoài có nhiều đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa thuộc đối tượng sau:

a) Cá nhân nước ngoài thuộc các cơ quan, tổ chức thuộc Nhà nước, Chính phủ nước ngoài tương đương cấp bộ, tỉnh, thành phố; Tổ chức nước ngoài mà Việt Nam là thành viên hoặc có quan hệ đối tác; Hội Hữu nghị với Việt Nam của các nước; Hội Hữu nghị với Việt Nam cấp tỉnh, bang, thành phố của các nước có quan hệ đối tác đặc biệt, đối tác chiến lược và đối tác toàn diện với Việt Nam; Cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài tại Việt Nam; Văn phòng, Cơ quan đại diện thường trú của các tổ chức quốc tế, tổ chức thuộc hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam; Tổ chức phi chính phủ nước ngoài có hoạt động tại Việt Nam.

b) Lãnh sự Danh dự của Việt Nam tại các nước có thời gian đảm nhiệm chức vụ từ 03 năm trở lên;

c) Cá nhân nước ngoài không thuộc các đối tượng trên nhưng đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này và có thời gian đóng góp liên tục từ 05 năm trở lên.

2. Tiêu chuẩn tặng Huy chương Hữu nghị

a) Có tinh thần đoàn kết hữu nghị, tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp và phong tục, tập quán Việt Nam;

b) Có đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại của Việt Nam được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận, đề nghị;

c) Có đóng góp trong việc xây dựng, củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác tốt đẹp và toàn diện giữa Việt Nam với các nước, các tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế.

Mục 3
DANH HIỆU VINH DỰ NHÀ NƯỚC

Điều 57. Danh hiệu vinh dự Nhà nước

1. Danh hiệu vinh dự Nhà nước để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể có những đóng góp đặc biệt xuất sắc vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Danh hiệu vinh dự Nhà nước gồm:

a) "Tỉnh Anh hùng", "Thành phố Anh hùng";

b) "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng";

c) "Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân";

d) "Anh hùng Lao động";

đ) "Nhà giáo Nhân dân", "Nhà giáo Ưu tú";

e) "Thầy thuốc Nhân dân", "Thầy thuốc Ưu tú";

g) "Nghệ sĩ Nhân dân", "Nghệ sĩ Ưu tú";

h) "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú".

Điều 58. Danh hiệu "Tỉnh Anh hùng", "Thành phố Anh hùng"

Danh hiệu "Tỉnh Anh hùng", "Thành phố Anh hùng" để tặng cho tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích đặc biệt xuất sắc và toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; đóng góp to lớn vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Năng động, sáng tạo, là trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, là động lực thúc đẩy sự phát triển của khu vực và cả nước trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

3. Tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đoàn kết, thống nhất.

Điều 59. Danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng"

1. Danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng" để tặng hoặc truy tặng cho những Bà mẹ có nhiều cống hiến, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định việc xét tặng hoặc truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng".

Điều 60. Danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân"

1. Danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân" để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, có hành động anh hùng, dũng cảm, mưu trí, hy sinh quên mình, đạt được thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, huấn luyện, phục vụ chiến đấu, trong giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội, được nêu gương trong toàn quốc;

b) Có sáng kiến, giải pháp hoặc công trình nghiên cứu có giá trị đặc biệt được ứng dụng vào thực tiễn hoạt động quân sự, an ninh hoặc kinh tế - xã hội đem lại hiệu quả thiết thực trong toàn quốc;

c) Có trình độ kỹ thuật, chiến thuật giỏi, chuyên môn, nghiệp vụ thành thạo; không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và chính trị, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ; có công lớn trong việc bồi dưỡng về kỹ thuật, chiến thuật, chuyên môn, nghiệp vụ cho đồng đội;

d) Có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, nêu cao tinh thần đoàn kết, hợp tác, là tấm gương mẫu mực về mọi mặt.

2. Danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân" để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội, trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Dũng cảm, mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu và huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, là ngọn cờ tiêu biểu trong phong trào thi đua, có nhiều đóng góp vào sự phát triển của ngành;

c) Dẫn đầu toàn quân, toàn lực lượng Công an nhân dân trong phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ huy, lập nhiều thành tích trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới phục vụ chiến đấu, huấn luyện và công tác;

d) Dẫn đầu trong việc bồi dưỡng, đào tạo về kỹ thuật, chiến thuật, về chuyên môn, nghiệp vụ và chính trị cho cán bộ, chiến sỹ; quản lý tốt vũ khí và cơ sở vật chất kỹ thuật, an toàn tuyệt đối về người và tài sản;

đ) Dẫn đầu trong việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; gương mẫu chấp hành kỷ luật, điều lệnh, điều lệ của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân; nêu cao tinh thần đoàn kết nội bộ, hợp tác, giúp đỡ và đoàn kết quân dân, chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, chiến sĩ;

e) Tích cực tham gia các phong trào ở địa phương, được nhân dân địa phương tin yêu, là tấm gương mẫu mực về mọi mặt; tổ chức Đảng 10 năm liên tục trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân" để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, huấn luyện, phục vụ chiến đấu, trong giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Điều 61. Danh hiệu "Anh hùng Lao động"

1. Danh hiệu "Anh hùng Lao động" để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, có tinh thần lao động sáng tạo, đạt năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả, lập được thành tích đặc biệt xuất sắc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;

b) Đóng góp quan trọng vào sự phát triển của đơn vị, địa phương, ngành và đất nước trong thời gian từ 10 năm trở lên, được tập thể suy tôn;

c) Có nhiều thành tích trong công tác nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới, có sáng kiến, giải pháp, công trình nghiên cứu khoa học, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị đặc biệt mang lại hiệu quả cao trong phạm vi toàn quốc;

d) Có công lớn trong việc bồi dưỡng, đào tạo cho đồng nghiệp và thế hệ trẻ, trong việc hướng dẫn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh;

đ) Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao, nỗ lực, vượt khó, tận tụy với công việc; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, nêu cao tinh thần đoàn kết, hợp tác; là tấm gương mẫu mực về mọi mặt.

2. Danh hiệu "Anh hùng Lao động" để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động sáng tạo vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Là tập thể tiêu biểu dẫn đầu toàn quốc về năng suất, chất lượng, hiệu quả, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành và đất nước trong thời gian từ 10 năm trở lên;

c) Dẫn đầu toàn quốc trong việc áp dụng và đổi mới khoa học công nghệ, có nhiều thành tích trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, trong phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, bảo vệ môi trường sinh thái và chuyển đổi số;

d) Dẫn đầu trong việc đào tạo, bồi dưỡng trình độ về mọi mặt cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; là điển hình về công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để các tập thể khác noi theo;

đ) Dẫn đầu trong việc triển khai và thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm tốt quyền lợi của người lao động, quản lý tốt nguồn vốn, tài sản, bảo đảm tuyệt đối an toàn về người và tài sản;

e) Tích cực tham gia các phong trào ở địa phương; là tấm gương mẫu mực về mọi mặt được nhân dân địa phương ca ngợi; tập thể đoàn kết, nhất trí; tổ chức Đảng 10 năm liên tục trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Danh hiệu "Anh hùng Lao động" để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Điều 62. Danh hiệu "Nhà giáo Nhân dân", "Nhà giáo Ưu tú"

1. Đối tượng được xét tặng danh hiệu "Nhà giáo Nhân dân", "Nhà giáo Ưu tú" gồm nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

2. Danh hiệu "Nhà giáo Nhân dân" được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đã được phong tặng danh hiệu "Nhà giáo Ưu tú" và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, thương yêu học trò, có tài năng sư phạm xuất sắc, có công lớn trong sự nghiệp giáo dục, có ảnh hưởng rộng rãi trong ngành và trong xã hội, được học trò, đồng nghiệp và nhân dân kính trọng;

c) Có thời gian trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy từ 20 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý giáo dục thì phải có thời gian công tác trong ngành từ 25 năm trở lên trong đó có 15 năm trở lên trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy.

3. Danh hiệu "Nhà giáo Ưu tú" được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, thương yêu học trò, có tài năng sư phạm, có công trong sự nghiệp giáo dục, được học trò, đồng nghiệp và nhân dân kính trọng;

c) Có thời gian trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy từ 15 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý giáo dục thì phải có thời gian công tác trong ngành từ 20 năm trở lên trong đó có 10 năm trở lên trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy.

4. Danh hiệu "Nhà giáo Nhân dân", "Nhà giáo Ưu tú" được xét và công bố 03 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11.

5. Chính phủ quy định chi tiết việc xét tặng danh hiệu "Nhà giáo Nhân dân", "Nhà giáo Ưu tú".

Điều 63. Danh hiệu "Thầy thuốc Nhân dân", "Thầy thuốc Ưu tú"

1. Đối tượng được xét tặng danh hiệu "Thầy thuốc Nhân dân", "Thầy thuốc Ưu tú" gồm bác sĩ, dược sĩ, y sĩ, điều dưỡng viên, kỹ thuật viên, hộ sinh viên, lương y, lương dược và cán bộ quản lý y tế.

2. Danh hiệu "Thầy thuốc Nhân dân" được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đã được phong tặng danh hiệu "Thầy thuốc Ưu tú" và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, hết lòng thương yêu người bệnh, có tài năng và có nhiều thành tích xuất sắc trong phòng bệnh, chữa bệnh, phát triển khoa học kỹ thuật về y tế, có nhiều cống hiến cho sự nghiệp bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân, có ảnh hưởng rộng rãi trong nhân dân, được người bệnh và đồng nghiệp tin cậy, kính trọng;

c) Có thời gian trực tiếp làm công tác chuyên môn kỹ thuật trong ngành từ 20 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý y tế thì phải có thời gian công tác trong ngành từ 25 năm trở lên trong đó có 15 năm trở lên trực tiếp làm công tác chuyên môn kỹ thuật.

3. Danh hiệu "Thầy thuốc Ưu tú" được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, hết lòng thương yêu người bệnh, có tài năng, có nhiều thành tích xuất sắc trong nghề, được nhân dân, người bệnh và đồng nghiệp tín nhiệm;

c) Có thời gian trực tiếp làm công tác chuyên môn kỹ thuật trong ngành từ 15 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý y tế thì phải có thời gian công tác trong ngành từ 20 năm trở lên trong đó có 10 năm trở lên trực tiếp làm công tác chuyên môn kỹ thuật.

4. Danh hiệu "Thầy thuốc Nhân dân", "Thầy thuốc Ưu tú" được xét và công bố 03 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Thầy thuốc Việt Nam 27 tháng 2.

5. Chính phủ quy định chi tiết việc xét tặng danh hiệu "Thầy thuốc Nhân dân", "Thầy thuốc Ưu tú".

Điều 64. Danh hiệu "Nghệ sĩ Nhân dân", "Nghệ sĩ Ưu tú"

1. Đối tượng được xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ Nhân dân", "Nghệ sĩ Ưu tú" gồm diễn viên, đạo diễn, chỉ đạo nghệ thuật, chỉ huy dàn nhạc, biên đạo, quay phim, họa sĩ hoạt động trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

2. Danh hiệu "Nghệ sĩ Nhân dân" được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đã được phong tặng danh hiệu "Nghệ sĩ Ưu tú" và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tài năng nghệ thuật xuất sắc, có nhiều cống hiến cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam, được đồng nghiệp và nhân dân mến mộ;

c) Có thời gian hoạt động nghệ thuật từ 20 năm trở lên, riêng đối với loại hình nghệ thuật xiếc, múa từ 15 năm trở lên;

d) Sau khi được phong tặng danh hiệu "Nghệ sĩ Ưu tú", tiếp tục được tặng giải thưởng của các liên hoan, cuộc thi, hội diễn nghệ thuật trong nước hoặc ngoài nước.

3. Danh hiệu "Nghệ sĩ Ưu tú" được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tài năng nghệ thuật, có tinh thần phục vụ nhân dân, được đồng nghiệp và nhân dân mến mộ;

c) Có thời gian hoạt động nghệ thuật từ 15 năm trở lên, riêng đối với loại hình nghệ thuật xiếc, múa từ 10 năm trở lên; được tặng giải thưởng của các liên hoan, cuộc thi, hội diễn nghệ thuật trong nước hoặc ngoài nước.

4. Danh hiệu "Nghệ sĩ Nhân dân", "Nghệ sĩ Ưu tú" được xét và công bố 03 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2 tháng 9.

5. Chính phủ quy định chi tiết việc xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ Nhân dân", "Nghệ sĩ Ưu tú".

Điều 65. Danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú"

1. Danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân","Nghệ nhân Ưu tú" để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

2. Danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân" được xét tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đã được phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân Ưu tú" và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tri thức, kỹ năng đặc biệt xuất sắc; có thời gian hoạt động trong nghề từ 20 năm trở lên;

c) Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

d) Được đồng nghiệp, quần chúng mến mộ, kính trọng; tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong cả nước.

3. Danh hiệu "Nghệ nhân Ưu tú" được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tri thức, kỹ năng đặc biệt xuất sắc; có thời gian hoạt động trong nghề từ 15 năm trở lên;

c) Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

d) Được đồng nghiệp, quần chúng mến mộ; tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của địa phương.

4. Danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân","Nghệ nhân Ưu tú" được xét và công bố 03 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2 tháng 9.

5. Chính phủ quy định chi tiết việc xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú".

Mục 4

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG "GIẢI THƯỞNG HỒ CHÍ MINH", "GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC"

Điều 66. "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước"

1. "Giải thưởng Hồ Chí Minh","Giải thưởng Nhà nước" để tặng hoặc truy tặng cho tác giả của một hoặc nhiều công trình, tác phẩm đã được công bố, sử dụng kể từ ngày thành lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày 02 tháng 9 năm 1945, bao gồm:

a) Công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ, sách giáo khoa, giáo trình sử dụng trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác;

b) Tác phẩm văn học, nghệ thuật, công trình nghiên cứu lý luận phê bình dưới các hình thức xuất bản, kiến trúc, triển lãm, sân khấu, điện ảnh, phát thanh, truyền hình, giảng dạy, đĩa hát hoặc các hình thức khác.

2. "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước" được tặng hoặc truy tặng cho người nước ngoài có tác phẩm, công trình nghiên cứu về Việt Nam.

3. Chính phủ quy định chi tiết việc xét tặng "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước".

Điều 67. "Giải thưởng Hồ Chí Minh"

1. "Giải thưởng Hồ Chí Minh" được xét tặng hoặc truy tặng cho tác giả của một hoặc nhiều tác phẩm, công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ, giáo dục và văn học, nghệ thuật đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đặc biệt xuất sắc;

b) Có giá trị rất cao về khoa học, văn học, nghệ thuật, về nội dung tư tưởng;

c) Có tác dụng lớn phục vụ sự nghiệp cách mạng, có ảnh hưởng rộng lớn và lâu dài trong đời sống nhân dân, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển nền kinh tế quốc dân, khoa học, công nghệ, giáo dục, văn học, nghệ thuật.

2. "Giải thưởng Hồ Chí Minh" được xét và công bố 05 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2 tháng 9.

Điều 68. "Giải thưởng Nhà nước"

1. "Giải thưởng Nhà nước" được tặng hoặc truy tặng cho tác giả của một hoặc nhiều công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ, giáo dục, những tác

phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về khoa học, văn học, nghệ thuật, về nội dung tư tưởng, có tác dụng và ảnh hưởng lớn trong xã hội theo tiêu chuẩn sau:

a) Các công trình nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ xuất sắc, có tác dụng nâng cao năng suất lao động, đem lại hiệu quả kinh tế, góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội;

b) Những sách giáo khoa, giáo trình có giá trị xuất sắc và được sử dụng rộng rãi trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

c) Các tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật, có tác dụng tốt trong việc giáo dục, xây dựng con người mới, nâng cao trình độ thẩm mỹ của nhân dân, góp phần đáng kể vào sự phát triển nền văn học, nghệ thuật Việt Nam.

2. "Giải thưởng Nhà nước" được xét và công bố 05 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2 tháng 9.

Mục 5

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG KỶ NIỆM CHƯƠNG, HUY HIỆU

Điều 69. Kỷ niệm chương

1. Kỷ niệm chương của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của Quốc hội. Tên Kỷ niệm chương, đối tượng, tiêu chuẩn tặng Kỷ niệm chương do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định.

2. Kỷ niệm chương để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội.

Tên Kỷ niệm chương, đối tượng và tiêu chuẩn tặng Kỷ niệm chương do bộ, ban, ngành, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội quy định. Kỷ niệm chương phải được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở Trung ương.

Điều 70. Huy hiệu

1. Huy hiệu để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Tên Huy hiệu, đối tượng và tiêu chuẩn tặng Huy hiệu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Huy hiệu phải được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở Trung ương.

Mục 6

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG BẰNG KHEN, GIẤY KHEN

Điều 71. Bằng khen

Bằng khen gồm:

1. "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ".

2. Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh.

Điều 72. "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ"

1. "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" được tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu, được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Đã được tặng "Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh" và 5 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có 03 lần được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở";

c) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc được giải thưởng ở khu vực;

d) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội; ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật; công tác xã hội, từ thiện nhân đạo.

2. "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực, ngành nghề;

b) Công nhân có sáng kiến mang lại lợi ích giá trị cao có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân khác xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động.

3. "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" để tặng hoặc truy tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, c và điểm d khoản 1 Điều này;

b) Có thành tích đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận, đề nghị.

4. "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" được tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Có đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội; ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật; công tác xã hội, từ thiện nhân đạo.

c) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong Cụm, Khối thi đua do Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương tổ chức;

d) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động hoặc bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương phát động khi sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên hoặc chuyên đề phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước;

đ) Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" hoặc "Đơn vị quyết thắng", trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có 02 lần được tặng "Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh".

5. "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" để tặng cho doanh nghiệp chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, c d và điểm đ khoản 4 Điều này;

b) Có thành tích đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận, đề nghị.

6. "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

7. "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận, đề nghị.

Điều 73. Bằng khen của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh

1. Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do bộ, ban, ngành, tỉnh phát động;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội; ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật; công tác xã hội, từ thiện nhân đạo.

d) Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"; đối với công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

2. "Bằng khen của bộ, ban, ngành tỉnh" để tặng hoặc truy tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, c và điểm d khoản 1 Điều này;

b) Có thành tích đóng góp vào sự phát triển của bộ, ngành, địa phương được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận, đề nghị.

3. Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội; ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật; công tác xã hội, từ thiện nhân đạo;

d) Có 02 năm liên tục được công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" hoặc "Đơn vị quyết thắng", nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật.

4. "Bằng khen của bộ, ban, ngành tỉnh" để tặng cho doanh nghiệp chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Có thành tích đóng góp vào sự phát triển của bộ, ngành, địa phương được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận, đề nghị.

5. Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

6. Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh đối với cá nhân và gia đình.

Điều 74. Giấy khen

1. Giấy khen gồm:

a) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc bộ, ban, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có tư cách pháp nhân;

b) Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã;

c) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

đ) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định tiêu chuẩn cụ thể tặng Giấy khen đối với gia đình và cá nhân, tập thể trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 75. Hình thức Bằng khen, Giấy khen khác

1. Việc khen thưởng bằng hình thức bằng khen của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, giấy khen của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội do cơ quan trung ương của các tổ chức này quy định

2. Việc khen thưởng bằng hình thức bằng khen cấp quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng do Bộ Quốc phòng quy định.

3. Việc khen thưởng bằng hình thức Giấy khen đối với cá nhân, tập thể người đang học tập tại nhà trường hoặc cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân do Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc bộ, ngành, tổ chức quản lý nhà trường, cơ sở giáo dục quy định.

4. Việc quy định các hình thức khen thưởng tại khoản 1, 2 và khoản 3 của Điều này được ban hành sau khi thống nhất với cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở trung ương.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG; THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT ĐỀ NGHỊ DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Mục 1

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG, TRAO TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 76. Thẩm quyền quyết định của Chủ tịch nước

Chủ tịch nước quyết định tặng Huân chương, Huy chương, "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước", danh hiệu vinh dự Nhà nước.

Điều 77. Thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Chính phủ quyết định tặng "Cờ thi đua của Chính phủ".

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ".

Điều 78. Thẩm quyền quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Thủ trưởng các bộ, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội tặng Kỷ niệm chương.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở Trung ương, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Tổng Kiểm toán nhà nước, Người đứng đầu Cơ quan Trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội quyết định tặng Bằng khen, Cờ thi đua; danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành; Kỷ niệm chương.

3. Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội quyết định tặng Bằng khen, Cờ thi đua; danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", Chiến sĩ thi đua cấp bộ.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tặng Bằng khen, Cờ thi đua; danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng", Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Huy hiệu.

5. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể không có tư cách pháp nhân do Bộ trưởng, Thủ trưởng các bộ, ban, ngành, Người đứng đầu Cơ quan Trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương công nhận danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến", "Chiến sĩ thi đua cơ sở" hoặc ủy quyền công nhận danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến", "Chiến sĩ thi đua cơ sở".

6. Thẩm quyền công nhận danh hiệu "Đơn vị quyết thắng", "Tập thể lao động xuất sắc" trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân do Chính phủ quy định.

Điều 79. Thẩm quyền của cơ quan, đơn vị thuộc bộ, ngành, tỉnh; thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, đơn vị khác

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thuộc bộ, ban, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến", "Chiến sĩ thi đua cơ sở" và Giấy khen.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu "Xã tiêu biểu", "Phường, Thị trấn tiêu biểu", "thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố tiêu biểu", "Tập thể lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến", "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến", "Chiến sĩ thi đua cơ sở" và Giấy khen.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", Giấy khen đối với cán bộ, công chức, nông dân, người lao động thuộc quản lý của cấp xã và công nhận danh hiệu "Gia đình tiêu biểu".

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến", "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến" và Giấy khen.

5. Thẩm quyền công nhận danh hiệu "Đơn vị tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến", "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến" trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định.

Điều 80. Thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với các hình thức khen thưởng khác

1. Ngoài các hình thức khen thưởng được quy định tại Luật này, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể thực hiện các hình thức động viên đối với cá nhân, tập thể có thành tích để kịp thời nêu gương trong lao động, sản xuất, công tác và động viên phong trào thi đua, phù hợp với các nguyên tắc do Luật này quy định.

2. Chính phủ quy định việc xét tôn vinh và trao tặng giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp để biểu dương, tôn vinh các đối tượng là doanh nhân, doanh nghiệp có đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Việc xét tôn vinh và trao tặng giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp phải đảm bảo nguyên tắc:

a) Công khai, khách quan, công bằng, bình đẳng trên cơ sở tự nguyện của doanh nhân, doanh nghiệp, bảo đảm tuân thủ các quy định của Luật này và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Cơ quan, đơn vị tổ chức giải thưởng hoặc danh hiệu phạm vi toàn quốc với tên gọi, nội dung của danh hiệu, giải thưởng phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý, hoạt động của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật.

Điều 81. Thẩm quyền trao tặng

1. Người có thẩm quyền quyết định tặng hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua trực tiếp trao tặng hoặc uỷ quyền trao tặng.

2. Đại sứ hoặc người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài được uỷ quyền trao tặng các hình thức khen thưởng của Nhà nước Việt Nam cho tập thể, cá nhân ở nước sở tại.

3. Chính phủ quy định việc trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

Mục 2
THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ

Điều 82. Thẩm quyền đề nghị khen thưởng

1. Danh hiệu thi đua được bình xét và đề nghị từ đơn vị cơ sở thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã. Cấp quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, quỹ lương hoặc người đứng đầu doanh nghiệp, hợp tác xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc trình cấp trên xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Tổng Kiểm toán nhà nước, Người đứng đầu Cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương, Huy chương, "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước", danh hiệu vinh dự Nhà nước.

3. Tổng thư ký Quốc hội trình khen thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước cho đại biểu Quốc hội chuyên trách ở trung ương, các cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đại biểu Quốc hội chuyên trách ở địa phương do địa phương khen thưởng và đề nghị khen thưởng theo phân cấp về thẩm quyền quản lý đối với cán bộ ở địa phương.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Tổng Kiểm toán nhà nước, Người đứng đầu Cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Chính phủ quyết định tặng "Cờ thi đua của Chính phủ"; đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc".

5. Tổng thư ký Quốc hội đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội tặng Kỷ niệm chương của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của Quốc hội.

6. Người đứng đầu có trách nhiệm phát hiện cá nhân, tập thể có thành tích để khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng; đánh giá thành tích và chịu trách nhiệm về quyết định khen thưởng và việc trình cấp trên khen thưởng.

Người đứng đầu cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm phát hiện cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

7. Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền quyết định việc khen thưởng.

Điều 83. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng

1. Hồ sơ xét danh hiệu thi đua gồm:

a) Tờ trình đề nghị tặng danh hiệu thi đua;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể;

c) Biên bản bình xét thi đua;

d) Chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học trong trường hợp đề nghị danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, "Chiến sĩ thi đua toàn quốc".

2. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân hoặc tập thể được đề nghị khen thưởng;

c) Biên bản xét khen thưởng;

d) Chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền về phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả đối với phát minh, sáng chế, sáng kiến, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ hoặc sáng tác, sáng tạo.

3. Trường hợp đề nghị tặng Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, "Cờ thi đua của Chính phủ", "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức ở trung ương có liên quan hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng có trách nhiệm công khai tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước và "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước".

5. Hồ sơ xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được lưu trữ theo quy định của pháp luật. Hồ sơ bộ, ban, ngành, tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước khen thưởng gửi qua cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng ở Trung ương; số lượng 01 bộ bản chính; đồng thời gửi kèm theo các file điện tử của hồ sơ, trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước. Số lượng hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền của bộ, ban, ngành, tỉnh do bộ, ban, ngành, tỉnh quy định.

6. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện việc áp dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa về quản lý công tác thi đua, khen thưởng.

7. Chính phủ quy định hồ sơ, thủ tục, quy trình, thời gian xét đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; quy định về điều kiện khen thưởng quá trình cống hiến và chức danh tương đương để xét khen thưởng quá trình cống hiến.

Điều 84. Khen thưởng theo thủ tục đơn giản

1. Những trường hợp sau đây được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản:

a) Việc khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị kịp thời động viên, khích lệ quần chúng;

b) Cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, công tác, lao động, học tập, có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản hoặc được giải thưởng ở khu vực hoặc thế giới;

c) Khen thưởng cống hiến, khen thưởng niên hạn, khen thưởng đối ngoại;

d) Khen thưởng thành tích có nội dung bí mật nhà nước.

2. Chính phủ quy định việc khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

Chương V
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ TRONG THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 85. Quyền của cá nhân, tập thể

1. Cá nhân, tập thể được tham gia các phong trào thi đua, được khen thưởng kèm theo hiện vật khen thưởng và hưởng lợi ích khác theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân được tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ, trưng bày và sử dụng hiện vật khen thưởng.

Tập thể được tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ, trưng bày, sử dụng biểu tượng của các hiện vật khen thưởng đó trên các văn bản, tài liệu chính thức của tập thể.

Điều 86. Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng.

2. Phát huy thành tích đã đạt được, tuyên truyền phổ biến kinh nghiệm; bảo quản, lưu giữ các hiện vật khen thưởng, không được tặng cho dưới mọi hình thức.

Chương VI
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 87. Thẩm quyền, nội dung quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng trong phạm vi cả nước.

2. Nội dung quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng

a) Ban hành các văn bản pháp luật về thi đua, khen thưởng;

b) Xây dựng chính sách về thi đua, khen thưởng;

c) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, người làm công tác thi đua, khen thưởng;

đ) Sơ kết, tổng kết, tặng thưởng các hình thức khen thưởng; đánh giá hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng;

e) Hợp tác quốc tế về thi đua, khen thưởng;

g) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng;

h) Giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng;

i) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng và trong hệ thống thi đua, khen thưởng, xây dựng cơ sở dữ liệu về thi đua, khen thưởng.

3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Điều 88. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương là cơ quan tham mưu, tư vấn cho Đảng và Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương gồm Chủ tịch Hội đồng là Thủ tướng Chính phủ, các Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên khác là đại diện lãnh đạo cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội.

Chủ tịch Hội đồng quyết định cụ thể thành viên Hội đồng.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện sự phối hợp giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội và các địa phương trong việc tham mưu, đề xuất chủ trương, chính sách về tổ chức phong trào thi đua và công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi cả nước;

b) Tham mưu, tư vấn cho cấp có thẩm quyền quyết định phong tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng;

c) Định kỳ đánh giá phong trào thi đua và công tác khen thưởng; kiến nghị, đề xuất chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước; tham mưu tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; đề xuất sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách về thi đua, khen thưởng; kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tại cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho cấp ủy đảng,

chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về công tác thi đua, khen thưởng.

5. Chính phủ quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp.

Điều 89. Quản lý thi đua, khen thưởng của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quản lý thi đua, khen thưởng trong phạm vi ngành.

Điều 90. Quản lý thi đua, khen thưởng ở tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội

Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội căn cứ vào quy định của Luật này và các văn bản khác có liên quan thực hiện quản lý thi đua, khen thưởng trong phạm vi tổ chức theo quy định.

Điều 91. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng được hình thành trên cơ sở ngân sách nhà nước, từ quỹ khen thưởng của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, sự đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, cá nhân, tổ chức nước ngoài và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị lập quỹ thi đua, khen thưởng để tổ chức các phong trào thi đua và thực hiện chính sách, chế độ về khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó có trách nhiệm chi tiền thưởng từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý.

Các tập thể, cá nhân thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định khen thưởng thì bộ, ban, ngành, tỉnh đó có trách nhiệm chi thưởng từ ngân sách nhà nước của cấp mình và hạch toán chi thành mục riêng.

Cá nhân được nhận danh hiệu "Nhà giáo Nhân dân", "Nhà giáo Ưu tú", "Thầy thuốc Nhân dân", "Thầy thuốc Ưu tú", "Nghệ sĩ Nhân dân", "Nghệ sĩ Ưu tú", "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xét, phong tặng thì bộ, ban, ngành, tỉnh đó chi trả tiền thưởng và hạch toán chi thành mục riêng.

4. Nghiêm cấm sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng vào mục đích khác.

5. Chính phủ quy định việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 92. Hiện vật khen thưởng

1. Hiện vật khen thưởng là sản phẩm đặc biệt, được Nhà nước bảo hộ để tặng cho tập thể, tặng hoặc truy tặng cho cá nhân khi được cấp có thẩm quyền

quyết định khen thưởng, gồm: Huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; bằng, cờ, khung và hộp của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua.

2. Chính phủ quy định mẫu, màu sắc, số sao, số vạch cho từng loại, hạng huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; chất liệu, kích thước, khung các loại huân chương, huy chương, cờ thi đua, bằng khen, giấy khen và các hiện vật khen thưởng khác, thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng.

Chương VII
XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 93. Xử lý vi phạm về thi đua, khen thưởng

1. Cá nhân, tập thể có một trong các hành vi sau đây thì bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật và tiền thưởng đã nhận:

a) Gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng;

b) Xác nhận sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ cho mình hoặc cho người khác để đề nghị khen thưởng;

c) Thẩm định, xét, duyệt, đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng không đúng quy định;

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn quyết định khen thưởng trái pháp luật.

Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó ban hành quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng.

3. Cá nhân được tặng thưởng danh hiệu vinh dự nhà nước mà có hành vi vi phạm pháp luật bị tòa án tuyên có tội và bản án đã có hiệu lực pháp luật từ hình phạt tù có thời hạn trở lên thì bị tước danh hiệu vinh dự nhà nước.

4. Cá nhân được tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng", "Anh hùng Lao động", "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân" mà phạm tội thuộc một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc phạm tội khác bị phạt tù chung thân, tử hình thì bị tước danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng","Anh hùng Lao động", "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân".

5. Trường hợp cá nhân được tặng nhiều danh hiệu vinh dự nhà nước bị tòa án tuyên có tội và bản án đã có hiệu lực tương ứng với các hình phạt nào thì sẽ tước đối với danh hiệu vinh dự nhà nước đó.

Cá nhân bị xét xử oan, sai và đã được cơ quan có thẩm quyền minh oan, sửa sai thì được xem xét phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước.

6. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế là pháp nhân thương mại được tặng thưởng danh hiệu vinh dự nhà nước nếu vi phạm pháp luật hình sự, bị tòa án tuyên hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn thì bị tước danh hiệu vinh dự nhà nước. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế là pháp nhân thương mại bị xét xử oan, sai và đã được cơ quan có thẩm quyền minh oan, sửa sai thì được xem xét phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước.

7. Việc tước, phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước do Chủ tịch nước quyết định.

8. Chính phủ quy định thủ tục hủy bỏ quyết định khen thưởng; tước, phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước và thu hồi các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, hiện vật và tiền thưởng.

Điều 94. Khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng

1. Cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Tổ chức có quyền khiếu nại về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 95. Bảo hộ các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Nhà nước bảo hộ các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được quy định trong Luật này và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được Nhà nước tặng hoặc truy tặng từ trước khi Luật này có hiệu lực.

Điều 96. Trách nhiệm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thi đua, khen thưởng đối với đại biểu Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khác thuộc các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội có đóng góp trong hoạt động của Quốc hội.

Điều 97. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân người Việt Nam khi nhận các hình thức khen thưởng của nước ngoài

Tổ chức, cá nhân người Việt Nam khi nhận các hình thức khen thưởng của nước ngoài phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đồng ý hoặc theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

Chính phủ quy định thủ tục nhận các hình thức khen thưởng của nước ngoài.

Điều 98. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày …. tháng….. năm 2023.

2. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

3. Nhà nước tiếp tục xem xét và thực hiện việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến cho những cá nhân, tập thể, gia đình, địa phương và cơ sở có công lao, thành tích trong các cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc.

Chính phủ hướng dẫn thể thức và thời hạn kết thúc việc khen thưởng tổng kết thành tích các cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc.

4. Bãi bỏ Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản năm 2009 quy định danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú".

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng năm 2022.

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 110 /BC-BTP

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2020

BỘ NỘI VỤ
ĐẾN Số: ...
Ngày: 21/5/20
Chuyển: ...

BAN THI ĐUA KHEN THƯỞNG TRUNG ƯƠNG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 2313
Ngày 26 tháng 5 năm 20...
Chuyển: ...

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi)

Kính gửi:
- Bộ Nội vụ;
- Văn phòng Chính phủ.

Bộ Tư pháp nhận được Công văn số 1922/BNV-BTĐKT của Bộ Nội vụ đề nghị thẩm định dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi). Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 05/5/2020, Bộ Tư pháp đã tổ chức họp Hội đồng thẩm định đối với dự án Luật[1].

Trên cơ sở ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định và kết luận của Chủ tịch Hội đồng, Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định với dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi) (sau đây gọi tắt là dự án Luật) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH DỰ ÁN LUẬT

Thi đua, khen thưởng được coi là một trong những biện pháp quan trọng, là động lực để đoàn kết, phát huy vai trò, năng lực của các cấp, tổ chức, cá nhân thi đua, phấn đấu nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 (sửa đổi, bổ sung năm 2005 và năm 2013) là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng. Ngày 07/4/2014, Bộ Chính trị cũng đã ban hành Chỉ thị số 34-CT/TW về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng đã xác định nhiệm vụ "*đổi mới công tác thi đua, khen thưởng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ động hội nhập quốc tế*". Triển khai thi hành Luật và Chỉ thị của Bộ Chính trị, bên cạnh những kết quả đạt được, một số quy định của Luật đã bộc lộ những bất cập, không còn phù

[1] Thành viên Hội đồng thẩm định: đại diện Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao, Bộ Y tế, Sở Nội vụ Hà Nội và một số đơn vị thuộc Bộ Tư pháp.

hợp với thực tiễn về công tác thi đua, khen thưởng trong tình hình mới. Vì vậy, Bộ Tư pháp cơ bản nhất trí về sự cần thiết xây dựng Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi) thay thế cho Luật Thi đua, khen thưởng nhằm khắc phục những bất cập, đồng thời bổ sung những vấn đề mới phát sinh phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, góp phần tạo hành lang pháp lý, thúc đẩy phát huy mục đích, vai trò của việc tổ chức các phong trào thi đua gắn với loại hình khen thưởng tương ứng. Tuy nhiên, tại dự thảo Tờ trình có những bất cập thuộc về quá trình tổ chức thực hiện mà không phải là bất cập từ chính sách pháp luật như: nội dung về tổ chức triển khai thực hiện, hoặc nội dung về tỷ lệ khen thưởng cấp nhà nước chưa cân đối trong từng lĩnh vực…. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá cụ thể hơn về những kết quả đạt được, những tồn tại, bất cập từ quy định của Luật Thi đua, khen thưởng hiện hành để bảo đảm cơ sở thuyết phục hơn về sự cần thiết ban hành Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi).

II. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH TỪNG NỘI DUNG

1. Sự phù hợp của nội dung dự án Luật đối với chủ trương của Đảng

Bộ Tư pháp nhận thấy, Chỉ thị số 34/CT-TW ngày 07/04/2014 của Bộ Chính trị; Thông báo số 120-TB/TW ngày 18/01/2013 của Bộ Chính trị về Đề án đổi mới công tác thi đua, khen thưởng; Thông báo kết luận của Ban Bí thư tại văn bản số 3257/CV-VPTW ngày 07/02/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng đã thể hiện một số chủ trương lớn về đổi mới công tác thi đua, khen thưởng như: (i) tránh tình trạng khen thưởng tràn lan, không thực chất; (ii) giảm bớt các hình thức khen thưởng cấp nhà nước, nâng cao tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng, khen thưởng bảo đảm chính xác, không trùng lặp, chồng chéo; (iii) tập trung hướng về cơ sở, chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ, quan tâm khen thưởng cơ sở, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số; (iv) bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để tổ chức phát động với các hình thức thi đua phong phú, hấp dẫn, có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, có tiêu chí cụ thể, nội dung thiết thực, triển khai có hiệu quả, chống hình thức; (v) bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng cần tổ chức gọn nhẹ, hiệu quả; (vi) đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng…. Đây là những chủ trương quan trọng của Đảng để tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng trong thời kỳ mới. Vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, cân nhắc cụ thể hóa các chủ trương của Đảng nêu trên, tạo bước đột phá trong đổi mới công tác thi đua, khen thưởng tại dự án Luật sửa đổi lần này.

2. Sự phù hợp của nội dung dự án Luật với mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, chính sách trong đề nghị xây dựng Luật

Đề nghị xây dựng Luật đã được Chính phủ thông qua với 04 chính sách, gồm: (i) hoàn thiện hệ thống danh hiệu thi đua; (ii) hoàn thiện hệ thống hình

thức khen thưởng; (iii) hoàn thiện chế định về thẩm quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; (iv) cải cách thủ tục hành chính trong thi đua khen thưởng. Tuy nhiên, so với nội dung chính sách đã được Chính phủ thông qua có một số nội dung đề xuất chưa được làm rõ trong dự án Luật, chưa cụ thể hóa các chủ trương theo Chỉ thị số 34/CT-TW của Bộ Chính trị, Thông báo số 120-TB/TW của Bộ Chính trị như: chưa tập trung khen thưởng hướng về cơ sở, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới hải đảo, vùng dân tộc thiểu số; chưa nêu bật được các giải pháp tuyên truyền để nhân rộng các điển hình tiên tiến; còn mở rộng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng so với Luật hiện hành như bổ sung danh hiệu thi đua Cờ, hình thức khen thưởng Bằng khen cấp tổng cục thuộc Bộ và tương đương Đại học Quốc gia; Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; chưa thể hiện các nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng... Dự án Luật sẽ thay thế Luật Thi đua, khen thưởng hiện hành, vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, rà soát, cụ thể hóa các chủ trương của Đảng nêu trên, trong đó cần tập trung cụ thể hóa các chính sách đã được Chính phủ thông qua để tạo bước đột phá trong đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

3. Tính hợp Hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự án Luật với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

3.1. Về tính hợp Hiến, tính hợp pháp, thống nhất của dự án Luật với hệ thống pháp luật

Về cơ bản, Bộ Tư pháp thấy rằng, nội dung dự án Luật phù hợp với quy định và tinh thần của Hiến pháp năm 2013. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát một số quy định để bảo đảm tính thống nhất của dự án Luật so với hệ thống pháp luật hiện hành. Cụ thể:

a) Theo Luật Di sản văn hóa năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), di sản văn hóa bao gồm di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể. Điều 26 Luật Di sản văn hóa quy định Nhà nước tôn vinh và có chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân có tài năng xuất sắc, nắm giữ và có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thông qua việc *tặng, truy tặng Huân chương, danh hiệu vinh dự nhà nước*. Tuy nhiên, Điều 66 dự án Luật quy định danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú" *để tặng* cho cá nhân có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể. Như vậy, dự án Luật không ghi nhận truy tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực văn hóa phi vật thể. Để bảo đảm tính thống nhất với Luật Di sản văn hóa, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu nội dung này để có quy định phù hợp.

b) Điều 27 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, có hiệu lực thi hành từ 01/7/2020) quy định kết quả của hoạt động đánh giá cán bộ là căn cứ để bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với cán bộ. Theo đó, cán bộ, công chức được đánh giá, xếp loại hàng năm theo các mức độ hoàn thành nhiệm vụ về: (i) chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; (ii) phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong và lề lối làm việc; (iii) năng lực lãnh đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ; (iv) tinh thần trách nhiệm trong công tác; (v) kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Qua rà soát, Bộ Tư pháp nhận thấy, một số các tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến" (Điều 21, 22 dự án Luật) trùng với tiêu chí phân loại cán bộ, công chức như tiêu chuẩn về chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đạo đức, lối sống; tích cực học tập chính trị, chuyên môn nghiệp vụ; có sáng kiến, giải pháp cụ thể được áp dụng, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của các cơ quan, tổ chức... Do vậy, nếu dự án Luật quy định tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến" là "được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên" thì cần rà soát, lược bỏ các tiêu chuẩn trùng lặp với đánh giá cán bộ để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Nghị quyết số 26/NQ-TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ và quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức.

c) Điều 2 Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả quy định không lồng ghép các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế vào các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thuộc lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước. Qua rà soát, Bộ Tư pháp nhận thấy, điều 91, 92 dự án Luật quy định về cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; cơ quan chuyên trách thi đua, khen thưởng ở Trung ương; thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp nhưng các nội dung này chưa được tổng kết, đánh giá đầy đủ việc thực hiện. Để bảo đảm tính thống nhất với Nghị quyết số 56/2017/QH14, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc nội dung này. Trường hợp cần thiết quy định về tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng tại dự án Luật để kiện toàn bộ máy nhằm tạo sự thống nhất, ổn định từ Trung ương đến địa phương theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, cơ quan chủ trì soạn thảo cần có giải trình, đánh giá tác động kỹ lưỡng và thể hiện rõ định hướng xây dựng, sắp xếp các tổ chức này trong dự án Luật hoặc Tờ trình để Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có cơ sở xem xét, quyết định.

3.2. Về tính tương thích của nội dung dự án Luật với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Qua rà soát, Bộ Tư pháp nhận thấy, dự án Luật không có nội dung trái với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Sự cần thiết, tính hợp lý và chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính trong dự án Luật

Dự án Luật quy định nhiều nhóm thủ tục hành chính trong việc xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. Về cơ bản, cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa Báo cáo đánh giá tác động TTHC và các biểu mẫu kèm theo như sau:

- Bổ sung việc đánh giá tác động đối với quy định sửa đổi về đối tượng, thẩm quyền, tiêu chuẩn khen thưởng (được trình bày ở trang 5, 6, 7, 8 dự thảo Tờ trình) vì đây cũng là bộ phận của TTHC.

- Bổ sung việc đánh giá tác động đối với quy định giảm bớt thành phần hồ sơ đề nghị khen thưởng như đã trình bày ở trang 9 dự thảo Tờ trình;

- Bổ sung việc đánh giá tác động đối với quy định bổ sung về hồ sơ, thủ tục khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

- Đối với thủ tục mới (thủ tục xét tặng danh hiệu thi đua Xã tiêu biểu, Phường, thị trấn tiêu biểu) thì chỉ đánh giá tác động đối với những bộ phận TTHC được quy định trong dự án Luật, còn những bộ phận chưa được quy định thì đánh giá khái quát; các nội dung đánh giá cụ thể sẽ được thực hiện khi xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật này.

Ngoài ra, Bộ Tư pháp nhận thấy, dự án Luật chưa thể hiện các nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng, đặc biệt về quy trình giải quyết, xây dựng cơ sở dữ liệu trong việc lưu trữ, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức để bảo đảm tính liên thông trong quá trình xét tặng các cấp. Trong giai đoạn xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số ở Việt Nam hiện nay, cơ quan chủ trì soạn thảo cần cân nhắc quy định cụ thể các nội dung này tại nhằm bảo đảm thực hiện chủ trương về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng theo Chỉ thị số 34-CT/TW của Bộ Chính trị.

5. Điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính bảo đảm thi hành Luật

Bộ Tư pháp nhận thấy, dự thảo Tờ trình hiện chưa có đánh giá về điều kiện đảm bảo về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành Luật. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nội dung nói trên vào dự thảo Tờ trình.

6. Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật

Bộ Tư pháp nhận thấy, nội dung của dự án Luật có liên quan trực tiếp tới vấn đề bình đẳng giới như các quy định tạo điều kiện thuận lợi bình xét danh hiệu thi đua và khen thưởng cho nữ giới khi nghỉ chế độ thai sản, quy định nguyên tắc xét khen thưởng cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên được quan tâm xét khen thưởng... Cơ quan chủ trì soạn thảo đã có Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật, tuy nhiên, nội dung còn trải đều ở các quy định, trong đó chưa xác định được vấn đề giới, chưa phân tích nguyên nhân của vấn đề giới và đề xuất các giải pháp để giải quyết vấn đề giới.

Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện thêm Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới theo đúng quy định tại Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 của Chính phủ quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới và Thông tư số 17/2014/TT-BTP ngày 13/8/2014 của Bộ Tư pháp quy định lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó cần đánh giá tác động về giới theo từng nội dung hoạt động phù hợp với mức độ tác động, ảnh hưởng về giới của mỗi hoạt động; xác định rõ các tác động về chính sách, giải pháp để giải quyết vấn đề giới và trách nhiệm, nguồn lực giải quyết vấn đề giới trong dự án Luật.

7. Về ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày, trình tự, thủ tục soạn thảo

Về cơ bản, hồ sơ dự án Luật được chuẩn bị đầy đủ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Tại dự thảo Tờ trình đã báo cáo rõ quá trình soạn thảo Luật, gồm thành lập Ban soạn thảo, tổ biên tập; tổ chức lấy ý kiến của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đăng tải dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Nội vụ để lấy ý kiến của các cá nhân, tổ chức. Các ý kiến đã được cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu.

Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ dự án Luật để bảo đảm ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật như việc sử dụng một số thuật ngữ còn chưa rõ nội hàm như cơ quan chức năng (khoản 5 Điều 85); cơ quan quản lý nhà nước về thi đua khen thưởng; cơ quan chuyên trách về thi đua khen thưởng hoặc khó xác định như tác phẩm đặc biệt xuất sắc, có giá trị rất cao về khoa học, tư tưởng (khoản 1 Điều 68) hoặc tên Mục trùng tên điều (Điều 32, Diều 53, Diều 67...). Ngoài ra, Bộ Tư pháp nhận thấy, dự án Luật giao quy định chi tiết khá nhiều nội dung: 01 nội dung giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 33 nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết. Để bảo đảm tính minh bạch, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát các nội dung để quy định chi tiết ngay

tại dự án Luật, tránh tình trạng Luật giao Nghị định, Nghị định giao Thông tư hướng dẫn gây khó khăn trong quá trình áp dụng.

8. Về nội dung xin ý kiến

Tại dự thảo Tờ trình, cơ quan chủ trì soạn thảo đưa ra 03 vấn đề xin ý kiến Chính phủ, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

8.1. Về việc bổ sung hình thức "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" để tặng thưởng cho đối tượng là Thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ các thời kỳ kháng chiến, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Bộ Tư pháp nhất trí theo loại ý kiến thứ hai với các lý do Bộ Nội vụ nêu trong dự thảo Tờ trình, theo đó, dự án Luật không bổ sung hình thức khen thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" để tặng cho Thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ các thời kỳ kháng chiến. Trường hợp thực sự cần thiết để giải quyết xét tặng danh hiệu này, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục đánh giá, xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương có liên quan để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết phù hợp với tình hình thực tiễn.

8.2. Về việc bổ sung hình thức "Huân chương Vì cộng đồng" để khen thưởng các cá nhân, tổ chức có thành tích trong công tác xã hội từ thiện

Đây là hình thức khen thưởng cho cá nhân có những đóng góp lớn cho cộng đồng, hoạt động xã hội vì mục đích từ thiện, nhân đạo. Trên thực tế, để khen thưởng cá nhân, tổ chức có thành tích trong công tác xã hội từ thiện đã có hình thức tặng thưởng "Huân chương Lao động" các hạng. Trong khi đó, các tiêu chuẩn tặng "Huân chương Lao động" tại Điều 43 dự án Luật lại chưa phù hợp để xét tặng cho cá nhân, tổ chức có thành tích trong công tác xã hội từ thiện. Bộ Tư pháp cho rằng, việc bổ sung hình thức "Huân chương Vì cộng đồng" vào dự án Luật để thay thế hình thức khen thưởng cho phù hợp với đối tượng là một giải pháp cần được cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình cụ thể, đánh giá kỹ về nguồn nhân lực, kinh phí để triển khai thực hiện có hiệu quả.

8.3. Về lựa chọn tên danh hiệu thi đua: Danh hiệu "Xã văn hóa", "Phường, thị trấn văn hóa", "thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hóa", "Gia đình văn hóa" hay danh hiệu "Xã tiêu biểu", "Phường, thị trấn tiêu biểu", "thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố tiêu biểu", "Gia đình tiêu biểu"

Bộ Tư pháp nhất trí theo ý kiến thứ nhất với các lập luận của Bộ Nội vụ. Theo đó, tên danh hiệu thi đua là danh hiệu "Xã tiêu biểu", "Phường, thị trấn tiêu biểu", "thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố tiêu biểu", "Gia đình tiêu biểu". Tuy nhiên, các tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Xã tiêu biểu" tại Điều 30 còn trùng với Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Bên cạnh đó, thực tế hiện nay, việc xét tặng các danh hiệu này đang có xu hướng tràn lan, không đúng thực chất, tiêu chuẩn xét tặng còn chưa rõ ràng. Vì vậy, đề nghị cơ

quan chủ trì soạn thảo cân nhắc về tính khả thi về nguồn nhân lực, nguồn tài chính để thực hiện khi quy định danh hiệu này trong dự án Luật.

9. Về một số nội dung cụ thể

9.1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1,2)

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định rõ phạm vi điều chỉnh của dự án Luật, theo đó cần xác định dự án Luật điều chỉnh tất cả các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng (bao gồm cả các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nhân, doanh nghiệp...) hay chỉ điều chỉnh các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do đại diện cơ quan nhà nước trao tặng. Việc xác định rõ phạm vi điều chỉnh nhằm xây dựng định hướng, nguyên tắc chung xuyên suốt để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng trong thời kỳ mới.

Về đối tượng áp dụng, dự án Luật áp dụng đối với cá nhân, tập thể, gia đình người Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và cá nhân, tập thể người nước ngoài. Các đối tượng này chủ yếu là chủ thể được tặng danh hiệu thi đua mà chưa thể hiện rõ vai trò của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc đề nghị xét tặng, quyết định trao tặng các danh hiệu. Để bảo đảm tính minh bạch, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc thiết kế quy định này theo hướng xác định rõ đối tượng điều chỉnh của dự án Luật là các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khen thưởng và đối tượng được xét khen thưởng.

9.2. Về giải thích từ ngữ và viết tắt (Điều 3)

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bỏ từ "viết tắt" tại tên gọi của Điều 3 và không đặt nội dung quy định tại khoản 5 ở điều về giải thích từ ngữ. Đồng thời, cụm từ *viết tắt bộ, ban, ngành, tỉnh* bao gồm Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Trung ương Đảng, các Ban của Đảng và tương đương ở Trung ương, Kiểm toán Nhà nước; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể Trung ương; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cũng cần được cân nhắc vì chưa phù hợp về tương quan vị trí và thẩm quyền đề nghị khen thưởng, do Tòa án nhân dân Tối cao là cơ quan xét xử, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao là cơ quan thực hành quyền công tố, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Trung ương Đảng không phải các cơ quan thuộc Chính phủ, không cùng cấp với bộ, ban, ngành.

9.3. Về các loại hình khen thưởng (Điều 4)

Điều 4 dự án Luật quy định 6 loại hình khen thưởng. Tuy nhiên, đối chiếu các loại hình khen thưởng vào toàn bộ nội dung dự án Luật lại chưa có sự liên kết, chưa rõ các loại hình khen thưởng này được cụ thể bằng các danh

hiệu thi đua nào, chưa thể hiện tính chất thứ bậc của các loại hình khen thưởng. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng, ngăn ngừa tiêu cực trong công tác thi đua, khen thưởng, tránh tình trạng khen thưởng tràn lan, không thực chất, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, quy định cụ thể các nội dung này.

9.4. Về nguyên tắc thi đua, khen thưởng (Điều 6)

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các chủ trương tại Chỉ thị số 34-CT/TW và thể hiện thành nguyên tắc thi đua, khen thưởng để bảo đảm các quan điểm chỉ đạo của Đảng xuyên suốt trong đổi mới công tác thi đua, khen thưởng như bảo đảm nguyên tắc khen thưởng từ thấp đến cao; chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ; quan tâm khen thưởng cơ sở, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo và vùng dân tộc thiểu số; cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng…

9.5. Về Cờ thi đua cấp tổng cục và tương đương, Bằng khen cấp tổng cục và tương đương, Cờ thi đua, Bằng khen của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh, Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (Điều 25, 75)

Đây là hai điều hoàn toàn mới tại dự án Luật. Theo đó, các điều 25, 75 dự án Luật không quy định tiêu chuẩn cụ thể mà phân cấp thẩm quyền cho bộ, ngành, địa phương quy định điều kiện, tiêu chuẩn, đối tượng tặng thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của bộ, ngành, địa phương. Tuy nhiên, đối với danh hiệu Cờ của tổng cục, Bằng khen cấp tổng cục và tương đương cần được cân nhắc, đánh giá vì tập thể, cán bộ, công chức khi đạt các tiêu chuẩn vẫn được xét Cờ thi đua của Bộ, Bằng khen của Bộ chủ quản. Nếu phát sinh thêm danh hiệu thi đua, hình thức thi đua cấp tổng cục có thể dẫn tới tình trạng khen thưởng tràn lan, không thực chất.

Tương tự, đối với Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh đều có vị trí pháp lý tương đương "đơn vị sự nghiệp thuộc Chính phủ" do Chính phủ quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức tại Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 về Đại học Quốc gia. Thực tế, hoạt động thi đua, khen thưởng của hai Đại học Quốc gia cũng đang thuộc Khối Thi đua, khen thưởng các Bộ, ngành Khoa học - Văn hóa - Xã hội và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng tương đương với danh hiệu thuộc Bộ, ban, ngành. Vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc việc mở rộng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng tại Điều 25, 75 dự án Luật để bảo đảm phù hợp với chủ trương triển khai công tác thi đua, khen thưởng có hiệu quả, chống hình thức tại Chỉ thị số 34-CT/TW. Trường hợp cần thiết quy định danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng này tại dự án Luật thì cơ quan chủ trì soạn thảo cần đánh giá kỹ về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm tính khả thi khi áp dụng.

9.6. Về các danh hiệu thi đua khác (Điều 31)

Điều 31 dự án Luật quy định các danh hiệu thi đua của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội; các danh hiệu thi đua đối với cá nhân, tập thể, những người đang học tập tại nhà trường, cơ sở giáo dục khác... Bộ Tư pháp nhận thấy, các danh hiệu này chưa được xác định cụ thể là danh hiệu gì, có thuộc loại hình khen thưởng theo phạm vi điều chỉnh của Luật hay không. Để tránh sự tùy nghi trong quá trình xét tặng, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc để thiết kế quy định này cho phù hợp.

9.7. Về danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" (Điều 60)

Hiện nay, các trường hợp xét tặng, truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" được quy định tại Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" năm 1994 (sửa đổi, bổ sung năm 2012). Để bảo đảm tính minh bạch, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, xác định rõ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" là danh hiệu khen thưởng hay chỉ là chính sách cho người có công để có quy định phù hợp. Trường hợp xác định là danh hiệu khen thưởng thì nghiên cứu luật hóa các quy định tại Pháp lệnh theo hướng: Điều 60 dự án Luật sẽ quy định các trường hợp được tặng hoặc truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"; phần chính sách sẽ thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. Trường hợp xác định là đối tượng hưởng các chế độ ưu đãi cho người có công với cách mạng thì không quy định tại dự án Luật mà cần tiến hành tổng kết, đánh giá đề xuất sửa Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" để giải quyết các vấn đề phát sinh, bảo đảm phù hợp với thực tiễn.

9.8. Về danh hiệu "Nghệ sỹ nhân dân", "Nghệ sỹ ưu tú" (Điều 65)

Khoản 1 Điều 65 quy định đối tượng được xét tặng danh hiệu "Nghệ sỹ nhân dân", "Nghệ sỹ ưu tú" gồm cả nhạc sỹ và phát thanh viên trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp nhận thấy, "Nhạc sỹ" là người sáng tác và soạn nhạc; trường hợp tác phẩm của nghệ sỹ có giá trị và đủ các tiêu chuẩn sẽ được xét tặng "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước". Tương tự, "Phát thanh viên" làm việc tại các Đài phát thanh, truyền hình; trên thực tế phát thanh viên đảm nhiệm cả việc biên tập tin tức như một nhà báo. Do đó, việc coi các đối tượng này là nghệ sỹ để xét tặng danh hiệu "Nghệ sỹ nhân dân", "Nghệ sỹ ưu tú" là chưa thực sự phù hợp.

Về các tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Nghệ sỹ nhân dân", "Nghệ sỹ ưu tú" cơ bản được kế thừa quy định của Luật Thi đua, khen thưởng hiện hành. Tuy nhiên, trong thời gian qua, việc xét tặng 02 danh hiệu này đã có nhiều trường hợp được xét đặc cách phong tặng danh hiệu do thiếu một số tiêu chuẩn như: chưa đủ số lượng giải thưởng của các liên hoan, cuộc thi, hội diễn nghệ thuật trong nước hoặc ngoài nước; thiếu thời gian hoạt động trong lĩnh vực nghệ

thuật... Do đó, để bảo đảm tính khả thi, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc quy định tiêu chuẩn phù hợp thực tiễn, tránh trường hợp xét đặc cách, không phù hợp với quy định của Luật Thi đua, khen thưởng.

Tương tự, đề nghị rà soát các tiêu chuẩn xét tặng các danh hiệu "Nhà giáo nhân dân", "Nhà giáo ưu tú"; "Thầy thuốc nhân dân", "Thầy thuốc ưu tú"; "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" (Điều 63, 64, 66) để bảo đảm tính khả thi khi áp dụng trên thực tế.

9.9. Về hủy bỏ quyết định khen thưởng, tước danh hiệu (Điều 97)

Tên gọi Điều 97 chưa bao quát hết nội dung của điều vì Điều 97 quy định các trường hợp bị hủy bỏ quyết định khen thưởng, thu hồi các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và tước danh hiệu. Mặc dù việc hủy bỏ, thu hồi hoặc tước danh hiệu đều là các chế tài được áp dụng khi phát hiện ra sai phạm liên quan đến quá trình khen thưởng nhưng thời điểm áp dụng, thẩm quyền áp dụng cũng như hậu quả pháp lý khác nhau. Do đó, để bảo đảm tính minh bạch trong quá trình áp dụng, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa tên gọi của điều; quy định cụ thể các trường hợp áp dụng từng chế tài; bổ sung thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng, thu hồi các danh hiệu thi đua hoặc tước danh hiệu; đồng thời bổ sung các trường hợp được xem xét phục hồi danh hiệu trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xét xử oan sai và được cơ quan có thẩm quyền minh oan, sửa sai.

Khoản 2 Điều 97 đề nghị cân nhắc bổ sung đối tượng bị tước danh hiệu vinh dự nhà nước đối với tổ chức được tặng thưởng mà bị tòa án tuyên có tội và bản án đã có hiệu lực pháp luật.

9.10. Về hiệu lực thi hành (Điều 101)

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định cụ thể về hiệu lực thi hành của dự án Luật và xác định rõ Luật có hiệu lực sẽ thay thế cho Luật Thi đua, khen thưởng hiện hành. Đồng thời, cần bổ sung điều khoản chuyển tiếp trong trường hợp một số danh hiệu theo dự án Luật được bổ sung tiêu chuẩn so với quy định hiện hành thì áp dụng quy định nào để bảo đảm tính thống nhất trong quá trình áp dụng.

9.11. Về việc khen thưởng cho các đại biểu Quốc hội

Đây là nội dung được nhiều đại biểu Quốc hội có ý kiến trong thời gian vừa qua. Thực tế cho thấy, trong suốt quá trình công tác, đại biểu Quốc hội chuyên trách hay kiêm nhiệm hầu như chỉ được đề nghị xét khen thưởng khi chuẩn bị về hưu hoặc sau khi đã nghỉ hưu. Để có cơ sở pháp lý cho việc ghi nhận thành tích, công trạng và cống hiến của đại biểu Quốc hội thông qua các hình thức khen thưởng, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu, đánh giá cụ thể để quy định hình thức khen thưởng phù hợp cho các

hình thức khen thưởng, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu, đánh giá cụ thể để quy định hình thức khen thưởng phù hợp cho các đại biểu dân cử nói chung, đại biểu Quốc hội nói riêng khi hoàn thành nhiệm vụ tại mỗi nhiệm kỳ.

III. KẾT LUẬN

Trên cơ sở ý kiến thẩm định từng nội dung trên, Bộ Tư pháp có ý kiến kết luận như sau:

Bộ Tư pháp đồng tình về sự cần thiết phải ban hành Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi). Tuy nhiên, do phạm vi sửa đổi toàn diện với tính chất phức tạp của các quan hệ xã hội thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật, nhiều nội dung chính sách cần được rà soát, đánh giá tác động kỹ lưỡng, vì vậy, Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến trình Quốc hội Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, trong đó đề xuất dự án Luật này sẽ lùi thời gian trình từ cho ý kiến tại kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2020) sang Chương trình trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp 2 Quốc hội khóa XV (tháng 10/2021). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến nêu tại Báo cáo thẩm định, rà soát để có quy định cụ thể trước khi báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định, đồng thời gửi Bộ Tư pháp văn bản tiếp thu, chỉnh lý ý kiến thẩm định để theo dõi, phối hợp. Đối với các ý kiến không tiếp thu phải được giải trình, nêu rõ lý do.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi), xin gửi tới Quý cơ quan để nghiên cứu, chỉnh lý và tổng hợp báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cổng TTĐT Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Vụ VĐCXDPL (để theo dõi);
- Lưu VT, Vụ PLHSHC (3b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đặng Hoàng Oanh

BỘ NỘI VỤ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1135/BC-BNV	*Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2021*

BÁO CÁO
Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi)

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 16 tháng 4 năm 2020, Bộ Nội vụ có văn bản số 1922/BNV-BTĐKT đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi).

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, Bộ Nội vụ nhận được ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại văn bản số 110/BC-BTP. Sau khi nghiên cứu, Bộ Nội vụ báo cáo tiếp thu, giải trình như sau:

I. Những nội dung Bộ Tư pháp thống nhất với cơ quan soạn thảo

1. Thống nhất về sự cần thiết xây dựng dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi) thay thế Luật Thi đua, khen thưởng hiện hành nhằm khắc phục những bất cập, đồng thời bổ sung những vấn đề mới phát sinh phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, góp phần tạo hành lang pháp lý, thúc đẩy phát huy mục đích, vai trò của việc tổ chức các phong trào thi đua và thực hiện công tác khen thưởng, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trong tình hình mới.

2. Thống nhất đánh giá nội dung dự án Luật cơ bản phù hợp với quy định và tinh thần của Hiến pháp năm 2013 và không có nội dung trái với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Cơ quan soạn thảo đã thực hiện báo cáo đánh giá thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.

4. Quá trình xây dựng dự án Luật, Cơ quan soạn thảo đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Về nội dung xin ý kiến Chính phủ, Bộ Tư pháp nhất trí với ý kiến của Bộ Nội vụ không bổ sung hình thức "Huy chương thanh niên xung phong vẻ vang"

vào dự thảo Luật mà đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết cá biệt giải quyết về vấn đề này; thống nhất tên danh hiệu thi đua là "Xã tiêu biểu", "Phường, thị trấn tiêu biểu", "Thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố tiêu biểu", "Gia đình tiêu biểu". Các ý kiến của Bộ Tư pháp sẽ được cơ quan chủ trì soạn thảo thể hiện tại Tờ trình Chính phủ.

II. Những nội dung cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp

1. Tiếp thu ý kiến đề nghị cần đánh giá cụ thể hơn về những kết quả đạt được, những tồn tại, bất cập từ quy định của Luật Thi đua, khen thưởng hiện hành để đảm bảo cơ sở thuyết phục hơn về sự cần thiết ban hành Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi) vào Báo cáo tổng kết 17 năm thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng và Tờ trình Chính phủ.

2. Tiếp thu ý kiến đề nghị cần rà soát cụ thể hóa các chủ trương, quan điểm của Đảng được nêu trong Chỉ thị số 34/CT-TW ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Bộ Chính trị; Thông báo số 120 - TB/TW ngày 18/01/2013 của Bộ Chính trị về Đề án đổi mới công tác thi đua, khen thưởng như: tránh tình trạng khen thưởng tràn lan, không thực chất, nâng cao tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng, khen thưởng đảm bảo chính xác, không trùng lặp, chồng chéo; tập trung hướng về cơ sở, chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ, quan tâm khen thưởng cơ sở, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số; bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để tổ chức phát động với các hình thức phong phú, hấp dẫn, có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, có tiêu chí cụ thể, nội dung thiết thực, triển khai có hiệu quả, chống hình thức; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng. Các nội dung này, cơ quan soạn thảo đã cụ thể hóa tại các điều, khoản của dự thảo Luật, cụ thể như sau:

- Về khen thưởng tập thể nhỏ, công nhân, nông dân, người lao động.

+ Đối với tập thể nhỏ không thuộc đối tượng tặng "Cờ thi đua" dự thảo Luật quy định tiêu chuẩn thay thế để tạo điều kiện cho tập thể nhỏ được khen thưởng cấp nhà nước đến Huân chương Lao động hạng Ba (điểm a khoản 3 Điều 42 dự thảo Luật), Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Ba (điểm b khoản 2 Điều 45 dự thảo Luật).

+ Đối với công nhân, nông dân, người lao động dự thảo Luật đã quy định cụ thể tiêu chuẩn tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất (khoản 2 Điều 40), Huân chương Lao động hạng Nhì (khoản 2 Điều 41), Huân chương Lao động hạng Ba (Khoản 2 Điều 42); Bằng khen Thủ tướng Chính phủ (khoản 2 Điều 72), Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh (khoản 2 Điều 73).

- Về khen thưởng cở sở, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và vùng dân tộc thiểu số.

+ Về khen thưởng cơ sở: Dự thảo luật đã bổ sung thêm danh hiệu thi đua "Xã, Phường, Thị trấn tiêu biểu" (Điều 27) để khen thưởng kịp thời đối với từng

địa phương cụ thể; Bổ sung đối tượng khen thưởng là gia đình được khen thưởng các hình thức Bằng khen Thủ tướng Chính phủ (khoản 4 Điều 72), Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh (khoản 3 Điều 73), Giấy khen (khoản 2 Điều 75) cho phù hợp với thực tiễn do có nhiều gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội xứng đáng được khen thưởng.

+ Về khen thưởng vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và vùng dân tộc thiểu số: Do Luật có đối tượng, phạm vi điều chỉnh rộng, không quy định cụ thể từng tiêu chuẩn cho từng đối tượng được, vì vậy Luật quy định căn cứ xét khen thưởng căn cứ vào điều kiện và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích (khoản 3 Điều 10) và phân cấp cho địa phương căn cứ đặc điểm, tình hình, điều kiện cụ thể để quy định về đối tượng, tiêu chuẩn cho phù hợp, cụ thể như sau.

* Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định cụ thể tiêu chuẩn tặng xét danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến" (Điều 22).

* Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định đối tượng, tiêu chí xét tặng "Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh" (Điều 24).

* Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", "Đơn vị Quyết thắng" (Điều 25).

* Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến" (Điều 26).

* Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định cụ thể tiêu chuẩn Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh cho cá nhân, gia đình (Điều 73).

* Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định tiêu chuẩn tặng Giấy khen tập thể, cá nhân, gia đình (Điều 75).

- Về khen thưởng đối với các cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang, dân quân, tự vệ, công an xã, bảo vệ dân phố, dân phòng.

Hiện nay, Luật Thi đua, khen thưởng đã quy định các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang các hình thức "Chiến sĩ tiên tiến", "Chiến sĩ thi đua các cấp" và các loại Huân chương, Huy chương quy định để tặng riêng cho lực lượng vũ trang. Đối với dân quân, tự vệ, công an xã, bảo vệ dân phố, dân phòng tại các văn bản hướng dẫn thi hành Luật trên cơ sở cụ thể hóa căn cứ xét khen thưởng tại hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích, dự thảo Luật đã phân cấp cho bộ, ngành, địa phương quy định chi tiết khen thưởng cho các đối tượng này.

- Về khen thưởng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài, dự thảo Luật đã thể chế quan điểm của Chỉ thị 34 –CT/TW về khen thưởng đối ngoại và đã quy định khen thưởng cho đối tượng là cá nhân, tổ chức nước ngoài có thành tích đặc biệt xuất sắc đối với Nhà nước Việt Nam với các hình thức khen thưởng Huân chương Hồ Chí Minh

(Điều 33), Huân chương Độc lập hạng Nhất, Nhì, Ba (Điều 34, 35, 36); tặng Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba (Điều 41, 42, 43), Bằng khen Thủ tướng Chính phủ (Điều 72) cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đặc biệt xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận, đề nghị và giao Chính phủ quy định thủ tục, hồ sơ.

- Về cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng.

+ Về cải cách thủ tục hành chính: Khoản 5 Điều 84 dự thảo Luật quy định: Giảm số lượng hồ sơ từ 03 bộ đối với hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước và 02 bộ đối với hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ xuống còn 01 bộ khi nộp về cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở trung ương. Quy định các trường hợp khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng: Dự thảo Luật sẽ quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng và hệ thống thi đua, khen thưởng để tạo cơ sở pháp lý khi triển khai thực hiện (khoản 9 Điều 88 về nội dung quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng).

3. Tiếp thu ý kiến bổ sung hình thức "truy tặng" danh hiệu "Nghệ nhân dân dân", "Nghệ nhân ưu tú" vào Điều 65 dự thảo Luật để phù hợp với Luật Di sản văn hóa năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

4. Tiếp thu đề nghị nghiên cứu các tiêu chuẩn xét danh hiệu "Nghệ sĩ nhân dân", "Nghệ sĩ ưu tú" để tránh trường hợp xét đặc cách; nghiên cứu đối tượng xét danh hiệu "Nghệ sĩ nhân dân", "Nghệ sĩ ưu tú" là phát thanh viên và nhạc sĩ (Điều 64 dự án Luật) tại Tờ trình Chính phủ.

5. Tiếp thu ý kiến lược bỏ một số tiêu chuẩn xét danh hiệu "Lao động tiên tiến" (Điều 22 dự thảo Luật) như: Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; đạo đức lối sống, tích cực học tập chính trị, chuyên môn nghiệp vụ (do trùng với tiêu chuẩn đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm).

6. Tiếp thu ý kiến đề nghị bổ sung đánh giá tác động thủ tục hành chính đối với các quy định sửa đổi về đối tượng, thẩm quyền, tiêu chuẩn khen thưởng được trình bày tại trang 5, 6,7 và trang 8 của dự thảo Tờ trình; bổ sung việc đánh giá tác động thủ tục hành chính đối với quy định giảm bớt thành phần hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản; đánh giá khát quát thủ tục mới như thủ tục xét tặng danh hiệu thi đua "Xã tiêu biểu, Phường, Thị trấn tiêu biểu" vào Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính trong dự thảo Luật.

7. Tiếp thu ý kiến cân nhắc bổ sung "Cờ thi đua cấp tổng cục và tương đương; Bằng khen cấp tổng cục và tương đương, Cờ thi đua, Bằng khen của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh, Tập đoàn kinh tế, Tổng

công ty Nhà nước do Chính phủ quyết định thành lập vào dự án Luật". Nội dung này đã được báo cáo xin ý kiến Chính phủ tại Tờ trình Chính phủ.

8. Tiếp thu ý kiến đánh giá về điều kiện đảm bảo về nguồn nhân lực, tài chính để đảm bảo thi hành Luật tại dự thảo Tờ trình Chính phủ.

9. Tiếp thu ý kiến đề nghị hoàn thiện thêm Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới theo quy định tại Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 của Chính phủ và Thông tư số 17/2014/TT-BTP ngày 13/8/2014 của Bộ Tư pháp quy định lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật vào báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.

10. Tiếp thu ý kiến đề nghị chỉnh sửa tên Điều 95 dự thảo Luật; quy định cụ thể các trường hợp áp dụng từng chế tài; bổ sung thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng, thu hồi danh hiệu thi đua hoặc tước danh hiệu; bổ sung đối tượng tổ chức là pháp nhân thương mại vi phạm pháp luật hình sự bị hình phạt "Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn" bị tước danh hiệu vinh dự nhà nước (khoản 3 Điều 95); bổ sung các trường hợp được xem xét phục hồi danh hiệu trong trường hợp các nhân, tổ chức bị xét xử oan sai và được cơ quan có thẩm quyền minh oan, sửa sai (khoản 4 Điều 95).

11. Tiếp thu ý kiến đề nghị quy định cụ thể về hiệu lực thi hành và Luật thay thế cho Luật Thi đua, khen thưởng hiện hành; các nội dung quy định chuyển tiếp (Điều 99).

12. Về ý kiến đề nghị cần làm rõ các loại hình khen thưởng đã nêu trong Điều 4 dự thảo Luật, cơ quan soạn thảo đã chuyển nội dung giải thích từ ngữ tại khoản 3, Điều 3 dự thảo luật sang Điều 3 để làm rõ các loại hình khen thưởng: Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được; khen thưởng theo đợt hoặc chuyên đề; khen thưởng đột xuất; khen thưởng quá trình cống hiến; khen thưởng theo niên hạn; khen thưởng đối ngoại và được thể hiện cụ thể trong các tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng từ Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh cho đến Huân chương Sao vàng.

13. Tiếp thu rà soát các thuật ngữ quy định tại Điều 88, Điều 89 về "cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng", "cơ quan chuyên trách về thi đua, khen thưởng ở Trung ương".

- Cơ quan quản lý Nhà nước về thi đua khen thưởng là cơ quan được Luật giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

- Cơ quan chuyên chuyên trách về thi đua, khen thưởng là cơ quan thực hiện chức năng chuyên môn, nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng như Vụ, phòng, Ban thi đua, khen thưởng các bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, Ban Thi đua – Khen thưởng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (chức năng thẩm định hồ sơ, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ).

14. Tiếp thu rà soát ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày, trình tự, thủ tục soạn thảo như bỏ cụm từ "viết tắt" tại tên gọi Điều 3 dự thảo Luật; không ghi tên điều trùng tên mục tại các Điều 31, 52, 66 của dự thảo Luật.

15. Tiếp thu ý kiến đề nghị bổ sung quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong thi đua, khen thưởng (khoản 9 Điều 88 dự thảo Luật); khen thưởng đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách (đã xây dựng Báo cáo đánh giá); dự kiến về nguồn lực tài chính khi bổ sung các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (đã nêu tại Tờ trình Chính phủ).

16. Tiếp thu ý kiến đề nghị nghiên cứu quy định tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng trong dự án Luật. Cơ quan soạn thảo dự kiến quy định thành 01 khoản tại Điều 89 Cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng: "Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng".

III. Những nội dung cơ quan soạn thảo giải trình

1. Về ý kiến đề nghị cụ thể hóa các chủ trương của Đảng trong Thông báo kết luận của Ban Bí thư tại văn bản số 3257/CV-VPTW ngày 07/02/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng.

Cơ quan soạn thảo có ý kiến như sau:

Thực hiện Thông báo kết luận của Ban Bí thư tại văn bản số 3257/CV-VPTW ngày 07/02/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng. Trong trong quá trình lập hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật, Cơ quan soạn thảo đã nghiên cứu, đánh giá tác động chính sách khi bổ sung hình thức khen thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" cho cựu Thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong các thời kỳ kháng chiến" vào dự án Luật và gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, có 17/97 ý kiến thống nhất phương án không bổ sung; 03/97 ý kiến đề nghị phương án bổ sung; 77/97 bộ, ngành, địa phương không có ý kiến. Do còn có ý kiến khác nhau, Cơ quan soạn thảo đã nêu quan điểm trong Tờ trình để xin ý kiến Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Về ý kiến đề nghị thực hiện chủ trương giảm bớt các hình thức khen thưởng cấp nhà nước theo Thông báo số 120-TB/TW ngày 18/01/2013 của Bộ Chính trị.

Cơ quan soạn thảo có ý kiến như sau:

Luật Thi đua, khen thưởng hiện hành quy định nhiều hình thức khen thưởng cấp nhà nước (hiện nước ta có 26 hình thức khen thưởng với 42 cấp độ khen thưởng). Quá trình thực hiện các hình thức khen thưởng đã thực hiện tương đối ổn định, có tác dụng động viên, khích lệ, biểu dương, tôn vinh công trang các tập thể, cá nhân có thành tích xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, chưa có cơ sở thực tiễn để đề xuất giảm hình thức khen thưởng cấp nhà nước.

3. Về ý kiến đề nghị cơ quan soạn thảo xác định rõ phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng theo hướng xác định rõ đối tượng điều chỉnh là cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khen thưởng và đối tượng được khen thưởng.

Luật Thi đua, khen thưởng có đối tượng điều chỉnh rộng với nhiều danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác nhau, tương ứng với mỗi danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng là cấp có thẩm quyền khen thưởng và đề nghị cấp

trên khen thưởng được quy định tại Mục 1, Chương IV về thẩm quyền quyết định, trao tặng các hình thức khen thưởng, Mục 2, Chương IV về thẩm quyền, thủ tục và hồ sơ đề nghị, Điều 16 thẩm quyền phát động, chỉ đạo phong trào thi đua ở nhiều cấp, nếu đưa vào đối tượng áp dụng thì không phù hợp. Tại Điều 1 quy định về phạm vi điều chỉnh đã quy định thẩm quyền bao gồm các thẩm quyền trên. Vì vậy, cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo Luật.

4. Về việc quy định viết tắt "bộ, ban, ngành, tỉnh" tại khoản 5 Điều 1 dự thảo Luật.

Cơ quan soạn thảo có ý kiến như sau: Do Luật Thi đua, khen thưởng có phạm vi điều chỉnh rộng, các điều luật có nội dung liên quan đến các bộ, ban, ngành, địa phương. Nếu quy định cụ thể từng bộ, ban, ngành, địa phương thì không đảm bảo tính hợp lý về cách thức trình bày của văn bản quy phạm pháp luật. Ví dụ tên gọi như: Danh hiệu Cờ thi đua, Bằng khen cấp bộ, trong hệ thống bộ máy nhà nước có rất nhiều bộ, ban, ngành, nếu không dùng thuật ngữ viết tắt sẽ không đảm bảo được kỹ thuật trình bày văn bản để gọi tên các danh hiệu này. Việc quy định viết tắt không nhằm xác định vị trí của các cơ quan, tổ chức trong bộ máy nhà nước mà để xác định chủ thể có thẩm quyền trong việc thực hiện các quy định của Luật Thi đua, khen thưởng. Cơ quan soạn thảo đề nghị sửa khoản 5 Điều 1 dự thảo Luật như sau: Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Trung ương Đảng, các Ban của Đảng và tương đương ở Trung ương, Kiểm toán Nhà nước; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể Trung ương; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương *(gọi chung là bộ, ban, ngành, tỉnh)*.

5. Về ý kiến rà soát lược bỏ các tiêu chuẩn do trùng lặp giữa tiêu chuẩn xét danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" (Điều 21 dự thảo Luật), Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên tiêu chuẩn: "Có sáng kiến, đề án khoa học, đề tài khoa học" vì tiêu chuẩn này thể hiện tính tiêu biểu, nổi bật trong phong trào thi đua của cá nhân trong số cá nhân đạt "Lao động tiên tiến".

6. Về việc quy định các danh hiệu thi đua khác trong dự thảo Luật.

Cơ quan soạn thảo có ý kiến như sau: Theo quy định tại Điều 30 của dự thảo Luật quy định danh hiệu thi đua của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội; các danh hiệu thi đua đối với cá nhân, tập thể, những người đang học tập tại nhà trường, cơ sở giáo dục khác. Việc quy định này xuất phát từ tính đặc thù của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội tạo sự chủ động có hình thức phù hợp để động viên, khuyến khích thành viên tổ chức trên. Các danh hiệu do các tổ chức này quy định không trùng với các danh hiệu thi đua đã được quy định trong Luật và được sự thống nhất của cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở trung ương.

7. Về việc đề nghị xác định danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" trong dự thảo Luật là danh hiệu khen thưởng hay là chính sách cho người có công.

Cơ quan soạn thảo có ý kiến như sau: Danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" được quy định trong dự thảo Luật là hình thức khen thưởng trong hệ thống Danh hiệu vinh dự Nhà nước có giá trị ghi nhận công lao to lớn của các bà mẹ đã có nhiều cống hiến, hy sinh trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, đây là khen thưởng thành tích kháng chiến, không phải là chính sách cho người có công. Do công tác khen thưởng thành tích kháng chiến cơ bản đã hoàn thành, vì vậy, Cơ quan soạn thảo đề nghị không quy định tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể trong dự thảo Luật mà thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" năm 1994 (được sửa đổi, bổ sung năm 2012). Việc quy định như dự thảo Luật để tạo cơ sở pháp lý thực hiện chế độ, chính sách đối với các trường hợp được khen thưởng.

Trên đây là báo cáo của Bộ Nội vụ về việc tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi).

Bộ Nội vụ trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ; Bộ TP;
- Lưu: VT, Ban TĐKTTW (5b).

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Lê Vĩnh Tân

BỘ NỘI VỤ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4646/BC-BNV	*Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2021*

BÁO CÁO
Tổng kết đánh giá 17 năm thi hành Luật Thi đua, khen thưởng

Luật Thi đua, khen thưởng được Quốc hội khóa XI (kỳ họp thứ 4) thông qua ngày 26/11/2003, có hiệu lực từ ngày 01/7/2004. Luật Thi đua, khen thưởng **(**sau đây gọi tắt là Luật) đã được sửa đổi, bổ sung năm 2005 và năm 2013. Sau 17 năm thực hiện, Luật đã và đang đi vào cuộc sống, được các tầng lớp nhân dân đồng tình, ủng hộ. Bên cạnh những mặt tích cực, Luật còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Để tổng kết đánh giá việc triển khai thực hiện Luật, ngày 26/5/2017 Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 1873/QĐ-BNV thành lập Ban soạn thảo và Quyết định số 1874/QĐ-BNV về Kế hoạch thực hiện gửi các bộ, ban, ngành, địa phương đề nghị tổng kết đánh giá việc thi hành Luật, kiến nghị, đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn. Qua tổng hợp báo cáo của các bộ, ban, ngành, địa phương và quá trình thực tiễn triển khai Luật Thi đua, khen thưởng 17 năm qua, Bộ Nội vụ báo cáo như sau:

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ 17 NĂM THỰC HIỆN LUẬT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Trong những năm qua, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, tình hình thế giới, khu vực có nhiều diễn biến rất phức tạp; kinh tế thế giới phục hồi chậm; khủng hoảng chính trị ở nhiều nơi, nhiều nước; cạnh tranh về nhiều mặt ngày càng quyết liệt giữa các nước lớn; diễn biến phức tạp trên Biển Đông; đặc biệt là tình hình thiên tai, dịch bệnh trong thời gian gần đây... đã tác động bất lợi đến nước ta.

Khó khăn thách thức rất lớn, song dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, sự điều hành, triển khai quyết liệt, đồng bộ, có trọng tâm trọng điểm các giải pháp thực hiện nhiệm vụ kế hoạch của Chính phủ; với sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục chuyển biến tích cực. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát. Hầu hết các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại đã đạt được những kết quả tích cực; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện; chủ quyền quốc gia được bảo đảm; chính trị xã hội ổn định; vị thế quốc tế của nước ta tiếp tục được nâng lên, kết quả trên tạo tiền đề quan trọng để nước ta tiếp tục

phát triển nhanh, bền vững hơn trong giai đoạn mới. Đạt được những kết quả nêu trên có sự đóng góp tích cực, có hiệu quả của các phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng trong cả nước.

Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành Luật Thi đua, khen thưởng, cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp đã tham mưu cho các cấp ủy đảng, chính quyền thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng… Công tác thi đua, khen thưởng đã nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự hưởng ứng tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội và sự đồng lòng của nhân dân trong cả nước; sự phối hợp của các cơ quan thông tin, truyền thông trong việc tăng cường tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng, nêu gương, cổ vũ và nhân rộng các điển hình tiên tiến. Đó là những thuận lợi cơ bản, quan trọng để Luật Thi đua, khen thưởng đi vào cuộc sống.

I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC QUÁN TRIỆT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Tổ chức quán triệt Luật Thi đua, khen thưởng

Sau khi Luật Thi đua, khen thưởng có hiệu lực (tháng 7/2004), Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương (Ban TĐKT Trung ương) đã tổ chức Hội nghị toàn quốc để phổ biến, quán triệt cho cán bộ chủ chốt làm công tác thi đua, khen thưởng trên toàn quốc; phân công cán bộ hướng dẫn quán triệt nội dung cơ bản của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành tại các bộ, ban, ngành, địa phương; phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng tuyên truyền những nội dung cơ bản của Luật tới các tầng lớp nhân dân. Sau khi Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 34/CT-TW ngày 07/4/2014 "Về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng", Bộ Nội vụ đã tham mưu để Chính phủ tổ chức hội nghị trực tuyến toàn quốc để triển khai Chỉ thị của Bộ Chính trị và quán triệt, triển khai những điểm mới của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013; tổ chức Hội nghị tập huấn toàn quốc cho 462 cán bộ chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng của 84 bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị-xã hội Trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là bộ, ban, ngành, địa phương) và 11.405 lượt cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng trong toàn ngành.

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã tập trung tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng đến toàn thể đội ngũ cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng trong cả nước, các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân. Xây dựng chuyên trang, chuyên mục để tuyên truyền, giới thiệu về Luật Thi đua, khen thưởng trên Tạp chí, Cổng thông tin điện tử; phối hợp xuất bản sách về Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy định chi tiết thi hành để phát hành trong toàn quốc. Tổ chức soạn thảo, xây dựng tập bài giảng với từng chuyên đề phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về công tác thi đua,

khen thưởng; hàng năm, tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ hoặc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác thi đua, khen thưởng trong cả nước. Phối hợp với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh soạn thảo chuyên đề, đưa nội dung thi đua, khen thưởng vào giảng dạy trong chương trình đào tạo trung cấp, cao cấp lý luận chính trị trong hệ thống trường chính trị cả nước.

Trong quá trình triển khai thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng, Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương) đã chỉ đạo hệ thống cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp tham mưu tổ chức Hội nghị điển hình tiên tiến, Đại hội thi đua các cấp và tham mưu tổ chức thành công 04 kỳ Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc (lần thứ VII, VIII, IX, X) để tổng kết phong trào thi đua qua các giai đoạn và biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực với hàng nghìn điển hình tiên tiến tiêu biểu xuất sắc, anh hùng, chiến sỹ thi đua toàn quốc, những tấm gương tiêu biểu, gương "Người tốt, việc tốt", góp phần thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước và thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Các bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị-xã hội đã tổ chức quán triệt Luật Thi đua, khen thưởng đến cán bộ chủ chốt và cán bộ chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng bằng nhiều hình thức phong phú, cụ thể: Chỉ đạo, triển khai Luật tới cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; biên soạn tài liệu tổ chức tập huấn nghiệp vụ; quán triệt, tuyên truyền các nội dung của Luật trên Cổng thông tin điện tử, các phương tiện truyền thông của cơ quan, đơn vị, để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nhận thức đúng vai trò, vị trí, tầm quan trọng của Luật đối với công tác thi đua, khen thưởng (tiêu biểu như Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam...).

Các địa phương đã tổ chức hội nghị tập huấn cho cán bộ chủ chốt làm công tác thi đua, khen thưởng; Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng phối hợp với các cơ quan thông tin truyền thông tuyên truyền sâu rộng nội dung của Luật; phổ biến, quán triệt Luật thông qua các hội nghị sơ kết, tổng kết; tổ chức hội nghị tập huấn tuyên truyền pháp luật; tích cực tuyên truyền, quán triệt pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng đến công chức, viên chức, người lao động thông qua các hội nghị, trên các phương tiện thông tin đại chúng; một số địa phương mở chuyên mục tuyên truyền Luật trên Cổng thông tin điện tử, Đài phát thanh, truyền hình; hàng tháng tổ chức giao lưu tọa đàm với điển hình tiên tiến trên sóng truyền hình; xuất bản các đầu sách là các chuyên đề hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức; xuất bản sách "Gương người tốt, việc tốt" và các điển hình tiên tiến; tuyên truyền các gương điển hình tiên tiến, tấm gương tiêu biểu trong "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"...

Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng của các bộ, ban, ngành, địa phương đã tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện; qua đó góp phần nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội… về vị trí, vai trò, tác

dụng của công tác thi đua, khen thưởng trong thời kỳ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

2. Công tác ban hành văn bản thực hiện Luật

a) Công tác tham mưu ban hành văn bản

Tiếp tục triển khai Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 03/6/1998 của Bộ Chính trị (Khóa VIII) về đổi mới công tác thi đua, khen thưởng, Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 21/5/2004 của Bộ Chính trị (Khoá IX) "Về việc tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến", ngày 07/4/2014 Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 34-CT/TW "Về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng". Bộ Chính trị (Khoá IX) đã có Thông báo số 193-TB/TW ngày 20/9/2005 về việc xét tặng Huân chương bậc cao; Ban Tổ chức Trung ương ban hành Văn bản số 1572-CV/BTCTW ngày 20/3/2007 về thủ tục đề nghị khen thưởng đối với cán bộ diện Trung ương quản lý; ngày 25/4/2019, Bộ Chính trị (Khóa XII) ban hành Thông báo số 56-TB/TW về khen thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh; khen thưởng cá nhân thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý (thay thế Thông báo số 193-TB/TW ngày 20/9/2005 của Bộ Chính trị khóa IX).

Nhằm khơi dậy truyền thống thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân, Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa X) đã ban hành Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 22/12/2007 về Kỷ niệm 60 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948 - 11/6/2008); Chỉ thị số 22-CT/TW ngày 23/01/2018 về đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước hướng tới kỷ niệm 70 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948 - 11/6/2018). Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 258/QĐ-TTg ngày 04/3/2008 lấy ngày 11/6 hàng năm là Ngày truyền thống thi đua yêu nước…

Sau khi Luật được ban hành, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã nghiên cứu và phối hợp với các cơ quan liên quan trình Chính phủ ban hành Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30/9/2005 quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương có Văn bản số 56/TĐKT-HD-VI ngày 12/01/2006 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 121/2005/NĐ-CP. Sau gần 02 năm thực hiện, Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã nghiên cứu, bổ sung hướng dẫn số 56/TĐKT-HD-VI và đề nghị Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ban hành Thông tư số 01/2007/TT-VPCP ngày 31/7/2007 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 121/2005/NĐ-CP; Chính phủ ban hành Nghị định số 122/2005/NĐ-CP ngày 04/10/2005 quy định tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng; Nghị định số 50/2006/NĐ-CP ngày 19/5/2006 quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, bằng huân chương, bằng huy chương, cờ thi đua, bằng khen, giấy khen.

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Nội vụ trình Chính phủ ban hành Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa

đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (thay thế Nghị định số 121/2005/NĐ-CP) và trình Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24/01/2011 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP thay thế Thông tư số 01/2007/TT-VPCP ngày 31/7/2007 của Văn phòng Chính phủ; Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính, ngày 27/4/2012, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 39/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP. Theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Bộ Nội vụ (Ban TĐKT Trung ương) đã phối hợp với các bộ: Quốc phòng, Công an, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Công thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Tài chính và Thanh tra Chính phủ nghiên cứu, ban hành các thông tư, thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện.

Năm 2013, Quốc hội thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng. Để triển khai thực hiện Luật, Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã tham mưu Bộ Nội vụ xây dựng và trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định, 01 Thông tư, gồm: Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013; Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương, mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua, quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng (thay thế Nghị định số 50/2006/NĐ-CP); Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP (thay thế Thông tư số 02/2011/TT-BNV). Trong quá trình hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng, Bộ Nội vụ đã tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 quy định chi tiết thi hành Luật Thi đua, khen thưởng (thay thế Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ). Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Năm 2019, Bộ Nội vụ đã ban hành thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 thay thế thông tư số 08/2017/TT-BNV và năm 2020, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 bãi bỏ khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 12/2019/TT-BNV.

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã phối hợp với các bộ: Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế ban hành 09 nghị định quy định về xét tặng một số danh hiệu vinh dự nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các nội dung liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng, gồm: Nghị định số

62/2014/NĐ-CP ngày 25/6/2014 của Chính phủ về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ sỹ Nhân dân", "Nghệ sỹ Ưu tú"; Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ về "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước" về văn học, nghệ thuật (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 133/2018/NĐ-CP); Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 20/7/2014 của Chính phủ quy định về "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước" về khoa học và công nghệ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 60/2019/NĐ-CP); Nghị định số 123/2014/NĐ-CP ngày 25/12/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ; Nghị định số 27/2015/NĐ-CP ngày 10/3/2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nhà giáo Nhân dân", "Nhà giáo Ưu tú"; Nghị định số 41/2015/NĐ-CP ngày 05/5/2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Thầy thuốc Nhân dân", "Thầy thuốc Ưu tú"; Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 quy định về xét tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa "; "Thôn văn hóa", "Làng văn hóa", "Ấp văn hóa", "Bản văn hóa", "Tổ dân phố văn hóa"; Nghị định 110/2020/NĐ-CP quy định chế độ khen thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng tổ chức Hội nghị trao đổi tháo gỡ những vướng mắc trong triển khai thực hiện Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định Danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng". Tổng hợp những vấn đề vướng mắc của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, gửi Bộ Quốc phòng đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 56/2013/NĐ-CP.

Đồng thời với việc chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện những văn bản nêu trên, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương, Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức phong trào thi đua; tăng cường quản lý nhà nước và hướng dẫn nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng; đôn đốc các bộ, ban, ngành, địa phương ban hành văn bản quy phạm pháp luật... Hầu hết các bộ, ngành, địa phương đã ban hành thông tư, quy chế, quy định về thực hiện công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tiễn. Đến nay hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng cơ bản hoàn thiện, làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; tổ chức phong trào thi đua và thực hiện chính sách, pháp luật về công tác khen thưởng ở các cấp, các ngành.

Như vậy, sau khi Luật Thi đua, khen thưởng ban hành, Bộ Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương) đã nghiên cứu và phối hợp với các cơ quan liên quan trình các cơ quan có thẩm quyền ban hành: 16 chỉ thị, thông báo, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác thi đua, khen thưởng (trong đó có Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30/8/2004, Kết luận số 83-KL/TW ngày 30/8/2010, Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07/4/2014…); trình Quốc hội 02 lần sửa đổi, bổ sung

Luật Thi đua, Khen thưởng; các Nghị định của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ để quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật; các thông tư của Bộ Nội vụ và các Bộ liên quan *(có phụ lục các văn bản kèm theo).*

b) Bộ, ban, ngành, địa phương ban hành văn bản chỉ đạo, đôn đốc thi hành Luật

Trên cơ sở các quy định của Luật và các Nghị định quy định chi tiết, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, đến nay cơ bản các bộ, ban, ngành, địa phương đã chủ động ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc thi hành công tác thi đua, khen thưởng theo thẩm quyền:

Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành 04 thông tư về quy chế làm việc, thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng sáng kiến. Bộ Tư pháp ban hành chỉ thị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng và 06 thông tư hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, trích lập quỹ thi đua, khen thưởng; Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương "Vì Sự nghiệp tư pháp"; ngoài ra còn ban hành nhiều quyết định phát động thi đua, các chương trình, kế hoạch hành động. Bộ Quốc phòng ban hành 03 chỉ thị của Quân uỷ Trung ương; 01 chỉ thị và 11 thông tư của Bộ Quốc phòng và nhiều văn bản chỉ đạo hướng dẫn của Tổng Cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong toàn ngành; ban hành Quy chế thi đua khen thưởng cho các đơn vị căn cứ tình hình địa phương ban hành hướng dẫn tổ chức, tổng kết các phong trào thi đua. Thanh tra Chính phủ ban hành 05 thông tư và 03 quyết định quy định công tác thi đua, khen thưởng Ngành Thanh tra; hướng dẫn xét tặng Kỷ niệm chương; Quy chế thi đua, khen thưởng Ngành Thanh tra; ngoài ra còn ban hành các kế hoạch phát động thi đua, hướng dẫn về bảng điểm, bình xét thi đua. Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch ban hành 03 thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng; Quy định xét tặng kỷ niệm chương; Quy trình thủ tục xét tặng các giải thưởng; Quyết định về quy chế thi đua, khen thưởng; Năm 2009 và năm 2016 tổng hợp biên soạn cuốn hệ thống các văn bản Quy phạm pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng. Bộ Công thương ban hành Chỉ thị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng; 03 thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng Ngành Công thương và hướng dẫn quy trình, thủ tục hồ sơ tặng các danh hiệu thi đua và 05 Quyết định về Quy chế thi đua, khen thưởng, Quy chế xét tặng kỷ niệm chương. Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành 03 thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng; hướng dẫn quy trình, thủ tục hồ sơ tặng các danh hiệu thi đua và 17 quyết định, quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong toàn Ngành Khoa học và công nghệ. Bộ Công an ban hành 03 kế hoạch, 03 chỉ thị và 02 thông tư, 04 quyết định cùng nhiều văn bản quy định, hướng dẫn triển khai công tác thi đua, khen thưởng đối với công an các đơn vị địa phương...

Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hằng năm đã ban hành Chỉ thị của tỉnh ủy về đổi mới công tác thi đua, khen thưởng; về đổi mới, đẩy mạnh các phong trào thi đua. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch, công văn đôn

đốc chỉ đạo, kiểm tra; quy chế về thi đua, khen thưởng để triển khai thực hiện Luật tại địa phương; quy chế làm việc và các văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức các phong trào thi đua, công tác khen thưởng ở các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục, kinh tế, an ninh quốc phòng; quy chế quy định tiêu chí khen thưởng trong các phong trào thi đua chuyên đề; quyết định ban hành quy chế, bảng điểm cho các khối thi đua, xét công nhận sáng kiến, quy định về nông thôn mới, các tiêu chí khen chuyên đề, khen đột xuất; đề nghị Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết quy định về tiền thưởng và tặng huy hiệu. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân ban hành quy chế làm việc, bảng điểm cho các khối thi đua; kiện toàn hội đồng thi đua, khen thưởng; kế hoạch tổ chức các phong trào thi đua; Quyết định của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định, quy chế xét tặng các giải thưởng, tiền thưởng, thủ tục hồ sơ tặng cờ thi đua; Quy chế làm việc, quy định hình thức tiêu chuẩn, thành lập Hội đồng sáng kiến; Quy chế làm việc, xét công nhận sáng kiến, quy định các tiêu chí khen chuyên đề; Quyết định về chính sách khen thưởng của Uỷ ban nhân dân tỉnh khen thưởng học sinh, nông dân, nghệ nhân, các giải thưởng văn học nghệ thuật; Quy chế chấm điểm nông thôn mới; Chương trình hành động của tỉnh, thành phố và văn bản chỉ đạo củng cố kiện toàn cụm, khối thi đua...

Nhìn chung, để triển khai Luật và các văn bản quy phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng, các bộ, ban, ngành, địa phương đã bám sát nội dung của Luật và các văn bản quy định, hướng dẫn để ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, đôn đốc thi hành Luật phù hợp với tình hình thực tiễn.

II. KẾT QUẢ TỔNG KẾT 70 NĂM NGÀY CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH RA LỜI KÊU GỌI THI ĐUA ÁI QUỐC VÀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

1. Kết quả tổng kết 70 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc

Cách mạng Tháng Tám thành công, đất nước giành được độc lập; chính quyền non trẻ cùng Nhân dân cả nước gặp muôn vàn khó khăn, gian khổ để chống lại "giặc đói", "giặc dốt" và "giặc ngoại xâm". Theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 27/3/1948, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra chỉ thị phát động phong trào thi đua ái quốc để động viên mọi lực lượng cho kháng chiến, kiến quốc. Để triển khai chỉ thị này, nhân kỷ niệm 1.000 ngày Nam bộ kháng chiến, ngày 11/6/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc, chính thức phát động phong trào thi đua yêu nước trong toàn đảng, toàn quân và toàn dân. "Mục đích thi đua ái quốc là: Diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm. Cách làm là dựa vào: Lực lượng của dân, tinh thần của dân, để gây: Hạnh phúc cho dân. Vì vậy bổn phận của người dân Việt Nam, bất kỳ sĩ, nông, công, thương, binh; bất kỳ làm việc gì, đều cần phải thi đua"; "Thi đua ái quốc sẽ ăn sâu, lan rộng khắp mọi mặt và mọi tầng lớp nhân dân, và sẽ giúp ta dẹp tan mọi nỗi khó khăn và mọi âm mưu của địch để đi đến thắng lợi cuối cùng. Với tinh thần quật cường và lực lượng vô tận của dân tộc ta, với lòng yêu nước và chí kiên quyết của nhân dân và quân đội ta, chúng ta có thể thắng lợi,

chúng ta nhất định thắng lợi...". Lời kêu gọi thi đua ái quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có tác dụng lôi cuốn, động viên toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường, vượt qua mọi hy sinh gian khổ, sẵn sàng cống hiến cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong giai đoạn kháng chiến kiến quốc: Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã phát động nhiều phong trào thi đua, với sự tham gia hưởng ứng tích cực, mạnh mẽ, sâu rộng của nhân dân cả nước, như phong trào "Tuần lễ vàng", "Vụ chiêm thắng lợi", "Vụ mùa chủ lực", "Cơm no, súng tốt, đánh thắng", "Thanh toán nạn mù chữ, bình dân học vụ", vận động "Đời sống mới", "Thi đua tiết kiệm, tránh xa xỉ, phí phạm, để dành lương thực cho bộ đội hoặc cho những lúc túng thiếu",.. Ngoài chiến trường, các chiến sĩ thi đua giết giặc lập công; ở hậu phương, nhân dân thi đua tăng gia sản xuất giỏi, chống giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm… Khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng", "Ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sỹ, hậu phương thi đua với tiền phương", đã thực sự trở thành động lực động viên, khích lệ nhân dân cả nước thi đua kháng chiến, kiến quốc; hàng chục vạn chiến sĩ dân công đã vượt qua bom đạn, đèo cao, vực sâu để chuyển hàng chục vạn tấn lương thực, đạn dược cho bộ đội đánh giặc; hàng vạn thanh niên xung phong ngày đêm anh dũng mở đường, đảm bảo giao thông và hậu cần phục vụ chiến đấu; ở hậu phương nhân dân ra sức thi đua tăng gia sản xuất; phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất trong công nhân diễn ra sôi nổi ở nhiều nơi; ngành Giáo dục thi đua xóa nạn mù chữ; ngành Quân giới thi đua sản xuất nhiều vũ khí phục vụ chiến trường, các chiến sĩ thi đua giết giặc lập công,... trở thành động lực tinh thần, góp phần to lớn vào cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Từ các phong trào thi đua, nhiều tấm gương sáng đã xuất hiện. Tại Đại hội Chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất (năm 1952, tại Thái Nguyên), có 154 chiến sĩ thi đua công, nông, binh và lao động trí óc toàn quốc về dự. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá kết quả thi đua và nhấn mạnh: Thi đua là đoàn kết, là yêu nước, là tinh thần quốc tế, là góp sức giữ gìn hoà bình và dân chủ thế giới; thi đua là cải tạo con người. "Phong trào thi đua là một trong những thắng lợi lớn của nhân dân ta trong mấy năm kháng chiến này. Nó sẽ làm đà cho những thắng lợi to lớn hơn nữa, vẻ vang hơn nữa về quân sự, chính trị, kinh tế". Người khẳng định: "Người người thi đua, ngành ngành thi đua, Ta nhất định thắng, địch nhất định thua". Đại hội đã bầu 3 Anh hùng Lao động là Trần Đại Nghĩa, Ngô Gia Khảm, Hoàng Hanh; 4 Anh hùng Quân đội là Cù Chính Lan (truy tặng), La Văn Cầu, Nguyễn Thị Chiên, Nguyễn Quốc Trị. Đây là 07 Anh hùng đầu tiên tiêu biểu cho phong trào thi đua yêu nước của quân và dân ta.

Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam (1954 -1975): Các phong trào thi đua yêu nước tiếp tục phát triển ở cả hai miền Nam - Bắc với hai nhiệm vụ chiến lược. Một là, đấu tranh

giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; hai là, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt, vừa xây dựng và tạo cơ sở vật chất chi viện sức người, sức của cho miền Nam. Đặc biệt, sau khi Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Nghị quyết về "Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước" (26/01/1961), các phong trào thi đua đã có sự chuyển biến mạnh mẽ, trở thành phong trào quần chúng rộng rãi, sôi nổi trong các ngành, các giới "Người người thi đua, ngành ngành thi đua": Trong công nghiệp có phong trào "sóng Duyên Hải" với hơn 500 xí nghiệp, công trường nhiệt liệt hưởng ứng. Trong nông nghiệp, phong trào "gió Đại Phong" thu hút hơn 10 nghìn hợp tác xã tham gia. Trong Quân đội, các đơn vị đẩy mạnh phong trào thi đua "Ba nhất", "Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược". Trong giáo dục, đào tạo có phong trào thi đua "Hai tốt" (Dạy tốt, học tốt) theo tấm gương của "Tiếng trống Bắc Lý". Trong khối các cơ quan có phong trào thi đua "Ba cải tiến". Trong nhân dân với khẩu hiệu "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người"... các phong trào thi đua ngày càng phát triển lan toả mạnh mẽ trong lao động sản xuất, trong học tập và nhất là trên trận tuyến đánh quân thù của quân dân cả nước.

Trong kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi quân và dân miền Bắc đẩy mạnh phong trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai"; hưởng ứng lời kêu gọi của Người, cả nước dấy lên phong trào thi đua: "Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược". Công nhân viên chức, lao động với phong trào thi đua "Ngày thứ bảy đẩy mạnh sản xuất", "Tay búa, tay súng", vì miền Nam ruột thịt. Từ các phong trào "Ba sẵn sàng", "5 xung phong" trong thanh niên và "Ba đảm đang" trong phụ nữ. Từ tháng 2/1965 đến tháng 4/1965 đã có 2,5 triệu nam, nữ thanh niên miền Bắc hăng hái ghi tên tình nguyện "Sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì mà Tổ quốc cần đến" và 1,7 triệu chị em phụ nữ ghi tên phấn đấu đạt danh hiệu "Phụ nữ ba đảm đang". Ở miền Nam, các phong trào thi đua bám đất giữ làng, một tấc không đi, một ly không dời, "Tìm Ngụy mà đánh, tìm Mỹ mà diệt", thi đua giành danh hiệu "Dũng sĩ diệt Mỹ", "Dũng sĩ diệt xe tăng", "năm xung phong"... Tham gia chiến đấu với tinh thần "giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh", đồng khởi thi đua giết giặc lập công, tạo nên thế trận chiến tranh nhân dân trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Trong giai đoạn này, đã xuất hiện nhiều tập thể, đơn vị, cá nhân anh hùng, những tấm gương anh dũng hi sinh quên mình trong kháng chiến, đó là những chiến sĩ đã ngã xuống để bảo vệ Thành cổ Quảng Trị, 10 cô gái dân quân Lam Hạ, 10 nữ thanh niên xung phong tại Ngã ba Đồng Lộc, Anh hùng liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi, Nguyễn Viết Xuân, Lê Anh Xuân, Đặng Thùy Trâm…; và nhiều tấm gương anh hùng đã chiến đấu quả cảm trên khắp các chiến trường, trong nhà tù Mỹ- Nguỵ cũng như tham gia chiến đấu trên đất bạn Lào, Campuchia, trong đó có không ít liệt sĩ, chiến sĩ hi sinh chưa tìm được tên, chưa nhận được hài cốt... Các phong trào thi đua yêu nước, những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc và những tấm gương anh hùng liệt sĩ quên mình

trong kháng chiến đã góp phần to lớn vào đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau khi đất nước hoàn toàn thống nhất, tinh thần thi đua yêu nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hướng vào thực hiện các nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội. Phong trào thi đua với tinh thần "Tất cả vì Chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân",… đã góp phần cùng đất nước nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, vượt qua mọi thách thức, khó khăn sau nhiều năm bị chiến tranh tàn phá, nhất là khó khăn về kinh tế, giữ vững ổn định chính trị, xã hội.

Từ năm 1986, thực hiện đường lối đổi mới theo Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, các phong trào thi đua yêu nước tiếp tục phát triển, hướng vào việc giải quyết những nhiệm vụ khó khăn nhất của cả nước và của từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Đó là, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình; bảo đảm an sinh xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền quốc gia, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế. Trong những năm gần đây, chủ đề "Đoàn kết, sáng tạo, thi đua xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" đã được các ngành, các cấp hưởng ứng tích cực, bằng nhiều phong trào thi đua cụ thể, liên tục, thiết thực, có tác động lan toả rộng khắp trên tất cả các lĩnh vực, góp phần huy động được nhiều nguồn lực xã hội cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tiêu biểu là các phong trào "Lao động giỏi, lao động sáng tạo"; "Thi đua quyết thắng", "Vì an ninh Tổ quốc"; "Dạy tốt, học tốt"; "Dân vận khéo"; đặc biệt là 4 phong trào thi đua trọng tâm: "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới", "Doanh nghiệp Việt Nam hội nhập và phát triển", "Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau", "Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở". Các phong trào thi đua yêu nước đã phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, tạo động lực góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng ở mức khá cao. Các đột phá chiến lược và cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt được kết quả quan trọng. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được hoàn thiện; nguồn nhân lực và khoa học, công nghệ có bước phát triển; chất lượng tăng trưởng nhiều mặt được cải thiện; sức cạnh tranh, tiềm lực và quy mô của nền kinh tế được nâng lên. Phát triển văn hóa, an sinh xã hội cơ bản được bảo đảm, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Quốc phòng, an ninh được tăng cường; độc lập, chủ quyền quốc gia được giữ vững. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được chủ động đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả, vị thế nước ta trên trường quốc tế được nâng lên *(kết quả tổ chức triển khai các phong trào thi đua từ khi Luật Thi đua, Khen thưởng có hiệu lực vào tháng 7/2004 đến nay được nêu cụ thể tại Mục 2)*.

2. Kết quả tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng

2.1. ***Kết quả tổ chức thực hiện phong trào thi đua***

a) Kết quả tổ chức triển khai các phong trào thi đua phạm vi toàn quốc

Trong những năm qua, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã phát động và chỉ đạo tổ chức triển khai 04 phong trào thi đua trong phạm vi cả nước: "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020"; "Doanh nghiệp Việt Nam hội nhập và phát triển", "Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau", "Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở". Ngày 14/8/2021, thủ tướng Chính phủ đã phát động Phong trào thi đua đặc biệt: "Cả nước đoàn kết, chung sức, đồng lòng thi đua phòng, chống và chiến thắng đại dịch Covid-19" và ngày 10/9/2021 đã ban hành Kế hoạch số 1497-TTg để triển khai thực hiện. Các phong trào thi đua đã được Mặt trận tổ quốc, các bộ, ban, ngành, địa phương triển khai đồng bộ, với nhiều biện pháp, giải pháp cụ thể, phù hợp, mang lại hiệu quả thiết thực, tạo không khí thi đua sôi nổi, được các cơ quan, tổ chức, đơn vị và nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia.

Phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" được triển khai sâu rộng, đồng bộ, nội dung phong phú và hình thức đa dạng, trở thành phong trào quần chúng, góp phần mang lại nhiều thành tựu to lớn trong xây dựng nông thôn mới. Các tỉnh, thành phố tổ chức phát động phong trào thi đua với nhiều tên gọi, cách làm phù hợp với tình hình thực tiễn, như: Tổ chức dồn điền, đổi thửa, phát triển sản xuất, đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông nông thôn, đưa khoa học, công nghệ vào sản xuất, phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao... Với vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới, người dân đã tích cực tham gia phong trào với những việc làm thiết thực như: Đóng góp tiền của, công sức, hiến đất làm đường... Trong gần 10 năm, đã có hàng vạn hộ gia đình tự nguyện hiến gần 45 triệu m^2 đất, đóng góp hàng chục nghìn tỷ đồng và gần 60 triệu ngày công lao động để xây dựng các công trình công cộng, phúc lợi ở địa phương. Các bộ, ban, ngành Trung ương tích cực triển khai thực hiện phong trào thi đua thông qua việc tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách; xây dựng chương trình, kế hoạch hỗ trợ, khuyến khích, vận động các tổ chức, cá nhân và cộng đồng doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn: Tập huấn và chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ đến với nông dân; thúc đẩy hợp tác, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; triển khai các chương trình liên kết, hỗ trợ nguồn lực để cải thiện tiêu chí về môi trường, điện nông thôn, chợ nông thôn, xây dựng nhà văn hóa; tham gia hỗ trợ các chương trình giáo dục và đào tạo, y tế, đào tạo nghề cho lao động nông thôn... Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể vận động hội viên, đoàn viên tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới, như hiến đất làm đường, giữ gìn vệ sinh môi trường, duy trì đường làng ngõ xóm xanh, sạch, đẹp, phát triển văn hóa, du lịch cộng đồng... Kết quả của phong trào thi đua đã tác động tích cực, góp phần hoàn thành về đích sớm các chỉ tiêu xây

dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2020. Đến tháng 6/2020, cả nước đã có 5.177 xã (chiếm tỷ lệ 58,2%) đạt chuẩn nông thôn mới, tăng 371 xã (4,2%) so với cuối năm 2019. Có 9 tỉnh, thành phố có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, bình quân cả nước đạt 16,2 tiêu chí/xã, không còn xã dưới 5 tiêu chí. Đặc biệt có 127/664 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm khoảng 19,1%); có 02 tỉnh đã được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (Nam Định, Đồng Nai). Hiện nay, Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương) đang tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2021 - 2025.

Phong trào "Cả nước chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau" với sự tham gia, vào cuộc của cả hệ thống chính trị đã được triển khai hiệu quả trên khắp các vùng, miền, địa phương trong cả nước. Các bộ, ban, ngành Trung ương đã tập trung tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc trực tiếp ban hành các cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế, tập trung vốn, ứng dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn... Nhiều chương trình, hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo đã được bộ, ban, ngành, địa phương tổ chức thực hiện như: Khám chữa bệnh miễn phí, hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo; miễn, giảm học phí, trao học bổng cho học sinh nghèo; hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nghèo; hỗ trợ xây dựng nhà ở, vay vốn tín dụng cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; khuyến khích hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình phúc lợi, dân sinh ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo bền vững, các hộ nghèo để nâng cao nhận thức và khơi dậy ý thức tự lực vươn lên để thoát nghèo trong nhân dân. Các địa phương đẩy nhanh tiến độ rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách giảm nghèo, đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, phù hợp tình hình thực tế của địa phương. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, các bộ, ngành, địa phương đã phối hợp tuyên truyền, tổ chức các hoạt động vận động cộng đồng, doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị, cá nhân ủng hộ Quỹ "Vì người nghèo" và chương trình an sinh xã hội; tổ chức thực hiện Tháng cao điểm "Vì người nghèo" hàng năm nhằm tạo nguồn lực giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, cộng đồng nghèo vùng sâu, vùng xa, vùng bị thiệt hại do ảnh hưởng thiên tai, lũ lụt... góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, cải thiện, nâng cao vật chất và tinh thần cho người nghèo trong cả nước.

Phong trào "Doanh nghiệp Việt Nam hội nhập và phát triển" đã được các bộ, ban, ngành, địa phương triển khai tích cực, góp phần thực hiện nghị quyết của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, phục vụ người dân và doanh nghiệp, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh, bền vững. Các bộ, ban, ngành Trung ương đã thực hiện nhiều biện pháp đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp như: Tham mưu ban hành chính sách; tiếp nhận, giải quyết các kiến

nghị, đề xuất của doanh nghiệp; rà soát cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh; cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, tiết kiệm chi phí, thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân; tham mưu và phối hợp tổ chức thành công nhiều hội nghị, diễn đàn quan trọng mở ra nhiều cơ hội để cộng đồng các doanh nghiệp tiếp cận, khai thác các nguồn lực, thông tin, tìm kiếm đối tác hợp tác phát triển. Nhiều địa phương thực hiện tốt việc hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp thông qua việc ban hành chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; cải cách bộ máy hành chính; xây dựng, triển khai các đề án khởi nghiệp, thí điểm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; tăng cường tiếp xúc, đối thoại với doanh nghiệp, tổ chức hội nghị xúc tiến, thu hút đầu tư; tổ chức gặp mặt, biểu dương, tôn vinh doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu xuất sắc... Thông qua phong trào thi đua, các doanh nghiệp đã mở rộng quy mô phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đầu tư trang thiết bị hiện đại, mở rộng sản xuất, tuyển thêm nhiều lao động, thu hút vốn đầu tư và đẩy mạnh xuất khẩu, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập người lao động, tăng tích tụ vốn, giảm nhập siêu, góp phần tăng thu ngân sách, từng bước khẳng định vị thế của doanh nghiệp Việt Nam trong khu vực và quốc tế.

Phong trào "Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở" sau hơn 2 năm phát động đã được các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và các địa phương hưởng ứng tích cực. Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức phong trào thi đua, 63/63 tỉnh, thành phố và các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương đã xây dựng kế hoạch và tổ chức phát động phong trào tới các cơ quan, đơn vị và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Một số bộ, ngành, địa phương đã có những giải pháp cụ thể, thiết thực để triển khai các nội dung của phong trào thi đua, như: Sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế về văn hóa công sở của cơ quan, đơn vị; đưa nội dung thực hiện văn hóa công sở vào tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm của cơ quan, đơn vị; tăng cường thực hiện kỷ cương, kỷ luật hành chính; gắn thực hiện văn hóa công sở với việc xây dựng cơ quan, đơn vị văn hóa; tổ chức các hội thi tìm hiểu về văn hóa công sở... Sau hơn 02 năm phát động, phong trào thi đua "Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở" đã đạt kết quả tích cực, tạo những chuyển biến tốt trong nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; phong cách giao tiếp, ứng xử, thái độ hợp tác, tương trợ đồng nghiệp trong công việc; tinh thần phục vụ người dân, doanh nghiệp; việc chấp hành kỷ cương, kỷ luật hành chính, tham gia nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ, năng lực; rèn luyện phong cách làm việc chuyên nghiệp của đội ngũ công chức, viên chức ngày càng tốt hơn. Cơ quan, công sở làm việc ở các bộ, ban, ngành, địa phương được chỉnh trang sạch sẽ, khang trang. Phong trào thi đua thực sự là động lực để phát huy vai trò tích cực, quan trọng của đội ngũ công chức, viên chức và người lao động trong việc xây dựng nền hành chính văn minh, hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả.

b) Kết quả tổ chức triển khai tổ chức các phong trào thi đua của các bộ, ban, ngành, địa phương

Trong lĩnh vực công thương, xây dựng, giao thông vận tải: Đã tổ chức nhiều phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả, gắn với nhiệm vụ chính trị được giao và được cụ thể hóa thành những khẩu hiệu để công nhân, người lao động dễ hiểu, dễ nhớ khi thực hiện, tiêu biểu như: Phong trào "Rèn luyện tay nghề thành thợ giỏi, chuyền may giỏi" trong ngành Dệt May. Phong trào "Việc hôm nay không để ngày mai", "Thi đua thực hành tiết kiệm chống lãng phí, không có ngày, giờ lao động mất an toàn" của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Phong trào thi đua thực hiện cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" được tổ chức thực hiện hiệu quả dưới nhiều hình thức. Phong trào "Kỷ cương, chất lượng, an toàn, hiệu quả" của các đơn vị trong ngành giao thông, vận tải, xây dựng; phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong xây dựng các công trình trọng điểm đã đầu tư, nâng cấp, hoàn thành nhiều công trình hạ tầng giao thông quan trọng, xây dựng mạng lưới giao thông ngày càng hoàn thiện. Các phong trào hưởng ứng thực hiện "Năm an toàn giao thông", chương trình "Nhịp cầu yêu thương", chung tay xây cầu treo dân sinh cho bà con vùng sâu, vùng xa; phong trào lao động sáng tạo "Năng suất, chất lượng, hiệu quả trên công trình trọng điểm", góp phần hoàn thành vượt tiến độ nhiều công trình, đem lại hiệu quả lớn về kinh tế, xã hội cho đất nước…

Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn: Đã đẩy mạnh phong trào thi đua chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn, nâng cao giá trị sử dụng đất, xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững; phong trào thi đua chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật về giống, công nghệ sản xuất… Các phong trào thi đua "Toàn ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn chung sức thực hiện tái cơ cấu ngành, xây dựng nông thôn mới"; phong trào thi đua liên kết "Vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn" đã tạo bước chuyển biến mới trong sản xuất nông nghiệp, mang lại hiệu quả kinh tế cao; Phong trào "Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững" tiếp tục phát triển và có sức lan tỏa, tạo động lực khích lệ, động viên các hộ nông dân hăng hái thi đua lao động sản xuất, đổi mới cách nghĩ, cách làm, vươn lên làm giàu và giúp đỡ nhau thoát nghèo...

Lĩnh vực tài chính, ngân hàng, dịch vụ và du lịch với các phong trào thi đua đã góp phần tạo được mức tăng trưởng khá, phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân, bảo đảm lưu thông hàng hóa và xuất khẩu. Ngành Ngân hàng đã tổ chức các phong trào thi đua tập trung vào việc xây dựng cơ chế, chính sách, công tác an toàn kho quỹ, hiện đại hóa công nghệ và cải cách hành chính, như phong trào "Thi đua xây dựng cơ chế, chính sách quản lý nhà nước về hoạt động ngân hàng có hiệu quả"; phong trào "Thi đua lao động giỏi, huy động vốn, nâng cao chất lượng tín dụng". Ngành Tài chính tiếp tục đổi mới, có nhiều phong trào thi đua trong lĩnh vực hải quan, thuế, kho bạc, tiêu biểu như: "Phong trào đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa Hải quan", "Phong trào

người cán bộ kiểm ngân liêm khiết", phong trào "Thi đua phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thu ngân sách" của ngành Thuế... và nhiều phong trào thi đua khác đã góp phần hoàn thiện chính sách tiền tệ, tăng thu ngân sách nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội.

Lĩnh vực giáo dục, đào tạo đã có nhiều chuyển biến tích cực trong việc nâng cao hiệu quả các phong trào thi đua và các cuộc vận động. Phong trào thi đua "Dạy tốt, học tốt"; thực hiện "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo"; "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực"; cuộc vận động "Dân chủ, kỷ cương, tình thương trách nhiệm", "Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo"... tiếp tục được triển khai sâu rộng và có hiệu quả. Hệ thống giáo dục các cấp phát triển cả về quy mô và chất lượng; các giải pháp đổi mới giáo dục, đào tạo được triển khai áp dụng và bước đầu mang lại hiệu quả, chất lượng giáo dục ngày càng nâng lên. Thông qua các phong trào thi đua, các cuộc vận động, nhiều tấm gương thầy giáo, cô giáo tâm huyết yêu nghề, yêu trẻ, đạt thành tích xuất sắc đã được các cấp khen thưởng và phong tặng các danh hiệu cao quý.

Lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, phong trào thi đua đã có nhiều sáng tạo, nội dung phong phú, được dư luận hoan nghênh như: Phong trào vận động hiến máu "Lễ hội Xuân Hồng", "Hành trình Đỏ"; phong trào vận động xây dựng "Quỹ Vì ngày mai tươi sáng", "Quỹ vòng tay nhân ái", "Nồi cháo tình thương" để hỗ trợ các bệnh nhân ung thư; phong trào "Thực hiện 12 điều y đức", "Khám chữa bệnh cho 01 triệu người nghèo", "Vệ sinh yêu nước - Nâng cao sức khỏe nhân dân", "Đưa bác sĩ trẻ về phục vụ tại 63 huyện nghèo"… Các phong trào thi đua đã góp phần triển khai có chất lượng các chương trình mục tiêu quốc gia, củng cố hệ thống mạng lưới y tế từ Trung ương đến cơ sở, tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh của cán bộ y tế tốt hơn, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên, các dịch bệnh được kiểm soát, từng bước củng cố niềm tin của nhân dân đối với ngành y tế.

Lĩnh vực khoa học, công nghệ đã phát động nhiều phong trào thi đua trong quản lý, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, phát huy năng lực sáng tạo của cá nhân, như: Phong trào thi đua "Năng động, sáng tạo vì sự phát triển khoa học, công nghệ Việt Nam", "Đoàn kết phấn đấu đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ", "Lao động giỏi, lao động sáng tạo"… Phong trào thi đua với trọng tâm đưa khoa học về nông thôn được triển khai hiệu quả, đã phổ biến kinh nghiệm, cung cấp thông tin, tập huấn và chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ đến với nông dân. Các phong trào thi đua trong lĩnh vực khoa học, công nghệ đã thu hút được sự tham gia của nhiều nhà khoa học, nhiều thành tựu khoa học đã được ứng dụng trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính - viễn thông, tài nguyên - môi trường, y tế… góp phần thúc đẩy tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, tăng kim ngạch xuất khẩu và tăng trưởng của các ngành, các lĩnh vực then chốt trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Lĩnh vực an sinh xã hội, giải quyết việc làm và dạy nghề: Các phong trào thi đua tiếp tục được triển khai có hiệu quả, đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân. Phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", "Phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng", "Toàn dân chăm sóc thương binh, gia đình liệt sỹ và người có công với cách mạng"... được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng tích cực, đã huy động tốt mọi nguồn lực trong xã hội và cộng đồng, cùng Nhà nước chăm sóc tốt hơn đối với những người có công, đối tượng chính sách. Mô hình dạy nghề gắn giải quyết việc làm với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp ở thành phố Hà Nội và các tỉnh Hải Dương, Bình Dương, Nghệ An; giải quyết việc làm cho người đang cai nghiện và sau cai nghiện tại các thành phố: Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đà Nẵng; các tỉnh: Phú Thọ, Ninh Bình, Sơn La, Lai Châu, Bến Tre, Tiền Giang, Kiên Giang…; mô hình đào tạo nghề, tạo việc làm cho lao động nông thôn ở Yên Bái, Đắk Lắk, Đồng Tháp, Bình Phước…; mô hình bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, dựa vào cộng đồng ở Bắc Giang, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Bình Thuận…

Lĩnh vực văn hóa, thông tin, truyền thông, phát thanh, truyền hình, thể dục, thể thao, các phong trào thi đua ngày càng phát triển và đi vào chiều sâu, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, khơi dậy sức sáng tạo trong các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, giữ gìn và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Các phong trào thi đua, các cuộc vận động quần chúng đạt nhiều kết quả thiết thực: Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" với trên 90% gia đình trên toàn quốc tham gia, hơn 16 triệu gia đình đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa", 70% thôn, làng, bản, ấp, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa. Cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại" đạt tỷ lệ người tham gia luyện tập thường xuyên ngày càng cao…

Lĩnh vực quốc phòng, an ninh: Phong trào "Thi đua quyết thắng" trong lực lượng quân đội nhân dân tiếp tục được đẩy mạnh, thực sự là động lực quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng, sức mạnh chiến đấu, hoàn thành xuất sắc chức năng đội quân chiến đấu, đội quân công tác và đội quân lao động sản xuất, đã tổ chức nhiều đợt thi đua cao điểm, đột kích có sức lan tỏa mạnh mẽ, thu hút đông đảo quần chúng tham gia và mang lại hiệu quả thiết thực, điển hình như đợt thi đua cao điểm "60 ngày đêm hành động kiểu mẫu" lập thành tích chào mừng kỷ niệm 60 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc; đợt thi đua đột kích "Sáng mãi Điện Biên" chào mừng 60 năm Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ; phong trào "Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng" chào mừng 70 năm Ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam - 25 năm Ngày Hội Quốc phòng toàn dân; đợt thi đua đột kích với chủ đề "Thần tốc - Quyết thắng" chào mừng kỷ niệm 40 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, gắn với kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chỉ tịch Hồ Chí Minh và Đại hội thi đua quyết thắng lần thứ VIII, thứ IX; phong trào "Phất cao Cờ hồng Tháng Tám" chào mừng kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và Quốc

khánh 2/9, phong trào "Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới", phong trào thi đua hướng về biển đảo, ngư dân đánh bắt hải sản xa bờ…

Phong trào thi đua "Vì an ninh Tổ quốc", "Học tập và thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy công an nhân dân", "Công an nhân dân, vì nước quên thân, vì dân phục vụ" được duy trì và thực hiện có hiệu quả, trở thành động lực thúc đẩy mỗi cán bộ, chiến sĩ phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được nhiều thành tích trong bảo vệ an ninh quốc gia, đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo an toàn trật tự xã hội. Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" đã huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia, đã có trên 700 mô hình tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự như: "Xây dựng cụm liên kết bảo vệ an ninh, trật tự", "Khu dân cư tự quản", "Ngõ xóm bình yên", "Tiếng kẻng an ninh", "Toàn dân tham gia quản lý giáo dục, cảm hoá những người lầm lỗi tại cộng đồng dân cư", góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Các cơ quan của Quốc hội, cơ quan tư pháp, nội chính đã đẩy mạnh các phong trào thi đua góp phần quan trọng trong việc xây dựng và bảo vệ pháp luật; tham mưu nâng cao chất lượng công tác lập pháp, giám sát tối cao và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Tuyên truyền, vận động nhân dân "Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật", nâng cao ý thức pháp luật cho người dân. Tòa án nhân dân các cấp phát động phong trào thi đua "Phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư" với phương châm "Gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân"; Ngành kiểm sát nhân dân với phong trào thi đua thực hiện lời Bác dạy "Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn"; Bộ Tư pháp với phong trào thi đua "Toàn ngành Tư pháp đồng thuận, vượt khó, thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao"; Văn phòng Quốc hội phát động phong trào "Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tham mưu, phục vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội"…

Lĩnh vực đối ngoại có các phong trào thi đua: "Ngoại giao Việt Nam tích cực, chủ động hội nhập quốc tế", "Đoàn kết, dân chủ, trí tuệ"... hướng thi đua vào việc tập trung nghiên cứu, tham mưu xây dựng chính sách ngoại giao phù hợp, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển của Đảng và Nhà nước, góp phần tạo môi trường, điều kiện thuận lợi và sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ đất nước. Chủ động tham gia tích cực, có trách nhiệm trong các tổ chức, diễn đàn khu vực và quốc tế. Phối hợp đẩy mạnh phong trào thi đua trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, góp phần vun đắp niềm tin, niềm tự hào và hướng về Tổ quốc bằng nhiều hành động thiết thực, ý nghĩa, chung tay xây dựng quê hương, đất nước qua ngoại giao Nhà nước, ngoại giao nhân dân.

Lĩnh vực xây dựng Đảng, xây dựng bộ máy nhà nước và chính quyền các cấp:

+ Trong công tác xây dựng Đảng, các phong trào thi đua hướng vào việc thực hiện các chủ trương lớn của Đảng như: "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", "Nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ

chức cơ sở Đảng", gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII), tạo sự chuyển biến tích cực trong các tổ chức đảng và đảng viên, nâng cao trách nhiệm và sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong công tác xây dựng đảng, tỷ lệ tổ chức đảng đạt danh hiệu "Trong sạch, vững mạnh" ngày càng tăng cao. Các cơ quan Đảng ở Trung ương và địa phương đã tổ chức nhiều phong trào thi đua sôi nổi, thiết thực, có sức lan tỏa rộng, như: Phong trào "Dân vận khéo" của Ban Dân vận Trung ương, phong trào "Đoàn kết, sáng tạo, tham mưu tốt, phục vụ chu đáo, thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị" của Văn phòng Trung ương Đảng, phong trào "Bản lĩnh vững vàng - Tận tụy, tiết kiệm - Đoàn kết, trung thực - Sâu sát cơ sở" của Đảng ủy khối cơ quan Trung ương… Các phong trào thi đua đã góp phần nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu, tham mưu, xây dựng các đề án, các chủ trương, chính sách, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, tăng cường sự gắn kết giữa Đảng với nhân dân…

+ Trong các cơ quan nhà nước, phong trào thi đua trọng tâm hướng vào việc nâng cao chất lượng phục vụ, cải cách hành chính, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, ứng dụng công nghệ thông tin, giảm phiền hà cho nhân dân. Phong trào thi đua nâng cao hiệu quả công tác tham mưu của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội; thi đua xây dựng nền công vụ "Chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả" của Bộ Nội vụ… Kết hợp chặt chẽ nội dung các phong trào thi đua với việc xây dựng người cán bộ, công chức "Trung thành, tận tuy, sáng tạo, gương mẫu" với tiêu chí cụ thể, thiết thực, mang lại kết quả tích cực. Từng cán bộ, công chức, viên chức đã phấn đấu lao động sáng tạo, tích cực học tập nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, tích cực tham mưu cho các cấp ủy đảng, chính quyền trong công tác xây dựng đảng, quản lý nhà nước, quản lý ngành; đồng thời, chủ động tham mưu, đề xuất xây dựng cơ chế chính sách, các chương trình, đề án, chiến lược, các văn bản quản lý nhà nước góp phần thực hiện thắng lợi các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ban, ngành, địa phương và của đất nước.

Phong trào thi đua yêu nước của mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Các phong trào thi đua, các cuộc vận động do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cấp, các tổ chức chính trị xã - hội phát động, triển khai đã có bước phát triển mới, hướng về cơ sở, các khu dân cư với nhiều cách làm sáng tạo; nhiều mô hình được xây dựng có hiệu quả, ngày càng được nhân rộng, huy động được tiềm năng, sức sáng tạo và sự tham gia hưởng ứng tích cực của các tầng lớp nhân dân và đoàn viên, hội viên, góp phần quan trọng giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển sản xuất, tạo sự đồng thuận trong nhân dân. Thông qua các phong trào thi đua, các cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", "Ngày vì người nghèo", "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam", "Xây dựng nhà đại đoàn kết", "Chung tay vì người nghèo không để ai bị bỏ lại phía sau" đã khơi dậy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Các tổ chức chính trị - xã hội, các hội đoàn thể đã chủ động, tích cực triển khai các phong trào thi đua yêu nước thiết thực, hiệu quả, tiêu biểu như: Phong trào "Lao động giỏi, lao động sáng tạo", "Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, thi đua liên kết trên các công trình trọng điểm" của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; phong trào "Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững" của Hội Nông dân Việt Nam. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động phong trào thi đua "Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo xây dựng gia đình hạnh phúc"; cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch". Hội Cựu chiến binh Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh phong trào "Cựu chiến binh gương mẫu", "Cựu chiến binh hiến kế, hiến công xây dựng nông thôn mới". Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp thanh niên, Hội sinh viên đã tổ chức nhiều phong trào thi đua sáng tạo, phù hợp với tuổi trẻ như "Thanh niên tình nguyện", "Mùa hè xanh", "Xung kích phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ Tổ quốc", "Đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp". Hội Chữ thập đỏ Việt Nam thực hiện cuộc vận động "Mỗi tổ chức, cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo", vận động xây dựng "Ngân hàng bò" cho người nghèo. Hội Người cao tuổi Việt Nam với phong trào "Ông, bà mẫu mực, con cháu hiếu thảo". Hội Khuyến học Việt Nam triển khai phong trào thi đua "Học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng"… cùng nhiều phong trào thi đua, cuộc vận động có ý nghĩa của các tổ chức đoàn thể, tổ chức hội đã thực sự đi vào cuộc sống, đã khơi dậy, động viên, lôi cuốn được đông đảo đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân hưởng ứng tích cực, tạo khí thế sôi nổi, tăng thêm tinh thần đoàn kết gắn bó giữa các thành viên trong cộng đồng xã hội.

Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung đẩy mạnh phong trào thi đua thực hiện các mục tiêu tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn, cải cách hành chính, xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, đẩy mạnh công tác giáo dục, y tế, văn hoá xã hội, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tham nhũng, tiêu cực, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ở địa phương.

2.2. *Công tác tuyên truyền, xây dựng, nhân rộng các điển hình tiên tiến*

Công tác tuyên truyền, xây dựng, nhân rộng điển hình tiên tiến là một trong những trọng tâm đổi mới công tác thi đua, khen thưởng. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã tham mưu, tư vấn cho Đảng, Nhà nước trong công tác ban hành chủ trương, chương trình, kế hoạch, lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức các phong trào thi đua và thực hiện chính sách, pháp luật về khen thưởng...

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã chủ động phối hợp với với Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam đẩy mạnh tuyên truyền, biểu dương các điển hình tiên tiến; ký kết chương trình phối hợp; phát hiện, giới thiệu các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc để tuyên truyền; phối hợp xây dựng nội dung chuyên đề về thi đua, khen thưởng... Các cơ quan thông tấn, báo chí trong cả nước đã xây dựng nhiều chương trình, chuyên trang,

chuyên mục để tuyên truyền về các phong trào thi đua, biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, điển hình là: Báo Nhân dân với chuyên mục "Gương sáng, việc hay Hà Nội", "Người tốt, việc tốt", "Những việc làm vì dân - Những việc làm phiền dân"; Đài Truyền hình Việt Nam thường xuyên phát sóng chuyên mục "Việc tử tế", "Sinh ra từ làng"; Đài Tiếng nói Việt Nam xây dựng chuyên mục "Những bông hoa đẹp", "Cửa sổ nhân ái"; Báo Quân đội nhân dân với "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; Báo Hà Nội mới với chuyên mục "Nét đẹp người Thủ đô"; Báo Tin tức (Thông tấn xã Việt Nam) với chuyên mục "Gương sáng soi chung", để biểu dương, tôn vinh các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong cả nước...

Trên cơ sở chương trình phối hợp giữa các cơ quan Trung ương, Ban Thi đua - Khen thưởng các tỉnh, thành phố đã phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, thành ủy và Báo, Đài Phát thanh - Truyền hình mở các chuyên trang, chuyên mục, xây dựng nhiều tin bài, phóng sự, phim tài liệu về các phong trào thi đua và giới thiệu các điển hình tiên tiến; tổ chức các cuộc thi viết về gương người tốt, việc tốt, nhân tố mới, sáng tác ca khúc về thi đua... tạo không khí sôi nổi ở nhiều địa phương như: Thành phố Hải Phòng, thành phố Cần Thơ và thành phố Hồ Chí Minh; các tỉnh: Quảng Ninh, Lào Cai, Lai Châu, Thái Nguyên, Gia Lai, Đồng Tháp, Kiên Giang, Sóc Trăng, Hậu Giang, Tiền Giang, Đồng Nai, Ninh Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Lâm Đồng, Bình Phước, Tây Ninh...

Các bộ, ban, ngành, mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội và các địa phương đã tổ chức nhiều hoạt động để kịp thời động viên, khích lệ và nhân rộng các điển hình thông qua nhiều hình thức: Tổ chức hội nghị biểu dương, tôn vinh; tổ chức gặp mặt, nói chuyện, giao lưu với các điển hình tiên tiến; tổ chức các cuộc thi viết về gương người tốt, việc tốt; xuất bản tạp chí, tập san chuyên đề giới thiệu các điển hình tiên tiến như: Thành phố Hà Nội hơn 20 năm duy trì biểu dương gương "Người tốt, việc tốt"; Thành phố Hồ Chí Minh thường xuyên tổ chức tuyên dương các điển hình tiêu biểu trên các lĩnh vực; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam biểu dương cán bộ mặt trận cơ sở, khu dân cư tiêu biểu; Công đoàn Xây dựng Việt Nam, Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam hàng năm tổ chức biểu dương công nhân lao động giỏi, lao động sáng tạo... Lãnh đạo Đảng, Nhà nước tổ chức gặp mặt, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, như: 100 điển hình trong phong trào hiến máu tình nguyện, 100 trí thức trẻ tiêu biểu; 100 nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, thực hiện cánh đồng mẫu lớn, 110 cán bộ công đoàn cơ sở tiêu biểu, các doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu… qua đó góp phần khích lệ, nêu gương, động viên mọi tầng lớp nhân dân hăng hái thi đua, vượt qua khó khăn, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Đảng, Nhà nước, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương và các cấp, các ngành đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và có nhiều đổi mới trong công tác thi đua, khen thưởng. Thông qua các phong trào thi đua yêu nước, các bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương và địa phương đã kịp thời phát hiện, biểu dương và khen thưởng kịp thời những điển hình tiên tiến, các tập thể, cá nhân đạt thành

tích tiêu biểu, xuất sắc, góp phần khích lệ, động viên các tầng lớp nhân dân hăng hái thi đua phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.3. ***Thực hiện chính sách khen thưởng***

Từ khi có Luật và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật, công tác khen thưởng đã đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật, chất lượng được nâng lên; việc thẩm định hồ sơ khen thưởng và đề nghị khen thưởng của các cấp, các ngành đã đảm bảo thực hiện theo quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các bộ, ban, ngành, địa phương đã chú trọng khen thưởng kịp thời đối với tập thể, cá nhân có thành tích, khen thưởng người lao động trực tiếp, góp phần động viên, giáo dục, nêu gương trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Các loại hình khen thưởng (khen thưởng thường xuyên, khen đột xuất, khen thưởng theo niên hạn, khen thưởng tổng kết các giai đoạn cách mạng và khen thưởng đối ngoại) được triển khai ở các cấp, các ngành kịp thời và thiết thực. Công tác khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến theo quy định tại khoản 1 Điều 101 Luật Thi đua, khen thưởng được tập trung thực hiện. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã tích cực phối hợp với các bộ, ban, ngành, địa phương tập trung, chỉ đạo rà soát, giải quyết dứt điểm việc khen thưởng thành tích kháng chiến, đảm bảo các tập thể, cá nhân có thành tích trong kháng chiến, đủ tiêu chuẩn đều được khen thưởng theo quy định, không bỏ sót trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn chưa được khen thưởng. Chất lượng công tác khen thưởng ngày càng được nâng cao góp phần thúc đẩy phong trào thi đua, thực hiện chế độ chính sách ổn định. Các hình thức khen thưởng thường xuyên, đột xuất, chuyên đề, niên hạn, quá trình cống hiến, đối ngoại, khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân lao động trực tiếp được các bộ, ban, ngành, địa phương quan tâm hơn.

Thời gian qua các bộ, ban, ngành, địa phương đã quan tâm chỉ đạo và có những giải pháp cụ thể để tăng cường khen thưởng nhiều hơn cho công nhân, nông dân, doanh nhân, trí thức, nhà khoa học, người trực tiếp lao động, sản xuất, công tác như: Đã ban hành thông tư, quy chế quy định về công tác thi đua, khen thưởng, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn khen thưởng; quy định tỷ lệ, đối tượng, tiêu chuẩn, thủ tục, hồ sơ khen thưởng cho người trực tiếp lao động, học tập, sản xuất, kinh doanh, công tác; bình xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo từng nhóm đối tượng...; thông qua việc phát hiện các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu để khen thưởng kịp thời.

Những năm gần đây, công tác khen thưởng đối với người trực tiếp lao động, sản xuất, công tác, chiến đấu... đã có nhiều chuyển biến tích cực: Khen thưởng Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chiếm tỷ lệ gần 50%. Khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương Lao động các hạng, Huân chương Bảo vệ Tổ quốc, Huy chương Chiến sĩ vẻ vang chiếm tỷ lệ 15%. Qua số liệu khen thưởng trong 13 năm (2004 - 2017) cho thấy tỷ lệ khen thưởng theo công trạng và thành tích hàng năm đạt được chiếm 14,33%; khen thưởng theo niên hạn cho lực lượng vũ trang chiếm 63,15%; khen thưởng cống hiến và Thông tri 38/TT-TW là 0,51%; khen thưởng kháng chiến chiếm 20,66%, các danh hiệu vinh dự nhà nước chiếm

1,35% trên tổng số khen thưởng; trong đó các hình thức khen thưởng của Chủ tịch nước chiếm 89,90%, các hình thức khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ chiếm 10,10% ....

Trên cơ sở các quy định của Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành, các bộ, ban, ngành, địa phương đã tổ chức thực hiện công tác khen thưởng đảm bảo chính xác, kịp thời, bám sát các quy định về đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn và bảo đảm trình tự, thủ tục, hồ sơ đúng quy định theo tinh thần cải cách hành chính. Các trường hợp được khen thưởng chủ yếu là những tập thể, cá nhân tiêu biểu, đạt thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị, chấp hành tốt chính sách, pháp luật. Nhiều tấm gương dũng cảm trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, những cá nhân có thành tích xuất sắc, đột xuất trong đấu tranh phòng, chống tội phạm đã được các cấp tổ chức trao thưởng ngay tại khu dân cư, kết hợp với tuyên truyền gương người tốt, việc tốt...

2.3.1. Về khen thưởng thành tích kháng chiến

Chính sách khen thưởng kháng chiến là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, thể hiện đạo lý "uống nước, nhớ nguồn" của dân tộc ta. Việc khen thưởng thành tích thời kỳ Cách mạng tháng 8 năm 1945; trong kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mỹ được Đảng và Nhà nước triển khai từ năm 1961 đến nay đã 60 năm. Trong đó khen thưởng thành tích kháng chiến chống Pháp được thực hiện theo Điều lệ khen thưởng ban hành kèm theo Nghị quyết số 06-NQ/TVQH ngày 29/8/1960 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Thông tư 15-TTg ngày 12/01/1961 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành điều lệ khen thưởng thành tích kháng chiến chống Pháp và các văn bản hướng dẫn chi tiết đối với các đối tượng cụ thể, các trường hợp đặc biệt. Các chính sách khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến chống Mỹ được thực hiện theo Điều lệ khen thưởng ban hành kèm theo Nghị quyết số 47-NQ/HĐNN7 ngày 29/9/1981 của Hội đồng Nhà nước, Thông tư số 39/BT ngày 21/4/1982 của Hội đồng Bộ trưởng và Điều lệ bổ sung, các văn bản hướng dẫn thi hành để khen thưởng Huân chương, Huy chương, Bằng khen cho cá nhân, gia đình có nhiều thành tích trong kháng chiến. Bên cạnh đó, các chính sách khen thưởng đối với đối tượng có công cũng được triển khai thực hiện như: Pháp lệnh số 36-L/CTN ngày 10/9/1994 quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" và Pháp lệnh số 05/2012/UBTVQH13 ngày 20/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Thông tư số 44/TBXH-VHC/LB ngày 8/4/1985 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Viện Huân chương (nay là Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)về khen thưởng Huân chương Độc lập cho gia đình có nhiều liệt sĩ; Hướng dẫn số 544/TĐKT ngày 24/11/1995 của Viện Thi đua – Khen thưởng Nhà nước về việc tặng kỷ niệm chương cho người bị bắt tù đày; các quy định về khen thưởng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang thời kỳ kháng chiến và nhiều văn bản hướng dẫn về khen thưởng kháng chiến…Tất cả các văn bản về khen thưởng kháng chiến đến nay vẫn còn hiệu lực thi hành.

Mặc dù đã được triển khai trên phạm vi cả nước và được thực hiện đối với tất cả các đối tượng có thành tích, song chính sách khen thưởng thành tích kháng chiến được triển khai trong thời kỳ đất nước còn rất khó khăn về cơ bản chưa có

chế độ ưu đãi vật chất kèm theo nên có một bộ phận cán bộ, nhân dân chưa tích cực kê khai khen thưởng. Mặt khác, do thành tích tham gia kháng chiến, giúp đỡ cách mạng từ những năm 1930-1975, đến nay nhiều trường hợp không còn đủ căn cứ, tư liệu để thẩm định, xác minh đúng sai. Để tiếp tục triển khai, giải quyết dứt điểm việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến, tại khoản 1 Điều 101 Luật Thi đua, khen thưởng được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003 quy định: "Nhà nước tiếp tục xem xét và thực hiện việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến cho những cá nhân, gia đình, địa phương và cơ sở có công lao, thành tích. Chính phủ hướng dẫn thể thức và thời hạn kết thúc việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến". Ngày 24/11/2003, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 26/2003/CT-TTg về việc hoàn thành việc giải quyết tồn đọng công tác khen thưởng tổng kết kháng chiến. Đến nay, sau gần 20 năm tiếp tục thực hiện, Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã ban hành rất nhiều văn bản hướng dẫn và phối hợp cùng các địa phương, bộ, ban ngành rà soát kỹ lưỡng, công tác khen thưởng kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ đã cơ bản hoàn thành. Chủ tịch nước đã quyết định tặng Huân chương Kháng chiến chống Pháp cho 2.494 trường hợp; Huy chương Kháng chiến chống Pháp cho 30.678 trường hợp; Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cho 106.622 trường hợp; Huy chương Kháng chiến chống Mỹ cho 199.452 trường hợp.

Đối với đối tượng là cán bộ, nhân dân có thành tích trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ cứu nước nhưng chưa đủ tiêu chuẩn tặng thưởng Huy chương Kháng chiến hạng Nhì và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 98/2006/QĐ-TTg ngày 05/5/2006 về việc tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho các đối tượng có thành tích tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Để triển khai thực hiện Quyết định trên, Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã ban hành hướng dẫn số 802/HD-TĐKT-VIII ngày 07/6/2006 hướng dẫn thực hiện Quyết định số số 98/2006/QĐ-TTg hướng dẫn về đối tượng, tiêu chuẩn, thủ tục, hồ sơ khen thưởng. Qua đó việc khen thưởng Bằng khen cho các đối tượng có thành tích tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ theo Quyết định số 98/2006/QĐ-TTg đã cơ bản hoàn thành. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen thành tích kháng chiến cho 21.211 trường hợp.

Công tác xét, đề nghị phong tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" được triển khai thực hiện. Từ năm 2013 đến nay sau khi có Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung đã triển khai tặng và truy tặngdanh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"cho trên 83.000 trường hợp.

Việc khen thưởng Huân chương Độc lập cho gia đình có nhiều liệt sĩ được triển khai từ những năm 1985 về cơ bản các gia đình có nhiều liệt sĩ hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc đều đã được ghi nhận, khen thưởng. Chủ tịch nước đã quyết định khen thưởng Huân chương Độc lập cho gia đình có nhiều liệt sĩ cho 14.392 gia đình.

Về khen thưởng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân đối với các tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong kháng chiến chống Pháp

và chống Mỹ. Thực hiện các Thông báo Kết luận của Ban Bí thư: Số 179-TB/TW ngày 22/8/2008; số 132-CV/TW ngày 24/10/2012; số 137-TB/TW ngày 14/6/2013 về việc tiếp tục phong tặng, truy tặng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân" đối với các tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong kháng chiến chống pháp và chống Mỹ. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đã phối hợp với Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương tiến hành hướng dẫn các đơn vị quân đội, công an và cơ quan liên quan tổ chức khảo sát, rà soát các tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ; đồng thời tiến hành các thủ tục xét duyệt, thẩm định và lập hồ sơ, báo cáo những trường hợp có đủ tiêu chuẩn phong tặng, truy tặng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân". Do đó, việc đề nghị Nhà nước phong tặng, truy tặng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân" cho các tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ thực hiện đúng chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, bảo đảm chặt chẽ, đúng quy trình thủ tục. Ngày 22/2/2017, Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã có văn bản số 267/BTĐKT-VI báo cáo Thường trực Ban Bí thư tổng kết việc phong tặng, truy tặng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân" thời kỳ kháng chiến, Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã đề xuất kết thúc việc phong tặng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân" trong thời kỳ kháng chiến (trừ trường hợp cá biệt) do việc phong tặng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân" trong thời kỳ kháng chiến đã được thực hiện nhiều năm (từ năm 1961 đến nay) cơ bản đã hoàn thành. Chủ tịch nước đã quyết định phong tặng, truy tặng Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến cho 1.975 trường hợp: trong đó có 1.123 tập thể, 852 cá nhân (truy tặng 547 cá nhân, phong tặng 305 cá nhân).

Ngoài các nội dung khen thưởng trên, công tác khen thưởng cho các đối tượng làm nhiệm vụ quốc tế tại các nước bạn Lào, Camphuchia; Việc khen thưởng cho cán bộ cách mạng bị địch bắt tù đày cũng được triển khai thực hiện đảm bảo không bỏ sót người có công. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ tặng Huy hiệu Vì nghĩa vụ Quốc tế cho 10.282 trường hợp; Kỷ niệm chương Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đày cho 55.377 trường hợp.

Theo báo cáo của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đến nay còn hơn 9.000 trường hợp hồ sơ khen thưởng chưa đủ căn cứ theo quy định đang xem xét, nghiên cứu để hướng dẫn người dân hoàn thiện. Các trường hợp nêu trên chủ yếu không có đủ giấy tờ, không có xác nhận làm căn cứ xét khen thưởng, có những hồ sơ đã trình đi, trình lại nhiều lần, khi xem xét giải quyết thường gặp khó khăn về căn cứ xác nhận thành tích.

2.3.2. Khen thưởng đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách

Khen thưởng đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách tại địa phương: Giai đoạn từ 2009 - 2016: Theo báo cáo có 42 tỉnh đã thực hiện việc khen thưởng cho đại biểu Quốc hội chuyên trách tại địa phương với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng như: Chiến sĩ thi đua các cấp, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương Lao động các

hạng. Giai đoạn từ 2016 - đến nay: Theo báo của 44 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Có 19 tỉnh thực hiện việc khen thưởng cho đại biểu Quốc hội chuyên trách và 25 tỉnh không trình khen do tuyến trình khen thưởng cho Đại biểu Quốc hội chuyên trách ở các địa phương không thống nhất. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 46 Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định: "Cấp nào quản về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý". Khoản 2 Điều 46 quy định: "Đại biểu Quốc hội chuyên trách ở trung ương, cán bộ thuộc Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quản lý, cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, do Văn phòng Quốc hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định"; quy định trên mới chỉ quy định tuyến trình đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách ở Trung ương, không quy định tuyến trình đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách tại địa phương, trong khi đại biểu Quốc hội chuyên trách ở địa phương do tỉnh quản lý về cán bộ nhưng quỹ lương do Ủy ban thường vụ Quốc hội quản lý, dẫn đến nhiều đại biểu chuyên trách ở địa phương không được khen thưởng do không xác định được đơn vị trình khen. Để giải quyết vướng mắc trên, ngày 17/4/2017 Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 353/2017/NQ-UBTVQH quy định bổ sung một số chế độ và điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Quốc hội đã quy định cụ thể vấn đề này (tại điểm b, khoản 1, Điều 5) nhưng thời gian qua việc đề nghị khen thưởng cho đại biểu chuyên trách ở địa phương vẫn chưa có nhiều tiến triển.

Kết quả khen thưởng đối với Đại biểu Quốc hội chuyên trách ở Trung ương từ năm 2016 đến nay như sau: Năm 2016: Khen thưởng cống hiến 15 Huân chương Độc lập các hạng và 13 Huân chương Lao động các hạng. Năm 2017: Khen thưởng cống hiến 01 Huân chương Độc lập và 06 Huân chương Lao động các hạng. Năm 2018: Khen thưởng cống hiến 02 Huân chương Lao động. Năm 2019: Khen thưởng cống hiến 01 Huân chương Lao động. Năm 2020: Khen thưởng cống hiến 02 Huân chương Độc lập và 01 Huân chương Lao động; khen thưởng đột xuất 46 Huân chương Lao động các hạng về thành tích có đóng góp hiệu quả về các hoạt động của QH; 17 trường hợp được khen thưởng Huân chương Đại đoàn kết dân tộc; 11 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích có đóng góp hiệu quả về các hoạt động của Quốc hội và thành tích trong phục vụ AIPA41.

Về việc nhận các hình thức khen thưởng của nước ngoài của đại biểu Quốc hội chuyên trách ở trung ương: Năm 2019: Có 05 Ủy ban và 8 đại biểu được nhận Huân chương Tự do của Lào. Năm 2020 có 01 đại biểu được nhận Huân chương Hoàng gia Sahametrei của Capuchia; 01 đại biểu được nhận Huân chương Công trạng của Italia. Năm 2021: Có 01 đại biểu được nhận Huân chương Bắc đẩu bội tinh của Pháp.

Có thể thấy rằng thời gian qua, công tác thi đua, khen thưởng đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách ở trung ương và địa phương còn rất hạn chế và chưa tương xứng với những đóng góp công sức, trí tuệ của đại biểu Quốc hội chuyên trách trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với vai trò, vị trí, trách nhiệm là người thay mặt Nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước trong Quốc hội. Qua theo dõi và các số liệu nêu trên cho thấy rõ: hàng năm việc bình xét, đề nghị các danh hiệu thi đua "Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp bộ, Chiến sĩ thi đua toàn quốc" đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách ở trung ương và địa phương hầu như không thực hiện được; tương tự các danh hiệu thi đua "Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc, Cờ thi đua cấp bộ, Cờ thi đua Chính phủ" đối với tập thể là các cơ quan của Quốc hội cũng không thực hiện được. Các hình thức khen thưởng phổ biến với đội ngũ cán bộ, công chức hiện nay là hình thức khen thưởng thường xuyên (khen thưởng hàng năm) nhưng đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách ở trung ương và địa phương cũng không được thực hiện; mà chủ yếu là một số hình thức khen thưởng đột xuất, khen thưởng chuyên đề, khen thưởng đối ngoại, khen thưởng công hiến đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách ở trung ương và địa phương khi có thông báo nghỉ hưu.

Nguyên nhân chủ yếu đã được chỉ ra: "Qua nhiều nhiệm kỳ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội do không thực hiện đăng ký thi đua hàng năm, nên không có cơ sở để xem xét, đề nghị khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được thường xuyên đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách ở Trung ương theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng. Do đặc thù đại biểu Quốc hội hoạt động theo nhiệm kỳ Quốc hội nên rất khó trong việc thực hiện công tác thi đua". Đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách ở địa phương, vướng mắc chủ yếu là chưa thống nhất cách hiểu về tuyến trình khen thưởng.

2.3.3. Về khen thưởng doanh nghiệp, doanh nhân

Công tác khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp theo quy định của luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành đã được các địa phương, bộ, ban, ngành triển khai thực hiện trong nhiều năm qua. Việc khen thưởng không phân biệt là doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước hay ngoài nhà nước, thực hiện theo nguyên tắc mọi tập thể, cá nhân đều bình đẳng trước pháp luật về Thi đua, Khen thưởng. Thực tế đã có nhiều tập thể, cá nhân thuộc các doanh nghiệp trong và ngoài nhà nước trong đó có cả các doanh nghiệp FDI đã được tặng thưởng các hình thức khen thưởng, các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước như: Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ Thi đua của Chính phủ, Danh hiệu Anh hùng Lao động. So sánh giữa khu vực doanh nghiệp nhà nước và ngoài nhà nước thì công tác khen thưởng với tập thể, cá nhân doanh nghiệp nhà nước được thực hiện tương đối bài bản, theo qui định, bởi doanh nghiệp nhà nước trước đây đều có bề dày truyền thống, đều trực thuộc các bộ, ngành, Uỷ

ban nhân dân các tỉnh, thành phố nên công tác thi đua, khen thưởng đã thành nền nếp; tuyến trình khen thưởng được xác định rõ ràng.

Thực tế thời gian qua cho thấy, khó khăn, vướng mắc chủ yếu đối với công tác khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp khu vực ngoài Nhà nước, đó là:

Việc tổ chức phong trào thi đua ở các doanh nghiệp ngoài Nhà nước chưa thực sự sâu rộng và hiệu quả, chưa tạo ra những tác động rõ nét tới kết quả sản xuất kinh doanh nên việc công nhận các danh hiệu thi đua cho công nhân, người lao động, các tập thể trong các doanh nghiệp này nhìn chung chưa được thực hiện đầy đủ và nghiêm túc, từ đó ảnh hưởng tới việc khen thưởng cho các tập thể và cá nhân.

Nhận thức chủ quan của một bộ phận người đứng đầu doanh nghiệp ngoài Nhà nước chỉ quan tâm đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, đến lợi nhuận mà không quan tâm thậm chí không muốn tham gia thi đua, không tham gia các cụm, khối thi đua do cấp thẩm quyền tổ chức; không nghiên cứu, triển khai thực hiện qui định pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Nhận thức và trách nhiệm của một số Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp còn chưa đầy đủ trong việc khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng đối với doanh nghiệp khu vực ngoài Nhà nước.

Một số quy định các văn bản hướng dẫn thi hành của Luật Thi đua, Khen thưởng còn có nội dung chưa phù hợp với thực tiễn, cụ thể là:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ: "Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý". Hiện nay các doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp nên không có cấp quản lý; vì vậy, việc trình khen thưởng theo quy định này không thực hiện được.

Theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ: "Đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cấp giấy phép thành lập và hoạt động hoặc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng. Đối với Quỹ tín dụng nhân dân do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng". Thực tế trong thời gian qua việc đề nghị khen thưởng cho các doanh nghiệp, tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp khu vực ngoài Nhà nước (không tính đối với Quỹ Tín dụng nhân dân) theo quy định này khó thực hiện do: (1) số lượng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố khá đông; (2) Cơ quan cấp phép thường là Sở kế hoạch & Đầu tư cũng rất ít tiếp nhận đề nghị khen thưởng cho doanh nghiệp; (3) Doanh nghiệp cũng không nắm được qui định pháp luật; (4) Doanh nghiệp thành lập ở 1 địa phương nhưng lại hoạt động ở địa phương khác.

Điểm d khoản 6 Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định: "Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ: tuyến trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này". Điều này có nghĩa là đối với các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ thì việc khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng do "Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cấp giấy phép thành lập và hoạt động hoặc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng" Quy định này hiện cũng rất khó thực hiện được vì như lý do đã nêu trên.

2.4.Tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng

Ngày 26/11/2003, Quốc hội khóa XI đã thông qua Luật Thi đua, khen thưởng. Ngày 21/5/2004, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 39-CT/TW về việc tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến. Thực hiện chỉ thị nêu trên của Bộ Chính trị, để củng cố cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở trung ương, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 158/2004/NĐ-CP ngày 25/8/2004 thành lập Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương là cơ quan thuộc Chính phủ, giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi cả nước.

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 122/2005/NĐ-CP ngày 04/10/2005 về tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng. Bộ Nội vụ có Văn bản số 3499/BNV-TCBC ngày 29/11/2005 hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ về tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng. Theo đó, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố. Cấp huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh) có cán bộ chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng thuộc Văn phòng Uỷ ban nhân dân (hiện nay thuộc Phòng Nội vụ). Cấp xã (phường, thị trấn) nhiều địa phương đã bố trí cán bộ kiêm nhiệm làm công tác thi đua, khen thưởng. Các bộ, ban, ngành, địa phương đã triển khai thành lập các Vụ (Phòng, Ban) Thi đua - Khen thưởng.

Nhìn chung, trong thời kỳ này bộ máy tổ chức và cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng ở các bộ, ban, ngành, địa phương đã được củng cố và đi vào hoạt động, thực hiện chức năng tham mưu cho các cấp ủy đảng, chính quyền tổ chức các phong trào thi đua và công tác khen thưởng.

Thực hiện chủ trương Bộ đa ngành, đa lĩnh vực, Chính phủ đã có Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 08/8/2007 chuyển Ban TĐKT Trung ương vào Bộ Nội vụ; Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương có chức năng giúp Bộ trưởng Bộ Nội vụ quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng và là cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương. Ngày 16/4/2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 59/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trực thuộc Bộ Nội vụ. Ngày 16/7/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 29/2018/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức

của Ban TĐKT Trung ương trực thuộc Bộ Nội vụ. Ở các bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương và địa phương, bộ máy tổ chức được kiện toàn, sắp xếp tổ chức theo Nghị định số 122/2005/NĐ-CP ngày 04/10/2005, Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ và Thông tư số 01/2010/TT-BNV ngày 16/4/2010 của Bộ Nội vụ. Tính đến năm 2012, trên toàn quốc có 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có Ban Thi đua - Khen thưởng là tổ chức tương đương cấp Chi cục trực thuộc Sở Nội vụ. Trong tổng số 78 bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, các tập đoàn và tổng công ty nhà nước có 12 bộ, ngành đã thành lập Vụ Thi đua - Khen thưởng, còn lại chủ yếu là cấp phòng hoặc bộ phận thuộc Vụ Tổ chức cán bộ hoặc Văn phòng; một số bộ, ban, ngành chỉ có cán bộ kiêm nhiệm làm công tác thi đua, khen thưởng. Đối với đơn vị hành chính cấp huyện và sở, ban, ngành cấp tỉnh, theo thống kê có khoảng 50% số đơn vị bố trí được 01 cán bộ chuyên trách, một số ít quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có 02 cán bộ chuyên trách, phần lớn số đơn vị còn lại phân công 01 cán bộ thuộc Phòng Nội vụ kiêm nhiệm công tác thi đua, khen thưởng. Đối với cấp xã, phường, thị trấn theo quy định: Uỷ ban nhân dân cấp xã được bố trí cán bộ làm thi đua, khen thưởng kiêm nhiệm, phần lớn do cán bộ làm công tác văn hóa - xã hội, cán bộ làm công tác thống kê hoặc cán bộ làm công tác văn phòng đảm nhiệm công tác thi đua, khen thưởng, đồng thời kiêm nhiệm nhiều công tác khác.

Từ tháng 02/2015 đến nay, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương được thực hiện theo Quyết định số 05/2015/QĐ-TTg và Quyết định số 168/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, công chức, viên chức, người lao động của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã hoàn thành tốt nhiệm vụ là Cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương và tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Nội vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực thi đua, khen thưởng trong toàn quốc.

Ngày 31/10/2014, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 15/2014/TT-BNV hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, quy định: "Căn cứ vào tính chất, đặc điểm, yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước về tôn giáo, thi đua - khen thưởng của từng địa phương, Giám đốc Sở Nội vụ có thể phân công Phó Giám đốc Sở Nội vụ kiêm nhiệm Trưởng ban Ban Tôn giáo hoặc kiêm nhiệm Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng, nhưng không được vượt quá số lượng Phó Giám đốc Sở Nội vụ quy định". Ngày 12/8/2021, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 05/2021 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ.

Ngày 01/9/2016 Chính phủ ban hành Nghị định số 123/2016/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ quy định: "Thứ trưởng không kiêm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc bộ, trừ

trường hợp đặc biệt". Ngày 28/8/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 101/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP.

Hiện nay, bộ máy tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng mặc dù đã được quan tâm nhưng thiếu ổn định, luôn có sự thay đổi, không thống nhất. Ở cấp tỉnh: Có 56/63 tỉnh, thành phố có Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ, có con dấu và tài khoản riêng; có 07/63 tỉnh, thành phố thành lập Phòng Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ (Đồng Tháp, Sơn La, Bắc Giang, Hà Nam, Kon Tum, Yên Bái, Khánh Hòa); có 08/63 tỉnh, thành phố Phó Giám đốc Sở Nội vụ kiêm Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh; 48/63 tỉnh, thành phố có Trưởng ban chuyên trách. Khối bộ, ngành có 16 đơn vị thành lập Vụ; có 12 đơn vị thành lập Phòng Thi đua - Khen thưởng; có 06 đơn vị bố trí cán bộ chuyên trách; 02 đơn vị bố trí cán bộ kiêm nhiệm. Khối Ban Đảng và Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị-xã hội: Có 01 đơn vị thành lập Ban Thi đua - Khen thưởng; 04 đơn vị thành lập Phòng Thi đua - Khen thưởng; 08 đơn vị bố trí cán bộ chuyên trách; 08 đơn vị bố trí cán bộ kiêm nhiệm.

Bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp thiếu ổn định, luôn biến động nhưng đã nỗ lực vượt qua khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ trong tình hình mới. Ở Trung ương: Ban Thi đua, Khen thưởng Trung ương trực thuộc Bộ Nội vụ là cơ quan tương đương Tổng cục thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở trung ương, đồng thời là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương, đã nghiên cứu, tham mưu, đề xuất với Đảng, Quốc hội, Chính phủ các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; tham mưu tổ chức triển khai và tổng kết việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; phát động các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng trong phạm vi cả nước. Ở các bộ, ngành, địa phương: Tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng cấp bộ, ngành, địa phương đã thực hiện tốt chức năng nghiên cứu, tham mưu cho cấp uỷ Đảng, chính quyền thực hiện quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng (theo ngành, lĩnh vực, địa bàn); đồng thời là cơ quan thường trực, giúp việc cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Đội ngũ cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp được quan tâm bố trí, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

2.5. Hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương thực hiện vai trò tham mưu, tư vấn cho Đảng, Nhà nước trong công tác ban hành chủ trương, chương trình, kế hoạch, lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức các phong trào thi đua và thực hiện chính sách, pháp luật về khen thưởng... Tham mưu để Thủ tướng Chính phủ phát động phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" làm nòng cốt cho các phong trào thi đua trong cả nước và trở thành phong trào thi đua trọng tâm trong cả nước giai đoạn 2011 - 2020 và những năm tiếp theo. Tổ chức chia cụm, khối thi đua; bình xét và đề nghị tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" và "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" cho các tập thể tiêu biểu, dẫn đầu phong trào thi đua hàng năm.

Đầu các nhiệm kỳ Đại hội Đảng, Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chỉ thị phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc. Ban hành kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát các bộ, ngành, địa phương tổ chức phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng...

Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã ban hành Kế hoạch và chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức Hội nghị điển hình tiên tiến, Đại hội thi đua các cấp và tham mưu cho Đảng, Nhà nước tổ chức thành công 04 kỳ Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc (lần thứ VII năm 2005; lần thứ VIII năm 2010; lần thứ IX năm 2015, lần thứ X năm 2020) để tổng kết phong trào thi đua qua các giai đoạn và biểu dương, tôn vinh các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Các anh hùng, chiến sỹ thi đua toàn quốc, những tấm gương tiêu biểu, gương "Người tốt, việc tốt" đã thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các bộ, ban, ngành, địa phương tích cực tham mưu ban hành chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng và phát động nhiều phong trào thi đua phù hợp tình hình thực tiễn. Tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự, đảng đoàn, đảng ủy các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương cũng như chính quyền, mặt trận các cấp, các ngành đã ban hành văn bản chỉ đạo, thông tư, quy chế, quy định; tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động và tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.6. Hoạt động của cụm, khối thi đua

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã tham mưu cho Hội đồng TĐKT Trung ương tổ chức thành lập các cụm, khối thi đua trong cả nước (gồm 06 khối thi đua các bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương và 08 cụm thi đua các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương); tổ chức ký giao ước thi đua, kiểm tra, đôn đốc thực hiện, bình xét và đề nghị Chính phủ tặng Cờ thi đua các đơn vị dẫn đầu cụm, khối thi đua hàng năm. Qua tổ chức thi đua theo mô hình cụm, khối, đã tạo được sự liên kết phối hợp, trao đổi kinh nghiệm trong tổ chức phong trào thi đua ở các bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương và địa phương. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch để thành viên Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc triển khai, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng tại các cụm, khối thi đua.

Hoạt động của các cụm, khối thi đua hiện nay tiếp tục được duy trì và có những đổi mới để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Căn cứ hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, các cụm, khối thi đua đã ban hành quy chế, kế hoạch hoạt động, xây dựng thang bảng điểm thi đua trên nguyên tắc

chung và có những điều chỉnh nhất định cho phù hợp với tình hình thực tiễn và đặc thù của mỗi cụm, khối thi đua.

Từng đơn vị trong cụm, khối đã kịp thời phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể để chỉ đạo và theo dõi thường xuyên tình hình tổ chức các phong trào thi đua và thực hiện công tác khen thưởng. Các phong trào thi đua được triển khai kịp thời đến các đơn vị cơ sở, nội dung thi đua gắn với việc thực hiện tốt các chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước như: Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh; xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh xã hội; cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Bên cạnh việc triển khai các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ và cơ quan Trung ương phát động, các đơn vị trong cụm, khối thi đua còn tích cực tổ chức phát động thi đua theo đợt, theo chuyên đề nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, khắc phục khó khăn, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của từng bộ, ban, ngành, địa phương và của đất nước.

Các cụm, khối thi đua đã có nhiều đổi mới, sáng tạo, tổ chức nhiều hoạt động phong phú, đa dạng tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa các thành viên, là cầu nối để các đơn vị trao đổi ý kiến chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác trong thực hiện nhiệm vụ được giao như: Tổ chức hội thảo, tọa đàm để trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao chất lượng công tác thi đua, khen thưởng (Khối thi đua các cơ quan của Đảng; Khối thi đua Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng, Khối các bộ ngành kinh tế, Cụm 05 thành phố trực thuộc Trung ương, các tỉnh miền Núi phía Bắc...); Tổ chức tham quan, khảo sát thực tế để học tập các mô hình, điển hình tiên tiến (Khối các bộ, ngành tổng hợp, Khối các bộ, ngành khoa học - văn hóa - xã hội, Cụm thi đua các tỉnh đồng bằng Sông Hồng…); Tổ chức lồng nghép việc sơ, tổng kết với giới thiệu, tôn vinh các điển hình tiên tiến, mô hình mới (Khối thi đua các tổ chức chính trị - xã hội, Khối thi đua các ngành văn hóa, xã hội, Cụm thi đua các tỉnh Tây Nam bộ, Cụm thi đua các tỉnh Đông Nam bộ, Cụm thi đua các tỉnh Tây Nguyên, Cụm thi đua các tỉnh Trung du và miền Núi phía Bắc, Cụm thi đua các tỉnh biên giới phía Bắc…); Tổ chức tập huấn nghiệp vụ, giao lưu văn nghệ, thể thao, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa các đơn vị (Khối thi đua các Tổng Công ty, Khối thi đua các Ban Đảng…); Một số khối đã phối hợp có hiệu quả trong thi đua thực hiện công tác an sinh xã hội, xây dựng các công trình trọng điểm (Khối Thi đua các tổ chức chính trị - xã hội, Khối thi đua các Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước…).

Thông qua hoạt động của các cụm, khối, các đơn vị thành viên đã có điều kiện giao lưu, học hỏi kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ, xây dựng tiêu chí và nội dung thi đua phù hợp thiết thực. Lãnh đạo các bộ, ban, ngành, mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội và các địa phương đã nêu cao trách nhiệm và trực tiếp tham dự hoạt động của các cụm, khối thi đua.

2.7. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong thi đua, khen thưởng

Thực hiện quy định tại khoản 6 Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng: "Cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng thực hiện việc áp dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa quản lý công tác thi đua, khen thưởng", tại Khoản 11, Điều 45 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định: "Khi trình Thủ tướng Chính phủ, bộ, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng thời gửi các file điện tử của hồ sơ đến Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước. Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương gửi hồ sơ khen thưởng bằng văn bản và bản điện tử của toàn bộ hồ sơ khen thưởng đến Văn phòng Chính phủ."; Điều 48 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ "Quy định thời điểm nhận hồ sơ, thời gian thẩm định, thời gian thông báo kết quả khen thưởng"; Khoản 1, Điều 40 của Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương, mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng, quy định "Quản lý, cấp phát hiện vật khen thưởng", Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, thẩm định, trình khen thưởng và thông báo kết quả khen thưởng, cấp phát khen thưởng cấp nhà nước.

Thực hiện quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương thực hiện việc áp dụng công nghệ thông tin trong việc tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền quyết định việc khen thưởng", Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả TTHC khen thưởng cấp nhà nước ở bộ phận một cửa tại Văn phòng Ban theo đúng quy định. Việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC khen thưởng cấp nhà nước tại Ban đang được thực hiện đúng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Hiện nay, tất cả hồ sơ đề nghị khen thưởng của các ban, bộ, ngành, tổ chức chính trị-xã hội và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Thủ tướng Chính phủ đều được chuyển đến Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương theo hình thức văn bản điện tử và văn bản giấy theo đúng quy định.

Thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính và hiện đại hóa hành chính phục vụ công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng. Với chức năng là cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng, Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã thực hiện việc áp dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa quản lý công tác thi đua, khen thưởng, bảo đảm hoạt động cho Cổng thông tin điện tử của Ban, xây dựng và khai thác sử dụng các phần mềm Hệ thống quản lý hồ sơ khen thưởng điện tử ngành Thi đua, khen thưởng thực hiện tiếp nhận, xử lý hồ sơ khen thưởng điện tử của các bộ, ngành, địa phương; phần mềm quản lý văn bản điện tử đi, đến, phần mềm quản lý in bằng, phần mềm kế toán, quản lý kho; khai thác, sử dụng mạng nội bộ trong cơ quan Ban; kết nối liên thông văn

bản điện tử với Văn phòng Chính phủ; sử dụng phần mềm quản lý văn bản của Bộ Nội vụ (V-office), thực hiện tiếp nhận, xử lý hồ sơ khen thưởng điện tử.

Công tác lưu trữ hồ sơ khen thưởng, Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã chú trọng đầu tư trang thiết bị bảo quản tài liệu, cải tạo kho lưu trữ, lắp đặt hệ thống phòng cháy và đặc biệt là coi trọng công tác quản lý hồ sơ tài liệu lưu trữ, đôn đốc nộp hồ sơ tài liệu vào lưu trữ và thực hiện công tác chỉnh lý hồ sơ tài liệu lưu trữ, tiến hành số hóa tài liệu lưu trữ hồ sơ khen thưởng cấp nhà nước tại Ban. Đến nay, công tác lưu trữ hồ sơ, tài liệu khen thưởng được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ, đã đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Nhìn chung, việc áp dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa quản lý công tác thi đua, khen thưởng đã được quan tâm, triển khai từ Trung ương đến bộ, ban, ngành, địa phương, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng, giảm chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị đề nghị khen thưởng.

2.8. Về quỹ thi đua, khen thưởng

Qua tổng hợp báo cáo của các bộ, ban, ngành, địa phương, thực tế trích lập và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng được thực hiện trên các nội dung lớn: tổ chức, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, công tác tuyên truyền, phổ biến nhân điển hình tiên tiến; thanh tra, kiểm tra, chi thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, chi cho in ấn, làm hiện vật khen thưởng, tặng phẩm lưu niệm.

Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- Số kinh phí phân bổ theo tỷ lệ tối đa trích quỹ thi đua, khen thưởng quy định tại Điều 65, Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng, hằng năm trung bình khoảng 2,470 tỷ đồng.

- Số kinh phí thực tế được phân bổ cho quỹ thi đua, khen thưởng hằng năm trung bình khoảng 862 tỷ đồng, đạt khoảng 30% so với mức trích quỹ thi đua, khen thưởng tối đa theo quy định.

- Việc thực hiện sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng hằng năm trung bình khoảng 740 tỷ đồng, đạt trung bình 85% so với tổng số kinh phí được cấp hằng năm. Trong đó, phần lớn quỹ chi cho nội dung chi tiền thưởng, chiếm 90% trong tổng số, còn lại chi cho tổ chức, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, công tác tuyên truyền, phổ biến nhân điển hình tiên tiến; thanh tra, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng và chi cho in ấn, mua sắm hiện vật khen thưởng.

Đối với bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội:

- Căn cứ số liệu báo cáo nhận được, phần lớn các đơn vị chưa thực hiện việc trích lập quỹ thi đua, khen thưởng mà được phân bổ nhiệm vụ chi khen thưởng trong nguồn kinh phí chi thường xuyên và thực hiện chi theo thực tế. Số kinh phí thực chi cho thi đua, khen thưởng còn thấp so với quy định về tỷ lệ tối

đa trích quỹ. Một số đơn vị không có nguồn chi hoặc kinh phí được phân bổ không đủ để chi dẫn đến thực tế là có khen nhưng không thưởng hoặc chi tiền thưởng không đúng theo mức quy định.

- Việc thực hiện sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng hằng năm trung bình khoảng 820 tỷ đồng. Phần lớn quỹ chi cho nội dung chi tiền thưởng, còn lại là chi cho in ấn, mua sắm hiện vật khen thưởng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LUẬT

Sau khi Quốc hội ban hành Luật Thi đua, khen thưởng đến nay, công tác thi đua, khen thưởng trong cả nước đã có nhiều chuyển biến tích cực. Các chủ trương, chính sách và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng ngày càng được hoàn thiện. Bộ Chính trị đã thông qua Đề án "Đổi mới công tác thi đua, khen thưởng" và ban hành Chỉ thị số 34-CT/TW "Về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng", là những quan điểm chỉ đạo, định hướng quan trọng để các cấp ủy, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng. Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (năm 2005 và năm 2013), tạo cơ sở pháp lý ngày càng hoàn thiện để quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Các phong trào thi đua yêu nước có nhiều đổi mới về nội dung, hình thức nên đã thiết thực và có hiệu quả hơn. Các cấp ủy, tổ chức Đảng, lãnh đạo chính quyền các cấp đã có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đã chủ động và phối hợp để tổ chức các phong trào thi đua, bám sát nhiệm vụ chính trị, chuyên môn, được đông đảo đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia hưởng ứng. Các phong trào thi đua được các cấp, các ngành và nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng bộ, ban, ngành, địa phương và của đất nước. Công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến được quan tâm chỉ đạo và có nhiều chuyển biến rõ nét.

Công tác khen thưởng đã có tác dụng động viên, cổ vũ kịp thời các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc. Các bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị-xã hội và địa phương đã chủ động khen thưởng kịp thời các trường hợp có thành tích đột xuất, người trực tiếp lao động, học tập, sản xuất, kinh doanh, chiến đấu và công tác... Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đoàn thể để phát hiện, quan tâm đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước cho người lao động, cá nhân, tập thể ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo... Công tác khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến theo quy định tại khoản 1 Điều 101 Luật Thi đua, khen thưởng đến nay cơ bản đã hoàn thành. Việc áp dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa quản lý công tác thi đua, khen thưởng đã được quan tâm, triển khai từ Trung ương đến bộ, ban, ngành, địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng, giảm chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị đề nghị khen thưởng.

1. Ưu điểm

Luật đã kế thừa và phát huy truyền thống thi đua yêu nước theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các quan điểm, chủ trương của Đảng, thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn của dân tộc, có tác dụng to lớn trong công tác vận động quần chúng nhân dân hưởng ứng và tích cực tham gia thực hiện các chủ trương, các cuộc vận động lớn do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, là công cụ quản lý Nhà nước và là một trong những biện pháp xây dựng con người mới, có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong các tầng lớp nhân dân, góp phần xây dựng và vảo vệ Tổ quốc.

Các quy định của Luật đã tạo cơ sở cho việc nghiên cứu, hoàn chỉnh hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng. Hiện nay, căn cứ các quy định của Luật, Chính phủ đã ban hành đồng bộ 11 nghị định để quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành, cùng với các thông tư của Bộ Nội vụ và các thông tư, quy chế, quy định của các bộ, ngành, địa phương, tạo cơ sở pháp lý để tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng.

Các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng là cơ sở pháp lý quan trọng để Nhà nước quản lý thi đua, khen thưởng bằng pháp luật, công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng được tăng cường. Công tác thi đua, khen thưởng dần đi vào nề nếp, các phong trào thi đua đã thực sự góp phần vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của các bộ, ban, ngành, địa phương. Công tác khen thưởng thực hiện kịp thời, đảm bảo tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, hồ sơ theo quy định; việc bình xét khen thưởng được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo dân chủ, công khai, đúng người, đúng thành tích.

Luật quy định đối tượng, nguyên tắc, phạm vi, nội dung, hình thức các danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định khen thưởng và đề nghị khen thưởng; thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng… tạo cơ sở cho các bộ, ban, ngành, địa phương tổ chức thực hiện tốt phong trào thi đua và công tác khen thưởng; là cơ sở pháp lý tạo sự thống nhất, bình đẳng trong công tác khen thưởng, khắc phục bệnh thành tích, nâng cao rõ rệt chất lượng khen thưởng.

2. Những tồn tại, hạn chế

2.1. Về công tác thi đua

- Các quy định của Luật về thi đua qua quá trình thực hiện đã bộc lộ những bất cập, hạn chế cần được nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn (có ý kiến cho rằng việc tham gia phong trào thi đua là tự nguyện, tự giác trên cơ sở vận động quần chúng, không thể quy định bắt buộc…):

+ Luật chưa quy định đầy đủ một số vấn đề về thi đua như: Hình thức thi đua (chưa quy định hình thức thi đua theo chuyên đề), phạm vi thi đua (chưa quy định thi đua trong các cụm, khối thi đua); nội dung tổ chức phong trào thi đua (chưa quy định nội dung phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến)... Trên thực tế, ở cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn) là nơi triển khai

tổ chức nhiều phong trào thi đua nhưng hiện nay chưa có danh hiệu thi đua để tặng cho xã, phường, thị trấn có thành tích tiêu biểu, xuất sắc.

+ Quy định tiêu chuẩn danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" để xét tặng cho cá nhân có thành tích "tiêu biểu xuất sắc nhất" nhưng thực tế việc so sánh, đánh giá mức độ "nhất" giữa các cá nhân trong bộ, ban, ngành, địa phương chưa có tiêu chí để thực hiện, nhất là các bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực hoặc cá nhân trong cùng một địa phương gồm nhiều đối tượng khác nhau, chưa phù hợp trong quá trình tổ chức thực hiện. Tiêu chuẩn về hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài khoa học khi xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua" đã được quy định trong các nghị định của Chính phủ trong nhiều năm và thực hiện ổn định cần được quy định trong Luật.

+ Quy định về tiêu chuẩn xét tặng "Cờ thi đua của Chính phủ", Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh theo quy định hiện hành để xét tặng hàng năm cho tập thể, nhưng thực tế có các phong trào thi đua được tổ chức trong nhiều năm, khi sơ, tổng kết theo giai đoạn (03 năm, 05 năm, 10 năm...) chưa có quy định để xét tặng danh hiệu Cờ thi đua cho các tập thể có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua.

- Công tác tổ chức triển khai các quy định của pháp luật về thi đua ở một số nơi chưa thật sự hiệu quả. Nhận thức về vị trí, ý nghĩa của công tác thi đua, khen thưởng ở một số cơ quan, tổ chức, người đứng đầu chưa đầy đủ, sâu sắc, chưa coi trọng việc tổ chức phong trào thi đua. Ở một số nơi, phong trào thi đua còn hình thức, chưa gắn kết thi đua với công việc thường xuyên, hàng ngày; nội dung, tiêu chí thi đua chưa cụ thể. Trong chỉ đạo phong trào thi đua chưa kịp thời nắm bắt những vấn đề từ thực tiễn đặt ra, chưa thực sự gắn với lợi ích của người lao động, do đó chưa thu hút, phát huy, tạo động lực thi đua từ cơ sở. Ở địa phương, phong trào thi đua chưa phát triển đồng đều và rộng khắp, nhiều nơi còn lúng túng về đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp tổ chức thi đua.

Trong tổ chức triển khai các phong trào thi đua, nhiều cơ quan, đơn vị chưa thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, sơ kết, tổng kết; chưa đầu tư đúng mức cho phong trào thi đua; thiếu sự phối hợp, liên kết của các bộ, ban, ngành, địa phương và cơ quan chức năng có liên quan, từ đó hạn chế tính động lực và hiệu quả của các phong trào thi đua. Hoạt động của các cụm, khối thi đua tuy đã có bước đổi mới về nội dung, tiêu chí thi đua, song còn hạn chế trong phương thức hoạt động và trong phối hợp, tổ chức thực hiện.

- Cơ quan tham mưu về thi đua, khen thưởng, cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng một số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa chủ động theo dõi, nắm bắt tình hình, tham mưu đề xuất cho lãnh đạo các cấp trong việc tổ chức phát động các phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả. Cơ chế hoạt động công tác thi đua, khen thưởng có nơi còn trùng lắp, chồng chéo, hiệu quả chưa cao, nhất là vai trò của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ở cơ sở. Hiện tượng chạy theo thành tích vẫn còn tồn tại, làm suy giảm giá trị, tác dụng của phong trào thi đua.

2.2. Về công tác khen thưởng

- Về đối tượng khen thưởng: Luật có đối tượng điều chỉnh rộng liên quan đến toàn hệ thống chính trị, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội; các dân tộc, vùng, miền; các tôn giáo và chức sắc tôn giáo; các nhà khoa học, trí thức, công nhân, nông dân, doanh nhân; các lứa tuổi thanh niên, thiếu niên, người cao tuổi; các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... nhưng những quy định về điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng cụ thể chưa bao quát hết các đối tượng khen thưởng. Đối với một số hình thức khen thưởng cao (Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập), Luật chưa quy định cụ thể đối tượng tập thể được khen thưởng, vì vậy chưa bảo đảm sự cân đối giữa hình thức và đối tượng khen thưởng. Đối tượng khen thưởng là cá nhân, tập thể người nước ngoài và cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ngoài chưa được quy định trong một số hình thức khen thưởng cụ thể (hiện nay chỉ quy định đối với nguyên thủ quốc gia nước ngoài được khen thưởng Huân chương Sao vàng); đối tượng tặng thưởng một số danh hiệu vinh dự Nhà nước chưa đầy đủ hoặc chưa phù hợp...

- Về tiêu chuẩn khen thưởng: Một số quy định về tiêu chuẩn khen thưởng chưa được rõ ràng, cụ thể, thiếu định lượng. Các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng cho công nhân, nông dân, doanh nhân, trí thức, nhà khoa học, người lao động có điểm chưa phù hợp, vì vậy trong quá trình tổ chức thực hiện còn có khó khăn, vướng mắc. Tiêu chuẩn một số hình thức khen thưởng chưa phù hợp với đối tượng khen thưởng (ví dụ: Quy định tiêu chuẩn tặng thưởng Huân chương đối với tập thể phải bảo đảm tiêu chuẩn đã được tặng Cờ Thi đua hoặc Bằng khen cấp bộ, cấp tỉnh nhưng các bộ, ban, ngành, tỉnh không thể tự tặng Cờ thi đua hoặc Bằng khen cho mình); một số quy định về tiêu chuẩn khen thưởng đối với cho tập thể, cá nhân chưa phù hợp với tình hình thực tiễn; tiêu chuẩn khen thưởng đối ngoại (Huân chương Hữu nghị, Huy chương Hữu nghị) chưa được quy định cụ thể.

- Luật hiện hành quy định nhiều hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (có 26 hình thức khen thưởng với 42 cấp độ khen thưởng). Thẩm quyền của Chủ tịch nước có: Huân chương (10 loại), Huy chương (04 loại), Danh hiệu vinh dự Nhà nước (08 loại) và giải thưởng (02 loại); thẩm quyền của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ có danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ", danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc", Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; ngoài ra còn có các hình thức khen thưởng khác thuộc thẩm quyền của các cấp, các ngành. Trên thực tế tỷ lệ khen thưởng cấp nhà nước chưa cân đối trong từng lĩnh vực, số lượng khen thưởng tập trung chủ yếu vào khen niên hạn trong lực lượng vũ trang, khen thưởng quá trình cống hiến; một số đối tượng đã được quy định trong Luật nhưng quá trình thực hiện còn nhiều khó khăn, vướng mắc như khu vực ngoài nhà nước, khu vực đại biểu dân cử...

- Công tác khen thưởng ở một số nơi chưa bám sát các phong trào thi đua, chưa lấy kết quả phong trào thi đua làm căn cứ, cơ sở để khen thưởng. Trong

công tác khen thưởng cá biệt vẫn có những tập thể, cá nhân được khen thưởng nhưng thành tích chưa thật sự tiêu biểu, chưa nêu gương và lan tỏa. Việc đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước đối với người trực tiếp lao động, sản xuất, kinh doanh, chiến đấu và công tác, khen thưởng thông qua phát hiện các điển hình chưa tạo được sự chuyển biến sâu rộng từ cơ sở và đồng đều ở các bộ, ban, ngành, địa phương. Khen thưởng một số trường hợp còn thiếu chính xác, nể nang, cào bằng. Thủ tục khen thưởng còn qua nhiều cấp, nhiều thủ tục hành chính; chưa có quy định về quy trình thủ tục, hồ sơ khen thưởng thông qua phát hiện đối với tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc để khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

- Công tác khen thưởng thành tích kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ cứu nước, khen thưởng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"; việc phong tặng, truy tặng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân" thời kỳ kháng chiến tuy đã được triển khai từ nhiều năm và đến nay vẫn chưa hoàn thành và chưa thực hiện đầy đủ (mới triển khai khen thưởng thành tích kháng chiến từ 30/4/1975 trở về trước và trường hợp còn tồn đọng đã bổ sung đủ hồ sơ, các trường hợp mới phát hiện đủ điều kiện, tiêu chuẩn).

- Việc triển khai công tác thi đua, khen thưởng đối với các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội chuyên trách ở Trung ương trong quá trình thực hiện vẫn còn có những khó khăn, vướng mắc, cần nghiên cứu để phù hợp với tình hình thực tiễn tổ chức của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Việc trích lập quỹ thi đua, khen thưởng chưa huy động được các nguồn lực để thực hiện tốt việc khen và thưởng. Tỷ lệ chi cho tổ chức, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, công tác tuyên truyền, phổ biến nhân điển hình tiên tiến; thanh tra, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng còn thấp so với quy định là trích 20% trong tổng quỹ thi đua, khen thưởng tại khoản d Điều 66, Nghị định 91/2017/NĐ-CP (thống kê số liệu của khối địa phương cũng cho kết quả tương tự) nên cần phải tăng tỷ lệ chi trên thực tế cho nội dung này để nâng cao hiệu quả của phong trào thi đua, công tác khen thưởng.

2.3 Về thẩm quyền khen thưởng

Luật hiện hành quy định rõ thẩm quyền khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh và người đứng đầu cơ quan hành chính. Tuy nhiên, chưa có quy định đối với người đứng đầu Hội đồng Dân tộc, các Uỷ ban của Quốc hội, các cơ quan trực thuộc Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

2.4. Về tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng

Bộ máy tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng thiếu ổn định, luôn có sự thay đổi, không thống nhất (trong 70 năm qua, Ban TĐKT Trung ương là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương…). Từ năm 2007, Ban TĐKT Trung ương trực thuộc Bộ Nội vụ, có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng Bộ Nội vụ quản

lý nhà nước về thi đua, khen thưởng. Ban Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh; Vụ (Phòng, Ban) Thi đua - Khen thưởng ở các bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương hoạt động còn nhiều khó khăn, bất cập, qua nhiều thủ tục hành chính. Công tác kiện toàn tổ chức chưa đi đôi với việc bố trí, phân công cán bộ và xây dựng chức danh, tiêu chuẩn cán bộ. Do bộ máy tổ chức và cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng còn nhiều bất cập, nên việc tham mưu với cấp ủy, chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng còn hạn chế.

2.5. Về công tác lưu trữ và ứng dụng công nghệ thông tin

- Trong công tác lưu trữ: Tài liệu, hồ sơ hình thành trong quá trình hoạt động qua các thời kỳ của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương bắt đầu từ năm 1947, bao gồm tài liệu về công tác thi đua và tài liệu về công tác khen thưởng. Tài liệu về công tác thi đua được lưu tại Ban (từ 1947 đến năm 2004) còn rất ít vì sau khi Ban Thi đua Trung ương giải thể (năm 1987) không chuyển giao tài liệu cho Viện Thi đua - Khen thưởng Nhà nước; tài liệu về công tác khen thưởng được lưu trữ từ năm 1947 đến nay.

Do trải qua các thời kỳ chiến tranh và chuyển đổi, sáp nhập về tổ chức nên tài liệu, hồ sơ lưu trữ về TĐKT không còn được hoàn chỉnh, đầy đủ, như: trong bộ hồ sơ khen thưởng có quyết định khen thưởng nhưng không có danh sách tập thể, cá nhân đính kèm theo hoặc có danh sách khen thưởng nhưng không có quyết định kèm theo hoặc danh sách khen thưởng trong một quyết định bị thiếu; giá trị pháp lý của tài liệu lưu trữ thấp, nhiều tài liệu lưu trữ không có bản chính, là các bản sao, thiếu dấu, chữ ký... Mặt khác, trước đây do không có điều kiện bảo quản và chịu tác động tiêu cực của môi trường nên phần lớn tài liệu, hồ sơ lưu trữ bị xuống cấp, rách nát, chữ in mờ rất khó đọc, nhất là tài liệu từ năm 1975 trở về trước. Công chức chuyên trách làm công tác lưu trữ chưa đầy đủ, có công chức chưa được đào tạo chuyên ngành về lưu trữ nên còn khó khăn trong công tác quản lý, sắp xếp hồ sơ tài liệu; việc tra cứu hồ sơ tài liệu tuy bước đầu đã ứng dụng công nghệ thông tin nhưng chưa đáp ứng yêu cầu đề ra...

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thi đua, khen thưởng tuy đã được triển khai thực hiện và đạt kết quả nhất định nhưng vẫn còn những khó khăn, vướng mắc. Do đặc thù công tác thi đua, khen thưởng nên hồ sơ, thủ tục khen thưởng vẫn thực hiện đồng thời theo 02 phương thức (điện tử và bản giấy). Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tra cứu kết quả khen thưởng vẫn chưa đảm bảo sự liên thông giữa các cơ quan thực hiện thủ tục hành chính do có sự khác nhau trong sử dụng các hệ thống mạng và phần mềm.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân chủ quan:

- Nhận thức về vai trò, tác dụng của phong trào thi đua và công tác khen thưởng của một số cấp uỷ, chính quyền, người đứng đầu chưa đầy đủ, chưa thường xuyên trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong thực hiện công tác thi đua, khen

thưởng. Nhiều nơi còn coi nhẹ vai trò, tác dụng các phong trào thi đua hoặc giao hết cho cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng thực hiện.

- Một số bộ, ban, ngành và địa phương chưa chấp hành nghiêm quy định của Luật, tổ chức nhiều phong trào, nhiều cuộc vận động, nhưng việc phối hợp lồng ghép các phong trào thi đua của các ngành, các tổ chức quần chúng, các cuộc vận động còn lúng túng, dẫn đến chồng chéo; việc sơ kết tổng kết, rút kinh nghiệm, phát hiện bồi dưỡng, nhân rộng điển hình tiên tiến hiệu quả chưa cao. Có trường hợp đề nghị vận dụng khen thưởng chưa đúng quy định của Luật; bình xét danh hiệu thi đua và khen thưởng còn nể nang, cào bằng, luân phiên. Chỉ đạo triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng về thi đua, khen thưởng còn chậm, có nơi triển khai còn hình thức, chất lượng thấp. Một số đơn vị chưa chủ động trong việc nghiên cứu các quy định và triển khai thực hiện, chưa cụ thể hóa cho phù hợp với điều kiện địa phương, đơn vị, còn trông chờ vào văn bản hướng dẫn của cấp trên.

- Tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng không ổn định, thiếu thống nhất, không tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ. Việc thực hiện ở một số Bộ, ban, ngành sau khi Nghị định số 122/2005/NĐ-CP của Chính phủ được ban hành chưa được quan tâm đúng mức; kiện toàn tổ chức chưa đi đôi với việc bố trí, phân công cán bộ và xây dựng chức danh, tiêu chuẩn cán bộ. Đội ngũ công chức thi đua, khen thưởng ở các cấp chưa đồng đều, tính chuyên nghiệp chưa cao, năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của một số công chức còn hạn chế. Tham mưu nghiên cứu tập trung vào công tác khen thưởng, chưa chú trọng tham mưu tổ chức, phát động các phong trào thi đua và nhân điển hình tiên tiến.

- Công tác khen thưởng thành tích kháng chiến chống Pháp thực hiện từ năm 1961 đến nay đã gần 60 năm; thành tích trong cuộc kháng chiến kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thực hiện từ năm 1981 đến nay đã gần 40 năm nên nhiều trường hợp không còn đủ căn cứ, tài liệu để thẩm định, xác minh. Ngoài các cuộc kháng chiến từ năm 1975 trở về trước, nước ta còn có những cuộc kháng chiến, bảo vệ tổ quốc khác (các cuộc chiến tranh biên giới) mà chưa thể triển khai khen thưởng tổng kết cho các cuộc kháng chiến này.

- Việc áp dụng công nghệ thông tin trong thi đua, khen thưởng chủ yếu được thực hiện trong việc thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng của các bộ, ngành, địa phương. Đây là thủ tục mang tính đặc thù, Ban TĐKT Trung ương chỉ tiếp nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng do cấp bộ, ngành, địa phương, không tiếp nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng của cá nhân, tổ chức khác. Vì vậy thủ tục hành chính chủ yếu được với cấp bộ, ban, ngành, địa phương, không thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp. Hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm nhiều loại giấy tờ, đối tượng khen thưởng thuộc nhiều lĩnh vực, phạm vi khen thưởng rộng, trong quá trình thẩm định phải thực hiện nhiều trình tự, thủ tục khác nhau như xin ý kiến các cơ quan liên quan, báo cáo cấp có thẩm quyền, vì vậy trong thủ tục khen thưởng không thực hiện kê khai theo biểu mẫu nên việc gửi hồ sơ từ các bộ, ban, ngành, địa phương vẫn phải đồng thời gửi bản giấy và bản điện tử.

3.2. Nguyên nhân khách quan:

- Trước sự phát triển nhanh của công cuộc đổi mới đất nước, sự phát triển của kinh tế, xã hội, khoa học công nghệ và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn về công tác thi đua, khen thưởng trong những năm qua chưa được chú trọng và đầu tư đúng mức; công tác thi đua, khen thưởng chậm được đổi mới và chưa theo kịp thực tiễn phát triển của đất nước.

- Thực tiễn công tác thi đua, khen thưởng rất đa dạng, phong phú, liên quan đến cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, các tổ chức, cơ quan, đơn vị và các tầng lớp nhân dân. Vì vậy, các quy định của Luật chưa thể xử lý được phạm vi và đối tượng một cách chi tiết, cụ thể đối với từng lĩnh vực, đối tượng khác nhau, khi đi vào thực tế cuộc sống đã nảy sinh những vướng mắc hoặc phải quy định chi tiết tạo các văn bản dưới luật, để bảo đảm tính khả thi và bao quát được thực tiễn đời sống xã hội.

Phần thứ hai

ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI LUẬT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

I. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG TRONG THỜI GIAN TỚI

Trong những năm tới, tình hình thế giới dự báo vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; quá trình đổi mới đất nước, toàn cầu hóa và Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động nhanh và sâu rộng đến mọi mặt kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường. Đặc biệt, ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19 có khả năng gây ra suy thoái và khủng hoảng kinh tế toàn cầu; các thách thức về biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, cùng diễn biến phức tạp trên biển Đông… sẽ tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến nước ta. Tuy nhiên, những thành tựu và kinh nghiệm của hơn 30 năm đổi mới, đã và sẽ tạo điều kiện thuận lợi để chúng ta phát huy sức mạnh tổng hợp đưa đất nước tiếp tục phát triển.

Để công tác thi đua, khen thưởng tiếp tục là động lực quan trọng góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, công tác thi đua, khen thưởng trong những năm tới cần tập trung thực hiện một số định hướng, giải pháp như sau:

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi đua, khen thưởng; tiếp tục quán triệt, tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về thi đua, khen thưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm chuyển biến nhận thức về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công tác thi đua, khen thưởng. Thông qua các phong trào thi đua, phải tạo được động lực cách mạng của quần chúng, phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết dân

tộc, vượt qua những khó khăn, thách thức, thực hiện thành công sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị "Các cấp ủy, tổ chức Đảng, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng. Mỗi chi bộ, đảng viên cần phát huy tốt vai trò tiên phong, gương mẫu và là hạt nhân trong các phong trào thi đua ở cơ sở", gắn trách nhiệm của tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; trách nhiệm của người đứng đầu, cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo về công tác thi đua, khen thưởng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của cấp ủy, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò và tác dụng to lớn của phong trào thi đua yêu nước trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Gắn kết các phong trào thi đua yêu nước với Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", Nghị quyết số 04-NQ/TW (Khóa XII) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ làm cho các phong trào thi đua yêu nước chứa đựng nội dung sâu sắc về tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, qua đó nâng cao chất lượng các phong trào thi đua, các cuộc vận động quần chúng của Đảng.

Các cấp ủy, tổ chức đảng cần có kế hoạch cụ thể để tiếp tục tập trung tuyên truyền, quán triệt sâu sắc, đầy đủ Chỉ thị số 34-CT/TW của Bộ Chính trị (Khoá XI) về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng. Huy động được sức mạnh tổng hợp của các cơ quan tuyên truyền, giáo dục của Đảng, các tổ chức chính trị-xã hội, đoàn thể nhân dân, các phương tiện thông tin đại chúng, tham gia tích cực công tác tuyên truyền, giáo dục, cổ động phong trào thi đua và công tác khen thưởng. Sau khi dự án Luật được Quốc hội thông qua, cần thiết để đề xuất Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị mới về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Đổi mới nội dung, hình thức, phương thức tổ chức các phong trào thi đua yêu nước

Phong trào thi đua phải xác định được mục tiêu, nội dung cụ thể, thiết thực, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm, tình hình của từng cơ quan, đơn vị. Phong trào thi đua cần tập trung về cơ sở và được tổ chức phát động với những hình thức phong phú, hấp dẫn, có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, có tiêu chí thi đua cụ thể, phù hợp với chức năng của từng bộ, ban, ngành, địa phương, đơn vị và nguyện vọng của quần chúng nhân dân. Thực hiện nghiêm túc việc đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết. Qua các phong trào thi đua lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, để khen thưởng kịp thời. Cùng với việc tổ chức phát động phong trào thi đua thường xuyên hàng năm, kết hợp phát động các phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề để hướng phong trào thi đua vào việc giải quyết những khó khăn vướng mắc, những mặt còn hạn chế, yếu kém, quá trình phát động phong trào thi đua đều tập trung về cơ sở, trong khi nhân

lực, vật lực lại thiếu, những nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của từng bộ, ban, ngành, địa phương, đơn vị, qua đó đánh giá chất lượng, hiệu quả của các phong trào thi đua.

Trên cơ sở các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu theo tinh thần Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ giai đoạn 2021 - 2025, thực hiện chủ đề thi đua "Đoàn kết, sáng tạo, thi đua xây dựng và bảo vệ Tổ quốc", các bộ, ban, ngành địa phương tổ chức phát động, triển khai các phong trào thi đua yêu nước, bám sát nhiệm vụ chính trị được giao, phấn đấu hoàn thành toàn diện, vượt mức các nhiệm vụ, chỉ tiêu trong chương trình, kế hoạch đề ra. Phong trào thi đua cần có tiêu chí thi đua cụ thể, thiết thực, thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Thật ra, công việc hàng ngày chính là nền tảng của thi đua". Thực hiện nghiêm việc đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào; thông qua các phong trào thi đua lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu để khen thưởng kịp thời. Cùng với việc tổ chức phát động phong trào thi đua thường xuyên, hàng năm, kết hợp phát động các phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề để hướng phong trào thi đua vào việc giải quyết những khó khăn vướng mắc, những mặt còn tồn tại, yếu kém, qua đó đánh giá tính hiệu quả, thiết thực của các phong trào thi đua yêu nước.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động. Trên cơ sở những kết quả đã đạt được và những bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình triển khai các phong trào thi đua, cần xây dựng các giải pháp phù hợp, nhân rộng các mô hình, điển hình mới, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả, để tiếp tục phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị trong tổ chức triển khai phong trào, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua đề ra theo kế hoạch. Tiếp tục tổ chức triển khai các phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả phù hợp với tình hình phát triển của đất nước, đặc biệt trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, các cấp, các ngành, các địa phương và nhân dân cả nước tập trung đẩy mạnh các phong trào thi đua, huy động sự chung tay vào cuộc của cả hệ thống chính trị, vận động các cấp, các ngành và nhân dân tích cực tham gia phòng, chống dịch bệnh, đồng thời đảm bảo phát triển kinh tế, an sinh xã hội.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền; phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng. Duy trì và đẩy mạnh các hình thức tuyên truyền phổ biến pháp luật về thi đua, khen thưởng có hiệu quả như ứng dụng công nghệ thông tin, báo chí, phát thanh truyền hình, kết hợp các hội nghị, hội thảo, đồng thời tiếp tục tăng cường phối hợp trong công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về thi đua, khen thưởng. Đặc biệt, tuyên truyền kịp thời tới cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng, để hiểu sâu và nắm vững các quy định của Nhà nước nói chung và những vấn đề liên quan đến công tác quản lý Nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Thực hiện tốt công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong đổi mới phương pháp tổ chức chỉ đạo các phong trào thi đua. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc phát hiện, biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ. Xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền và nhân rộng các mô hình mới, hiệu quả, điển hình tiên tiến thực sự tiêu biểu xuất sắc, có sức lan tỏa; đẩy mạnh tuyên truyền, nhân rộng, phát huy tốt vai trò của điển hình tiên tiến, nhất là việc nêu gương, học tập trong cơ quan, đơn vị, địa phương, cơ sở. Thực hiện đồng bộ tốt cả 4 khâu: Phát hiện - bồi dưỡng - tổng kết - nhân điển hình tiên tiến.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình phối hợp giữa cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng với các cơ quan thông tin truyền thông, các cơ sở giáo dục đào tạo để đẩy mạnh công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng, tôn vinh, biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua; gương người tốt, việc tốt trên các lĩnh vực; phổ biến, tập huấn và truyền đạt kiến thức, kỹ năng cần thiết đến những người làm công tác thi đua, khen thưởng.

4. Đổi mới về bộ máy tổ chức và cán bộ

Để triển khai thực hiện Luật và thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng cần phải củng cố bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng theo tinh thần Chỉ thị 34-CT/TW ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị "Về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng". Chỉ thị nêu rõ: "Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương khẩn trương kiện toàn bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp nhằm tạo sự thống nhất, ổn định từ trung ương đến địa phương" theo hướng tinh gọn hiệu lực, hiệu quả.

4.1. Về tổ chức:

Ban TĐKT Trung ương là cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng, đồng thời là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương có chức năng tham mưu, nghiên cứu đề xuất các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; tham mưu tổ chức triển khai và tổng kết việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện chính sách khen thưởng trong phạm vi cả nước. Theo đó, tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng cấp bộ, ngành, địa phương có chức năng tham mưu, nghiên cứu cho cấp uỷ Đảng, chính quyền thực hiện quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng (theo ngành, lĩnh vực, địa bàn); đồng thời là cơ quan thường trực, giúp việc cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Đối với các cơ quan Đảng ở trung ương, mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ để quy định mô hình tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng cho phù hợp.

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 quy định: "Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng trong phạm vi cả nước . Cơ quan quản lý nhà nước về thi đua , khen thưởng ở trung ương có trách nhiệm giúp Chính phủ quản lý nhà nước về thi đua , khen thưởng. Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng".

Các cấp ủy Đảng, lãnh đạo chính quyền tăng cường bố trí đội ngũ cán bộ bảo đảm chất lượng và số lượng , để thực hiện tốt vai trò tham mưu tổ chức các phong trào thi đua và công tác khen thưởng ; tăng cường các nguồn lực để bộ máy làm thi đua, khen thưởng các cấp đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ mới.

Để thực hiện tốt chủ trương của Đảng về công tác thi đua, khen thưởng (trong đó có tổ chức bộ máy), Bộ Nội vụ đề nghị thực hiện theo Thông báo số 120-TB/TW ngày 18/01/2013 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 34-CT/TW ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng "Tổ chức, bộ máy làm công tác về thi đua, khen thưởng ở trung ương và địa phương trước mắt giữ nguyên như hiện nay", nhằm tạo sự thống nhất, ổn định từ Trung ương đến địa phương để xứng tầm nhiệm vụ đáp ứng được công tác tham mưu về công tác thi đua, khen thưởng trong tình hình mới.

4.2. Về đội ngũ cán bộ, công chức

Kiện toàn tổ chức, đi đôi với việc xây dựng đội ngũ cán bộ theo phương châm tổ chức bộ máy gọn nhẹ, có hiệu lực, hiệu quả, số lượng cán bộ đủ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; cán bộ thi đua, khen thưởng có phẩm chất chính trị tốt, có năng lực tham mưu, nghiên cứu cụ thể hoá các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng và có khả năng tổ chức vận động quần chúng tham gia các phong trào thi đua yêu nước và có kinh nghiệm thực tiễn... Nghiên cứu xây dựng chức danh, tiêu chuẩn cán bộ về thi đua, khen thưởng, trên cơ sở đó hoạch định kế hoạch, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch đội ngũ chủ chốt thi đua, khen thưởng các cấp.

5. Đổi mới công tác khen thưởng:

- Khen thưởng kịp thời người trực tiếp lao động có nhiều sáng tạo, thông qua phát hiện điển hình tiên tiến để khen thưởng; khen thưởng đột xuất, khen thưởng tập thể, cá nhân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; khen thưởng đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách, doanh nhân, doanh nghiệp, trí thức, nhà khoa học….

- Khen thưởng kịp thời để động viên các phong trào thi đua, thông qua phát hiện các điển hình tiên tiến là cá nhân, tập thể có nhiều thành tích trong thi đua học tập, lao động, sản xuất, kinh doanh và công tác.

- Hướng khen thưởng tập trung vào khen thưởng cho tập thể, cá nhân có nhiều sáng tạo, cách làm hay, có mô hình mới mang lại nhiều lợi ích cho xã hội.

6. Đổi mới ứng dụng công nghệ thông tin trong thi đua, khen thưởng

- Tiếp tục tăng cường đổi mới ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng, từ việc tiếp nhận hồ sơ khen thưởng, thẩm định hồ sơ khen thưởng đến việc thông báo kết quả khen thưởng hoàn toàn 100% điện tử và đảm bảo đồng bộ, liên thông giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Tiếp tục hoàn thiện phần mềm "Hệ thống quản lý hồ sơ khen thưởng điện tử ngành Thi đua, khen thưởng"; tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho các bộ, ngành, địa phương tạo sự thống nhất áp dụng trên phạm vi toàn quốc. Nghiên cứu, thực hiện cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến như cấp đổi hiện vật khen thưởng cho người dân, cơ quan, tổ chức.

II. KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI LUẬT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

1. Quan điểm xây dựng dự án Luật

- Thể chế đường lối, chủ trương của Đảng về công tác thi đua khen thưởng; Chỉ thị số 34-CT/TW, ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị "Về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng", nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu trong chỉ đạo tổ chức phong trào thi đua.

- Việc sửa đổi, bổ sung Luật đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp; tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; đồng thời thực hiện việc phân cấp về thẩm quyền khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng cho các bộ, ban, ngành, địa phương, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị-xã hội và cấp cơ sở nhằm giải quyết các hạn chế, vướng mắc về thẩm quyền, đối tượng, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục khen thưởng.

- Tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc và cả hệ thống chính trị, tạo động lực to lớn góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng bộ, ban, ngành, địa phương và của đất nước trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Mục tiêu xây dựng dự án Luật

- Hoàn thiện quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng phù hợp với công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, đảm bảo đồng bộ, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn

- Đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác thi đua, khen thưởng về nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức các phong trào thi đua yêu nước; phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc phát hiện những điển hình tiên tiến để khen thưởng và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng; khen thưởng công nhân, nông dân, doanh nhân, trí thức, nhà khoa học, người trực tiếp lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác, chiến đấu; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm kịp thời, minh bạch, công khai, khả thi và hiệu quả trong việc thực hiện quy định của Luật.

3. Kiến nghị sửa đổi những nội dung cụ thể

Trên cơ sở kết quả đánh giá 17 năm thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy định chi tiết thi hành, cần nghiên cứu sửa đổi các quy định của Luật để khắc phục những bất cập, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện; Nội dung sửa đổi phải thể chế hóa các quan điểm định hướng đổi mới công tác thi đua, khen thưởng của Đảng theo Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị vào 04 phương án chính sách xây dựng dự án Luật đã được Chính phủ thông qua, trong đó tập trung sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống về danh hiệu thi đua; hoàn thiện hệ thống hình thức khen thưởng; hoàn thiện chế định về thẩm quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; Cải cách thủ tục hành chính trong thi đua, khen thưởng, cụ thể như sau:

3.1. Những nội dung về thi đua

- Bổ sung danh hiệu "Xã tiêu biểu", "Phường, thị trấn tiêu biểu" để tặng cho các xã, phường, thị trấn có thành tích tiêu biểu trong các phong trào thi đua.Thực tế tại địa phương đã thực hiện tặng danh hiệu thi đua "Xã Văn hóa", "Phường, thị trấn văn hóa"; nay bổ sung danh hiệu này mang tính toàn diện hơn, tạo cơ sở pháp lý khi thực hiện.

- Sửa đổi bổ sung về thẩm quyền, trách nhiệm phát động thi đua, hình thức thi đua, phạm vi thi đua, nội dung thi đua, để thể chế hóa chủ trương của Đảng về nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng trong chỉ đạo tổ chức phong trào thi đua; đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức các phong trào thi đua yêu nước; phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến và phù hợp với tình hình thực tiễn tổ chức phong trào thi đua hiện nay.

- Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn danh hiệu "Chiến sĩ thi đua" các cấp theo hướng quy định cụ thể, rõ ràng hơn, đặc biệt là quy định về hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài, đề án khoa học trong việc xét tặng danh hiệu ở từng cấp. Mặt khác, sửa đổi, bổ sung một số tiêu chuẩn cho phù hợp với tình hình thực tiễn, khuyến khích lao động sáng tạo và khắc phục những bất cập, hạn chế trong việc xét tặng các danh hiệu này những năm qua, đặc biệt là danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc".

- Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu Cờ thi đua đối với tập thể để phù hợp với các hình thức khen thưởng, nhất là hình thức thức thi đua theo chuyên đề và việc tổ chức thi đua theo cụm, khối của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương và của các bộ, ban, ngành, địa phương.

3.2. Những nội dung về khen thưởng

- Bổ sung hình thức "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" để tặng cho đối tượng là Thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ các thời kỳ kháng chiến, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư tại Văn bản số Thông báo số 3257-CV/VPTW ngày 07/02/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng.

- Bổ sung hình thức khen thưởng Kỷ niệm chương của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của Quốc hội.

- Bổ sung đối tượng khen thưởng là cá nhân người nước ngoài hoặc cá nhân, tập thể người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đối với các hình thức khen thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, vì quy định của Luật đối với các hình thức khen thưởng nêu trên chưa đề cập đến đối tượng này. Bổ sung tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng đối ngoại (Huân chương Hữu nghị, Huy chương Hữu nghị) để phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Bổ sung đối tượng và tiêu chuẩn đối với tập thể được tặng thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, Huân chương Quân công, theo hướng quy định cụ thể và nâng cao tiêu chuẩn đối với các hình thức khen thưởng, bảo đảm tính tiêu biểu đối với các hình thức khen thưởng cao và phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Sửa đổi, bổ sung và quy định tiêu chuẩn cụ thể khen thưởng cho công nhân, nông dân, người lao động, doanh nhân, trí thức, nhà khoa học đối với các hình thức khen thưởng "Huân chương Lao động", Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, để phù hợp với thực tiễn và tăng cường khen thưởng đối với người lao động trực tiếp.

- Bổ sung đối tượng và tiêu chuẩn đối với tập thể được tặng thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, Huân chương Quân công, theo hướng quy định cụ thể và nâng cao tiêu chuẩn đối với các hình thức khen thưởng, bảo đảm tính tiêu biểu đối với các hình thức khen thưởng và phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Sửa đổi, bổ sung và quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cá nhân, tập thể được tặng các hình thức khen thưởng theo quy định, để đảm bảo mối quan hệ thi đua và khen thưởng, phù hợp với quy định về đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao tiêu chuẩn.

- Sửa đổi, bổ sung về đối tượng và tiêu chuẩn xét tặng một số Danh hiệu vinh dự Nhà nước, để phù hợp với tình hình thực tiễn và bảo đảm khen thưởng kịp thời động viên tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc.

- Bổ sung một số quy định về việc tước, phục hồi và trao lại Danh hiệu vinh dự Nhà nước; hủy bỏ quyết định khen thưởng.

- Nghiên cứu quy định cụ thể hơn việc khen thưởng đối với một số đối tượng như: Các cơ quan của Quốc hội, khen thưởng đại biểu Quốc hội, doanh nghiệp, doanh nhân, trí thức, nhà khoa học. Nghiên cứu quy định về chủ trương khen thưởng thành tích thời kỳ kháng chiến để quy định cho phù hợp.

- Xem xét việc tiếp tục rà soát, thực hiện công tác khen thưởng thành tích kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ cứu nước; đồng thời, tiếp tục thực hiện để khen thưởng cho các đối tượng có thành tích trong các cuộc chiến tranh Biên giới phía Bắc, Biên giới Tây Nam, Hải đảo và làm nghĩa vụ quốc tế từ sau năm 1975.

3.3. Một số nội dung về thẩm quyền và phân cấp trong thi đua, khen thưởng

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định về thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, để phù hợp với thực tiễn và các quy định liên quan.

- Bổ sung quy định phân cấp về thẩm quyền quy định đối tượng, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo hướng: Luật sẽ quy định tiêu chuẩn chung đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của bộ, ban, ngành, tỉnh; đồng thời giao bộ, ban, ngành, tỉnh trên cơ sở quy định chung của Luật, căn cứ đặc điểm, tình hình của từng nhóm đối tượng, lĩnh vực, ngành nghề quy định cụ thể một số nội dung được giao trong Luật, để phù hợp với từng vùng miền, ngành nghề của các bộ, ban, ngành, địa phương.

- Bổ sung thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được tặng Kỷ niệm chương.

- Bổ sung thẩm quyền Người đứng đầu Hội đồng Dân tộc, các Uỷ ban của Quốc hội và cơ quan trực thuộc Uỷ ban Thường vụ Quốc hội tặng Bằng khen và các danh hiệu thi đua với cá nhân.

3.4. Cải cách hành chính trong thi đua, khen thưởng

- Nghiên cứu để quy định nhằm giảm số lượng hồ sơ và thành phần hồ sơ đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

- Quy định cụ thể các trường hợp khen thưởng theo thủ tục đơn giản, đặc biệt đối với quy trình, thủ tục khen thưởng do người đứng đầu phát hiện, khen thưởng quá trình cống hiến, khen thưởng niên hạn, khen thưởng đối ngoại.

- Bổ sung quy định về hồ sơ, thủ tục khen thưởng theo thủ tục đơn giản đối với một số trường hợp để khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất, công trạng rõ ràng và phục vụ nhiệm vụ chính trị đối ngoại.

- Quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng và trong hệ thống thi đua, khen thưởng và giao Chính phủ quy định chi tiết.

Bộ Nội vụ báo cáo tình hình thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng trong 17 năm qua và các giải pháp khắc phục, định hướng công tác thi đua khen thưởng trong thời gian tới./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, Ban TĐKTTW (3b).

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Phạm Thị Thanh Trà

Phụ lục I

VĂN BẢN CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

(Kèm theo Báo cáo số:4646/BC-BNV, ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Bộ Nội vụ)

I. VĂN BẢN CỦA ĐẢNG

1. Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 03/6/1998 của Bộ Chính trị "Về đổi mới công tác thi đua, khen thưởng trong giai đoạn mới".

2. Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 21/5/2004 của Bộ Chính trị (khóa X) "Về việc tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến".

3. Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 22/12/2007 của Ban Bí thư về Kỷ niệm 60 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948 - 11/6/2008).

4. Kết luận số 83-KL/TW ngày 30/8/2010 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 21/5/2004 của Bộ Chính trị (khóa X) "Về việc tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến".

5. Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị "Về việc tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng".

6. Thông báo số 193-TB/TW ngày 20/9/2005 của Bộ Chính trị về xét tặng Huân chương bậc cao (đã được thay thế bởi Thông báo số 56-TB/TW ngày 25/4/2029 của Bộ Chính trị).

7. Công văn số 42-CV/TW ngày 03/10/2006 của Ban Bí thư về việc giải quyết các loại hình khen thưởng thành tích trong các cuộc kháng chiến.

8. Thông báo Kết luận của Ban Bí thư số 137-TB/TW ngày 22/8/2008 về việc tiếp tục phong tặng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân".

9. Công văn số 132-CV/TW ngày 24/10/2012 của Ban Bí thư về việc tặng, truy tặng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân", "Anh hùng Lao động".

10. Thông báo số 137-TB/TW ngày 14/6/2013 của Ban Bí thư về việc tiếp tục phong tặng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân".

11. Thông báo số 120-TB/TW ngày 18/01/2013 của Bộ Chính trị về Đề án đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

12. Công văn số 9661-CV/VPTW ngày 03/02/2015 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo ý kiến của Ban Bí thư về việc xét tuyên dương danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân" thời kỳ kháng chiến.

13. Quyết định số 272-QĐ/TW ngày 21/01/2015 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại.

14. Thông báo Kết luận của Ban Bí thư số 34-TB/TW ngày 13/6/2017 của Ban Bí thư về việc phong tặng, truy tặng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân" thời kỳ kháng chiến.

15. Quyết định số 272/QĐ/TW ngày 21/01/2015 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại.

16. Chỉ thị số 22-CT/TW ngày 23/01/2018 của Ban Bí thư "Về đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước hướng tới kỷ niệm 70 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948-11/6/2018).

17. Thông báo số 56-TB/TW ngày 25/4/2029 về khen thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh; khen thưởng cá nhân thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý (thay thế Thông báo số 193-TB/TW ngày 20/9/2005 của Bộ Chính trị khóa IX).

II. VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

1. Luật Thi đua, Khen thưởng số 15/2003/QH11 ngày 26/11/2003.

2. Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi đua, Khen thưởng số 47/2005/QH11 ngày 14/6/2005.

3. Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi đua, Khen thưởng số 39/2013/QH12 ngày 16/11/2013.

4. Văn bản số 365/UBTVQH ngày 07/6/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc khen thưởng cho cá nhân, tập thể Văn phòng Quốc hội, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, Tòa án Nhân dân tối cao và đại biểu Quốc hội chuyên trách, Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đông nhân dân các cấp (nội dung này đã được điều chỉnh tại nội dung Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ).

III. VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

A. VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ

1. Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (đã hết hiệu lực).

2. Nghị định số 122/2005/NĐ-CP ngày 04/10/2005 của Chính phủ quy định tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng.

3. Nghị định số 50/2006/NĐ-CP ngày 19/5/2006 quy định mẫu Huân chương, Huy chương, Huy hiệu; Bằng Huân chương, Bằng Huy chương; Cờ thi đua, Bằng khen, Giấy khen (đã hết hiệu lực).

4. Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (đã hết hiệu lực).

5. Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của CP quy định chi tiết thi hành của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (đã hết hiệu lực).

6. Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định Danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

7. Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài.

8. Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25/6/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực văn hóa phi vật thể.

9. Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 (đã hết hiệu lực).

10. Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30/7/2014 của Chính phủ về "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước" và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ.

11. Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng.

12. Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ về "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước" về văn học, nghệ thuật.

13. Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ nhân dân", "Nghệ sĩ ưu tú".

14. Nghị định số 123/2014/NĐ-CP ngày 25/12/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

15. Nghị định số 27/2015/NĐ-CP ngày 10/3/2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nhà giáo nhân dân", "Nhà giáo ưu tú".

16. Nghị định số 41/2015/NĐ-CP ngày 5/5/2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Thầy thuốc nhân dân", "Thầy thuốc ưu tú".

17. Nghị định số 101/2018/NĐ-CP ngày 20/7/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; mẫu Bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng.

18. Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 quy định về xét tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa "; "Thôn văn hóa", "Làng văn hóa", "Ấp văn hóa", "Bản văn hóa", "Tổ dân phố văn hóa";

19. Nghị định số 133/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ về "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước" về văn học, nghệ thuật.

20. Nghị định số 60/2019/NĐ-CP ngày 05/7/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ.

21. Nghị định số 110/2020/NĐ-CP quy định chế độ khen thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế.

B. VĂN BẢN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CHỈTHỊ

1. Chỉ thị số 725/CT-TTg ngày 17/5/2011của Thủ tướng Chính phủ về việc phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 và kế hoạch 5 năm (2011 - 2015) theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

2. Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Kỷ niệm 65 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc và Ngày Truyền thống thi đua yêu nước.

3. Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 19/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước chào mừng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII , Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ IX và các ngày lễ lớn trong năm 2015.

4. Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 19/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 và kế hoạch 5 năm (2016 - 2020) theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

5. Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và Kế hoạch 5 năm (2021 - 2025) theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

QUYẾT ĐỊNH

1. Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 05/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Trung ương.

2. Quyết định số 258/QĐ-TTg ngày 4/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc lấy ngày 11 tháng 6 hàng năm là Ngày Truyền thống thi đua yêu nước.

3. Quyết định số 82/2009/QĐ-TTg ngày 25/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung kh oản 2, Điều 8 Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

4. Quyết định số 59/2009/QĐ-TTg ngày 06/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban TĐKT Trung ương trực thuộc Bộ Nội vụ (đã hết hiệu lực).

5. Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp.

6. Quyết định số 1620/QĐ-TTg ngày 20/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2011-2015 (đã hết hiệu lực).

7. Quyết định số 05/2015/QĐ-TTg ngày 12/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban TĐKT Trung ương trực thuộc Bộ Nội vụ (đã hết hiệu lực).

8. Quyết định số 1730/QĐ-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2016-2020.

9. Quyết định số 29/2018/QĐ-TTg ngày 16/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban TĐKT Trung ương trực thuộc Bộ Nội vụ.

III. VĂN BẢN CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ

A. THÔNG TƯ

1. Thông tư số 01/2010/TT-BNV ngày 16/4/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (đã hết hiệu lực).

4. Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

5. Thông tư số 01/2012/TT-BNV ngày 16/01/2012 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hà nh Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp.

6. Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ ; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012. Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ.

7. Thông tư số 15/2015/TT-BNV ngà y 31/10/2015 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của sở nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ; phòng nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân quận . huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (đã hết hiệu lực).

8. Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng (đã hết hiệu lực).

9. Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

10. Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

11. Thông tư số 05/2021/TT-BNV ngày 12/8/2021 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

B. THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

1. Thông tư liên tịch số 06/2011/TTLT-BCA-BNV ngày 8/9/2011 của Bộ Công an, Bộ Nội vụ quy định các chức danh tương đương xét khen thưởng đối với cán bộ lãnh đạo, chỉ huy có quá trình cống hiến trong Công an nhân dân.

2. Thông tư liên tịch số 35/2012/TTLT-BQP-BNV ngày 18/4/2012 của Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng quy định các chức danh tương đương để xét khen thưởng đối với cán bộ chỉ huy, quản lý có quá trình cống hiến trong Quân đội Nhân dân Việt Nam.

3. Thông tư số 03/2011/TTLT-BNV-TTCP ngày 6/5/2011 của Bộ Nội vụ và Thanh tra Chính phủ quy định khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc trong tố cáo, phát hiện hành vi tham nhũng (đã hết hiệu lực).

4. Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-BNV-BQP-BLĐTBXH ngày 10/10/2014 của Bộ Nội vụ , Bộ Quốc phòng , Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội

hướng dẫn thực hiện Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

5. Thông tư số 01/2015/TTLT- TTCP – BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Nội vụ và Thanh tra Chính phủ quy định khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tố cáo hành vi tham nhũng (Thanh tra Chính phủ đã công bố hết hiệu lực).

6. Thông tư liên tịch số 70/2016/TTLT-BTC-TTCP ngày 06/5/2016 của Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ quy định việc lập, quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng về phòng chống tham nhũng.

THỐNG KÊ KHEN THƯỞNG CẤP NHÀ NƯỚC TỪ NĂM 2004 ĐẾN NĂM 2017

TT	Hình thức khen thưởng	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Tổng cộng
I. KHEN THƯỞNG NIÊN HẠN																
1	Huân chương chiến thắng	183	563	0	0	0	1	0	0	0	0	11	0	0	2	**760**
2	Huy chương Chiến sỹ vẻ vang	9,808	0	91,469	85,134	94,272	130,658	56,878	244,810	55,851	40,661	392,947	61,286	70,939	24,810	**1,359,523**
3	Huy chương Quân kỳ Quyết thắng	15,205	4,363	9,961	3,638	16,468	15,571	0	25,131	8,654	7,258	9,990	14,096	10,030	4,829	**145,194**
5	Huy chương Vì An ninh Tổ quốc	9,188	11,893	0	13,042	2,132	1,335	8,548	9,223	6,125	3,803	4,940	469	2,206	1,123	**74,027**
6	Huy hiệu Vì nghĩa vụ Quốc tế	882	1,423	720	4,770	739	482	88	350	0	192	0	556	36	44	**10,282**
II. KHEN THƯỞNG CỐNG HIẾN VÀ THÔNG TRI 38																
1	Huân chương Độc lập	420	107	160	584	523	404	328	246	159	147	122	88	159	57	**3,504**
2	Huân chương Lao động	127	216	198	890	1,743	1,296	1,245	1,205	273	460	553	371	494	230	**9,301**
III. KHEN THƯỞNG KHÁNG CHIẾN																
1	Huân chương kháng chiến chống Pháp	228	1,136	297	377	88	63	26	45	109	28	35	16	13	15	**2,476**
2	Huy chương kháng chiến chống Pháp	1,825	17,832	3,940	1,939	884	336	268	268	2,022	604	487	76	26	95	**30,602**
3	Huân chương kháng chiến chống Mỹ	10,203	48,966	17,741	2,810	2,499	1,878	1,749	3,296	7,982	2,816	1,593	2,031	183	931	**104,678**
4	Huy chương kháng chiến chống Mỹ	16,722	92,918	42,486	2,310	4,023	2,485	3,801	4,349	15,797	4,874	2,315	3,440	788	1,578	**197,886**
5	Bằng khen kháng chiến	4,642	6,550	5,366	351	316	120	678	577	935	254	58	282	142	469	**20,740**
6	Kỷ niệm chương địch bắt tù đày	6,597	8,453	4,224	6,906	4,699	3,193	4,892	2,490	1,814	1,598	1,598	904	1,895	1,380	**50,643**
7	Huân độc lập Gia đình liệt sĩ	0	52	776	817	123	1,013	268	613	918	686	1,250	452	824	2,813	**10,605**
8	Bà mẹ VN anh hùng	559	763	408	1,106	125	727	422	214	163	292	46,935	22,406	9,937	3,741	**87,798**
IV. KHEN THƯỞNG THƯỜNG XUYÊN/THÀNH TÍCH, CÔNG TRẠNG ĐẠT ĐƯỢC																
1	Huân chương Sao vàng	6	9	13	43	9	8	33	12	3	2	1	3	0	2	**144**
2	Huân chương Hồ Chí Minh	11	26	33	61	77	43	46	34	20	10	18	23	11	7	**420**
3	Huân chương Độc lập	397	190	126	134	171	207	342	243	225	268	308	240	58	111	**3,020**
4	Huân chương Lao động	6,078	3,507	3,327	3,755	4,420	5,056	6,060	6,262	7,202	7,199	8,218	3,031	2,653	1,296	**68,064**
5	Huân chương Quân công	16	25	28	22	47	74	137	86	93	51	20	119	85	62	**865**
6	Huân chương Bảo vệ Tổ quốc	0	174	259	586	234	403	944	1,741	1,947	5,135	5,460	3,387	3,969	4,588	**28,827**
7	Bằng khen của Thủ tướng CP	4,036	8,494	2,397	9,049	9,259	11,103	15,066	18,512	15,955	18,806	17,960	8,954	9,551	4,249	**153,391**
8	Huân chương Đại đoàn kết dân tộc	0	10	106	112	61	75	189	106	40	14	11	18	4	15	**761**
9	Huân chương Dũng cảm	0	3	1	3	14	6	15	3	5	10	9	5	9	6	**89**
10	Huân chương Hữu nghị	44	130	110	94	139	79	55	64	847	90	136	52	91	2	**1,933**
11	Huy chương Hữu nghị	20	63	17	71	112	235	31	23	803	86	103	29	67	3	**1,663**
12	Huân chương Chiến công	8,812	82,112	4,000	313	130	240	295	397	340	300	337	355	621	780	**99,032**
V. CÁC DANH HIỆU VINH DỰ NHÀ NƯỚC																

TT	Hình thức khen thưởng	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Tổng cộng
1	**Anh hùng Lao động**	38	169	49	26	49	34	35	26	8	25	10	44	1	0	**514**
	Cá nhân	7	36	13	5	21	15	5	7	1	8	1	8	1	0	**128**
	Tập thể	31	133	36	21	28	19	30	19	7	17	9	36	0	0	**386**
2	**Anh hùng LLVTND**	31	837	15	74	27	86	617	168	175	84	461	145	7	11	**2,738**
	Cá nhân	2	76	7	70	4	26	257	91	106	45	193	97	7	5	**986**
	Tập thể	29	761	8	4	23	60	360	77	69	39	268	48	0	6	**1,752**
3	Nhà giáo Nhân dân	0	0	64	0	101	2	132	0	40	0	39	0	0	0	**378**
4	Nhà giáo Ưu tú	0	0	484	0	816	13	1,062	0	570	0	681	0	0	0	**3,626**
5	Thầy thuốc Nhân dân	0	34	0	0	43	0	73	0	73	0	0	0	0	135	**358**
6	Thầy thuốc Ưu tú	0	1,024	0	0	897	0	1,233	0	864	0	0	0	0	1,654	**5,672**
7	Nghệ sỹ Nhân dân	0	0	0	39	0	0	1	0	74	0	0	102	0	0	**216**
8	Nghệ sỹ Ưu tú	0	0	0	335	0	0	0	0	356	1	0	337	43	0	**1,072**
9	Nghệ nhân Nhân dân	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	16	0	**17**
10	Nghệ nhân Ưu tú	0	0	0	0	0	0	20	0	0	16	0	662	84	0	**782**
11	Giải thưởng Hồ Chí Minh	0	12	0	6	0	0	0	0	194	0	0	0	0	137	**349**
12	Giải thưởng Nhà nước	0	41	0	159	0	0	0	0	215	0	0	0	0	171	**586**
13	**Cờ Thi đua của CP**	330	716	708	874	907	966	1,126	1,269	1,065	1,029	1,194	1,368	1,338	982	**13,872**
	Cờ Năm học	15	32	29	52	39	66	67	125	105	114	119	146	177	86	**1,172**
	Cờ Thi đua	315	684	679	822	868	900	1,059	1,144	960	915	1,075	1,222	1,161	896	**12,700**
14	Chiến sỹ thi đua TQ	0	838	285	208	354	377	422	245	91	231	216	141	118	36	**3,562**

2,499,970

Phụ lục II. THỐNG KÊ KHEN THƯỞNG CẤP NHÀ NƯỚC TỪ NĂM 2004 ĐẾN NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số: 4646 /BC-BNV, ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Bộ Nội vụ)

TT	Hình thức khen thưởng	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Tổng cộng	Tỷ lệ % trong tổng số
I. KHEN THƯỞNG NIÊN HẠN		34,201	16,256	101,430	101,814	112,872	147,564	65,426	279,164	70,630	51,722	407,877	75,851	83,175	30,762	1,578,744	63.15%
1	Huy chương Chiến sỹ vẻ vang	9,808	0	91,469	85,134	94,272	130,658	56,878	244,810	55,851	40,661	392,947	61,286	70,939	24,810	**1,359,523**	
2	Huy chương Quân kỳ Quyết thắng	15,205	4,363	9,961	3,638	16,468	15,571	0	25,131	8,654	7,258	9,990	14,096	10,030	4,829	**145,194**	
3	Huy chương Vì An ninh Tổ quốc	9,188	11,893	0	13,042	2,132	1,335	8,548	9,223	6,125	3,803	4,940	469	2,206	1,123	**74,027**	
II. KHEN THƯỞNG CỐNG HIẾN VÀ THÔNG TRI 38		**547**	**323**	**358**	**1,474**	**2,266**	**1,700**	**1,573**	**1,451**	**432**	**607**	**675**	**459**	**653**	**287**	**12,805**	**0.51%**
1	Huân chương Độc lập	420	107	160	584	523	404	328	246	159	147	122	88	159	57	**3,504**	
2	Huân chương Lao động	127	216	198	890	1,743	1,296	1,245	1,205	273	460	553	371	494	230	**9,301**	
III. KHEN THƯỞNG K/CHIẾN		**41,841**	**178,656**	**75,958**	**21,386**	**13,496**	**10,298**	**12,192**	**12,202**	**29,740**	**11,344**	**54,282**	**30,163**	**13,844**	**11,068**	**516,470**	**20.66%**
1	Huân chương Độc lập (cho gia đình có nhiều liệt sĩ)	0	52	776	817	123	1,013	268	613	918	686	1,250	452	824	2,813	**10,605**	
2	Huân chương Kháng chiến chống Pháp	228	1,136	297	377	88	63	26	45	109	28	35	16	13	15	**2,476**	
3	Huy chương Kháng chiến chống Pháp	1,825	17,832	3,940	1,939	884	336	268	268	2,022	604	487	76	26	95	**30,602**	
4	Huân chương Kháng chiến chống Mỹ	10,203	48,966	17,741	2,810	2,499	1,878	1,749	3,296	7,982	2,816	1,593	2,031	183	931	**104,678**	
5	Huy chương Kháng chiến chống Mỹ	16,722	92,918	42,486	2,310	4,023	2,485	3,801	4,349	15,797	4,874	2,315	3,440	788	1,578	**197,886**	
6	Huân chương Chiến thắng	183	563	0	0	0	1	0	0	0	0	11	0	0	2	**760**	
7	Bà mẹ VN anh hùng	559	763	408	1,106	125	727	422	214	163	292	46,935	22,406	9,937	3,741	**87,798**	
8	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (thành tích k/chiến)	4,642	6,550	5,366	351	316	120	678	577	935	254	58	282	142	469	**20,740**	
9	Huy hiệu Vì nghĩa vụ Quốc tế	882	1,423	720	4,770	739	482	88	350	0	192	0	556	36	44	**10,282**	
10	Kỷ niệm chương CSCM bị địch bắt tù đày	6,597	8,453	4,224	6,906	4,699	3,193	4,892	2,490	1,814	1,598	1,598	904	1,895	1,380	**50,643**	
IV. KHEN THƯỞNG THTHÀNH TÍCH VÀ CÔNG TRẠNG ĐẠT ĐƯỢC		**19,420**	**94,743**	**10,417**	**14,243**	**14,673**	**17,529**	**23,213**	**27,483**	**27,480**	**31,971**	**32,581**	**16,216**	**17,119**	**11,121**	**358,209**	**14.33%**
1	Huân chương Sao vàng	6	9	13	43	9	8	33	12	3	2	1	3	0	2	**144**	
2	Huân chương Hồ Chí Minh	11	26	33	61	77	43	46	34	20	10	18	23	11	7	**420**	

TT	Hình thức khen thưởng	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Tổng cộng	Tỷ lệ % trong tổng số
3	Huân chương Độc lập	397	190	126	134	171	207	342	243	225	268	308	240	58	111	**3,020**	
4	Huân chương Quân công	16	25	28	22	47	74	137	86	93	51	20	119	85	62	**865**	
5	Huân chương Lao động	6,078	3,507	3,327	3,755	4,420	5,056	6,060	6,262	7,202	7,199	8,218	3,031	2,653	1,296	**68,064**	
6	Huân chương Chiến công	8,812	82,112	4,000	313	130	240	295	397	340	300	337	355	621	780	**99,032**	
7	Huân chương Bảo vệ Tổ quốc	0	174	259	586	234	403	944	1,741	1,947	5,135	5,460	3,387	3,969	4,588	**28,827**	
8	Huân chương Đại đoàn kết Dân tộc	0	10	106	112	61	75	189	106	40	14	11	18	4	15	**761**	
9	Huân chương Dũng cảm	0	3	1	3	14	6	15	3	5	10	9	5	9	6	**89**	
10	Huân chương Hữu nghị	44	130	110	94	139	79	55	64	847	90	136	52	91	2	**1,933**	
11	Huy chương Hữu nghị	20	63	17	71	112	235	31	23	803	86	103	29	67	3	**1,663**	
12	Bằng khen của Thủ tướng CP	4,036	8,494	2,397	9,049	9,259	11,103	15,066	18,512	15,955	18,806	17,960	8,954	9,551	4,249	**153,391**	
V. CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ DANH HIỆU VINH DỰ NHÀ NƯỚC		**399**	**3,671**	**1,605**	**1,721**	**3,194**	**1,478**	**4,722**	**1,708**	**3,725**	**1,386**	**2,601**	**2,799**	**1,607**	**3,126**	**33,742**	**1.35%**
1	**Anh hùng Lao động**	38	169	49	26	49	34	35	26	8	25	10	44	1	0	**514**	
	Cá nhân	7	36	13	5	21	15	5	7	1	8	1	8	1	0	**128**	
	Tập thể	31	133	36	21	28	19	30	19	7	17	9	36	0	0	**386**	
2	**Anh hùng LLVTND**	31	837	15	74	27	86	617	168	175	84	461	145	7	11	**2,738**	
	Cá nhân	2	76	7	70	4	26	257	91	106	45	193	97	7	5	**986**	
	Tập thể	29	761	8	4	23	60	360	77	69	39	268	48	0	6	**1,752**	
3	Nhà giáo Nhân dân	0	0	64	0	101	2	132	0	40	0	39	0	0	0	**378**	
4	Nhà giáo Ưu tú	0	0	484	0	816	13	1,062	0	570	0	681	0	0	0	**3,626**	
5	Thầy thuốc Nhân dân	0	34	0	0	43	0	73	0	73	0	0	0	0	135	**358**	
6	Thầy thuốc Ưu tú	0	1,024	0	0	897	0	1,233	0	864	0	0	0	0	1,654	**5,672**	
7	Nghệ sỹ Nhân dân	0	0	0	39	0	0	1	0	74	0	0	102	0	0	**216**	
8	Nghệ sỹ Ưu tú	0	0	0	335	0	0	0	0	356	1	0	337	43	0	**1,072**	
9	Nghệ nhân Nhân dân	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	16	0	**17**	
10	Nghệ nhân Ưu tú	0	0	0	0	0	0	20	0	0	16	0	662	84	0	**782**	
11	Giải thưởng Hồ Chí Minh	0	12	0	6	0	0	0	0	194	0	0	0	0	137	**349**	
12	Giải thưởng Nhà nước	0	41	0	159	0	0	0	0	215	0	0	0	0	171	**586**	
13	**Cờ Thi đua của CP**	330	716	708	874	907	966	1,126	1,269	1,065	1,029	1,194	1,368	1,338	982	**13,872**	
	Cờ Năm học	15	32	29	52	39	66	67	125	105	114	119	146	177	86	**1,172**	
	Cờ Thi đua	315	684	679	822	868	900	1,059	1,144	960	915	1,075	1,222	1,161	896	**12,700**	
14	Chiến sỹ thi đua TQ	0	838	285	208	354	377	422	245	91	231	216	141	118	36	**3,562**	
TỔNG CỘNG		**96,408**	**293,649**	**189,768**	**140,638**	**146,501**	**178,569**	**107,126**	**322,008**	**132,007**	**97,030**	**498,016**	**125,488**	**116,398**	**56,364**	**2,499,970**	**100.00%**
	Trong đó:																
1	**Các hình thức khen thưởng của Chủ tịch nước**	**79,921**	**267,175**	**176,068**	**118,480**	**130,227**	**162,328**	**84,854**	**298,565**	**112,147**	**74,920**	**476,990**	**113,283**	**103,318**	**49,204**	**2,247,480**	**89.90%**

TT	Hình thức khen thưởng	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Tổng cộng	Tỷ lệ % trong tổng số
	Tỷ lệ % các hình thức khen thưởng của CTN trong tổng số khen thưởng hàng năm	**82.90%**	**90.98%**	**92.78%**	**84.24%**	**88.89%**	**90.90%**	**79.21%**	**92.72%**	**84.96%**	**77.21%**	**95.78%**	**90.27%**	**88.76%**	**87.30%**	**89.90%**	
2	**Các hình thức khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ**	**16,487**	**26,474**	**13,700**	**22,158**	**16,274**	**16,241**	**22,272**	**23,443**	**19,860**	**22,110**	**21,026**	**12,205**	**13,080**	**7,160**	**252,490**	**10.10%**
	Tỷ lệ % các hình thức khen thưởng của TTCP trong tổng số khen thưởng hàng năm	**17.10%**	**9.02%**	**7.22%**	**15.76%**	**11.11%**	**9.10%**	**20.79%**	**7.28%**	**15.04%**	**22.79%**	**4.22%**	**9.73%**	**11.24%**	**12.70%**	**10.10%**	

BỘ NỘI VỤ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO
Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi)

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Luật Thi đua, khen thưởng được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI (kỳ họp thứ 4) thông qua ngày 26/11/2003, có hiệu lực từ ngày 01/7/2004. Luật Thi đua, khen thưởng **(**sau đây gọi tắt là Luật) đã được sửa đổi, bổ sung năm 2005 và năm 2013.

Sau khi Quốc hội ban hành Luật đến nay công tác thi đua, khen thưởng trong cả nước đã có nhiều chuyển biến tích cực. Các chủ trương, chính sách và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng ngày càng được hoàn thiện; đặc biệt, Bộ Chính trị đã thông qua Đề án "Đổi mới công tác thi đua, khen thưởng" và ban hành các chỉ thị về công tác thi đua, khen thưởng, như: Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 21/5/2004 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến, Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07/4/2014 về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng; Ban Bí thư có chủ trương tặng thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" (Công văn số 3257-CV/VPTW ngày 07/2/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng). Trong các chỉ thị, đề án, văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã đề ra những quan điểm chỉ đạo, định hướng quan trọng để các cấp ủy, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng. Luật Thi đua, khen thưởng thưởng đã 02 lần được sửa đổi, bổ sung, cùng hệ thống các nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành đã tạo cơ sở pháp lý ngày càng hoàn thiện để quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Các phong trào thi đua yêu nước có nhiều đổi mới về nội dung và hình thức, thiết thực và hiệu quả hơn. Các cấp ủy, tổ chức Đảng, lãnh đạo chính quyền các cấp đã có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đã chủ động phối hợp để tổ chức các phong trào thi đua, bám sát nhiệm vụ chính trị, động viên đông đảo đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia hưởng ứng. Phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" tạo động lực mạnh mẽ, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân nên được người dân đồng tình hưởng ứng, trở thành phong trào thi đua trọng tâm, nòng cốt trong các phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2011 -

2015 và giai đoạn 2016-2020, huy động được cả hệ thống chính trị tham gia, tạo bước chuyển biến trong các phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương và địa phương. Công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến được quan tâm chỉ đạo và có nhiều chuyển biến rõ nét.

Công tác khen thưởng đã có tác dụng động viên, cổ vũ kịp thời các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc. Các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương và địa phương đã chủ động khen thưởng kịp thời các trường hợp có thành tích đột xuất, người lao động trực tiếp lao động, sản xuất, công tác... Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đoàn thể để phát hiện, đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước cho người lao động, cá nhân, tập thể ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo... Việc phong tặng, truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" và khen thưởng kháng chiến được tập trung chỉ đạo thực hiện và đạt kết quả tốt. Qua 17 năm thi hành, Luật đã thể hiện được nhiều ưu điểm, đạt được nhiều thành tựu nhưng cũng bộ lộ một số tồn tại, hạn chế.

1.1. Ưu điểm, thành tựu

- Luật là cơ sở pháp lý quan trọng để tăng cường công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng bằng pháp luật, là cơ sở cho việc nghiên cứu, hoàn chỉnh hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng. Luật quy định rõ thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cấp, các ngành và lãnh đạo từ trung ương đến địa phương, góp phần nâng cao trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị đối với công tác thi đua, khen thưởng trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Luật đã kế thừa và phát huy truyền thống thi đua yêu nước, tạo động lực to lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời, có tác dụng to lớn trong công tác vận động quần chúng nhân dân hưởng ứng các chủ trương, các cuộc vận động lớn do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động; là công cụ quản lý Nhà nước và là một trong những biện pháp xây dựng con người mới có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong các tầng lớp nhân dân, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Trên cơ sở các quy định của Luật, công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng được tăng cường. Công tác thi đua, khen thưởng dần đi vào nề nếp, các phong trào thi đua đã thực sự góp phần vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của các bộ, ngành, địa phương. Phong trào thi đua yêu nước phát triển sâu, rộng trong cả nước. Công tác khen thưởng đã kịp thời động viên, khích lệ, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích trong lao động, sản xuất, công tác…

- Góp phần phổ biến, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tác dụng của công tác thi đua, khen thưởng trong cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân. Từ đó việc triển khai thực hiện công tác thi đua, khen thưởng đã được các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

quần chúng tích cực quan tâm hơn trong công tác xây dựng củng cố bộ máy tổ chức và cán bộ; thông qua xây dựng các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức phát động, tổ chức triển khai các phong trào thi đua.

1.2. Một số tồn tại, hạn chế

1.2.1. Về công tác thi đua

- Sau 17 năm thực hiện Luật đã bộc lộ những bất cập cần được tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn (có ý kiến cho rằng việc tham gia phong trào thi đua là tự nguyện, tự giác trên cơ sở vận động quần chúng, không thể quy định bắt buộc, phải đăng ký tham gia…).

- Luật xây dựng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng chưa phù hợp ở các cấp, nhất là ở cấp cơ sở; đặc biệt chưa có những quy định ràng buộc chặt chẽ, có hệ thống để tạo ra mô hình khen thưởng theo hình chóp (càng hình thức khen thưởng cao, số lượng càng ít); một số quy định về thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng còn thể hiện sự bất cập, không hợp lý dẫn đến xu hướng dồn lên các hình thức khen thưởng cấp bộ và cấp Nhà nước. Khen thưởng nhiều cho cán bộ lãnh đạo, quản lý; khen thưởng tập thể nhỏ và lao động trực tiếp còn hạn chế.

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua chưa đồng đều ở các vùng miền, ngành nghề, lĩnh vực. Ở một số nơi, phong trào thi đua còn hình thức, chưa tạo được động lực từ cơ sở, quần chúng nhân dân; hiệu quả, tác dụng của các phong trào thi đua còn chưa cao, chưa gắn kết với thực hiện nhiệm vụ chính trị; nội dung, tiêu chí thi đua chưa cụ thể và gắn với lợi ích của người lao động. Một số bộ, ngành, địa phương công tác khen thưởng chưa bám sát các phong trào thi đua, chưa lấy kết quả phong trào thi đua làm căn cứ, cơ sở để khen thưởng nên tác dụng khen thưởng còn hạn chế; một số trường hợp còn thiếu chính xác, nể nang, cào bằng, có trường hợp báo cáo không trung thực , chạy theo thành tích; cá biệt còn có tập thể , cá nhân được khen thưởng , nhưng thành tích chưa tiêu biểu, chưa có sức lan tỏa…

1.2.2. Về công tác khen thưởng

- Luật có đối tượng điều chỉnh rộng, liên quan đến cả hệ thống chính trị, các cơ quan nhà nước: lập pháp, hành pháp, tư pháp; tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp; các dân tộc, vùng, miền; các tôn giáo và chức sắc tôn giáo; các thành phần trí thức, công nhân, nông dân; các lứa tuổi thanh niên, thiếu niên, người cao tuổi; các tổ chức hội; các lĩnh vực đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... Nhưng điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng chủ yếu tập trung vào đội ngũ là cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; cán bộ lãnh đạo, quản lý hoạt động, công tác qua các thời kỳ; chưa bao quát, cụ thể đối tượng đông đảo quần chúng trong cả nước (công nhân, nông dân, trí thức…). Một số quy định về tiêu chuẩn chưa cụ thể, còn định tính, phải điều chỉnh bằng nghị định, thông tư và các văn bản hướng dẫn; do đó các văn bản quy phạm thường xuyên phải được nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp thực tiễn. Luật sửa đổi, bổ

sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 đã có quy định điều kiện, tiêu chuẩn để khen thưởng cho nông dân, người lao động trực tiếp; nhưng trong quá trình tổ chức thực hiện còn có những khó khăn, vướng mắc, dẫn đến khen thưởng chưa kịp thời.

- Các tiêu chuẩn khen thưởng chưa phù hợp, chưa thúc đẩy được phong trào, khích lệ cơ quan, cá nhân, tổ chức. Luật quy định thành tích đến đâu khen thưởng đến đó, nhưng các tiêu chuẩn để xét khen thưởng theo Luật hầu hết mang tính niên hạn, cộng dồn thành tích, trình tự từ thấp đến cao. Ngoài ra, quy định đối với khen thưởng cấp cao là phải đạt thành tích liên tục, nếu bị gián đoạn thì phải bắt đầu lại từ đầu, điều này không chỉ mang tính cộng dồn thành tích theo thâm niên mà còn làm giảm tính phấn đấu của người lao động, không khuyến khích được sự nỗ lực của cá nhân (hình thức này chỉ phù hợp với khen thưởng theo niên hạn đối với lãnh đạo hoặc đối với lực lượng vũ trang theo quy định hiện hành). Luật chưa quy định về quy trình thủ tục, hồ sơ khen thưởng đối với tập thể, cá nhân khi người đứng đầu phát hiện có thành tích tiêu biểu xuất sắc để khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

- Luật hiện hành quy định nhiều hình thức khen thưởng cấp nhà nước (có 26 hình thức với 42 cấp độ khen thưởng). Thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước gồm (Huân chương 10 loại, Huy chương 04 loại, Danh hiệu vinh dự Nhà nước 08 loại và 02 loại giải thưởng. Thẩm quyền của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ (Cờ thi đua của Chính phủ, danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc", Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ) và các hình thức khác thuộc thẩm quyền của các cấp, các ngành....). Trên thực tế tỷ lệ khen thưởng cấp nhà nước chưa cân đối trong từng lĩnh vực, đối tượng, số lượng khen thưởng nhiều tập trung chủ yếu vào khen niên hạn, khen quá trình cống hiến… Một số chủ trương của Đảng về thi đua, khen thưởng chưa được thể chế hoá; một số quy định về thủ tục, hồ sơ còn rườm rà, phức tạp chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách hành chính.

1.2.3. Về tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng

Bộ máy tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng thiếu ổn định, không thống nhất. Trong hơn 70 năm qua, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng qua nhiều lần thay đổi (trực thuộc Phủ Chủ tịch, Văn phòng Chính phủ, Chính phủ); từ năm 2007 là cơ quan trực thuộc Bộ Nội vụ, có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng Bộ Nội vụ quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng và là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương. Đối với cấp tỉnh Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh hoạt động còn nhiều khó khăn, bất cập, trải qua nhiều lần thay đổi; từ năm 2007, Ban Thi đua - Khen thưởng các tỉnh, thành phố sáp nhập vào Sở Nội vụ cũng làm công tác tham mưu và hoạt động quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng gặp khó khăn. Do bộ máy tổ chức và cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng chưa ổn định, luôn thay đổi và thiếu thống nhất, công tác kiện toàn tổ chức chưa đi đôi với việc bố trí, phân công cán bộ và xây dựng chức danh, tiêu chuẩn cán bộ, nên việc tham mưu với cấp ủy, chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng không hiệu quả và chưa đảm bảo chất lượng.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác thi đua khen thưởng, cụ thể là Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị "Về việc tiếp tục đổi mới công tác thi đua , khen thưởng"; Công văn số 3257-CV/VPTW ngày 07/2/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của Ban Bí thư về chủ trương tặng thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang"…

- Hoàn thiện chính sách về thi đua, khen thưởng nhằm động viên sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, của cả hệ thống chính trị để thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; công tác thi đua, khen thưởng thực sự là động lực to lớn thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng ngành, từng địa phương và đơn vị cơ sở.

- Hoàn thiện hệ thống danh hiệu thi đua, nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào thi đua từ cơ sở, hướng phong trào thi đua và công tác khen thưởng tập trung vào cơ sở và người lao động, tạo được phong trào và động lực cách mạng từ quần chúng nhân dân, làm cho pháp luật về thi đua, khen thưởng ngày càng đi vào đời sống của nhân dân.

- Giải quyết các vướng mắc chồng chéo về đối tượng, tiêu chuẩn, quy trình thủ tục, thẩm quyền khen thưởng và phong tặng các danh hiệu, cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Hoàn thiện hệ thống danh hiệu thi đua

1.1. ***Xác định vấn đề bất cập***

Thực tiễn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng 2003, sửa đổi, bổ sung 2013 ("Luật TĐKT") cho thấy một số vướng mắc liên quan đến các danh hiệu thi đua. Một số danh hiệu thi đua đối với xã, phường, thị trấn; danh hiệu "Xã nông thôn mới", "xã, phường văn hóa"... tuy chưa được quy định trong Luật TĐKT, nhưng thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng nông thôn mới, hơn 10 năm qua, cùng với phát động và triển khai phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới", đã công nhận hàng chục ngàn xã đạt chuẩn nông thôn mới với 19 tiêu chí, tạo ra bộ mặt nông thôn ngày càng khang trang, hiện đại, giàu bản sắc và bảo đảm an ninh trật tự. Cùng với các phong trào thi đua của các ngành, các cấp: Trong lĩnh vực công thương, xây dựng, giao thông vận tải đã tổ chức nhiều phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả, gắn với nhiệm vụ chính trị được giao và được cụ thể hóa thành những khẩu hiệu để công nhân, người lao động dễ hiểu, dễ nhớ khi thực hiện, tiêu biểu như: phong trào "Thi đua thực hành tiết kiệm chống lãng phí, không có ngày, giờ lao động mất an toàn" của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; phong trào lao động sáng tạo "Năng suất, chất lượng, hiệu quả trên công trình trọng điểm Thủy điện Sơn

La", góp phần đưa công trình về đích sớm 3 năm so với kế hoạch[1]… Trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, truyền thông, phát thanh, truyền hình, thể dục, thể thao, các phong trào thi đua ngày càng phát triển và đi vào chiều sâu, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, khơi dậy sức sáng tạo trong các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, giữ gìn và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Các phong trào thi đua, các cuộc vận động quần chúng đã đạt nhiều kết quả thiết thực, ví dụ như: phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" với trên 90% gia đình trên toàn quốc tham gia, hơn 16 triệu gia đình đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa", 70% thôn, làng, bản, ấp, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa. Cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại" đạt tỷ lệ người tham gia luyện tập thường xuyên ngày càng cao[2]… Nhưng trong hệ thống phong trào thi đua văn hóa nói chung ấy thiếu vắng một số danh hiệu thi đua cần thiết cho phong trào thi đua trên thực tế, như danh hiệu "Xã, phường, cơ quan, đơn vị văn hóa".

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năng suất lao động (NSLĐ) toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2017 ước tính đạt 93,2 triệu đồng/lao động (tương đương 4.166 USD/lao động). Tính theo giá so sánh năm 2010, năng suất lao động toàn nền kinh tế năm 2017 tăng 6% so với năm 2016, bình quân giai đoạn 2011-2017 tăng 4,7%/năm. NSLĐ của Việt Nam thời gian qua có sự cải thiện đáng kể theo hướng tăng đều qua các năm[3], là quốc gia có tốc độ tăng NSLĐ cao trong khu vực ASEAN. Tuy nhiên, mức NSLĐ của Việt Nam hiện nay vẫn rất thấp so với các nước trong khu vực. Tính theo PPP 2011, NSLĐ của Việt Nam năm 2016 đạt 9.894 USD, chỉ bằng 7,0% mức năng suất của Xin-ga-po; 17,6% của Ma-lai-xi-a; 36,5% của Thái Lan; 42,3% của In-đô-nê-xi-a và bằng 56,7% NSLĐ của Phi-li-pin. Đáng chú ý là chênh lệch về NSLĐ giữa Việt Nam với các nước vẫn tiếp tục gia tăng. Điều này cho thấy khoảng cách và thách thức nền kinh tế Việt Nam phải đối mặt trong việc bắt kịp mức NSLĐ của các nước. Do đó, một trong những giải pháp để tăng NSLĐ là cần phải có các biện pháp thi đua và khen thưởng thích hợp cho những cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu trong sản xuất, lao động[4].

Tiêu chuẩn của một số danh hiệu thi đua chưa phù hợp với tình hình thực tiễn, chưa cụ thể đối với từng lĩnh vực, vùng miền, đối tượng cụ thể để có thể khuyến khích việc tăng NSLĐ, phát triển lối sống lành mạnh, văn hoá và khuyến khích được những tấm gương điển hình. Hay nói cách khác, các quy định về tiêu chuẩn còn chung chung, chưa cụ thể, còn mang nặng sự định tính. Chính hạn chế này của các quy định về danh hiệu thi đua mà những tiêu chuẩn

[1]Báo cáo Tổng kết đánh giá 17 năm thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng của Bộ Nội vụ ("Báo cáo tổng kết"), trang 10

[2] Báo cáo tổng kết, trang 12, 13

[3]NSLĐ xã hội của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2011-2017 lần lượt là: 55,2 triệu đồng/lao động; 63,1 triệu đồng/lao động; 68,7 triệu đồng/lao động; 74,7 triệu đồng/lao động; 79,4 triệu đồng/lao động; 84,5 triệu đồng/lao động; 93,2 triệu đồng/lao động.

[4]Nguyễn Bích Lâm-Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Năng suất lao động của Việt Nam và giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng năng suất lao động (Tham luận tại Diễn đàn CEO 2018, Hà Nội, ngày 13/4/2018).

nói trên phải được tiếp tục điều chỉnh bằng hệ thống các nghị định, thông tư và văn bản hướng dẫn. Điều này dẫn đến thực trạng là các văn bản quy phạm thường xuyên phải được nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp thực tiễn.

- Một số danh hiệu thi đua tuy chưa được quy định trong Luật Thi đua, khen thưởng (xã nông thôn mới; phường, thị trấn văn minh đô thị...) nhưng trong quá trình tổ chức phong trào thi đua đã xuất hiện và đã phát huy tốt tác dụng, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu kịp thời biểu dương, động viên, các cá nhân, tập thể trong phong trào thi đua.

- Luật hiện hành quy định việc xét tặng danh hiệu thi đua hiện nay phải có đăng ký thi đua và đề nghị từ cấp dưới lên nhưng thiếu quy định về quy trình xét tặng danh hiệu thi đua thông qua phát hiện tập thể, cá nhân tiêu biểu. Hiện nay, để được xét tặng danh hiệu thi đua thì cá nhân, tập thể phải đăng ký tham gia thi đua từ thời điểm phát động phong trào thi đua (thường là đầu năm đăng ký thi đua cuối năm mới bình xét để tặng thưởng danh hiệu thi đua). Trong trường hợp cá nhân, tập thể không đăng ký thì mặc dù có thành tích tốt nhưng vẫn không được xét tặng danh hiệu thi đua khi tổng kết phong trào. Điều này không đồng nhất với định nghĩa về "thi đua" trong Luật Thi đua, khen thưởng "*Thi đua là hoạt động có tổ chức với sự tham gia tự nguyện của cá nhân, tập thể nhằm phấn đấu đạt được thành tích tốt nhất trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*". Thực trạng trên không chỉ không đảm bảo tinh thần của hoạt động thi đua mà còn tạo ra việc hành chính hóa trong hoạt động thi đua.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tiếp tục triển khai Chỉ thị số 34-CT/TW, ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị "Về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng".

- Hoàn thiện quy định của pháp luật về hệ thống danh hiệu thi đua, đồng thời, thực hiện phân cấp cho bộ, ngành, địa phương trong việc xác định đối tượng, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua cho phù hợp.

- Ngoài ra, chính sách góp phần khơi dậy, phát huy truyền thống thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

1.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên hệ thống danh hiệu thi đua như quy định hiện hành.

1.3.2. Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung một số quy định về hệ thống danh hiệu thi đua theo hướng bổ sung và ghi nhận một số danh hiệu thi đua đối với tập thể để đáp ứng nhu cầu thực tiễn, bao gồm: (1) Danh hiệu Cờ thi đua cấp tổng cục thuộc bộ và tương đương; Đại học Quốc gia; Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; (2) Danh hiệu "Xã, phường tiêu biểu".

- Bổ sung quy trình xét tặng danh hiệu thi đua thông qua phát hiện tập thể, cá nhân tiêu biểu trong phong trào thi đua.

1.3.3. Giải pháp 3: tương tự như giải pháp 2, nhưng điều chỉnh quy định tiêu chuẩn cho các danh hiệu thi đua theo hướng Luật chỉ quy định tiêu chuẩn đối với danh hiệu thi đua cấp nhà nước, còn lại chỉ quy định các nguyên tắc chung để các bộ, ngành, địa phương tự xác định đối tượng, tiêu chuẩn của các danh hiệu thi đua của bộ, ngành, địa phương.

1.4. Đánh giá tác động của giải pháp

1.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng

* Tác động về kinh tế:

Hệ thống danh hiệu thi đua hiện hành bao gồm danh hiệu thi đua dành cho cá nhân và danh hiệu thi đua dành cho tập thể. Tác động kinh tế ở Giải pháp 1 chủ yếu tác động vào 02 nhóm đối tượng lớn là (i) các cơ quan Nhà nước tham gia xét duyệt, trao tặng danh hiệu thi đua và (ii) các cơ quan, đơn vị đề nghị danh hiệu thi đua. Ngoài ra, ở Giải pháp này cũng cần phân tích thêm về tác động kinh tế đối với nhóm đối tượng là các công chức, viên chức tham gia vào quy trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua cá nhân.

• *Tác động tới mức chi về cơ sở vật chất, trang thiết bị, vật tư, tài sản công để thực hiện giải pháp chính sách*

Đối với danh hiệu thi đua dành cho cá nhân, theo thống kê của Bộ Nội vụ, mỗi năm có trung bình 254 cá nhân được xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc. Đây là một danh hiệu thi đua tương đối tiêu biểu và có thống kê số liệu đều đặn qua mỗi năm. Nhìn vào danh hiệu thi đua này, có thể nhận thấy một số chi phí đáng lưu ý mà Nhà nước đã chi cho việc xét tặng danh hiệu thi đua được mô tả qua bảng thống kê như sau:

Bảng 1.Chi phí trang thiết bị, vật tư trung bình
để trao tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc cho cá nhân

STT	Đơn giá chi *(đồng/sản phẩm)*	Số lượng đối tượng trung bình được trao danh hiệu thi đua trong 01 năm *(đối tượng)*	Mức chi tổng cộng trung bình trong 01 năm *(đồng/năm)*
1.	Chi phí làm bằng khen: - In bằng khen: 20.000 đồng/sản phẩm. - Đóng khung bằng khen: 30.000 đồng/sản phẩm.	254	Chi phí làm bằng khen trung bình một năm sẽ là: (20.000 + 30.000) x 254 = 12.700.000 đồng/năm
2.	Chi phí làm huy hiệu: 40.000 đồng/sản phẩm.	254	Chi phí làm huy hiệu trung bình một năm sẽ là: 40.000 x 254 = 10.160.000 đồng/năm
	Tổng chi phí in ấn, làm hiện vật trung bình/năm (1+2):		**22.860.000 đồng/năm**

Đối với danh hiệu thi đua dành cho tập thể, theo thống kê của Bộ Nội vụ,

có trung bình 991 tập thể được trao tặng danh hiệu Cờ thi đua Chính phủ mỗi năm. Với chi phí đặt làm cờ thi đua là 150.000 đồng cho 01 trường hợp, chi phí mà Nhà nước bỏ ra để đặt làm cờ thi đua trung bình trong 01 năm là: 150.000 x 991 = **148.650.000 đồng/năm.**

• *Tác động tới các khoản chi trả trực tiếp của Nhà nước cho các danh hiệu thi đua*

Bên cạnh những chi phí liên quan đến in ấn hiện vật, làm cờ thi đua,... Nhà nước còn phải chi các khoản tiền thưởng trực tiếp cho các danh hiệu thi đua. Cụ thể, đối với 02 danh hiệu thi đua tiêu biểu của cá nhân và tập thể nói trên (Chiến sĩ thi đua toàn quốc và Cờ thi đua Chính phủ), khoản chi trực tiếp trung bình trong 01 năm của Nhà nước sẽ được tính như sau:

Bảng 2. Tổng hợp các khoản chi trả trực tiếp của Nhà nước cho một số danh hiệu thi đua

STT	Đơn giá khen thưởng trực tiếp *(đồng)*	Mức khen thưởng trực tiếp	Số lượng đối tượng trung bình được trao danh hiệu thi đua trong 01 năm *(đối tượng)*	Mức chi tổng cộng trung bình trong 01 năm *(đồng/năm)*
1.	Danh hiệu thi đua "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"			
	Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng	Khoản tiền khen thưởng trực tiếp bằng 4,5 mức lương cơ sở tức là: 4,5 x 1.490.000 = 6.705.000 đồng/người.	254	Khoản tiền khen thưởng trực tiếp trung bình một năm là: 6.705.000 x 254 = **1.703.070.000 đồng/năm**
2.	Danh hiệu thi đua "Cờ thi đua Chính phủ"			
	Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng	Khoản tiền khen thưởng trực tiếp bằng 12 mức lương cơ sở tức là: 12 x 1.490.000 = 17.880.000 đồng/trường hợp	991	Khoản tiền khen thưởng trực tiếp trung bình một năm là: 17.880.000 x 991 = **17.719.080.000 đồng/năm.**

Ngoài các khoản được chi trả trực tiếp nêu trên, Nhà nước hàng năm còn phải chi phí trực tiếp và gián tiếp về tiền lương, tiền công cho công tác phát hiện, bình bầu cho hai danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" và "Cờ thi đua Chính phủ" từ các cấp, cơ quan liên quan. Trên thực tế, công tác phát hiện, bình bầu thường được gắn với hoạt động thường nhật trong các cơ quan, tổ chức. Trong trường hợp các cơ quan, đơn vị, tổ chức coi hoạt động thi đua khen thưởng là hoạt động mang tính tự nguyện, tạo động lực phát triển thì chi phí tài chính không nhiều hoặc không có tác động lớn. Trường hợp khác, hoạt động thi đua khen thưởng mang tính hình thức và không được người lao động tự nguyện tham gia thì cơ quan, đơn vị, tổ chức có thể phải chi phí tài chính bổ sung để người lao động tham gia vào hoạt động phát hiện, bình bầu.

- *Tác động tới chi phí tuân thủ khi giải quyết và thực hiện TTHC*

Hộp 1. Cách quy đổi chi phí thời gian ra tiền mặt để tính chi phí tuân thủ giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước

Chi phí trung bình cho 01 giờ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước= Chi phí lương tháng bình quân/Tổng số giờ làm việc trong tháng.
Trong đó:
(i) Chi phí lương tháng bình quân = 70% lương tháng của chuyên viên +30% lương tháng của lãnh đạo + chi phí bảo hiểm. Lưu ý rằng tỷ lệ 70% - 30% được tính trên giả định về tỷ lệ tham gia của lãnh đạo và chuyên viên trong quá trình giải quyết TTHC.
Theo quy định tại Nghị định 01/VBHN-BNV về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, Nghị định 72/2018/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, bình quân lương của một chuyên viên bậc I là **2.525.000 đồng/tháng**; bình quân lương của lãnh đạo được giả định tính theo lương của giám đốc Sở (Chuyên viên chính bậc II + Phụ cấp chức vụ của Giám đốc Sở) là **7.839.600 đồng**/tháng.
Chi phí bảo hiểm được tính bằng 34% trung bình lương tháng của chuyên viên và lãnh đạo tính theo tỷ lệ tham gia giải quyết TTHC.
(ii)Tổng số giờ làm việc: 176 giờ làm việc/tháng
Theo đó, **chi phí trung bình cho 01 giờ làm việc của cơ quan nhà nước để giải quyết TTHC là khoảng 35.000 đồng/giờ làm việc**

Với quy định hiện hành, hoạt động xét tặng danh hiệu thi đua đã dẫn đến chi phí tuân thủ đáng kể cho việc giải quyết TTHC của cơ quan Nhà nước. Chi phí tuân thủ là chi phí mà cơ quan Nhà nước phải bỏ ra để giải quyết 01 TTHC. Chi phí tuân thủ sẽ bao gồm 02 thành phần:

i) **Chi phí thời gian** thông qua đo lường về thời gian cần thiết của mỗi cơ quan Nhà nước kể từ khi tiếp nhận hồ sơ cho đến khi trả kết quả TTHC; và

ii) **Chi phí trực tiếp** mà cơ quan Nhà nước đã phải chi trả bằng tiền mặt trong suốt quá trình giải quyết TTHC để ban hành được kết quả của thủ tục hành chính. Thông thường, chi phí trực tiếp của cơ quan Nhà nước bằng 0 đồng.

Từ phương pháp đo lường chi phí tuân thủ TTHC nói trên, chi phí tuân thủ của cơ quan Nhà nước cho việc giải quyết các TTHC liên quan đến danh hiệu thi đua, cụ thể là danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" và "Cờ thi đua Chính phủ" được thể hiện theo các số liệu phân tích giả định tại Bảng 3 dưới đây.

Bảng 3. Tổng hợp chi phí tuân thủ của cơ quan Nhà nước trong việc giải quyết một số TTHC về thi đua

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
Danh hiệu thi đua "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"				
1.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	7	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
2.	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
3.	Số lượng đối tượng trung bình được trao danh hiệu thi đua trong 01 năm	Trường hợp/năm	254	
4.	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	7 x 35.000 x 254 = **62.230.000 đồng/năm**	
Danh hiệu thi đua "Cờ thi đua Chính phủ"				
1.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	7	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
2.	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
3.	Số lượng đối tượng trung bình được trao danh hiệu thi đua trong 01 năm	Trường hợp/năm	991	
4.	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	7 x 35.000 x 991 = **242.795.000 đồng/năm**	

Hộp 2. Cách quy đổi chi phí thời gian ra tiền mặt để tính chi phí tuân thủ của đối tượng thực hiện TTHC

Mức thu nhập bình quân 01 người 01 giờ làm việc = Tổng sản phẩm trong nước (theo thống kê của năm gần nhất) / [(Số dân tương ứng năm thống kê) x 12 tháng x 22 ngày làm việc x 08 giờ làm việc)].

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2017 đạt 5.007,9 nghìn tỷ đồng; tổng dân số năm 2017 là 93,7 triệu

Do đó, **chi phí trung bình cho 01 giờ làm việc của đối tượng thực hiện TTHC là khoảng 25.000 đồng/giờ làm việc.**

Ngoài ra, để đảm bảo được tính khách quan và toàn diện khi phân tích tác động kinh tế của TTHC với mỗi Giải pháp chính sách, cần đánh giá thêm chi phí tuân thủ từ phía đối tượng thực hiện TTHC. Cụ thể, trong trường hợp này, chi phí cho việc thực hiện 02 TTHC "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" và "Cờ thi đua Chính phủ" cũng sẽ được đo lường theo chi phí thời gian và chi phí trực tiếp khi thực hiện TTHC, bắt đầu từ bước tìm hiểu thông tin về TTHC cho đến bước nhận kết quả TTHC.

Chi tiết số liệu phân tích giả định cho việc thực hiện TTHC sẽ được thể hiện tại Bảng 4 dưới đây.

Bảng 4. Tổng hợp chi phí tuân thủ của đối tượng thực hiện TTHC về thi đua

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
Danh hiệu thi đua "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"				
5.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	53,2	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
6.	Chi phí trực tiếp để thực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000 (chi phí in ấn)	
7.	Số lượng đối tượng trung bình được trao danh hiệu thi đua trong 01 năm	Trường hợp/năm	254	
8.	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(53,2 x 25.000)+ 50.000] x 254 **= 350.520.000 đồng/năm**	
Danh hiệu thi đua "Cờ thi đua Chính phủ"				
5.	Chi phí thời gianđể thực hiện 01 TTHC	Giờ	52,2	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
6.	Chi phí trực tiếp để thực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000 (chi phí in ấn)	
7.	Số lượng đối tượng trung bình được trao danh hiệu thi đua trong 01 năm	Trường hợp/năm	991	
8.	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(52,2 x 25.000)+ 50.000] x 991 **= 1.342.805.000 đồng/năm**	

Theo Bảng 3 và Bảng 4 trên, chi phí tuân thủ thực hiện TTHC lớn hơn rất nhiều lần chi phí tuân thủ dành cho giải quyết TTHC (gấp khoảng 4 lần), nguyên nhân là do các đối tượng thực hiện TTHC phải mất nhiều thời gian cho việc chuẩn bị hồ sơ xét danh hiệu thi đua và tham gia các cuộc họp của Hội đồng thi đua khen thưởng.

Bên cạnh 02 nhóm đối tượng lớn là cơ quan nhà nước giải quyết TTHC về thi đua và những đối tượng thực hiện TTHC thì Giải pháp chính sách hiện tại cũng có tác động kinh tế nhất định tới nhóm doanh nghiệp thực hiện dịch vụ in ấn, làm khung bằng khen và làm huy hiệu.

- *Tác động tới các chi phí liên quan đến kinh phí, ngân sách, chi phí của*

xã hội và những vấn đề phát sinh khác khi tổ chức thực hiện trao tặng danh hiệu thi đua

Bên cạnh những chi phí liên quan đến việc trao thưởng trực tiếp, thực hiện và giải quyết TTHC, việc trao tặng các danh hiệu thi đua còn dẫn đến việc phát sinh những chi phí dành cho hoạt động tổ chức trao tặng. Trên thực tế, hoạt động trao tặng danh hiệu thi đua đã được quy định và tổ chức thực hiện theo những cách thức hướng đến việc tiết kiệm ngân sách Nhà nước (như không tổ chức riêng trao tặng, đón nhận khen thưởng mà phải kết hợp với phát động thi đua, tổng kết công tác, lễ kỷ niệm...). Tuy nhiên, cần tiếp tục có thêm các biện pháp để tối đa hóa việc tiết kiệm các chi phí dành cho hoạt động trao tặng này để nâng cao những tác động tích cực của việc thi đua khen thưởng đối với đời sống xã hội, hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng không gây lãng phí các nguồn lực khác.

Ngoài các khoản được chi trả trực tiếp nêu trên, Nhà nước hàng năm còn phải chi phí trực tiếp và gián tiếp về tiền lương, tiền công cho công tác phát hiện, bình bầu khen thưởng từ các cấp, cơ quan liên quan. Trên thực tế, công tác phát hiện, bình bầu thường được gắn với hoạt động trong các cơ quan, tổ chức hàng năm. Trong trường hợp các cơ quan, đơn vị, tổ chức coi hoạt động thi đua, khen thưởng là hoạt động mang tính tự nguyện, tạo động lực phát triển thì chi phí tài chính không nhiều hoặc không có tác động lớn. Trường hợp khác, hoạt động thi đua khen thưởng mang tính hình thức và không được người lao động tự nguyện tham gia thì cơ quan, đơn vị, tổ chức có thể phải chi phí tài chính bổ sung để người lao động tham gia vào hoạt động phát hiện, bình bầu. Do đó, cơ quan, đơn vị, tổ chức cần phải có những kế hoạch, chương trình cụ thể để phát động các hoạt động thi đua.

* Tác động về xã hội:

Ở Giải pháp giữ nguyên chính sách như hiện nay thì sẽ không làm tác động đến các vấn đề về việc làm ở các bên có liên quan sẽ không có thay đổi vì chính sách, tương tự vấn đề về sức khỏe, môi trường, về văn hóa truyền thống, vấn đề giảm nghèo, vấn đề giáo dục hay y tế.

Phân tích tác động về kinh tế đã chỉ ra có tác động tới chi về cơ sở vật chất, trang thiết bị, vật tư, tài sản công để thực hiện giải pháp chính sách như chi phí làm bằng khen, chi phí làm huy hiệu do vậy sẽ đóng góp cho "ngành" sản xuất huy hiệu và làm bằng khen duy trì được việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

Vì luật hiện hành chưa bao phủ hết các đối tượng; các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức, cá nhân thuộc khu vực kinh tế ngoài Nhà nước chưa được quy định cụ thể trong luật hiện hành do vậy khi áp dụng luật vào thực tế cũng sẽ dẫn đến việc trùng lắp, chồng chéo trong khen thưởng. Bên cạnh đó Giải pháp này sẽ gặp phải những vấn đề bất cập được thể hiện ở nội dung 1.1 (Xác định vấn đề bất cập).

* Tác động về giới:

Do không có thay đổi về chính sách nên việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của nam và nữ đều không thay đổi để duy trì sự động viên, khích lệ kịp thời đến công chức, viên chức và người lao động. Tuy nhiên, hiện nay để được xét tặng danh hiệu thi đua thì cá nhân, tập thể phải đăng ký tham gia thi đua từ thời điểm phát động phong trào thi đua. Trong trường hợp cá nhân, tập thể không đăng ký thì mặc dù có thành tích tốt nhưng vẫn không được xét tặng danh hiệu thi đua vào cuối đợt tổng kết phong trào. Điều này ảnh hưởng đến quyền lợi của các cá nhân, tổ chức đạt thành tích tốt trong phong trào thi đua, có đóng góp lớn cho lợi ích của tập thể, giảm cơ hội tiếp cận danh hiệu thi đua ở cả nam và nữ.

* Tác động về thủ tục hành chính:

• *Tác động tới hoạt động quản lý Nhà nước đối với ngành, lĩnh vực liên quan đến việc thực hiện chính sách*

Thực tế hiện nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng về cơ bản đã đầy đủ, tạo cơ sở pháp lý để quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng, tổ chức phong trào thi đua và thực hiện chính sách, pháp luật về khen thưởng ở các cấp, các ngành. Bên cạnh mặt tích cực là tạo động lực thi đua và hành lang pháp lý để quản lý Nhà nước và thực hiện chính sách, pháp luật về khen thưởng, Luật đã bộc lộ rõ những mặt bất cập và hạn chế như: Luật chưa bao quát hết các đối tượng; chưa quy định rõ thẩm quyền và mối quan hệ trong công tác thi đua, khen thưởng giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp; chưa quy định cụ thể đối với tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức, cá nhân thuộc khu vực kinh tế ngoài Nhà nước… Vì vậy, khi áp dụng các quy định của Luật vào thực tế thì đã dẫn đến vướng mắc nảy sinh, chủ yếu liên quan đến việc khen thưởng chồng chéo và trùng lắp về thành tích, không đảm bảo mối tương quan bình đẳng trong khen thưởng.

• *Tác động tới việc đảm bảo quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC*

Như đã nhận định tại Vấn đề bất cập và phân tích ở phần Tác động kinh tế tới chi phí tuân thủ TTHC, hiện nay, để được xét tặng danh hiệu thi đua thì cá nhân, tập thể phải đăng ký tham gia thi đua từ thời điểm phát động phong trào thi đua. Trong trường hợp cá nhân, tập thể không đăng ký thì mặc dù có thành tích tốt nhưng vẫn không được xét tặng danh hiệu thi đua vào cuối đợt tổng kết phong trào. Điều này không đồng nhất với định nghĩa về "thi đua" trong Luật TĐKT – "*Thi đua là hoạt động có tổ chức với sự tham gia tự nguyện của cá nhân, tập thể nhằm phấn đấu đạt được thành tích tốt nhất trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*". Thực trạng trên không chỉ không đảm bảo tinh thần của hoạt động thi đua, tạo ra việc hành chính hóa trong hoạt động thi đua mà còn ảnh

hưởng đến quyền lợi của các cá nhân, tổ chức đạt thành tích tốt trong phong trào thi đua, có đóng góp lớn cho lợi ích của tập thể.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

1.4.2. Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung các quy định về hệ thống danh hiệu thi đua theo hướng bổ sung và ghi nhận một số danh hiệu thi đua đối với tập thể để đáp ứng nhu cầu thực tiễn, bao gồm: (1) Danh hiệu Cờ thi đua cấp tổng cục thuộc bộ và tương đương; Đại học Quốc gia; Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; (2) Danh hiệu " Xã, Phường tiêu biểu".

* Tác động về kinh tế:

• *Tác động tới mức chi về cơ sở vật chất, trang thiết bị, vật tư để thực hiện giải pháp chính sách*

Tác động kinh tế của Giải pháp chính sách 2 chủ yếu ảnh hưởng tới 02 nhóm đối tượng là (i) các cơ quan Nhà nước tham gia xét duyệt, trao tặng danh hiệu thi đua và (ii) các cơ quan, đơn vị đề nghị danh hiệu thi đua.

Trước hết, về việc đánh giá tác động kinh tế khi bổ sung thêm danh hiệu thi đua "Xã, phường tiêu biểu", cần phải khoanh vùng số lượng đối tượng được đánh giá. Theo số liệu của Tổng cục thống kê về đơn vị hành chính vào năm 2016, tổng số xã của Việt Nam là 8.978 xã. Những số liệu thống kê về phường và các cơ quan, đơn vị khác chưa đầy đủ để đảm bảo đánh giá tác động kinh tế một cách khách quan và toàn diện, do đó, trong phần đánh giá tác động kinh tế này, **giả định là 1.000 xã đạt danh hiệu "Xã văn tiêu biểu", tương đương với 11% số xã hiện tại được thống kê**. Nếu số lượng xã đã đạt danh hiệu "Xã tiêu biểu" cao hơn thì chi phí sẽ cao tương ứng.

Trên cơ sở giả định trên, chi phí in ấn, làm hiện vật của Nhà nước có khả năng sẽ tăng do Giải pháp này đề xuất bổ sung danh hiệu "Xã tiêu biểu". Cụ thể, với đơn giá để in bằng chứng nhận là 20.000 đồng/sản phẩm và đóng khung bằng chứng nhận là 30.000 đồng/sản phẩm, thì **tổng mức chi cho phí in ấn, làm hiện vật trung bình trên 01 năm** theo giả định nói trên là: (20.000 + 30.000) x 1.000 = **50.000.000 đồng.**

• *Tác động tới các khoản chi trả tiền mặt của Nhà nước*

Kèm theo các khoản chi làm hiện vật nói trên, Ngân sách Nhà nước sẽ phải chi trả thêm các khoản chi tiền thưởng trực tiếp cho các đơn vị đạt danh hiệu "Xã tiêu biểu".Giả sử khoản tiền thưởng trực tiếp của danh hiệu thi đua này tương đương với khoản tiền thưởng trực tiếp của danh hiệu "Thôn, làng, ấp, gia đình văn hóa" là 1,5 lần mức lương cơ sở, thì với 1.000 trường hợp đạt danh hiệu theo giả định, **tổng mức tiền thưởng trực tiếp mà Nhà nước phải chi trung bình mỗi năm** theo giả định là 1.000 x 1,5 x 1.490.000 = **2.235.000.000 đồng.**

• *Tác động tới chi phí tuân thủ khi giải quyết và thực hiện TTHC*

Giải pháp chính sách 2 cũng làm phát sinh chi phí tuân thủ cho việc thực hiện TTHC.

Thứ nhất, nếu bổ sung danh hiệu thi đua "Xã tiêu biểu" thì trung bình một năm, cơ quan Nhà nước sẽ tốn thêm khoảng **458.500.000 đồng** chi phí tuân thủ cho việc giải quyết TTHC (giả định có 1.000 đối tượng đạt danh hiệu).

Bảng 5. Tổng hợp chi phí tuân thủ của cơ quan Nhà nước trong việc giải quyết TTHC khi bổ sung danh hiệu thi đua "Xã tiêu biểu"

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
1.	Chi phí thời gian giải quyết 01 TTHC	Giờ	13,1	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định số lượng đối tượng và quy trình thực hiện TTHC
2.	Chi phí trực tiếp giải quyết 01 quyết TTHC	Đồng	0	
3.	Số lượng đối tượng trung bình được trao danh hiệu thi đua trong 01 năm	Trường hợp/năm	1.000	
4.	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	13,1 x 35.000 x 1.000 = **458.500.000 đồng**	

Thứ hai, các xã đề nghị danh hiệu thi đua cũng phải mất chi phí tuân thủ cho việc thực hiện các hoạt động trong quá trình đề nghị danh hiệu thi đua như chuẩn bị hồ sơ đề nghị, nộp hồ sơ, tiếp đoàn kiểm tra, nhận kết quả công nhận... Nếu danh hiệu "Xã tiêu biểu" được áp dụng trên thực tế và giả định có khoảng 1.000 đối tượng đạt danh hiệu này trong 01 năm, thì **tổng chi phí tuân thủ** mà các đối tượng đề nghị danh hiệu phải bỏ ra trung bình trong 01 năm là: [(32,1 x 25.000) + 50.000] x 1.000 = **852.500.000 đồng.**

Bảng 6. Tổng hợp chi phí tuân thủ của cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện TTHC khi bổ sung danh hiệu thi đua "Xã tiêu biểu"

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
1.	Chi phí thời gian để thực hiện TTHC	Giờ	32,1	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định số lượng đối tượng và quy trình thực hiện TTHC
2.	Chi phí trực tiếp giải quyết 01 quyết TTHC	Đồng	50.000	
3.	Số lượng đối tượng trung bình được trao danh hiệu thi đua trong 01 năm	Trường hợp/năm	1.000	
4.	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(32,1 x 25.000) + 50.000] x 1.000 = **852.500.000**	

Tổng kết lại, việc bổ sung danh hiệu "Xã, phường tiêu biểu" sẽ dẫn đến những tác động tiêu cực về mặt kinh tế đối với các nhóm đối tượng. Có thể

nhận thấy rằng tổng chi phí mà các đối tượng phải bỏ ra để thực hiện Giải pháp chính sách sẽ tăng lên 3.483.800.000 đồng mỗi năm. Cần lưu ý rằng, con số tác động kinh tế nói trên chỉ được tính toán giả định trên cơ sở 11% tổng số xã hiện tại ở Việt Nam, chưa bao gồm các đối tượng khác như cơ quan và đơn vị khác. Trên thực tế, số lượng các cơ quan, đơn vị thuộc diện được lựa chọn, bình bầu cao hơn nên tác động kinh tế về chi phí lớn hơn rất nhiều lần.

• *Tác động tới năng suất lao động (NSLĐ) và các lợi ích kinh tế vĩ mô khi áp dụng Giải phápgiải pháp chính sách vào phong trào thi đua*

Với chính sách hiện tại, do các phong trào thi đua của các đơn vị như tổng cục thuộc bộ, tập đoàn kinh tế, đại học quốc gia, tổng công ty Nhà nước chưa được ghi nhận trong Luật nên có khả năng ảnh hưởng đến việc phát động và thực thi phong trào. Bằng việc ghi nhận chính thức trong văn bản Luật TĐKT sửa đổi, phong trào thi đua của những đơn vị này dự kiến sẽ được thúc đẩy nhiều hơn và tác động tích cực đến sự phát triển của nền kinh tế nói chung.

Đối với danh hiệu "Xã, phường tiêu biểu", các tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua hiện tại đang tập trung vào các khía cạnh xã hội. Cụ thể, tương tự như danh hiệu “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”, để xác định các đối tượng xã, phường tiêu biểu, thì yếu tố cần thiết là đánh giá trên cơ sở môi trường văn hóa, môi trường xã hội, sự gắn kết giữa các thành viên. Yếu tố kinh tế không phải là yếu tố chính để xét tặng những danh hiệu thi đua này, do đó tác động của những danh hiệu thi đua này đối với sự phát triển của nền kinh tế vĩ mô không rõ nét.

Ngoài ra, cần lưu ý rằng, việc bổ sung thêm các danh hiệu thi đua một mặt làm phát sinh thêm chi phí in ấn, làm hiện vật của Ngân sách Nhà nước nhưng mặt khác lại có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ in ấn bằng khen. Cụ thể, việc thực hiện Giải pháp chính sách 2 dự kiến sẽ tác động tích cực tới nguồn thu nhập của nhóm doanh nghiệp này và có khả năng tạo thêm việc làm cho người lao động tại những doanh nghiệp nói trên.

• *Tác động tới các chi phí liên quan đến kinh phí, ngân sách, chi phí của xã hội và những vấn đề phát sinh khác khi tổ chức thực hiện trao tặng danh hiệu thi đua*

Tương tự như phân tích tại Giải pháp chính sách 1, cần tiếp tục có thêm các biện pháp để tối đa hóa việc tiết kiệm các chi phí dành cho hoạt động trao danh hiệu thi đua, nhằm mục đích nâng cao những tác động tích cực của việc thi đua khen thưởng đối với đời sống xã hội. Ngoài ra, cũng cần đảm bảo rằng việc bổ sung các danh hiệu thi đua không làm phát sinh thêm chi phí khác khi tổ chức trao tặng.

Ngoài các khoản được chi trả nêu trên, Nhà nước hàng năm còn phải chi phí trực tiếp và gián tiếp về tiền lương, tiền công cho công tác phát hiện, bình bầu “Xã tiêu biểu” ở cấp cơ sở và các cấp quyết định. Công tác này gắn liền với các hoạt động thi đua, khen thưởng và tuyên truyền thường xuyên của các xã, huyện và tỉnh. Hoạt động này có phát sinh chi phí và hiện được gắn liền với

định mức chi hành chính thường xuyên của các cơ quan cấp xã, huyện và tỉnh.

* Tác động về xã hội:

• Tác động tới tinh thần làm việc, phong trào thi đua và duy trì việc làm trong ngành in ấn, làm hiện vật.

Khi bổ sung thêm danh hiệu thi đua "Xã, phường tiểu biểu" vào trong chính sách đồng nghĩa việc mở rộng thêm đối tượng được khen thưởng, sẽ tác động đến tinh thần làm việc của đội ngũ cán bộ công chức, viên chức và người lao động ở cấp xã phường, tạo động lực để phát động phong trào thi đua gìn giữ truyền thống văn hóa ở địa phương.

Bên cạnh đó từ phân tích tác động kinh tế cho thấy nếu số lượng xã đã đạt danh hiệu "Xã tiêu biểu" cao hơn thì chi phí in ấn, làm hiện vật của Nhà nước sẽ tăng. Điều này tác động tích cực đến duy trì và tạo việc làm, thu nhập đối với ngành in bằng chứng nhận, đóng khung bằng chứng nhận.

• Tác động tới thời gian lao động khi giải quyết và thực hiện TTHC và tác động tới tinh thần, động lực nâng cao hiệu quả công việc của người lao động.

Khi bổ sung danh hiệu thi đua "Xã tiêu biểu" thì trung bình một năm, cơ quan Nhà nước sẽ tốn thêm 13.100 giờ cho việc giải quyết TTHC (giả định có 1.000 đối tượng đạt danh hiệu) trong khi số biên chế thực hiện không tăng, do vậy để đáp ứng được yêu cầu công việc thì cơ quan Nhà nước sẽ phải làm công việc với khối lượng lớn hơn, có thể làm chậm tiến độ hoàn thành công việc.

Các tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua của các danh hiệu "Xã, phường tiểu biểu" sẽ tạo ra môi trường văn hóa, môi trường xã hội, sự gắn kết giữa các thành viên trở lên tốt đẹp hơn.

*Tác động về giới: chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới.

Điều chỉnh chính sách theo Giải pháp 2 không tạo ra sự khác biệt giữa nam và nữ khi thực hiện quyền và nghĩa vụ, cũng như năng lực thực hiện các quyền và nghĩa vụ hay là thụ hưởng do chính sách mang lại.

Bổ sung quy trình xét tặng danh hiệu thi đua thông qua phát hiện tập thể, cá nhân tiêu biểu trong phong trào thi đua sẽ tạo điều kiện thực hiện phong trào thi đua, tiếp cận cơ hội được khen thưởng như nhau ở mỗi giới.

* Tác động về thủ tục hành chính:

Tác động về TTHC của Giải pháp chính sách 2 sẽ được thể hiện ở các điểm chính như sau:

Thứ nhất, Giải pháp chính sách 2 làm phát sinh ít nhất 01 TTHC mới – TTHC tặng danh hiệu thi đua "Xã, phường tiêu biểu". Việc bổ sung TTHC này là cần thiết để đảm bảo tính minh bạch trong quá trình xét tặng danh hiệu thi đua này. Dự tính chi phí tuân thủ đối với việc phát sinh TTHC này đã được phân tích trong phần đánh giá tác động kinh tế phía trên.

Thứ hai, việc bổ sung quy trình xét tặng danh hiệu thi đua thông qua phát hiện tập thể, cá nhân tiêu biểu trong phong trào thi đuacó điểm tương đồng với quy trình khen thưởng theo thủ tục đơn giản hiện đang được quy định tại Điều 85 của Luật Thi đua, khen thưởng. Về bản chất, đây không phải là một TTHC độc lập mà chỉ là một quy định đặc thù cho phép đơn giản hoá quy trình thực hiện và hồ sơ thực hiện một TTHC, do đó không tác động tới các TTHC tặng danh hiệu thi đua hiện hành. Bên cạnh đó, xét về khía cạnh tác động kinh tế, việc bổ sung quy trình xét tặng danh hiệu thi đua theo thủ tục đơn giản có khả năng sẽ giúp tiết kiệm chi phí tuân thủ cho việc thực hiện và giải quyết TTHC.

Thứ ba, việc bổ sung các danh hiệu Cờ thi đua tổng cục thuộc bộ không làm phát sinh TTHC mới mà chỉ phát sinh nghĩa vụ báo cáo của các đơn vị này với cơ quan quản lý Nhà nước về thi đua khen thưởng cấp trung ương.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Về tổ chức bộ máy: Đề xuất chính sách không liên quan đến thay đổi tổ chức bộ máy nhà nước hiện hành. Việc sửa đổi, bổ sung các quy định về hệ thống danh hiệu thi đua theo hướng bổ sung và ghi nhận một số danh hiệu thi đua đối với tập thể phù hợp với tổ chức bộ máy hiện hành, đảm bảo tính khả thi trong việc tuân thủ của tổ chức bộ máy nhà nước khi các nội dung chính sách này được quy phạm hóa.

- Tác động đến các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013: Chính sách bổ sung thêm một số danh hiệu thi đua đối với tập thể bảo đảm phù hợp với "Quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa" (Điều 41 của Hiến pháp năm 2013), thúc đẩy tinh thần của Quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó. (Điều 40 Hiến pháp năm 2013).

- Tính tương thích với hệ thống pháp luật: Các văn bản quy phạm pháp luật cần rà soát:

+ Theo chủ trưởng xây dựng pháp luật hiện hành, các văn bản quy phạm pháp luật không quy định về tổ chức bộ máy, thi đua khen thưởng và kỷ luật. Do đó, nội dung chính sách đề xuất trong Luật Thi đua – Khen thưởng là luật chuyên ngành, không mâu thuẫn với các quy định pháp luật khác về thi đua.

- Về bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức ở góc độ kinh tế: Chính sách đề xuất liên quan đến 02 nhóm đối tượng là (1) các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong xét duyệt, trao tặng danh hiệu thi đua và (ii) các cơ quan, đơn vị đề nghị danh hiệu thi đua *(Xem thêm phần đánh giá tác động kinh tế ở phía trên.)*

1.4.3. Giải pháp 3: tương tự như giải pháp 2, nhưng điều chỉnh quy định tiêu chuẩn cho các danh hiệu thi đua theo hướng Luật chỉ quy định tiêu chuẩn đối với danh hiệu thi đua cấp nhà nước theo hướng cụ thể hơn, mang tính định lượng hơn; còn lại chỉ quy định các nguyên tắc chung để các bộ, ngành, địa

phương tự xác định đối tượng, tiêu chuẩn của các danh hiệu thi đua của bộ, ngành, địa phương.

* Tác động về kinh tế:

Tác động kinh tế của Giải pháp chính sách này tương tự như tác động kinh tế của Giải pháp chính sách 2. Tuy nhiên, với đề xuất phân cấp thẩm quyền quy định về đối tượng, tiêu chuẩn của danh hiệu thi đua theo 02 hướng (i) danh hiệu thi đua cấp Nhà nước sẽ do Luật quy định, và (ii) danh hiệu thi đua của bộ, ngành, địa phương sẽ do các bộ, ngành, địa phương căn cứ theo những nguyên tắc chung của luật định. Việc phân cấp về mặt thẩm quyền như trên sẽ làm phát sinh chi phí cho hoạt động soạn thảo các văn bản hướng dẫn về đối tượng, tiêu chuẩn của các danh hiệu thi đua cấp cơ sở. Giả định 22 bộ và cơ quan ngang bộ sẽ cần 22 thông tư quy định chi tiết về danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và 63 tỉnh thành sẽ cần 63 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân hoặc Quyết định của UBND cấp tỉnh hướng dẫn về hoạt động thi đua, khen thưởng của địa phương. Như vậy, với định mức kinh phí tối đa[5] cho việc xây dựng 01 thông tư hướng dẫn của bộ và cơ quan ngang bộ là 30.000.000 đồng/thông tư và cho 01 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân/Quyết định của UBND cấp tỉnh là 10.000.000 đồng/văn bản, thì để thực hiện Giải pháp chính sách 3, mức kinh phí dự kiến tăng thêm so với Giải pháp 2 cho việc soạn thảo các văn bản hướng dẫn là **1.290.000.000 đồng**.

* Tác động về xã hội:

Tác động xã hội của Giải pháp chính sách này giống như tác động kinh tế của Giải pháp chính sách 2 và sẽ phát sinh thêm công việc, mất thêm thời gian cho các hoạt động soạn thảo các văn bản hướng dẫn về đối tượng, tiêu chuẩn của các danh hiệu thi đua cấp cơ sở ở 22 bộ và cơ quan ngang bộ sẽ cần 22 thông tư quy định chi tiết về danh hiệu thi đua - hình thức khen thưởng và 63 tỉnh thành sẽ cần 63 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân hoặc Quyết định của UBND cấp tỉnh hướng dẫn về hoạt động thi đua, khen thưởng của địa phương.

Việc phân cấp thẩm quyền trong việc quy định đối tượng, tiêu chuẩn của các danh hiệu thi đua nên các đối tượng và tiêu chuẩn thi đua sẽ phù hợp với đặc thù của từng Bộ ngành và địa phương hơn, khích lệ kịp thời trong công tác khen thưởng và tạo ra sự bình đẳng trong xã hội. Tuy nhiên do sự phân cấp đặc thù theo Bộ ngành, địa phương nên cũng có thể xảy ra thiếu công bằng khi khen thưởng nếu hệ thống thi đua khen thưởng của các cơ quan bộ, ngành và địa phương thiếu minh bạch hoặc không xây dựng được các tiêu chí cụ thể.

* Tác động về giới: Không có tác động phát sinh về giới so với Giải pháp chính sách 2.

[5] Thông tư 338/2016/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, Điều 5

* Tác động về thủ tục hành chính:

Tác động tương tự như Giải pháp chính sách 2.Ngoài ra, theo Giải pháp chính sách 3, do có phân cấp thẩm quyền trong việc quy định đối tượng, tiêu chuẩn của các danh hiệu thi đua nên các đối tượng và tiêu chuẩn thi đua dự kiến sẽ phù hợp với đặc thù của từng địa phương hơn. Việc quy định hợp lý về đối tượng và tiêu chuẩn thi đua đồng nghĩa với việc các cấu phần của TTHC là đối tượng thực hiện và điều kiện thực hiện cũng sẽ phù hợp và khả thi hơn, từ đó đảm bảo việc thực hiện và giải quyết TTHC minh bạch và nhanh chóng hơn. Tuy nhiên, tính khả thi của Giải pháp chính sách 3 cũng phụ thuộc nhiều vào trình độ soạn thảo các văn bản pháp luật của hệ thống cơ quan bộ, ngành và địa phương.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Tác động tương tự như đối với giải pháp chính sách 2.

- Có thể dẫn đến việc hệ thống các quy định về tiêu chuẩn cho các danh hiệu thi đua được quy định trong rất nhiều văn bản từ trung ương đến địa phương, do đó, có thể dẫn đến sự mâu thuẫn giữa các tiêu chuẩn do các bộ, ngành, địa phương ban hành.

- Có thể dẫn đến tình trạng quy định về tiêu chuẩn không đảm bảo sự "công bằng" giữa các bộ, ngành, địa phương về cùng một danh hiệu thi đua.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Giải pháp 3 và thẩm quyền ban hành chính sách là Quốc hội.

2. Chính sách 2: Hoàn thiện hệ thống hình thức khen thưởng

2.1. ***Xác định vấn đề bất cập***

Một số hình thức khen thưởng chưa được quy định cụ thể về đối tượng, tiêu chuẩn (ví dụ như đối với các Huân chương bậc cao như Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, Huân chương Quân công...). Bên cạnh đó, một số hình thức khen thưởng đã có trên thực tế nhưng chưa có quy định ghi nhận trong Luật Thi đua, khen thưởng, như: Bằng khen của tổng cục thuộc bộ.

Luật hiện hành quy định nhiều hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (hiện có 26 hình thức khen thưởng với 42 cấp độ khen thưởng). Hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước gồm: Huân chương 10 loại, Huy chương 04 loại, Danh hiệu vinh dự Nhà nước 08 loại và 02 loại giải thưởng. Hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ bao gồm: Cờ thi đua của Chính phủ, danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc", Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và các hình thức khác thuộc thẩm quyền của các cấp, các ngành....). Trên thực tế từ khi thực hiện Luật đến nay tỷ lệ khen thưởng cấp Nhà nước chưa cân đối trong từng lĩnh vực. Thực tiễn phát sinh những trường hợp xứng đáng được vinh danh và khen thưởng nhưng chưa có hình thức khen thưởng phù hợp theo Luật hiện hành, cụ thể:

- Hiện nay trong xã hội có rất nhiều cá nhân có tấm lòng cao quý, sẵn sàng giúp đỡ những số phận kém may mắn gặp hoàn cảnh khó khăn, đem lại cuộc sống ấm no hạnh phúc cho nhiều người. Tuy nhiên, chưa có hình thức khen thưởng phù hợp cho đối tượng là các cá nhân/tổ chức có thành tích trong công tác xã hội, từ thiện nêu trên.

- Hiện nay chưa có hình thức khen thưởng phù hợp được ghi nhận trong Luật với đối tượng là Thanh niên xung phong có thành tích trong thời kỳ kháng chiến, chống Mỹ, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nam, nữ thanh niên nhập ngũ, Thanh niên xung phong đó tập trung phục vụ trực tiếp trên các chiến trường, các địa bàn khó khăn, gian khổ, vùng có chiến sự ác liệt để làm các nhiệm vụ mở đường, đảm bảo giao thông, phục vụ chiến đấu, tham gia chiến đấu, tháo gỡ bom mìn; cõng thương binh, tử sỹ, vận chuyển vũ khí, đạn dược, lương thực, thu dọn chiến trường. Đến nay theo số liệu của Trung ương Hội Thanh niên xung phong Việt Nam thì còn khoảng 70 vạn trường hợp khi hoàn thành nhiệm vụ hoặc chiến tranh kết thúc xuất ngũ trở về địa phương đến nay chưa được khen thưởng. Thực tiễn phát sinh những trường hợp xứng đáng được vinh danh và khen thưởng nhưng chưa có hình thức khen thưởng phù hợp theo Luật hiện hành.

- Với nhóm đối tượng là Đại biểu Quốc hội chuyên trách, hoạt động của nhóm đối tượng này là theo nhiệm kỳ, tương đối đặc thù so với các nhóm đối tượng khác. Tuy nhiên, chưa có các quy định tiêu chuẩn khen thưởng riêng phù hợp với nhóm đối tượng này.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW của Bộ Chính trị "Về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng", Thông kết luận của Ban Bí thư tại Công văn số 3257/CV-VPTW ngày 07/02/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng đồng thời khắc phục những bất cập hạn chế của Luật Thi đua, Khen thưởng hiện hành.

- Hoàn thiện quy định của pháp luật về hệ thống các hình thức khen thưởng, đồng thời, thực hiện phân cấp cho bộ, ngành, địa phương trong quy định về hình thức khen thưởng cho phù hợp.

2.3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

2.3.1. Giải pháp 1: *Giữ nguyên hiện trạng*

Hệ thống hình thức khen thưởng chia thành 07 hình thức, bao gồm: (i) Huân chương, (ii) Huy chương, (iii) Danh hiệu vinh dự Nhà nước, (iv) Giải thưởng Hồ Chí Minh - Giải thưởng Nhà nước, (v) Kỷ niệm chương, Huy hiệu, (vi) Bằng khen và (vii) Giấy khen. Các loại hình khen thưởng, gồm: Khen thưởng qua tổng kết thành tích các giai đoạn cách mạng; khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được; khen thưởng quá trình cống hiến và khen thưởng đối ngoại.

2.3.2. Giải pháp 2: Nghiên cứu sửa đổi một số hình thức khen thưởng, đồng thời bổ sung và ghi nhận một số hình thức khen thưởng cho các đối tượng đặc thù, cụ thể:

- Bổ sung một số hình thức khen gồm:

+ Bổ sung hình thức *"Huân chương Tấm lòng vàng"* hoặc "*Huân chương Vì cộng đồng*" để tặng cho cá nhân, tổ chức có thành tích trong công tác xã hội, từ thiện.

+ Bổ sung hình thức "*Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang*" để tặng cho đối tượng là Thanh niên xung phong tham gia kháng chiến.

+ Bổ sung hình thức, thẩm quyền cấp tổng cục và tương đương, Đại học Quốc gia; Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập được tặng Bằng khen và tiêu chuẩn cụ thể giao cho bộ, ngành quản lý quy định.

- Bổ sung quy định tiêu chuẩn khen thưởng các loại huân chương, huy chương cho tập thể, cá nhân người nước ngoài.

- Bổ sung tiêu chuẩn khen thưởng phù hợp đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách.

2.3.3. Giải pháp 3: Tương tự như giải pháp chính sách 2, đồng thời sửa đổi tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng cấp nhà nước theo hướng: Quy định cụ thể về tên gọi, đối tượng, tiêu chuẩn của các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên); còn lại chỉ quy định các nguyên tắc chung để các bộ, ngành, địa phương tự xác định đối tượng, tiêu chuẩn của các hình thức khen thưởng của bộ, ngành, địa phương.

2.4. Đánh giá tác động của giải pháp

2.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng

* Tác động kinh tế

• *Tác động tới mức chi về cơ sở vật chất, trang thiết bị, vật tư để thực hiện giải pháp*

Hệ thống khen thưởng hiện hành đang quy định có 07 hình thức khen thưởng chính bao gồm: (i) Huân chương, (ii) Huy chương, (iii) Danh hiệu vinh dự Nhà nước, (iv) Giải thưởng Hồ Chí Minh - Giải thưởng Nhà nước, (v) Kỷ niệm chương, Huy hiệu, (vi) Bằng khen và (vii) Giấy khen.

Với mỗi hình thức khen thưởng nói trên, khi tiến hành trao thưởng, bên cạnh kinh phí tổ chức trao thưởng trung bình là 50.000.000 đồng cho 01 lần tổ chức, Nhà nước còn phải chi thêm kinh phí cho việc in ấn bằng khen hoặc làm huân chương, huy chương; chi phí dành cho việc khen thưởng trực tiếp và chi phí tuân thủ của cơ quan Nhà nước trong việc giải quyết TTHC. Ngoài ra, với các đối tượng thực hiện (bao gồm: cá nhân, tổ chức và các đối tượng khác), chi

phí tuân thủ trong việc thực hiện TTHC cũng cần được tính toán thêm để đảm bảo tính toàn diện của tác động kinh tế. Hiện nay, tác động kinh tế của phương án này được ước tính là tương đối lớn, nội dung này sẽ được phân tích chi tiết theo các bảng tính toán số liệu dưới đây.

Bảng 7. Chi phí trang thiết bị, vật tư trung bình để trao tặng một số hình thức khen thưởng theo quy định pháp luật hiện hành

STT	**Đơn giá chi** *(đồng/sản phẩm)*	**Số lượng đối tượng trung bình được trao danh hiệu thi đua trong 01 năm** *(đối tượng)*	**Mức chi tổng cộng trung bình trong 01 năm** *(đồng/năm)*
Huân chương Sao vàng			
1.	**1. Chi phí làm bằng khen:** - In bằng khen: 20.000 đồng/sản phẩm. - Đóng khung bằng khen: 30.000 đồng/sản phẩm. **2. Chi phí làm huân chương:** 300.000 đồng/sản phẩm.	10	**1. Chi phí làm bằng khen trung bình một năm** là (20.000 + 30.000) x 10 = 500.000 đồng/năm **2. Chi phí làm huân chương trung bình** một năm là 300.000 x 10 = 3.000.000 đồng/năm **3. Tổng chi phí in ấn/ làm hiện vật trung bình** một năm là 3.500.000 đồng/năm
Huân chương Hồ Chí Minh			
2.	**1. Chi phí làm bằng khen:** - In bằng khen: 20.000 đồng/sản phẩm. - Đóng khung bằng khen: 30.000 đồng/sản phẩm. **2. Chi phí làm huân chương:** 300.000 đồng/sản phẩm.	30	**1.Chi phí làm bằng khen trung bình một năm** là (20.000 + 30.000) x 30 = 1.500.000 đồng/năm **2. Chi phí làm huân chương trung bình một năm** là 300.000 x 30 = 9.000.000 đồng/năm **3. Tổng chi phí in ấn/ làm hiện vật trung bình một năm** là 10.500.000 đồng/năm.
Huân chương Độc lập			
3.	**1. Chi phí làm bằng khen:** - In bằng khen: 20.000 đồng/sản phẩm. - Đóng khung bằng khen: 30.000 đồng/sản phẩm. **2. Chi phí làm huân chương:** 300.000 đồng/trường hợp.	466	**1.Chi phí làm bằng khen trung bình một năm** là (20.000 + 30.000) x 466 = 23.300.000 đồng/năm **2. Chi phí làm huân chương trung bình một năm** là 300.000 x 466 = 139.800.000 đồng/năm **3. Tổng chi phí in ấn/ làm hiện vật trung bình một năm** là 163.100.000 đồng/năm.
Huân chương Lao động			

STT	Đơn giá chi *(đồng/sản phẩm)*	Số lượng đối tượng trung bình được trao danh hiệu thi đua trong 01 năm *(đối tượng)*	Mức chi tổng cộng trung bình trong 01 năm *(đồng/năm)*
4.	**1. Chi phí làm bằng khen:** - In bằng khen: 20.000 đồng/sản phẩm. - Đóng khung bằng khen: 30.000 đồng/sản phẩm. **2. Chi phí làm huân chương:** 300.000 đồng/trường hợp.	5.526	**1.Chi phí làm bằng khen trung bình một năm** là (20.000 + 30.000) x 5.526 = 276.300.000 đồng/năm **2. Chi phí làm huân chương trung bình một năm** là 300.000 x 5.526 = 1.657.800.000 đồng/năm **3. Tổng chi phí in ấn/ làm hiện vật trung bình một năm** là 1.934.100.000 đồng/năm.
Huân chương Quân công			
5.	**1. Chi phí làm bằng khen:** - In bằng khen: 20.000 đồng/sản phẩm. - Đóng khung bằng khen: 30.000 đồng/sản phẩm. **2. Chi phí làm huân chương:** 300.000 đồng/trường hợp.	62	**1.Chi phí làm bằng khen trung bình một năm** là (20.000 + 30.000) x 62 = 3.100.000 đồng/năm **2. Chi phí làm huân chương trung bình một năm** là 300.000 x 62 = 18.600.000 đồng/năm **3. Tổng chi phí in ấn/ làm hiện vật trung bình một năm** là 21.700.000 đồng/năm.
Huân chương Chiến công			
6.	**1. Chi phí làm bằng khen:** - In bằng khen: 20.000 đồng/sản phẩm. - Đóng khung bằng khen: 30.000 đồng/sản phẩm. **2. Chi phí làm huân chương:** 300.000 đồng/trường hợp.	7.074	**1.Chi phí làm bằng khen trung bình một năm** là (20.000 + 30.000) x 7.074 = 353.700.000 đồng/năm **2. Chi phí làm huân chương trung bình một năm** là 300.000 x 7.074 = 2.122.200.000 đồng/năm **3. Tổng chi phí in ấn/ làm hiện vật trung bình một năm** là 2.475.900.000 đồng/năm.
Huân chương Bảo vệ Tổ quốc			
7.	**1. Chi phí làm bằng khen:** - In bằng khen: 20.000 đồng/sản phẩm. - Đóng khung bằng khen: 30.000 đồng/sản phẩm. **2. Chi phí làm huân chương:** 300.000 đồng/trường hợp.	2.059	**1.Chi phí làm bằng khen trung bình một năm** là (20.000 + 30.000) x 2.059 = 102.950.000 đồng/năm **2. Chi phí làm huân chương trung bình một năm** là 300.000 x 2.059 = 617.700.000 đồng/năm **3. Tổng chi phí in ấn/ làm hiện vật trung bình một năm** là 720.650.000 đồng/năm.
Huân chương Đại đoàn kết dân tộc			

STT	Đơn giá chi *(đồng/sản phẩm)*	Số lượng đối tượng trung bình được trao danh hiệu thi đua trong 01 năm *(đối tượng)*	Mức chi tổng cộng trung bình trong 01 năm *(đồng/năm)*
8.	**1. Chi phí làm bằng khen:** - In bằng khen: 20.000 đồng/sản phẩm. - Đóng khung bằng khen: 30.000 đồng/sản phẩm. **2. Chi phí làm huân chương:** 300.000 đồng/trường hợp.	54	**1.Chi phí làm bằng khen trung bình một năm** là (20.000 + 30.000) x 54 = 2.700.000 đồng/năm **2. Chi phí làm huân chương trung bình một năm** là 300.000 x 54 = 16.200.000 đồng/năm **3. Tổng chi phí in ấn/ làm hiện vật trung bình một năm** là 18.900.000 đồng/năm.
Huân chương Dũng cảm			
9.	**1. Chi phí làm bằng khen:** - In bằng khen: 20.000 đồng/sản phẩm. - Đóng khung bằng khen: 30.000 đồng/sản phẩm. **2. Chi phí làm huân chương:** 300.000 đồng/trường hợp.	6	**1.Chi phí làm bằng khen trung bình một năm** là (20.000 + 30.000) x 6 = 300.000 đồng/năm **2. Chi phí làm huân chương trung bình một năm** là 300.000 x 6 = 1.800.000 đồng/năm **3. Tổng chi phí in ấn/ làm hiện vật trung bình một năm** là 2.100.000 đồng/năm.
Huân chương Hữu nghị			
10.	**1. Chi phí làm bằng khen:** - In bằng khen: 20.000 đồng/sản phẩm. - Đóng khung bằng khen: 30.000 đồng/sản phẩm. **2. Chi phí làm huân chương:** 300.000 đồng/trường hợp.	138	**1.Chi phí làm bằng khen trung bình một năm** là (20.000 + 30.000) x 138 = 6.900.000 đồng/năm **2. Chi phí làm huân chương trung bình một năm** là 300.000 x 138 = 41.400.000 đồng/năm. **3. Tổng chi phí in ấn/ làm hiện vật trung bình một năm** là 48.300.000 đồng/năm.
Huy chương Quân kỳ quyết thắng			
11.	**1. Chi phí làm bằng khen:** - In bằng khen: 20.000 đồng/sản phẩm. - Đóng khung bằng khen: 30.000 đồng/sản phẩm. **2. Chi phí làm huy chương:** 270.000 đồng/trường hợp.	10.371	**1.Chi phí làm bằng khen trung bình một năm** là (20.000 + 30.000) x 10.371 = 518.550.000 đồng/năm **2. Chi phí làm huy chương trung bình một năm** là 270.000 x 10.371 = 2.800.170.000 đồng/năm. **3. Tổng chi phí in ấn/ làm hiện vật trung bình một năm** là 3.318.720.000 đồng/năm.
Huy chương Vì an ninh Tổ quốc			

STT	Đơn giá chi *(đồng/sản phẩm)*	Số lượng đối tượng trung bình được trao danh hiệu thi đua trong 01 năm *(đối tượng)*	Mức chi tổng cộng trung bình trong 01 năm *(đồng/năm)*
12.	**1. Chi phí làm bằng khen:** - In bằng khen: 20.000 đồng/sản phẩm. - Đóng khung bằng khen: 30.000 đồng/sản phẩm. **2. Chi phí làm huy chương:** 270.000 đồng/trường hợp.	5.288	**1.Chi phí làm bằng khen trung bình một năm** là (20.000 + 30.000) x 5.288 = 264.400.000 đồng/năm **2. Chi phí làm huy chương trung bình một năm** là 270.000 x 5.288 = 1.427.760.000 đồng/năm. **3. Tổng chi phí in ấn/ làm hiện vật trung bình một năm** là 1.692.160.000 đồng/năm.
Huy chương Chiến sỹ vẻ vang			
13.	**1. Chi phí làm bằng khen:** - In bằng khen: 20.000 đồng/sản phẩm. - Đóng khung bằng khen: 30.000 đồng/sản phẩm. **2. Chi phí làm huy chương:** 270.000 đồng/trường hợp.	97.109	**1.Chi phí làm bằng khen trung bình một năm** là (20.000 + 30.000) x 97.109 = 4.855.450.000 đồng/năm **2. Chi phí làm huy chương trung bình một năm** là 270.000 x 97.109 = 26.219.430.000 đồng/năm. **3. Tổng chi phí in ấn/ làm hiện vật trung bình một năm** là 31.074.880.000 đồng/năm.
Huy chương Hữu nghị			
14.	**1. Chi phí làm bằng khen:** - In bằng khen: 20.000 đồng/sản phẩm. - Đóng khung bằng khen: 30.000 đồng/sản phẩm. **2. Chi phí làm huy chương:** 270.000 đồng/trường hợp.	119	**1.Chi phí làm bằng khen trung bình một năm** là (20.000 + 30.000) x 119 = 5.950.000 đồng/năm **2. Chi phí làm huy chương trung bình một năm** là 270.000 x 119 = 32.130.000 đồng/năm. **3. Tổng chi phí in ấn/ làm hiện vật trung bình một năm** là 38.080.000 đồng/năm.
Danh hiệu vinh dự - Bà mẹ Việt Nam Anh hùng			
15.	**1. Chi phí làm bằng khen:** - In bằng khen: 20.000 đồng/sản phẩm. - Đóng khung bằng khen: 30.000 đồng/sản phẩm. **2. Chi phí làm huy hiệu:** 40.000 đồng/sản phẩm.	6.271	**1. Chi phí làm bằng khen trung bình một năm:** (20.000 +30.000) x 6.271 = 313.550.000 đồng/năm. **2. Chi phí làm huy hiệu trung bình một năm:** 40.000 x 6.271 = 250.840.000 đồng/năm **3. Tổng chi phí in ấn/ làm hiện vật trung bình một năm** là 564.390.000 đồng/năm.
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (cá nhân và tập thể)			

STT	Đơn giá chi *(đồng/sản phẩm)*	Số lượng đối tượng trung bình được trao danh hiệu thi đua trong 01 năm *(đối tượng)*	Mức chi tổng cộng trung bình trong 01 năm *(đồng/năm)*
16.	**Chi phí làm bằng khen:** - In bằng khen: 20.000 đồng/sản phẩm. - Đóng khung bằng khen: 30.000 đồng/sản phẩm.	12.438	**Chi phí làm bằng khen trung bình một năm:** (20.000 +30.000) x 12.438 = 621.900.000 đồng/năm.
Tổng chi phí in ấn, làm hiện vật trung bình/năm của Giải pháp chính sách 1			**42.681.880.000đồng/năm**

• Như vậy, có thể thấy rằng, theo Giải pháp chính sách 1 thì trung bình 01 năm, chỉ tính riêng chi phí trang thiết bị, vật tư mà Nhà nước phải chi để trao tặng cho một số hình thức khen thưởng cũng đã tương đối lớn (**42.681.880.000 đồng/năm).** Ngoài các chi phí nêu trên, đối với một số hình thức khen thưởng (Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, Nhà giáo ưu tú, Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước) sẽ xét và tặng thưởng theo định kỳ 03 hoặc 05 năm/lần, thì Nhà nước cần chi thêm một khoản để chi phí trang thiết bị, vật tư đối với các hình thức nêu trên.

• *Tác động tới các khoản chi trả trực tiếp của Nhà nước cho các hình thức khen thưởng*

Bên cạnh những chi phí liên quan đến in ấn hiện vật, làm huy chương, huân chương,... Nhà nước còn phải chi các khoản tiền thưởng trực tiếp cho các hình thức khen thưởng. Các khoản tiền thưởng trực tiếp này sẽ được tính toán trên cơ sở mức lương cơ sở (1.490.000 đồng). Bên cạnh khoản tiền thưởng trực tiếp từ Nhà nước, một số đối tượng nhận khen thưởng còn được hưởng các ưu đãi khác mang tính chất hỗ trợ về mặt kinh tế và động viên về mặt tinh thần như các hình thức khen thưởng bao gồm: Huy hiệu Vì nghĩa vụ quốc tế; các Danh hiệu vinh dự bao gồm: Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (cá nhân), Anh hùng Lao động (cá nhân), Nhà giáo ưu tú, Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước.

Bảng 8. Tổng hợp các khoản chi trả trực tiếp của Nhà nước cho một số hình thức khen thưởng

STT	Đơn giá khen thưởng trực tiếp *(đồng)*	Mức khen thưởng trực tiếp	Số lượng đối tượng trung bình được trao danh hiệu thi đua trong 01 năm *(đối tượng)*	Mức chi tổng cộng trung bình trong 01 năm *(đồng/năm)*
1.	*Huân chương Đại đoàn kết dân tộc*			
	Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng	Khoản khen thưởng trực tiếp bằng 7,5 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân tức là: 7,5 x 1.490.000 = 11.175.000 đồng	54	Chi phí khen thưởng trung bình một năm là 54 x 11.175.000 = 603.450.000 đồng/ năm
2.	*Huân chương Dũng cảm*			
	Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng	Khoản khen thưởng trực tiếp bằng 4,5 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân tức là: 4,5 x 1.490.000 = 6.705.000 đồng	06	Chi phí khen thưởng trung bình một năm là 6 x 6.705.000 = 40.230.000 đồng/ năm
3.	*Huy chương Quân kỳ quyết thắng*			
	Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng	Khoản khen thưởng trực tiếp bằng 1,5 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân tức là: 1,5 x 1.490.000 = 2.235.000 đồng	10.371	Chi phí khen thưởng trung bình một năm là 10.371 x 2.235.000 = 23.179.185.000 đồng/ năm
4	*Huy chương Vì an ninh Tổ quốc*			
	Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng	Khoản khen thưởng trực tiếp bằng 1,5 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân tức là: 1,5 x 1.490.000 = 2.235.000 đồng	5.288	Chi phí khen thưởng trung bình một năm là 5.288 x 2.235.000 = 11.818.680.000 đồng/ năm
5.	*Huy chương Chiến sỹ vẻ vang*			
	Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng	Khoản khen thưởng trực tiếp bằng 1,5 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân tức là: 1,5 x 1.490.000 = 2.235.000 đồng	97.109	Chi phí khen thưởng trung bình một năm 97.109 x 2.235.000 = 217.038.615.000 đồng/ năm

STT	Đơn giá khen thưởng trực tiếp *(đồng)*	Mức khen thưởng trực tiếp	Số lượng đối tượng trung bình được trao danh hiệu thi đua trong 01 năm *(đối tượng)*	Mức chi tổng cộng trung bình trong 01 năm *(đồng/năm)*
6.	*Huy chương Hữu nghị*			
	Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng	Khoản khen thưởng trực tiếp bằng 1,5 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân tức là: 1,5 x 1.490.000 = 2.235.000 đồng	119	Chi phí khen thưởng trung bình một năm là 119 x 2.235.000 = 265.965.000 đồng/ năm
7.	*Danh hiệu vinh dự - Bà mẹ Việt Nam Anh hùng*			
	Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng	Khoản khen thưởng trực tiếp bằng 15,5 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân tức là: 15,5 x 1.490.000 = 23.095.000 đồng	6.271	Chi phí khen thưởng trung bình một năm là 6.271 x 23.095.000 = 144.828.745.000 đồng/ năm
8.	*Danh hiệu vinh dự - Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (cá nhân)*			
	Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng	Khoản khen thưởng trực tiếp bằng 15,5 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân tức là: 15,5 x 1.490.000 = 23.095.000 đồng	70	Chi phí khen thưởng trung bình một năm là 70 x 23.095.000 = 1.616.650.000 đồng/ năm
9.	*Danh hiệu vinh dự - Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (tập thể)*			
	Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng	Khoản khen thưởng trực tiếp bằng 31 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân tức là: 31 x 1.490.000 = 46.190.000 đồng	125	Chi phí khen thưởng trung bình một năm là 125 x 46.190.000 = 5.773.750.000 đồng/ năm
10.	*Danh hiệu vinh dự - Anh hùng lao động (cá nhân)*			
	Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng	Khoản khen thưởng trực tiếp bằng 15,5 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân tức là: 15,5 x 1.490.000 = 23.095.000 đồng	09	Chi phí khen thưởng trung bình một năm là 9 x 23.095.000 = 207.855.000 đồng/ năm
11.	*Danh hiệu vinh dự - Anh hùng Lao động (tập thể)*			

STT	Đơn giá khen thưởng trực tiếp *(đồng)*	Mức khen thưởng trực tiếp	Số lượng đối tượng trung bình được trao danh hiệu thi đua trong 01 năm *(đối tượng)*	Mức chi tổng cộng trung bình trong 01 năm *(đồng/năm)*
	Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng	Khoản khen thưởng trực tiếp bằng 31 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân tức là: 31 x 1.490.000 = 46.190.000 đồng	28	Chi phí khen thưởng trung bình một năm là 28 x 46.190.000 = 1.293.320.000 đồng/ năm
12.	*Danh hiệu vinh dự - Nhà giáo nhân dân*			
	Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng	Khoản khen thưởng trực tiếp bằng 12,5 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân tức là: 12,5 x 1.490.000 = 18.625.000 đồng	27	Chi phí khen thưởng trung bình một năm là 27 x 18.625.000 = 502.875.000 đồng/ năm
13.	*Danh hiệu vinh dự - Nhà giáo ưu tú*			
	Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng	Khoản khen thưởng trực tiếp bằng 9,0 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân tức là: 9 x 1.490.000 = 13.410.000 đồng	259	Chi phí khen thưởng trung bình một năm là 259 x 13.410.000 = 3.473.190.000 đồng/ năm
14.	*Danh hiệu vinh dự - Thầy thuốc nhân dân*			
	Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng	Khoản khen thưởng trực tiếp bằng 12,5 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân tức là: 12,5 x 1.490.000 = 18.625.000 đồng	26	Chi phí khen thưởng trung bình một năm là 26 x 18.625.000 = 484.250.000 đồng/ năm
15.	*Danh hiệu vinh dự - Thầy thuốc ưu tú*			
	Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng	Khoản khen thưởng trực tiếp bằng 9,0 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân tức là: 9 x 1.490.000 = 13.410.000 đồng	405	Chi phí khen thưởng trung bình một năm là 405 x 13.410.000 = 5.431.050.000 đồng/ năm
16.	*Danh hiệu vinh dự - Nghệ sĩ nhân dân*			
	Mức lương cơ	Khoản khen thưởng trực	15	Chi phí khen thưởng trung

STT	Đơn giá khen thưởng trực tiếp *(đồng)*	Mức khen thưởng trực tiếp	Số lượng đối tượng trung bình được trao danh hiệu thi đua trong 01 năm *(đối tượng)*	Mức chi tổng cộng trung bình trong 01 năm *(đồng/năm)*
	sở: 1.490.000 đồng	tiếp bằng 12,5 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân tức là: 12,5 x 1.490.000 = 18.625.000 đồng		bình một năm là 15 x 18.625.000 = 279.375.000 đồng/ năm
17.	*Danh hiệu vinh dự - Nghệ sĩ ưu tú*			
	Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng	Khoản khen thưởng trực tiếp bằng 9,0 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân tức là: 9 x 1.490.000 = 13.410.000 đồng	77	Chi phí khen thưởng trung bình một năm là 77 x 13.410.000 = 1.032.570.000 đồng/ năm
18.	*Danh hiệu vinh dự - Nghệ nhân nhân dân*			
	Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng	Khoản khen thưởng trực tiếp bằng 12,5 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân tức là: 12,5 x 1.490.000 = 18.625.000 đồng	01	Chi phí khen thưởng trung bình một năm là 01 x 18.625.000 = 18.625.000 đồng/ năm
19.	*Danh hiệu vinh dự - Nghệ nhân ưu tú*			
	Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng	Khoản khen thưởng trực tiếp bằng 9,0 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân tức là: 9 x 1.490.000 = 13.410.000 đồng	56	Chi phí khen thưởng trung bình một năm là 56 x 13.410.000 = 750.960.000 đồng/ năm
20	*Giải thưởng Hồ Chí Minh*			
	Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng	Khoản khen thưởng trực tiếp bằng 270,0 lần mức lương cơ sở đối với cá nhân tức là: 270 x 1.490.000 = 402.300.000 đồng	25	Chi phí khen thưởng trung bình một năm là 25 x 402.300.000 = 10.057.500.000 đồng/ năm
21.	*Giải thưởng Nhà nước*			
	Mức lương cơ sở: 1.490.000	Khoản khen thưởng trực tiếp bằng 170,0 lần mức	42	Chi phí khen thưởng trung bình một năm là 42 x

STT	Đơn giá khen thưởng trực tiếp *(đồng)*	Mức khen thưởng trực tiếp	Số lượng đối tượng trung bình được trao danh hiệu thi đua trong 01 năm *(đối tượng)*	Mức chi tổng cộng trung bình trong 01 năm *(đồng/năm)*
	đồng	lương cơ sở đối với cá nhân tức là: 170 x 1.490.000 = 253.300.000 đồng		253.300.000 = 10.638.600.000 đồng/ năm
Tổng hợp các khoản chi trả trực tiếp của Nhà nước cho một số hình thức khen thưởng trung bình/năm theo Giải pháp chính sách 1:			**439.335.440.000 đồng/năm**	

Do một số hình thức khen thưởng (Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước) theo quy định chỉ xét và tặng thưởng theo định kỳ 03 hoặc 05 năm/lần. Do vậy, tổng số kinh phí mà Nhà nước phải chi cho các khoản tiền thưởng trực tiếp theo tính toán tại bảng nêu trên chỉ là sự tính toán giả định trong trường hợp tất cả các hình thức khen thưởng nêu trên đều được xét tặng trong 01 năm nhất định. Trên thực tế, tùy theo từng năm thực hiện xét tặng đối với mỗi hình thức khen thưởng này, tổng mức chi phí sẽ thấp hơn so với tính toán tại giả định nêu trên.

Bảng 9. Tổng hợp các khoản trợ cấp và ưu đãi khác dành cho một số hình thức khen thưởng

STT	Tên hình thức khen thưởng	Nội dung ưu đãi
1.	Danh hiệu vinh dự - Bà mẹ Việt Nam Anh hùng	- Được tặng Bằng, Huy hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng", được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng; - Được tổ chức lễ tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"; - Được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng theo mức trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân liệt sĩ và phụ cấp hoặc trợ cấp ưu đãi một lần; - Khi từ trần được tổ chức lễ tang trang trọng; - Kinh phí tổ chức lễ tặng hoặc truy tặng, tổ chức lễ tang do Nhà nước bảo đảm (Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 05 năm 2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng").
2.	Danh hiệu vinh dự - Anh	- Trợ cấp hàng tháng, phụ cấp hàng tháng, trợ cấp một lần

STT	Tên hình thức khen thưởng	Nội dung ưu đãi
	hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (cá nhân)	▪ 1.270.000 đồng: Mức trợ cấp hàng tháng; ▪ 1.515.000 đồng: Mức trợ cấp ưu đãi hàng tháng tại các trường đào tạo, trường phổ thông dân tộc nội trú; ▪ 300.000 đồng: Mức trợ cấp ưu đãi hàng năm với Anh hùng lực lượng vũ trang theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng không hưởng lương hoặc sinh hoạt phí khi đi học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học. ▪ 20 lần mức chuẩn: Mức trợ cấp một lần với Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân được truy tặng. - Nhà nước có chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng có khó khăn về nhà ở và huy động sự tham gia của xã hội, gia đình người có công với cách mạng; - Được ưu tiên trong tuyển sinh, tạo việc làm; được hỗ trợ để theo học tại cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân đến trình độ đại học. - Bảo hiểm y tế; điều dưỡng phục hồi sức khoẻ hai năm một lần; cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình cần thiết; - Ưu tiên giao hoặc thuê đất, mặt nước, mặt nước biển, vay vốn ưu đãi để sản xuất theo quy định của pháp luật; được hỗ trợ về nhà ở quy định tại khoản 4 Điều 4 của Pháp lệnh; khi chết thì người tổ chức mai táng được nhận mai táng phí, thân nhân được hưởng một khoản trợ cấp. * Ưu đãi với gia đình của anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân: - Trợ cấp ưu đãi hàng tháng tại các trường đào tạo, trường phổ thông dân tộc nội trú đối với con của anh hùng Lực lưỡng vũ trang: 1.515.000 đồng: - Mức trợ cấp ưu đãi hàng năm với con của anh hùng lực lượng vũ trang theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng không hưởng lương hoặc sinh hoạt phí khi đi học tại: ▪ Cơ sở giáo dục mầm non: 200.000 đồng; ▪ Cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, trường dự bị đại học, trường năng khiếu, trường lớp dành cho người tàn tật, khuyết tật: 250.000 đồng; ▪ Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, phổ thông dân tộc nội trú: 300.000 đồng. - Miễn học phí với con của Anh hùng lực lưỡng vũ trang nhân dân.
3.	Danh hiệu vinh dự - Anh hùng lao động (cá nhân)	- Trợ cấp hàng tháng với cá nhân đạt danh hiệu Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến: 1.270.000 đồng; - Trợ cấp ưu đãi hàng tháng tại các trường đào tạo, trường phổ thông dân tộc nội trú với đối tượng là Anh hùng lao động thời kỳ kháng chiến: 1.515.000 đồng; - Trợ cấp ưu đãi đối với Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng không hưởng lương hoặc sinh hoạt phí khi đi học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học: 300.000 đồng;

STT	Tên hình thức khen thưởng	Nội dung ưu đãi
		- Trợ cấp ưu đãi một lần với đối tượng là Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995: 20 lần mức chuẩn; - Trợ cấp ưu đãi một lần với đối tượng là Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến được truy tặng: 20 lần mức chuẩn. - Bảo hiểm y tế; điều dưỡng phục hồi sức khoẻ hai năm một lần; cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình cần thiết. - Ưu tiên giao hoặc thuê đất, mặt nước, mặt nước biển, vay vốn ưu đãi để sản xuất theo quy định của pháp luật; được hỗ trợ về nhà ở quy định tại khoản 4 Điều 4 của Pháp lệnh; khi chết thì người tổ chức mai táng được nhận mai táng phí, thân nhân được hưởng một khoản trợ cấp. *** Ưu đãi với con của Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến:** - Trợ cấp ưu đãi hàng năm đối với con của Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng không hưởng lương hoặc sinh hoạt phí khi đi học tại: ▪ Cơ sở giáo dục mầm non: 200.000 đồng; ▪ Cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, trường dự bị đại học, trường năng khiếu, trường lớp dành cho người tàn tật, khuyết tật: 250.000 đồng; ▪ Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, phổ thông dân tộc nội trú: 300.000 đồng. - Miễn học phí với con của Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến (Nghị định 86/2015/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 – 2021 ("Nghị định 86/2015/NĐ-CP"), Điều 7).
4.	Danh hiệu vinh dự - Nhà giáo nhân dân	Được ưu tiên xét nâng bậc lương sớm trước thời hạn, ưu tiên cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật (Nghị định 91/2017/NĐ-CP, Điều 75)
5.	Danh hiệu vinh dự - Nhà giáo ưu tú	Được ưu tiên xét nâng bậc lương sớm trước thời hạn, ưu tiên cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật (Nghị định 91/2017/NĐ-CP, Điều 75)
6.	Danh hiệu vinh dự - Thầy thuốc nhân dân	Được ưu tiên xét nâng bậc lương sớm trước thời hạn, ưu tiên cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
7.	Danh hiệu vinh dự - Thầy thuốc ưu tú	Được ưu tiên xét nâng bậc lương sớm trước thời hạn, ưu tiên cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
8.	Danh hiệu vinh dự - Nghệ sĩ nhân dân	Được ưu tiên xét nâng bậc lương sớm trước thời hạn, ưu tiên cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
9.	Danh hiệu vinh dự - Nghệ sĩ	Được ưu tiên xét nâng bậc lương sớm trước thời hạn, ưu tiên

STT	Tên hình thức khen thưởng	Nội dung ưu đãi
	ưu tú	cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
10.	Danh hiệu vinh dự - Nghệ nhân nhân dân	- Đối với nghệ nhân nhân dân có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn được hưởng trợ cấp sinh hoạt hằng tháng theo quy định của Chính phủ;(Nghị định 62/2014/NĐ-CP, Điều 3) - Được ưu tiên xét nâng bậc lương sớm trước thời hạn, ưu tiên cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật. - Nghệ nhân nhân dân được nhà nước phong tặng thuộc hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người hàng tháng thấp hơn mức lương cơ sở do Chính phủ quy định(Nghị định 109/2015/NĐ-CP về việc trợ cấp sinh hoạt hàng tháng ("Nghị định 109/2015/NĐ-CP"): - Được trợ cấp từ 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng (Nghị định 109/2015/NĐ-CP, Điều 3) - Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn: Cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tổ chức mai táng được nhà nước hỗ trợ chi phí mai táng là 7.000.000 đồng ("Nghị định 109/2015/NĐ-CP", Điều 5) - Hưởng trợ cấp BHYT (Nghị định 109/2015/NĐ-CP, Điều 4): ▪ Được ngân sách nhà nước đóng bảo hiểm y tế với mức đóng như đối với người thuộc hộ gia đình nghèo ▪ Được hưởng bảo hiểm y tế khi khám bệnh, chữa bệnh với mức hưởng như đối với người thuộc hộ gia đình nghèo theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.
11.	Danh hiệu vinh dự - Nghệ nhân ưu tú	- Đối với Nghệ nhân Ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn được hưởng trợ cấp sinh hoạt hằng tháng theo quy định của Chính phủ giống Nghệ nhân Nhân dân (Nghị định 62/2014/NĐ-CP, Điều 3). - Được ưu tiên xét nâng bậc lương sớm trước thời hạn, ưu tiên cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
12.	Giải thưởng Hồ Chí Minh	- Được ưu tiên xét nâng bậc lương sớm trước thời hạn, ưu tiên cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật. (Nghị định 91/2017/NĐ-CP, Điều 75). - Được tham dự Lễ trao giải thưởng (đối với Giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học và công nghệ). - Được hưởng các quyền lợi khác có liên quan đến giải thưởng (đối với Giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học và công nghệ**).**
13.	Giải thưởng nhà Nước	- Được ưu tiên xét nâng bậc lương sớm trước thời hạn, ưu tiên cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật. (Nghị định 91/2017/NĐ-CP, Điều 75) - Được hưởng các quyền lợi khác có liên quan đến giải thưởng.

• *Tác động tới chi phí tuân thủ khi giải quyết TTHC*

Từ phương pháp đo lường chi phí tuân thủ TTHC nói trên, chi phí tuân thủ của cơ quan Nhà nước cho việc giải quyết các TTHC liên quan đến một số hình thức khen thưởng được thể hiện theo các số liệu phân tích giả định tại Bảng dưới đây.

Bảng 10. Tổng hợp chi phí tuân thủ của cơ quan Nhà nước trong việc giải quyết một số TTHC về khen thưởng

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
Huân chương Sao vàng				
1.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	7,6	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
	Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	10	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	(7,6 x 35.000) x 10 = **2.660.000 đồng/năm**	
Huân chương Hồ Chí Minh				
2.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	8,5	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
	Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	30	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	(8,5 x 35.000) x 30 = **8.925.000 đồng/năm**	
Huy chương Quân kỳ Quyết thắng				
3.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	5,3	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
	Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	10.371	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	

	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	5,3 x 35.000 x 10.371 = **1.923.820.500 đồng/năm**	
Huy chương Vì an ninh Tổ quốc				
4.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	5,3	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
	Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	5.288	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000 đồng	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	5,3 x 35.000 x 5.288 = **980.924.000 đồng/năm**	
Huy chương Chiến sĩ vẻ vang				
5.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	5,3	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
	Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	97.109	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000 đồng	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	5,3 x 35.000 x 97.109 = **18.013.719.500 đồng/năm**	
Huân chương Đại đoàn kết dân tộc				
6.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	7,6	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
	Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	54	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	(7,6 x 35.000) x 54 = **14.364.000 đồng/năm**	
Huân chương Dũng cảm				
7.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	**7,6**	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	

	Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	6	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	(7,6 x 35.000) x 6 = **1.596.000 đồng/năm**	
Huân chương Hữu nghị				
8.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	13	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
	Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	138	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	(13 x 35.000) x 138 = **62.790.000 đồng/năm**	
Huy chương Hữu nghị				
9.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	**13**	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
	Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	119	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	(13 x 35.000) x 119 = **54.145.000 đồng/năm**	
Danh hiệu Vinh dự - Bà mẹ Việt Nam Anh hùng				
10.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	**9**	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
	Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	6.271	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	(9 x 35.000) x 6.271 = **1.975.365.000 đồng/năm**	
Danh hiệu vinh dự -Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân				

11.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	11,2	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
	Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	195	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	(11,2 x 35.000) x 195 = **76.440.000 đồng/năm**	
Danh hiệu vinh dự - Anh hùng Lao động				
12.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	11,2	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
	Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	37	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	(11,2 x 35.000) x 37 = **14.504.000 đồng/năm**	
Danh hiệu vinh dự - Nhà giáo nhân dân				
13.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	476	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
	Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	27	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	(476 x 35.000) x 27 = **449.820.000 đồng/năm**	
Danh hiệu vinh dự - Nhà giáo ưu tú				
14.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	430,4	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
	Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	259	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	

	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	(430,4 x 35.000) x 259 = **3.901.576.000 đồng/năm**	
Danh hiệu vinh dự - Thầy thuốc nhân dân				
15.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	223	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
	Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	26	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	(223 x 35.000) x 26 = **202.930.000 đồng/năm**	
Danh hiệu vinh dự - Thầy thuốc ưu tú				
16.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	218	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
	Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	405	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	(218 x 35.000) x 405 = **3.090.150.000 đồng/năm**	
Danh hiệu vinh dự - Nghệ sĩ nhân dân				
17.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	351,5	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
	Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	15	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	(351,5 x 35.000) x 15 = **184.537.500 đồng/năm**	
Danh hiệu vinh dự - Nghệ sĩ ưu tú				
18.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	347,5	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	

	Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	77	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	(347,5 x 35.000) x 15 = **936.512.500 đồng/năm**	
Danh hiệu vinh dự - Nghệ nhân nhân dân				
19.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	421	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
	Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	01	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	(421 x 35.000) x 1 = **14.735.000 đồng/năm**	
Danh hiệu vinh dự - Nghệ nhân ưu tú				
20.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	417	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
	Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	56	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	(417 x 35.000) x 56 = **817.320.000 đồng/năm**	
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ				
21.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	86	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
	Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	12.438	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	(86 x 35.000) x 12.438 = **37.438.380.000 đồng/năm**	
Giải thưởng Hồ Chí Minh				

22.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	580	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
	Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	25	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	(580 x 35.000) x 25 = **507.500.000 đồng/năm**	
Giải thưởng Nhà nước				
23.	Chi phí thời gian để giải quyết 01 TTHC	Giờ	580	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp để giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
	Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Người/năm	42	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	(580 x 35.000) x 42 = **852.600.000 đồng/năm**	
Tổng chi phí trung bình trên 01 năm mà Nhà nước phải chi trả cho việc giải quyết TTHC của các hình thức khen thưởng theo quy định hiện hành			**71.525.314.000 đồng/năm**	

Do một số hình thức khen thưởng (Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước) theo quy định chỉ xét và tặng thưởng theo định kỳ 03 hoặc 05 năm/lần. Do vậy, tổng số chi phí mà Nhà nước phải chi trả cho việc giải quyết TTHC (theo bảng thống kê nêu trên) chỉ là sự tính toán giả định trong trường hợp tất cả các hình thức khen thưởng đều được xét tặng trong 01 năm nhất định. Trên thực tế, tùy theo từng năm thực hiện xét tặng đối với mỗi hình thức khen thưởng này, tổng mức chi phí sẽ thấp hơn so với tính toán tại giả định nêu trên.

Có thể thấy rằng chi phí mà Nhà nước phải chi trả cho việc giải quyết TTHC của các hình thức khen thưởng theo quy định hiện hành là tương đối lớn. Điều này không chỉ tạo ra tác động tiêu cực về khía cạnh kinh tế, mà còn tác động tiêu cực về khía cạnh xã hội bởi khối lượng công việc của các công chức/viên chức Nhà nước khi giải quyết TTHC lớn, dẫn đến hệ quả đời sống xã hội của họ cũng giảm chất lượng.

** Tác động tới chi phí tuân thủ khi thực hiện TTHC*

Bảng 11. Tổng hợp chi phí tuân thủ của các đối tượng trong việc thực hiện một số TTHC về hình thức khen thưởng

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
Huân chương Sao vàng				
1.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	60,5	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp đểthực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	
	Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	10	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(60.5 x 25.000) + 50.000]x 10= **15.625.000 đồng/năm**	
Huân chương Hồ Chí Minh				
2.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	60.4	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp đểthực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	
	Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	30	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(60.4 x 25.000) + 50.000] x 30= **46.800.000 đồng/năm**	
Huân chương Đại đoàn kết dân tộc				
3.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	60,5	
	Chi phí trực tiếp đểthực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	
	Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	54	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(60.5 x 25.000) + 50.000] x 30= **84.375.000 đồng/năm**	
Huân chương Dũng cảm				

4.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	60,4	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp đểthực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	
	Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	6	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(60.4 x 25.000) + 50.000] x 6= **9.360.000 đồng/năm**	
Huân chương Hữu nghị				
5.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	31.3	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp đểthực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	
	Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	138	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(31.3 x 25.000) + 50.000] x 138 = **114.885.000 đồng/năm**	
Huy chương Hữu nghị				
6.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	31.3	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp đểthực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	
	Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	119	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(31.3 x 25.000) + 50.000] x 119 = **99.067.500 đồng/năm**	
Huy chương Quân kỳ quyết thắng				
7.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	1,8	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp đểthực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	
	Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	10.371	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	

	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(1,8 x 25.000) + 50.000] x 10.371 = **985.245.000đồng/năm**	
Huy chương Vì an ninh Tổ quốc				
8.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	1,8	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp đểthực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	
	Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	5.288	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(1,8 x 25.000) + 50.000] x 5.288 = **502.360.000 đồng/năm**	
Huy chương Chiến sĩ vẻ vang				
9.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	1,8	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp đểthực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	
	Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	97.109	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(1,8 x 25.000) + 50.000] x 97.109 = **9.225.355.000đồng/năm**	
Danh hiệu Vinh dự - Bà mẹ Việt Nam Anh hùng				
10.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	12,3	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp đểthực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	
	Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	6.271	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(12.3 x 25.000) + 50.000] x 6.271 = **2.241.882.500 đồng/năm**	
Danh hiệu vinh dự -Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân				
11.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	60	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp đểthực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	

	Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	195	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(60 x 25.000) + 50.000] x 195 = **302.250.000 đồng/năm**	
Danh hiệu vinh dự - Anh hùng Lao động				
12.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	60	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp đểthực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	
	Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	37	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(60 x 25.000) + 50.000] x 37 = **57.350.000 đồng/năm**	
Danh hiệu vinh dự - Nhà giáo nhân dân				
13.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	47	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp đểthực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	
	Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	27	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(47 x 25.000) + 50.000] x 27 = **33.075.000 đồng/năm**	
Danh hiệu vinh dự - Nhà giáo ưu tú				
14.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	47	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp đểthực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	
	Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	259	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(47 x 25.000) + 50.000] x 259 = **317.275.000 đồng/năm**	
Danh hiệu vinh dự - Thầy thuốc nhân dân				

15.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	24,8	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp đểthực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	
	Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	26	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(24,8 x 25.000) + 50.000] x 26 = **17.420.000 đồng/năm**	
Danh hiệu vinh dự - Thầy thuốc ưu tú				
16.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	24,8	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp đểthực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	
	Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	405	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(24,8 x 25.000) + 50.000] x 405 = **271.350.000 đồng/năm**	
Danh hiệu vinh dự - Nghệ sĩ nhân dân				
17.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	26,8	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp đểthực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	
	Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	15	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(26,8 x 25.000) + 50.000] x 15 = **10.800.000 đồng/năm**	
Danh hiệu vinh dự - Nghệ sĩ ưu tú				
18.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	26,8	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp đểthực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	
	Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	77	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	

	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(26,8 x 25.000) + 50.000] x 77 = **55.440.000 đồng/năm**	
Danh hiệu vinh dự - Nghệ nhân nhân dân				
19.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	22	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp đểthực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	
	Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	01	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(22 x 25.000) + 50.000] x 1 = **600.000 đồng/năm**	
Danh hiệu vinh dự - Nghệ nhân ưu tú				
20.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	22	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp đểthực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	
	Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	56	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(22 x 25.000) + 50.000] x 56 = **33.600.000 đồng/năm**	
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ				
21.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	25,7	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp đểthực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	
	Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	12.438	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(25,7 x 25.000) + 50.000] x 12.438 = **8.613.315.000 đồng/năm**	
Giải thưởng Hồ Chí Minh				
22.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	27	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp đểthực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	

	Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	25	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(27 x 25.000) + 50.000] x 25 = **18.125.000 đồng/năm**	
Giải thưởng Nhà nước				
23.	Chi phí thời gian để thực hiện 01 TTHC	Giờ	26,6	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
	Chi phí trực tiếp đểthực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	
	Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm	Người/năm	42	
	Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
	Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(26,6 x 25.000) + 50.000] x 42 = **30.030.000 đồng/năm**	
Tổng chi phí trung bình trên 01 năm mà các đối tượng thực hiện phải bỏ chi trả cho việc thực hiện TTHC về khen thưởng theo quy định hiện hành			**23.085.585.000đồng/năm**	

Do một số hình thức khen thưởng (Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước) theo quy định chỉ xét và tặng thưởng theo định kỳ 03 hoặc 05 năm/lần. Do vậy, tổng số chi phí mà các đối tượng thực hiện phải bỏ ra chi trả cho việc thực hiện TTHC (theo bảng thống kê nêu trên) chỉ là sự tính toán giả định trong trường hợp tất cả các hình thức khen thưởng đều được xét tặng trong 01 năm nhất định. Trên thực tế, tùy theo từng năm thực hiện xét tặng đối với mỗi hình thức khen thưởng này, tổng mức chi phí sẽ thấp hơn so với tính toán giả định nêu trên.

• *Tác động tới các chi phí liên quan đến kinh phí, ngân sách, chi phí của xã hội và những vấn đề phát sinh khác khi tổ chức thực hiện trao tặng khen thưởng*

Bên cạnh những chi phí liên quan đến việc trao thưởng trực tiếp, thực hiện và giải quyết TTHC, cần lưu ý thêm rằng việc trao tặng các hình thức khen thưởng còn dẫn đến việc phát sinh những chi phí dành cho hoạt động tổ chức trao tặng tại từng cơ quan, địa phương. Trên thực tế, hoạt động khen thưởng đã được sắp xếp và tổ chức thực hiện theo những cách thức trang trọng nhưng tiết kiệm ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, cần tiếp tục có thêm các biện pháp để tối đa hóa việc tiết kiệm các chi phí dành cho hoạt động này để nâng cao những tác động tích cực của việc thi đua khen thưởng đối với đời sống xã hội, hoạt động sản xuất, kinh doanh để tránh lãng phí các nguồn lực khác.

Ngoài các khoản được chi trả nêu trên, Nhà nước còn phải chi phí trực tiếp và gián tiếp về tiền lương, tiền công cho công tác phát hiện, bình bầu, lựa chọn các danh hiệu nêu trên ở cấp cơ sở và các cấp quyết định. Trong trường hợp công tác này gắn liền với các hoạt động thi đua, khen thưởng mang tính động viên, khuyến khích các nhân tố trong xã hội và được các nhân tố tham gia hưởng ứng thì chi phí này sẽ không tạo ra gánh nặng cho người thực thi. Nếu ngược lại, hoạt động này chỉ mang tính hình thức, "xin cho" thì các chi phí phát hiện, bình bầu, lựa chọn sẽ là gánh nặng cho tổ chức, cá nhân. Đối với địa phương, cơ quan, tổ chức có danh hiệu sẽ có phát sinh chi phí gắn liền với định mức chi hành chính thường xuyên của các cơ quan.

* Tác động về xã hội

Hệ thống khen thưởng hiện hành đang quy định có 07 hình thức khen thưởng chính bao gồm: (i) Huân chương, (ii) Huy chương, (iii) Danh hiệu vinh dự Nhà nước, (iv) Giải thưởng Hồ Chí Minh - Giải thưởng Nhà nước, (v) Kỷ niệm chương, Huy hiệu, (vi) Bằng khen và (vii) Giấy khen.

Theo nội dung tác động về kinh tế cho thấy việc thực hiện chính sách này vẫn duy trì kinh phí cho việc in ấn bằng khen hoặc làm huân chương, huy chương, do vậy duy trì về lao động và thu nhập của người lao động làm trong ngành in ấn bằng khan hoặc làm huân chương.

Hệ thống khen thưởng hiện hành đã kịp thời khen thưởng đối với các tầng lớp trong xã hội. Tuy nhiên hệ thống này vẫn còn những tồn tại đã được đề cập trong những vẫn đề bất cập của chính sách.

Do còn tồn tại sự trùng lặp, chống chéo trong việc quy định đối tượng khen thưởng và tiêu chuẩn khen thưởng, điều này tác động tiêu cực, mất nhiều thời gian cho việc chuẩn bị hồ sơ của người dân, tổ chức và nuhwngx nhóm đối tượng khác.

Phương án chính sách này không làm ảnh hưởng đến vấn đề giảm nghèo, y tế, giáo dục.

* Tác động về giới: Theo quy định thì nam và nữ đều có cơ hội bình đẳng giới trong việc làm và người lao động ở mỗi giới đều có cơ hội như nhau trong

phong trào thi đua và công tác khen thưởng, do vậy với phong án chính sách hiện tại thì không tạo ra tác động riêng biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính

Theo Giải pháp chính sách hiện hành, Luật đang có các quy định về TTHC liên quan đến hoạt động đề nghị khen thưởng. Tuy nhiên, Luật mới dừng lại ở việc quy định các tiêu chuẩn khen thưởng, thành phần hồ sơ, đối tượng thực hiện - đối tượng giải quyết TTHC. Những nội dung chi tiết hơn về quy trình và thời gian thực hiện TTHC đang được hướng dẫn tại Nghị định 91/2017/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TĐKT và một số văn bản hướng dẫn của các cơ quan chuyên ngành, bao gồm: Nghị định 27/2015/NĐ-CP quy định về xét tặng danh hiệu "Nhà giáo nhân dân", "Nhà giáo ưu tú; Nghị định 89/2014/NĐ-CP quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ nhân dân", "Nghệ sĩ ưu tú"; Nghị định 90/2014/NĐ-CP về "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước" về văn học, nghệ thuật; và Nghị định 41/2015/NĐ-CP quy định về xét tặng danh hiệu "Thầy thuốc nhân dân", "Thầy thuốc ưu tú".

Đánh giá một cách tổng quát, Giải pháp chính sách hiện hành đã cập nhật tương đối đầy đủ các TTHC cho việc xét tặng hình thức khen thưởng. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại sự trùng lặp, chồng chéo trong việc quy định đối tượng khen thưởng và tiêu chuẩn khen thưởng. Điều này sẽ dẫn đến tác động tiêu cực tới cơ quan nhà nước trong việc quản lý hoạt động khen thưởng, đồng thời tác động tiêu cực tới người dân, tổ chức và những nhóm đối tượng khác trong việc thực hiện thủ tục hành chính, cụ thể như: lúng túng trong việc tìm hiểu thông tin thực hiện TTHC, mất nhiều thời gian cho việc chuẩn bị hồ sơ... Những tác động tiêu cực về mặt TTHC của Giải pháp chính sách này còn thể hiện ở một thực tế là chi phí tuân thủ ước tính tương đối lớn cho tất cả các nhóm đối tượng chịu tác động. Chi phí tuân thủ cũng là một yếu tố rào cản của Giải pháp chính sách và trên thực tế, yếu tố này đã và đang ảnh hưởng tới quyền lợi của các nhóm đối tượng khi tham gia quy trình về TTHC trong thi đua khen thưởng.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

2.4.2. Giải pháp 2: Nghiên cứu sửa đổi một số hình thức khen thưởng, đồng thời bổ sung và ghi nhận một số hình thức khen thưởng cho các đối tượng đặc thù, cụ thể:

- Bổ sung một số hình thức khen gồm:

+ Bổ sung hình thức *"Huân chương Tấm lòng vàng"* hoặc "*Huân chương Vì cộng đồng*" để tặng cho cá nhân, tổ chức có thành tích trong công tác xã hội, từ thiện.

+ Bổ sung hình thức "*Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang*" để tặng cho đối tượng là Thanh niên xung phong tham gia kháng chiến.

+ Bổ sung hình thức, thẩm quyền cấp tổng cục và tương đương, Đại học Quốc gia; Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập được tặng Bằng khen và tiêu chuẩn cụ thể giao cho bộ, ngành quản lý quy định.

- Bổ sung quy định tiêu chuẩn khen thưởng các loại huân chương, huy chương cho tập thể, cá nhân người nước ngoài.

- Bổ sung tiêu chuẩn khen thưởng phù hợp đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách.

* Tác động về kinh tế:

• *Tác động tới mức chi về cơ sở vật chất, trang thiết bị, vật tư để thực hiện giải pháp chính sách*

Giải pháp chính sách 2 bao gồm việc bổ sung một số hình thức khen thưởng, từ đó dẫn tới sự tăng lên tương ứng trong chi phí trang thiết bị và vật tư. Với việc bổ sung "Huân chương Vì cộng đồng", tác động kinh tế có thể được tính theo mức chi hàng năm. Tuy nhiên, riêng với "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang", tác động kinh tế sẽ được tính theo tổng số đối tượng có khả năng được nhận hình thức khen thưởng này mà không tính theo năm.

Bảng 12. Chi phí trang thiết bị, vật tư trung bình cho việc bổ sung hình thức khen thưởng "Huân chương Tấm lòng vàng" hoặc "Huân chương Vì cộng đồng"

Đơn giá chi *(đồng/sản phẩm)*	**Số lượng đối tượng trung bình được trao hình thức khen thưởng trong 01 năm** *(đối tượng)*	**Mức chi tổng cộng trung bình trong 01 năm** ***(đồng/năm)***
Chi phí làm bằng khen: - In bằng khen: 20.000 đồng/sản phẩm. - Đóng khung bằng khen: 30.000 đồng/sản phẩm. **Chi phí làm huân chương:** 300.000 đồng/sản phẩm.	Giả định có 100 đối tượng (gồm cả cá nhân và tập thể) được tặng huân chương trung bình trên 01 năm	▪ **Chi phí làm bằng khen trung bình một năm** là (20.000 + 30.000) x 100 = 5.000.000 đồng/năm ▪ **Chi phí làm huân chương trung bình một năm** là 300.000 x 100 = 30.000.000 đồng/năm. ▪ **Tổng chi phí in ấn/ làm hiện vật trung bình một năm** là 35. 000.000 đồng/năm.

Như vậy, trung bình một năm nếu có 100 tập thể, cá nhân được tặng thưởng Huân chương này thì Nhà nước cần chi trả 35.000.000 chi phí trang thiết bị vật tư cho việc làm bằng khen và huân chương.

Bảng 13. Chi phí trang thiết bị, vật tư cho việc bổ sung hình thức khen thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang"

Đơn giá chi *(đồng/sản phẩm)*	Số lượng đối tượng được trao hình thức khen thưởng *(đối tượng)*	Tổng mức chi của ngân sách Nhà nước *(đồng)*
Chi phí làm bằng khen: - In bằng khen: 20.000 đồng/sản phẩm. - Đóng khung bằng khen: 30.000 đồng/sản phẩm. **Chi phí làm huy chương:** 270.000 đồng/trường hợp.	Hiện tại có 400.000 thanh niên xung phong	- **Chi phí làm bằng khen** là (20.000 + 30.000) x 400.000 = 20.000.000.000 đồng. - **Chi phí làm huy chương** là 270.000 x 400.000 = 108.000.000.000 đồng. - **Tổng chi phí in ấn/làm hiện vật** là 128.000.000.000 đồng.

Như vậy, với việc bổ sung hình thức khen thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang", tổng chi phí trang thiết bị, vật tư mà Ngân sách Nhà nước phải chi trả là **128.000.000.000 đồng** (chưa bao gồm tiền thưởng). Lưu ý rằng đây là tổng mức chi cho toàn bộ đối tượng Thanh niên xung phong kháng chiến vào thời điểm này (theo dự kiến) đồng thời tổng mức chi này sẽ được chia ra theo nhiều năm. Ngoài các khoản được chi trả trực tiếp nêu trên, Nhà nước hàng năm còn phải chi phí về tiền lương, tiền công cho công tác phát hiện đối tượng thanh niên xung phong từ các cấp, các ngành.

- *Tác động tới các khoản chi trả trực tiếp của Nhà nước cho các hình thức khen thưởng*

Giả định rằng Nhà nước chỉ tặng thưởng khoản tiền mặt trực tiếp cho hình thức khen thưởng "Huy chương thanh niên xung phong vẻ vang" mà không tặng thưởng tiền mặt trực tiếp cho hình thức khen thưởng "Huân chương Tấm lòng vàng" hoặc "Huân chương Vì cộng đồng". Các bảng dưới đây tổng hợp các khoản chi trả trực tiếp của Nhà nước nếu thực hiện phương án chính sách 2.

Bảng 14. Tổng hợp các khoản chi trả trực tiếp của Nhà nước cho việc bổ sung hình thức khen thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang"

Đơn giá khen thưởng trực tiếp *(đồng)*	Mức khen thưởng trực tiếp	Số lượng đối tượng được khen thưởng *(đối tượng)*	Mức chi tổng cộng trung bình trong 01 năm *(đồng/năm)*
Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng	1,5 lần mức lương cơ sở = 2.235.000 đồng/người.	Hiện tại có 400.000 thanh niên xung phong	400.000 x 2.235.000 = 894.000.000.000 đồng

Như vậy, với việc bổ sung hình thức khen thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong", Nhà nước sẽ phải chi trả **894.000.000.000 đồng** tiền khen thưởng trực tiếp. Lưu ý rằng đây là tổng mức chi cho toàn bộ đối tượng Thanh niên xung phong kháng chiến vào thời điểm này (số lượng này sẽ chỉ giảm đi mà không tăng lên), đồng thời tổng mức chi này sẽ được chia ra theo nhiều năm.

- *Tác động tới các khoản trợ cấp của Nhà nước: trợ cấp xã hội, bảo trợ,*

an sinh xã hội ….

Trong các đề xuất điều chỉnh hệ thống khen thưởng tại Giải pháp chính sách 2, chỉ có đề xuất bổ sung hình thức khen thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" là có khả năng tác động tới nguồn chi của Nhà nước cho trợ cấp xã hội, bảo trợ, an sinh xã hội. Tuy nhiên, trên thực tế, đối tượng thanh niên xung phong đã đang được hưởng các chính sách trợ cấp xã hội của Nhà nước theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến (Quyết định 40). Theo Quyết định 40, cựu thanh niên xung phong sẽ được nhận các loại trợ cấp bao gồm: (i) trợ cấp một lần, (ii) trợ cấp hàng tháng, (iii) vay vốn sản xuất, (iv) bảo hiểm y tế và mai táng phí. Giả định rằng các loại trợ cấp mà đối tượng thanh niên xung phong được nhận "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" chính là các loại trợ cấp hiện hành được quy định tại Quyết định 40, việc bổ sung hình thức khen thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" sẽ không làm tăng chi phí của ngân sách Nhà nước.

- *Tác động tới chi phí tuân thủ khi giải quyết và thực hiện TTHC*

Giải pháp chính sách này sẽ tác động tới chi phí tuân thủ TTHC của các nhóm đối tượng bao gồm: (i) cơ quan Nhà nước giải quyết TTHC, (ii) cơ quan Nhà nước đề nghị khen thưởng, (iii) người dân, và (iv) tổ chức. Chi tiết về các khoản chi phí tuân thủ có khả năng tăng/giảm khi thực hiện Giải pháp chính sách 2 sẽ được mô tả trong các bảng phân tích giả định dưới đây.

Bảng 15. Tổng hợp chi phí tuân thủ TTHC hàng năm của cơ quan Nhà nước khi giải quyết TTHC của hình thức khen thưởng "Huân chương Tấm lòng vàng" hoặc "Huân chương Vì cộng đồng"

Tiêu chí	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
Chi phí thời gian giải quyết 01 TTHC	Giờ	6,9	Số liệu tính toán trên cơ sở số lượng đối tượng và quy trình thực hiện TTHC giả định
Chi phí trực tiếp giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	100	
Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000	
Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	6,9 x 35.000 x 100 = 2**4.150.000 đồng**	

Như vậy, chi phí tuân thủ TTHC hàng năm của cơ quan Nhà nước đối với việc giải quyết TTHC của hình thức khen thưởng "Huân chương Tấm lòng vàng" hoặc "Huân chương Vì cộng đồng" cũng không đáng kể.

Bảng 16. Tổng hợp chi phí tuân thủ TTHC của cơ quan Nhà nước khi giải quyết TTHC khen thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang"

Tiêu chí	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
Chi phí thời gian giải quyết 01 TTHC	Giờ	6,1	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
Chi phí trực tiếp giải quyết 01 TTHC	Đồng	0	
Tổng số lượng đối tượng được khen thưởng	Trường hợp	400.000	
Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	35.000 đồng	
Tổng chi phí tuân thủ	Đồng	6,1 x 35.000 x 400.000 = 85.400.000.000 đồng	

Như vậy, với việc bổ sung hình thức khen thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang", Nhà nước sẽ phải chịu một khoản chi phí tuân thủ cho việc giải quyết TTHC đối với hình thức khen thưởng này là **85.400.000.000 đồng**. Lưu ý rằng đây là tổng chi phí tuân thủ cho toàn bộ đối tượng Thanh niên xung phong kháng chiến vào thời điểm này (số lượng này sẽ chỉ giảm đi mà không tăng lên), đồng thời tổng chi phí này sẽ được chia ra theo nhiều năm.

Bên cạnh tác động đến chi phí tuân thủ của cơ quan Nhà nước, Giải pháp chính sách 2 cũng tác động đáng kể tới chi phí tuân thủ TTHC của các đối tượng thực hiện TTHC, cụ thể như sau:

Bảng 17. Tổng hợp chi phí tuân thủ TTHC hàng năm của đối tượng thực hiện TTHC đối với hình thức khen thưởng "Huân chương Vì cộng đồng"

Tiêu chí	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
Chi phí thời gian thực hiện 01 TTHC	Giờ	38,4	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định số lượng đối tượng và quy trình thực hiện TTHC
Chi phí trực tiếp thực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	
Số lượng đối tượng trung bình được khen thưởng trong 01 năm	Trường hợp/năm	100	
Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(38,4 x 25.000) + 50.000] x 100 = 101.000.000 đồng/năm	

Qua tính toán ở bảng số liệu trên, có thể thấy rằng chi phí mà các cá nhân có thể phải bỏ ra cho việc thực hiện TTHC của "Huân chương Tấm lòng vàng" "Huân chương Vì cộng đồng" là 101.000.000 đồng/năm.

Bảng 18. Tổng hợp chi phí tuân thủ TTHC của đối tượng thực hiện TTHC khen thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang"

Tiêu chí	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
Chi phí thời gian thực hiện 01 TTHC	Giờ	7,3	Số liệu tính toán trên cơ sở giả định quy trình thực hiện TTHC
Chi phí trực tiếp thực hiện 01 TTHC	Đồng	50.000	
Tổng số lượng đối tượng được khen thưởng	Trường hợp	400.000	
Đơn giá chi	Đồng/giờ làm việc	25.000	
Tổng chi phí tuân thủ	Đồng/năm	[(7,3 x 25.000) + 50.000) x 400.000 = 93.000.000.000 đồng	

Như vậy, với việc bổ sung hình thức khen thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang", các đối tượng thực hiện TTHC sẽ phải chịu một khoản chi phí tuân thủ vào khoảng **93.000.000.000 đồng**. Lưu ý rằng đây là tổng chi phí tuân thủ thực hiện TTHC cho toàn bộ đối tượng Thanh niên xung phong kháng chiến vào thời điểm này, đồng thời tổng chi phí này sẽ được chia ra theo nhiều năm.

Riêng đối với các tổng cục thuộc bộ, tập đoàn kinh tế, đại học quốc gia và các tổng công ty Nhà nước, chi phí dự kiến phải bỏ ra được giả định chỉ bao gồm chi phí tuân thủ cho hoạt động báo cáo hoạt động khen thưởng với cơ quan quản lý Nhà nước về thi đua khen thưởng (các chi phí khác như làm hiện vật hay tặng thưởng trực tiếp được trích từ quỹ thi đua khen thưởng của các đơn vị này như thực tế hiện hành). Giả định này được thiết lập trên cơ sở rằng những đơn vị này đã có các hình thức khen thưởng (như đã phân tích ở phần bất cập), tuy nhiên chỉ là chưa được ghi nhận trong quy định của văn bản luật mà thôi.

Với đề xuất của Giải pháp chính sách 2, việc ghi nhận hình thức Bằng khen cấp cơ sở này có khả năng làm phát sinh thêm trách nhiệm quản lý của cơ quan Nhà nước kéo theo nghĩa vụ báo cáo của đơn vị cấp cơ sở. Theo thống kê không đầy đủ, đến thời điểm hiện tại (7/2018), trên cả nước có 31 tổng cục thuộc bộ, 10 tập đoàn kinh tế, 02 trường đại học quốc gia và 21 tổng công ty Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (tổng cộng: 64). Giả định rằng mỗi năm cả 64 đơn vị này đều thực hiện việc báo cáo tình hình khen thưởng; mỗi đơn vị mất 24 giờ làm việc để thu thập thông tin, hoàn thiện và

nộp báo cáo tổng kết hoạt động khen thưởng, thì **tổng chi phí tuân thủ trung bình trong 01 năm** của nhóm đối tượng này cho việc thực hiện báo cáo là: 24 x 25.000 x 64 = **38.400.000 đồng**.

* Tác động về xã hội:

Kết quả đánh giá tác động của Giải pháp chính sách 2 với việc sửa đổi các quy định chồng chéo về tiêu chuẩn, đối tượng khen thưởng, nâng cao tiêu chuẩn khen thưởng, đồng thời bổ sung hình thức khen thưởng "Huân chương Vì cộng đồng", quy định chặt chẽ hơn chất lượng khen thưởng đảm bảo số lượng khen thưởng sẽ giảm đi dẫn đến chi phí về trang thiết bị, vật tư mà Nhà nước tiết kiệm được đồng nghĩa với các cơ sở sản xuất "mặt hàng" này sẽ bị hụt đi đơn hàng, điều này có thể làm ảnh hưởng đến thu nhập và việc làm của lao động ở trong những ngành sản xuất này.

Tuy nhiên, chính sách này không tác động đến việc giảm nghèo, đến giáo dục, đến y tế.

Việc giảm bớt những quy định chồng chéo sẽ tạo ra dư luật tốt trong xã hội vì đã tiết kiệm được chi phí cho ngân sách nhà nước nhưng vẫn đảm bảo khen thưởng kịp thời và đúng đối tượng. Bên cạnh đó cũng giảm áp lực cho cán bộ công chức viên chức thực hiện các thủ tục hành chính để khen thưởng.

Hình thức Cờ thi đua, Bằng khen của tổng cục thuộc bộ và tương đương, Đại học Quốc gia; Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập sẽ tạo điều kiện cho các đơn vị khen thưởng kịp thời.

Bổ sung tiêu chuẩn khen thưởng đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách sẽ làm minh bạch công tác thi đua khen thưởng, không tạo ra tác động tiêu cực về xã hội.

* Tác động về giới: Giải pháp chính sách 2 không tác động đến cơ hội thực hiện trong phong trào thi đua cũng như cơ hội được tặng danh hiệu thi đua ở mỗi giới.

* Tác động về thủ tục hành chính:

Tác động về TTHC của Giải pháp chính sách 2 thể hiện ở các điểm chính như sau:

Thứ nhất, việc sửa đổi về tiêu chuẩn, đối tượng trùng lắp giữa các hình thức khen thưởng dẫn đến khen thưởng đảm bảo chặt chẽ hơn sẽ giúp tiết kiệm đáng kể chi phí tuân thủ TTHC trong việc thực hiện và giải quyết 02 TTHC liên quan. Chi tiết về khoản chi phí tuân thủ này đã được phân tích trong phần tác động kinh tế phía trên.

Thứ hai, việc bổ sung hình thức "Huân chương Vì cộng đồng", "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" đồng nghĩa với việc sẽ phát sinh 02 TTHC mới. Chi tiết về khoản chi phí tuân thủ cho việc thực hiện và giải quyết 02 TTHC này đã được phân tích trong phần tác động kinh tế phía trên.

Thứ ba, việc ghi nhận hình thức Cờ thi đua, Bằng khen của tổng cục thuộc bộ và tương đương, Đại học Quốc gia; Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập không có tác động về TTHC do không làm phát sinh TTHC.

Thứ tư, việc bổ sung tiêu chuẩn khen thưởng đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách sẽ giúp làm rõ thông tin liên quan đến điều kiện thực hiện TTHC, từ đó giúp cho quá trình thực hiện và giải quyết TTHC được minh bạch và hiệu quả hơn.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Phù hợp với chủ trương, chỉ đạo của Đảng, cụ thể là Kết luận số 3257-CV/VPTW ngày 07/02/2017 của Ban Bí thư.

- Về tổ chức bộ máy: Đề xuất chính sách không có nội dung liên quan đến thay đổi tổ chức bộ máy nhà nước hiện hành. Việc sửa đổi, bổ sung các quy định về hệ thống danh hiệu khen thưởng theo hướng sửa đổi tiêu chuẩn, đối tượng trùng lắp giữa các hình thức khen thưởng, bổ sung một số hình thức khen thưởng khác đối với cá nhân, tập thể vẫn đảm bảo phù hợp với tổ chức bộ máy hiện hành, đảm bảo tính khả thi trong việc tuân thủ của tổ chức bộ máy nhà nước khi các nội dung chính sách này được quy phạm hóa.

- Tác động đến các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013: Chính sách bổ sung thêm một số danh hiệu khen thưởng đối với cá nhân bảo đảm phù hợp với "Quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó" (Điều 40 Hiến pháp năm 2013); thúc đẩy tinh thần thực hiện quyền và nghĩa vụ "Bảo vệ tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân" (Điều 45 Hiến pháp 2013).

- Tính tương thích với hệ thống pháp luật:

+ Theo chủ trưởng xây dựng pháp luật hiện hành, các văn bản quy phạm pháp luật không quy định về tổ chức bộ máy, thi đua khen thưởng và kỷ luật. Do đó, nội dung chính sách đề xuất trong Luật Thi đua - Khen thưởng là luật chuyên ngành, không mâu thuẫn với các quy định pháp luật khác về khen thưởng.

- Về bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức ở góc độ kinh tế: Xem phần đánh giá tác động kinh tế ở trên.

2.4.3. Giải pháp 3: Tương tự như Giải pháp chính sách 2, đồng thời sửa đổi tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng cấp nhà nước theo hướng: Quy định cụ thể về tên gọi, đối tượng, tiêu chuẩn của các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên); còn lại chỉ quy định các nguyên tắc chung để các bộ, ngành, địa phương tự xác định đối tượng, tiêu chuẩn của các hình thức khen thưởng của bộ, ngành, địa phương.

* Tác động về kinh tế:

Tác động kinh tế của Giải pháp chính sách này tương tự như tác động kinh tế của Giải pháp chính sách 2. Với đề xuất phân cấp thẩm quyền quy định về đối tượng, tiêu chuẩn của danh hiệu thi đua theo 02 hướng (i) hình thức khen thưởng cấp Nhà nước sẽ do Luật quy định, và (ii) hình thức khen thưởng của bộ, ngành, địa phương sẽ do các bộ, ngành, địa phương quy định căn cứ theo những nguyên tắc chung của luật định. Việc phân cấp về thẩm quyền như trên sẽ làm phát sinh chi phí cho hoạt động soạn thảo các văn bản hướng dẫn về đối tượng, tiêu chuẩn của các danh hiệu thi đua cấp cơ sở. Giả định 22 bộ và cơ quan ngang bộ sẽ cần 22 thông tư quy định chi tiết về danh hiệu thi đua - hình thức khen thưởng và 63 tỉnh thành sẽ cần 63 văn bản Nghị quyết của Hội đồng nhân dân hoặc Quyết định của UBND cấp tỉnh về hoạt động thi đua, khen thưởng của địa phương. Như vậy, với định mức kinh phí tối đa[6] cho 01 Thông tư hướng dẫn về hoạt động thi đua khen thưởng của bộ và cơ quan ngang bộ là 30.000.000 đồng/thông tư và 01 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của UBND cấp tỉnh là 10 triệu đồng/văn bản, để thực hiện Giải pháp chính sách 3, tổng kinh phí dự kiến cho việc soạn thảo các văn bản hướng dẫn sẽ là **1.290.000.000 đồng**. Tuy nhiên số kinh phí này đã được chi vào việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại Giải pháp 3 của nội dung chính sách 01, vì vậy trên thực tế Nhà nước không phải chi chí để thực hiện nội dung nêu trên.

* Tác động về xã hội:

Tác động xã hội của Giải pháp chính sách này tương tự như tác động xã hội của Giải pháp chính sách 2. Với đề xuất phân cấp thẩm quyền quy định về đối tượng, tiêu chuẩn của danh hiệu thi đua theo 02 hướng (i) hình thức khen thưởng cấp Nhà nước sẽ do Luật quy định, và (ii) hình thức khen thưởng của bộ, ngành, địa phương sẽ do các đơn vị cấp cơ sở quy định căn cứ theo những nguyên tắc chung của luật định.

Phân cấp về thẩm quyền như trên sẽ tạo áp lực cho các cán bộ làm công tác soạn thảo các văn bản hướng dẫn về đối tượng, tiêu chuẩn của các danh hiệu thi đua cấp cơ sở. Nếu có 22 bộ và cơ quan ngang bộ sẽ cần 22 thông tư quy định chi tiết về danh hiệu thi đua - hình thức khen thưởng và 63 tỉnh thành sẽ cần 63 văn bản Nghị quyết của Hội đồng nhân dân hoặc Quyết định của UBND cấp tỉnh về hoạt động thi đua, khen thưởng của địa phương. Như vậy, để đảm bảo được công việc mà không tăng biên chế thực hiện thì buộc cán bộ công chức, viên chức ở vị trí này phải làm việc hiệu quả hơn và năng suất hơn.

Do có phân cấp thẩm quyền trong việc quy định đối tượng, tiêu chuẩn của các hình thức khen thưởng nên các đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng dự kiến sẽ phù hợp với đặc thù của từng bộ ngành địa phương hơn, khi đó đem lại sự đồng thuận trong các tầng lớp nhân dân. Tuy nhiên điều này cũng sẽ có

[6] Thông tư 338/2016/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, Điều 5

thể nảy sinh về tính công bằng trong khi đua khen thưởng khi mà các bộ ngành địa phương xây dựng các tiêu chí có lợi cho bộ ngành địa phương mình.

* Tác động về giới: Tương tự như các Giải pháp chính sách 2, Giải pháp chính sách 3 không tác động đến cơ hội thực hiện quyền và nghĩa vụ trong phong trào thi đua khen thưởng của mỗi giới.

* Tác động về thủ tục hành chính:

Tác động tương tự như Giải pháp chính sách 2. Ngoài ra, theo Giải pháp chính sách 3, do có phân cấp thẩm quyền trong việc quy định đối tượng, tiêu chuẩn của các hình thức khen thưởng nên các đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng dự kiến sẽ phù hợp với đặc thù của từng địa phương hơn. Việc quy định hợp lý về đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng đồng nghĩa với việc các cấu phần của TTHC là đối tượng thực hiện và điều kiện thực hiện cũng sẽ phù hợp và khả thi hơn, từ đó đảm bảo việc thực hiện và giải quyết TTHC minh bạch và nhanh chóng hơn. Tuy nhiên, tính khả thi của Giải pháp chính sách 3 cũng phụ thuộc nhiều vào trình độ soạn thảo các văn bản pháp luật của hệ thống cơ quan bộ, ngành và địa phương

* Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Tác động tương tự như đối với giải pháp chính sách 2.

- Có thể dẫn đến việc hệ thống các quy định về tiêu chuẩn cho các danh hiệu khen thưởng được quy định trong rất nhiều văn bản từ trung ương đến địa phương, do đó, có thể dẫn đến sự mâu thuẫn giữa các tiêu chuẩn do các bộ, ngành, địa phương ban hành.

- Có thể dẫn đến tình trạng quy định về tiêu chuẩn không đảm bảo sự "tương đồng" giữa các bộ, ngành, địa phương về cùng một danh hiệu khen thưởng.

2.5. Kiến nghị lựa chọn giải pháp: lựa chọn giải pháp 3 và cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách là Quốc hội.

3. Chính sách 3: Hoàn thiện chế định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật xây dựng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng chưa phù hợp ở các cấp, nhất là ở cấp cơ sở; đặc biệt là sự thiếu vắng những quy định ràng buộc để xây dựng một mô hình quản lý thi đua khen thưởng theo hình chóp, hay nói cách khác là Luật chưa có những nội dung phân cấp về thẩm quyền quy định tiêu chuẩn cụ thể các danh hiệu thi đua, và hình thức khen thưởng thuộc các bộ, ngành, địa phương.

- Chưa phân cấp về thẩm quyền quy định tiêu chuẩn cụ thể các danh hiệu thi đua, và hình thức khen thưởng thuộc các bộ, ngành, địa phương.

- Hiện nay thẩm quyền khen thưởng của cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương đối với tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý là khen thưởng toàn diện, khen thưởng đột xuất, khen thưởng chuyên đề và khen thưởng theo quy định tại Điều 4 Luật Thi đua khen thưởng. Bên cạnh đó, thẩm quyền khen thưởng theo chức năng quản lý nhà nước của bộ, ngành đối với các đơn vị ở địa phương là khen thưởng theo ngành dọc. Như vậy, với những trường hợp có khả năng thuộc phạm vi khen thưởng của cả cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương và cơ quan quản lý ngành dọc, thì việc xác định thẩm quyền khen thưởng còn nhiều lúng túng, dẫn đến tình trạng chồng chéo, trùng lặp.

Chưa phân định cụ thể trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trình khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền với trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng các cấp.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Hoàn thiện quy định của pháp luật hiện hành về thẩm quyền khen thưởng theo hướng trách trùng lặp, đẩy mạnh phân cấp cho bộ, ngành, địa phương.

- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan cấp bộ, ngành, địa phương trong hoạt động quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

3.3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng

Phần lớn tiêu chuẩn của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng hiện nay do các cơ quan có thẩm quyền ở cấp trung ương quy định, trừ Kỷ niệm chương và Huy hiệu (Luật cho phép bộ, ban, ngành, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tự quy định tên, đối tượng và tiêu chuẩn tặng Kỷ niệm chương, Huy hiệu với điều kiện phải đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở Trung ương).

3.3.2. Giải pháp 2: Phân cấp về thẩm quyền quy định đối tượng, tiêu chuẩn của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo hướng: Luật chỉ chi tiết hóa về thẩm quyền quy định đối với đối tượng, tiêu chuẩn của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước; còn lại xây dựng nguyên tắc chung về việc xác định thẩm quyền quy định đối tượng, tiêu chuẩn của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng để các bộ, ngành, địa phương tự thực hiện.

3.3.3. Giải pháp 3: Tương tự Giải pháp chính sách 2, nhưng bổ sung quy định về việc phân định rõ về thẩm quyền khen thưởng theo chức năng quản lý nhà nước của bộ, ngành và chức năng quản lý nhà nước theo địa phương để tránh tình trạng khen thưởng chồng chéo, trùng lặp giữa quản lý ngành dọc và địa phương.

3.4. Đánh giá tác động của giải pháp

3.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng

* Tác động về kinh tế:

Giải pháp giữ nguyên như hiện hành không rõ về tác động kinh tế.

Hiện nay, để đánh giá được tác động kinh tế, bản báo cáo cần có thêm thông tin cũng như dữ liệu về các vấn đề bất cập hiện hành liên quan tới chế định thẩm quyền, ví dụ như có bao nhiêu trường hợp bị khen thưởng chồng chéo, trùng lặp và trùng lặp thẩm quyền thường diễn ra giữa các cơ quan nào, trong lĩnh vực nào. Với lý do trên, trong giai đoạn 1 lấy ý kiến, Giải pháp này chưa có đánh giá tác động kinh tế. Sau khi hoàn thiện hết các phần tác động khác và đã lấy ý kiến lần 1 thì những thông số cụ thể của tác động kinh tế sẽ được bổ sung thêm.

* Tác động về xã hội: Việc quy định thẩm quyền khen thưởng theo chức năng quản lý Nhà nước của bộ, ngành đối với các đơn vị ở địa phương là khen thưởng theo ngành dọc. Do đó, với những trường hợp có khả năng thuộc phạm vi khen thưởng của cả cơ quan quản lý Nhà nước ở địa phương và cơ quan quản lý ngành dọc, thì việc xác định thẩm quyền khen thưởng còn gặp nhiều khó khăn, dẫn đến tình trạng chồng chéo, trùng lặp. Điều này có thể gây khó khăn cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.

* Tác động về giới: Chính sách này không có tác động về giới

* Tác động về thủ tục hành chính:

Giải pháp giữ nguyên như hiện hành có một số bất cập nhất định nhìn từ khía cạnh TTHC. Việc để cho văn bản cấp luật quy định về đối tượng, tiêu chuẩn cụ thể của hầu hết danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đã khiến cho các hai cấu phần của TTHC là đối tượng thực hiện và điều kiện thực hiện trong nhiều trường hợp không phù hợp với thực tế. Từ đó dẫn đến bất cập trong việc quản lý và giải quyết TTHC của cơ quan Nhà nước cũng như những khó khăn đối với đối tượng thực hiện TTHC.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành

3.4.2. Giải pháp 2: Phân cấp về thẩm quyền quy định đối tượng, tiêu chuẩn của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo hướng: Luật chỉ quy định cụ thể về thẩm quyền quy định đối với đối tượng, tiêu chuẩn của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước; còn lại xây dựng nguyên tắc chung về việc xác định thẩm quyền quy định đối tượng, tiêu chuẩn của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng để các bộ, ngành, địa phương tự thực hiện.

* Tác động về kinh tế:

Theo Giải pháp chính sách 2, việc phân cấp thẩm quyền với định hướng: Luật xây dựng nguyên tắc chung và chi tiết xác định thẩm quyền quy định đối tượng, tiêu chuẩn của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng để các bộ, ngành, địa phương tự thực hiện sẽ có khả năng làm phát sinh chi phí soạn

thảo văn bản hướng dẫn cho các bộ, ngành và địa phương. Giải pháp chính sách này gần giống Giải pháp chính sách 3 của Chính sách 1 và Chính sách 2. Do đó, tác động kinh tế của Giải pháp chính sách này (cụ thể là chi phí phát sinh cho việc soạn thảo văn bản hướng dẫn cho các bộ, ngành, địa phương) đã được đề cập tại Giải pháp chính sách 3 của 02 chính sách đầu tiên và vào khoảng **1.290.000.000 đồng**. Tuy nhiên, số kinh phí này đã được chi vào việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại hai chính sách này nên trên thực tế Nhà nước không phải chi chí để thực hiện nội dung nêu trên.

* Tác động về xã hội:

Theo Giải pháp chính sách 2, việc phân cấp thẩm quyền với định hướng: Luật xây dựng nguyên tắc chung và chi tiết xác định thẩm quyền quy định đối tượng, tiêu chuẩn của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng để các bộ, ngành, địa phương tự thực hiện sẽ làm tăng áp lực đến cán bộ công chức, viên chức thực hiện việc soạn thảo văn bản hướng dẫn cho các bộ, ngành và địa phương.

Tuy nhiên vì có phân cấp thẩm quyền trong việc quy định đối tượng, tiêu chuẩn của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng nên các đối tượng và tiêu chuẩn của danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng dự kiến sẽ phù hợp với đặc thù của từng địa phương hơn. Công tác thi đua khen thưởng sẽ kịp thời và đáp ứng yêu cầu đặc thù của từng địa phương, tạo ra sự minh bạch và đem lại dư luận xã hội tốt.

* Tác động về giới: Giải pháp chính sách này cũng không có tác động tích cực hay tiêu cực về vấn đề tiếp cận phong trào thi đua cũng như khả năng đạt danh hiệu thi đua ở mỗi giới.

* Tác động về thủ tục hành chính:

Do có phân cấp thẩm quyền trong việc quy định đối tượng, tiêu chuẩn của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng nên các đối tượng và tiêu chuẩn của danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng dự kiến sẽ phù hợp với đặc thù của từng địa phương hơn. Việc quy định hợp lý về đối tượng và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đồng nghĩa với việc các cấu phần của TTHC là đối tượng thực hiện và điều kiện thực hiện cũng sẽ phù hợp và khả thi hơn, từ đó đảm bảo việc thực hiện và giải quyết TTHC minh bạch và nhanh chóng hơn. Tuy nhiên, tính khả thi của Giải pháp chính sách này cũng phụ thuộc nhiều vào trình độ soạn thảo các văn bản pháp luật của hệ thống cơ quan bộ, ngành và địa phương.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Về tổ chức bộ máy: Đề xuất chính sách không có nội dung liên quan đến thay đổi tổ chức bộ máy nhà nước hiện hành. Hơn thế, việc phân cấp thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước trong công tác thi đua, khen thưởng sẽ góp phần đảm bảo tinh thần đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước, tránh

chồng chéo, trùng lặp về thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước theo cả chiều dọc và chiều ngang.

- Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở góc độ kinh tế: Xem phần đánh giá tác động kinh tế ở phía trên.

- Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân từ việc áp dụng thủ tục hành chính: Việc phân cấp thẩm quyền hợp lý giữa các cơ quan nhà nước sẽ có thể góp phần đơn giản hóa TTHC theo kết quả cụ thể là số lượng TTHC có thể không giảm, nhưng các thành phần, cách thức thực hiện TTHC có thể đơn giản, phù hợp hơn với thực tiễn của bộ, ngành, địa phương.

- Tính tương thích với hệ thống pháp luật: Theo chủ trương xây dựng pháp luật hiện hành, các văn bản quy phạm pháp luật không quy định về tổ chức bộ máy, thi đua khen thưởng và kỷ luật. Do đó, nội dung chính sách đề xuất trong Luật Thi đua – Khen thưởng là luật chuyên ngành, không mâu thuẫn với các quy định pháp luật khác về thi đua, khen thưởng.

3.4.3. Giải pháp 3: Tương tự Giải pháp chính sách 2, nhưng bổ sung quy định về việc phân định rõ về thẩm quyền khen thưởng theo chức năng quản lý nhà nước của bộ, ngành và chức năng quản lý nhà nước theo địa phương để tránh tình trạng khen thưởng chồng chéo, trùng lặp giữa quản lý ngành dọc và địa phương.

* Tác động về kinh tế:

Tác động kinh tế tương tự Giải pháp chính sách 2, tuy nhiên Giải pháp chính sách 3 sẽ tạo ra hiệu quả kinh tế tốt hơn Giải pháp chính sách 2 vì những bất cập liên quan đến khen thưởng chồng chéo và trùng lặp giữa các cơ quan quản lý ngành dọc và cơ quan quản lý địa phương đã được gỡ bỏ. Theo đó, chi phí tuân thủ đối với các đối tượng thực hiện TTHC cũng như chi phí tuân thủ đối với cơ quan giải quyết TTHC có khả năng sẽ giảm đi. Cũng cần lưu ý rằng, một trong những cách thức hiệu quả trong phân cấp quản lý là áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động lưu trữ hồ sơ và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, ban, ngành. Trong trường hợp áp dụng công nghệ thông tin và liên thông điện tử vào quản lý thi đua khen thưởng thì cần lưu tâm đến chi phí Nhà nước phải bỏ ra để đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động quản lý này.

* Tác động về xã hội:

Giải pháp chính sách 3 sẽ giải quyết được những bất cập liên quan đến khen thưởng chồng chéo và trùng lặp giữa các cơ quan quản lý ngành dọc và cơ quan quản lý địa phương. Do vậy sẽ tăng sự chịu trách nhiệm trước mỗi quyết định, đảm bảo sự minh bạch hơn trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính tạo niềm tin của nhân dân vào phong trào thi đua, thúc đẩy hoạt động thi đua ở các tầng lớp nhân nhân.

* Tác động về giới: Tương tự như các Giải pháp chính sách trên, Giải pháp này không có tác động rõ ràng về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính:

Tương tự như Giải pháp chính sách 2 nhưng với quy định rõ ràng hơn về cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC, Giải pháp này có khả năng đảm bảo sự minh bạch hơn trong quy trình giải quyết TTHC về thi đua, khen thưởng; đồng thời tiết kiệm chi phí tuân thủ cho cả đối tượng thực hiện TTHC và cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC như đã đề cập ở phần tác động kinh tế.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Tác động tương tự như đối với giải pháp chính sách 2.

3.5. Kiến nghị lựa chọn giải pháp: lựa chọn giải pháp 3 và cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách là Quốc hội.

4. Chính sách 4: Cải cách TTHC trong thi đua, khen thưởng

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Một số quy định về thủ tục, hồ sơ còn rườm rà, phức tạp chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách hành chính (phải xin ý kiến nhiều cơ quan khác nhau, thông qua nhiều cấp), dẫn đến thời gian thẩm định hồ sơ kéo dài, không kịp thời, làm giảm ý nghĩa, tác dụng của khen thưởng.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thi đua khen thưởng để đơn giản hóa thủ tục, góp phần giảm chi phí của Nhà nước, cơ quan (có trách nhiệm giải quyết TTHC) và cá nhân có liên quan; đồng thời tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC và cơ quan giải quyết TTHC.

4.3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

4.3.1. Giải pháp 1: *Giữ nguyên hiện trạng*

Quy định hiện hành về TTHC trong thi đua, khen thưởng trong Luật và Nghị định 91/2017/NĐ-CP như sau:

- Số lượng bộ hồ sơ đề nghị khen thưởng: Quy định về số lượng hồ sơ của mỗi loại hình thức khen thưởng là khác nhau, thông thường quy định phải nộp cơ quaqn quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở Trung ương 02 bộ hồ sơ với hình thức khen thưởng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và 03 bộ hồ sơ với hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước.

- Thành phần hồ sơ: Chủ yếu là Tờ trình đề nghị khen thưởng, bản báo cáo thành tích, biên bản họp và kết quả bỏ phiếu kín…

Thời gian thẩm định và thông báo khen thưởng: Thông thường từ 20-30 ngày làm việc (ở cấp trung ương), riêng với đề nghị khen thưởng đột xuất thì không có quy định về thời gian thẩm định và thông báo khen thưởng.

4.3.2. Giải pháp 2: Giữ nguyên hệ thống các văn bản hiện hành quy định về TTHC trong thi đua khen thưởng, nhưng cải cách theo hướng đơn giản hóa, cụ thể:

- Về quy trình thực hiện: Bổ sung quy định về quy trình xét tặng danh hiệu thi đua theo hướng cho phép các đơn vị, cơ quan, bộ ngành xét tặng danh hiệu thi đua thông qua việc phát hiện các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua.

- Về số lượng hồ sơ: Giảm số lượng bộ hồ sơ theo quy định hiện hành về còn từ 01 đến 02 bộ hồ sơ trình đề nghị khen thưởng.

- Về thành phần hồ sơ: Giảm bớt thành phần hồ sơ trong hồ sơ đề nghị khen thưởng cho các doanh nghiệp, hồ sơ khen thưởng quá trình cống hiến, khen thưởng đột xuất.

Về thời gian giải quyết TTHC: Giảm thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng, thời gian thông báo kết quả khen thưởng xuống còn 10 ngày làm việc đối với tất cả các cấp.

4.3.3. Giải pháp 3: Thay đổi hệ thống các văn bản quy định về TTHC trong thi đua khen thưởng theo hướng:

° Luật chỉ đưa ra những nguyên tắc chung trong quy định về TTHC

Các bộ, ngành, địa phương (cấp tỉnh, thành phố) - trên cơ sở nguyên tắc chung của Luật, tự quy định chi tiết về TTHC thuộc thẩm quyền phù hợp với ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý.

4.4. Đánh giá tác động của giải pháp

4.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng

* Tác động về kinh tế:

Quy định hiện hành về TTHC trong thi đua, khen thưởng trong Luật và Nghị định 91/2017/NĐ-CP như sau:

- Số lượng bộ hồ sơ đề nghị khen thưởng: Quy định về số lượng hồ sơ của mỗi loại hình thức khen thưởng là khác nhau, thông thường quy định đối tượng đề xuất danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải nộp 02 đến 03 bộ hồ sơ.

- Thành phần hồ sơ: Chủ yếu là Tờ trình đề nghị khen thưởng, bản báo cáo thành tích, biên bản họp và kết quả bỏ phiếu kín…

- Thời gian thẩm định và thông báo khen thưởng: thông thường từ 20-30 ngày làm việc (ở cấp trung ương), riêng với đề nghị khen thưởng đột xuất thì không có quy định về thời gian thẩm định và thông báo khen thưởng.

Một số quy định về thủ tục, hồ sơ còn rườm rà, phức tạp chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách hành chính (phải xin ý kiến nhiều cơ quan khác nhau, thông qua nhiều cấp), dẫn đến thời gian thẩm định hồ sơ dài, không kịp thời, làm giảm ý nghĩa, tác dụng của khen thưởng. Chi phí chủ yếu của Giải pháp chính sách 1 chính là chi phí tuân thủ TTHC đối với cơ quan Nhà nước giải

quyết TTHC và đối tượng thực hiện TTHC. Về chi phí này, xem chi tiết tại các phần Tác động kinh tế - Giải pháp chính sách 1 của các Chính sách 1 và Chính sách 2.

* Tác động về xã hội:

Theo quy định hiện hành về TTHC trong thi đua, khen thưởng trong Luật và Nghị định 91/2017/NĐ-CP thì một số quy định về thủ tục, hồ sơ còn rườm rà, phức tạp chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách hành chính, phải xin ý kiến nhiều cơ quan khác nhau, thông qua nhiều cấp, có thể làm khó cho đối tượng thực hiện thủ tục để được khen thưởng. Nếu không thực hiện tốt, dư luận xã hội sẽ có phản ứng và tác động làm giảm ý nghĩa của khen thưởng.

* Tác động về giới: Giải pháp này không có tác động rõ ràng về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính:

Xem tại phần tác động thủ tục hành chính tại Giải pháp chính sách 1 của các Chính sách 1, Chính sách 2 và Chính sách 3.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

4.4.2. Giải pháp 2: Giữ nguyên hệ thống các văn bản hiện hành quy định về TTHC trong thi đua khen thưởng, nhưng cải cách theo hướng đơn giản hóa, cụ thể:

- Về quy trình thực hiện: Bổ sung quy định về quy trình xét khen thưởng theo hướng cho phép các đơn vị, cơ quan, bộ ngành xét tặng các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền thông qua việc phát hiện các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua.

- Về số lượng hồ sơ: Giảm số lượng bộ hồ sơ theo quy định hiện hành về còn từ 01 bộ hồ sơ trình đề nghị khen thưởng.

- Về thành phần hồ sơ: Giảm bớt thành phần hồ sơ trong hồ sơ đề nghị khen thưởng cho các doanh nghiệp, hồ sơ khen thưởngquá trình cống hiến, khen thưởng đột xuất, khen thưởng đối ngoại.

Về thời gian giải quyết TTHC: Giảm thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng, thời gian thông báo kết quả khen thưởng xuống còn 10 ngày làm việc đối với tất cả các cấp.

* Tác động về kinh tế:

Giải pháp chính sách này sẽ tạo ra những tác động kinh tế tích cực đối với các đối tượng thực hiện.

Thứ nhất, với việc giảm thành phần hồ sơ, Giải pháp dự kiến sẽ giảm được 20% tổng chi phí tuân thủ của các cá nhân, tổ chức và những đối tượng khác trong việc thực hiện TTHC. Tác động tích cực này là kết quả của việc

giảm thành phần hồ sơ sẽ dẫn đến giảm chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của các đối tượng trong quá trình chuẩn bị hồ sơ.

Thứ hai, việc đề xuất giảm số lượng bộ hồ sơ từ 03 bộ xuống 01 bộ có khả năng giản lược 2/3 chi phí trực tiếp mà các đối tượng thực hiện TTHC phải bỏ ra cho việc in ấn hồ sơ. Ngoài ra, đề xuất này cũng dự kiến sẽ góp phần giảm chi phí của cơ quan Nhà nước trong việc quản lý và lưu trữ hồ sơ khen thưởng.

Hiện nay, theo chủ trương của việc thực hiện Nghị quyết 36a/NQ-CP năm 2015 về Chính phủ điện tử, Bộ Nội vụ có nhiệm vụ thực hiện hiệu quả chương trình tổng thể cải cách hành chính gắn với tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, hướng tới việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Do đó, việc cải cách thủ tục hành chính cần thiết phải song hành cùng với ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình thực hiện và giải quyết TTHC. Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương đang tích cực trong việc xây dựng Cổng dịch vụ công quốc gia và triển khai Hệ thống thông tin một cửa điện tử kết nối Cổng dịch vụ công bộ, ngành, địa phương; đây là hệ thống quan trọng để kết nối Chính phủ với người dân và doanh nghiệp, thể hiện tinh thần phục vụ của Chính phủ. Cổng dịch vụ công quốc gia cần tiến tới là một hiện diện số nhất quán, đầy đủ và thân thiện của Chính phủ phục vụ người dân và doanh nghiệp. Hiện tại, Chính phủ đã thành lập Tổ công tác giúp việc Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử nhằm thúc đẩy các hoạt động về xây dựng chính phủ điện tử trong giai đoạn tới. Do đó, trong thời gian tới khi các Hệ thống thông tin Chính phủ không giấy tờ; Hệ thống điện tử về tham vấn chính sách; Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia được thiết lập thì các chi phí thực hiện TTHC trong hoạt động thi đua, khen thưởng cũng sẽ được giảm xuống đáng kể.

* Tác động về xã hội:

Giải pháp chính sách quy định về quy trình xét tặng khen thưởng theo hướng cho phép các đơn vị, cơ quan, bộ ngành xét tặng các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền thông qua việc phát hiện các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua sẽ tạo điều kiện cho các bộ, ngành chủ động xét tặng khen thưởng theo đặc thù của từng bộ ngành, kịp thời động viên, tạo động lực phấn đấu cho tập thể cá nhân được khen thưởng.

Giảm bớt hồ sơ, thủ tục sẽ giúp tập thể cá nhân cảm thấy phong trào thi đua, khen thưởng có ý nghĩa hơn khi việc thực hiện các thủ tục để được khen thưởng đơn giản hơn, nhanh hơn.

* Tác động về giới: Giải pháp chính sách 2 này không phát sinh yếu tố tác động đến giới

* Tác động về thủ tục hành chính:

Việc cải cách theo hướng đơn giản hoá các TTHC trong lĩnh vực thi đua khen thưởng bên cạnh tác động tích cực như giúp giảm chi phí cho đối tượng thực hiện TTHC và cơ quan giải quyết TTHC như đã phân tích trong phần tác động kinh tế phía trên còn giúp tác động đến việc đảm bảo quyền và lợi ích của

các đối tượng thực hiện TTHC trong việc thực hiện TTHC với quy trình xét tặng danh hiệu thi đua thông qua việc phát hiện các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: Về cơ bản, do giải pháp này chỉ bổ sung quy định về quy trình, đồng thời giảm bớt các thành phần của TTHC như giảm số lượng hồ sơ, giảm bớt thành phần hồ sơ mà không thay đổi đáng kể về quy định pháp luật hiện hành. Do đó, dự báo tác động hay xáo trộn đối với hệ thống pháp luật là không đáng kể.

- Đối với các thủ tục hành chính mới được bổ sung (nội dung thủ tục, hồ sơ trình khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích trong các lĩnh vực thuộc danh mục bảo vệ bí mật Nhà nước), việc quy định cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật ở tầm luật đảm bảo phù hợp với tinh thần cải cách, minh bạch thủ tục hành chính của Nhà nước, Chính phủ, phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 về cấm ban hành thủ tục hành chính trong một số văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Khoản 4 Điều 14 của Luật.

4.4.2. Giải pháp 3: Thay đổi hệ thống các văn bản quy định về TTHC trong thi đua khen thưởng theo hướng:

- Luật chỉ đưa ra những nguyên tắc chung trong quy định về TTHC;

- Các bộ, ngành, địa phương (cấp tỉnh, thành phố) - trên cơ sở nguyên tắc chung của Luật, tự quy định chi tiết về TTHC thuộc thẩm quyền phù hợp với ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý.

* Tác động về kinh tế: Tương tự phần tác động kinh tế của Giải pháp chính sách 2 - Chính sách 3.

* Tác động về xã hội: Tương tự như Giải pháp chính sách 2, Giải phápGiải pháp này tạo điều kiện cho các bộ, ngành địa phương chủ động xét tặng danh hiệu thi đua theo đặc thù của từng bộ ngành địa phương, kịp thời động viên khen thưởng, tạo động lực phấn đấu cho tập thể cá nhân được khen thưởng.

* Tác động về giới: Giải pháp chính sách 2 này không phát sinh yếu tố tác động đến giới

* Tác động về thủ tục hành chính:

Tương tự phần tác động TTHC của Giải pháp chính sách 2, Chính sách 3.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Để đảm bảo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 về cấm ban hành thủ tục hành chính trong một số văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Khoản 4 Điều 14, cần rà soát, dự kiến toàn diện các quy định của pháp luật cần quy định TTHC để thực hiện giao trong đề nghị xây dựng Luật Thi đua, khen thưởng.

- Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở góc độ kinh tế: Xem phần đánh giá tác động kinh tế ở phía trên.

- Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân từ việc áp dụng thủ tục hành chính: Việc các bộ, ngành, địa phương tự quy định chi tiết về TTHC thuộc thẩm quyền trên cơ sở nguyên tắc của Luật sẽ góp phần đảm bảo các thành phần, nội dung của TTHC mang tính phù hợp với thực tiễn của bộ, ngành, địa phương đó. Tuy nhiên, cũng có thể dẫn đến tình trạng quy định khác nhau, mâu thuẫn về quy định thành phần, nội dung của TTHC giữa các bộ, ngành, địa phương.

4.5. Kiến nghị lựa chọn giải pháp: lựa chọn giải pháp 2 và cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách là Quốc hội.

III. LẤY Ý KIẾN

Bộ Nội vụ đã có công văn gửi các Bộ, ban, ngành, địa phương về việc cho ý kiến đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi đua khen thưởng (sửa đổi). Các bộ, ngành, địa phương cơ bản nhất trí, một số ý kiến đóng góp, Bộ Nội vụ đã tiếp thu, giải trình trong hồ sơ dự án Luật. Đồng thời, Bộ Nội vụ đã đăng tải toàn văn dự thảo hồ sơ đề nghị trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử Bộ Nội vụ để lấy ý kiến rộng rãi đối với mọi đối tượng. Sau khi đăng tải, Bộ Nội vụ chưa nhận được ý kiến góp ý của cá nhân, tổ chức.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách, giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách./.

BỘ NỘI VỤ

QUỐC HỘI KHÓA XV **ỦY BAN XÃ HỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 256/BC-UBXH15	*Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2021*

BÁO CÁO
Thẩm tra dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi)

Kính gửi: Các vị đại biểu Quốc hội,

Thực hiện Nghị quyết số 106/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020, theo phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Xã hội chủ trì thẩm tra dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi) (*sau đây viết là dự án Luật)*.

Để phục vụ việc thẩm tra trong bối cảnh thực hiện giãn cách xã hội để phòng, chống dịch COVID-19, Ủy ban Xã hội đã tiến hành nghiên cứu, tổ chức các phiên làm việc với Ban soạn thảo[1], các cuộc hội thảo, tọa đàm chuyên gia lấy ý kiến về dự án Luật[2]. Ngày 02/8/2021, Thường trực Ủy ban Xã hội đã tổ chức phiên họp mở rộng[3] để thẩm tra sơ bộ dự án Luật trên cơ sở Tờ trình số 256/TTr-CP ngày 22/7/2021 của Chính phủ, Hồ sơ dự án Luật kèm theo và đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội Báo cáo thẩm tra sơ bộ số 66/BC-UBXH15 ngày 16/8/2021 tại phiên họp thứ 2 (tháng 8/2021).

Ngày 27/9/2021, Ủy ban Xã hội đã tổ chức Phiên họp toàn thể lần thứ 2 để thẩm tra dự án Luật trên cơ sở Tờ trình số 337/TTr-CP (*sau đây viết là Tờ trình*) về dự án Luật. Ủy ban Xã hội kính trình Quốc hội Báo cáo thẩm tra dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi) như sau:

---

[1] Tổ chức Phiên họp nghe Ban soạn thảo báo cáo về một số vấn đề lớn của dự án Luật (ngày 30/7/2021); báo cáo về việc tiếp thu, giải trình ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội (ngày 23/9/2021).

[2] Tổ chức các Hội thảo, tọa đàm chuyên gia về một số nội dung của dự án Luật như: (i) việc thực hiện Điều 101 của Luật Thi đua, khen thưởng (ngày 17/6/2021); (ii) vấn đề khen thưởng đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách (ngày 22/6/2021); (iii) khen thưởng đối với người có thành tích, cống hiến trong bảo vệ Tổ quốc từ sau năm 1975 đến nay (ngày 27/8/2021); (iv) thi đua, khen thưởng đối với cá nhân, tổ chức trong hoạt động sản xuất, kinh doanh (ngày 31/8/2021); (v) công tác thi đua, khen thưởng trong MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội (ngày 14/9/2021); (vi) Gửi công văn đề nghị Đoàn Chủ tịch Ủy ban TƯMTTQ Việt Nam và Hội đồng tư vấn pháp luật của Ủy ban TƯMTTQ Việt Nam góp ý đối với dự án Luật; (vii) phối hợp với Viện Nghiên cứu lập pháp tổ chức Hội thảo khoa học "*Hoàn thiện pháp luật về thi đua, khen thưởng đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*" (ngày 06/9/2021) và (viii) Gửi công văn đề nghị Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội phối hợp thẩm tra, Ban Công tác đại biểu, Văn phòng Quốc hội góp ý đối với dự án Luật. Tổ chức các Đoàn khảo sát tại một số địa phương (Bạc Liêu, Sóc Trăng, Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Tháp ...).

[3] Tham dự phiên họp có: Bộ trưởng Bộ Nội vụ - Trưởng Ban soạn thảo dự án Luật; một số thành viên Ủy ban; đại diện Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban: Quốc phòng và An ninh; Đối ngoại; Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Kinh tế; Tài chính, Ngân sách; đại diện các cơ quan trung ương, tổ chức đoàn thể và một số bộ, ngành hữu quan.

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Sự cần thiết ban hành Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi)

Ủy ban Xã hội nhất trí về sự cần thiết sửa đổi toàn diện Luật Thi đua, khen thưởng để thể chế hóa đầy đủ các quan điểm chỉ đạo của Đảng về công tác thi đua, khen thưởng; khắc phục những bất cập của các quy định hiện hành; bổ sung những vấn đề phát sinh phù hợp với thực tiễn về công tác thi đua, khen thưởng trong tình hình mới và bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật nhằm "*đổi mới công tác thi đua, khen thưởng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ động hội nhập quốc tế*"[4].

2. Về tên gọi, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự án Luật

(1) Dự án Luật gồm 98 điều (giảm 05 điều so với Luật hiện hành) và giữ nguyên bố cục gồm 8 chương như Luật hiện hành, sửa đổi, điều chỉnh 94 điều với 4 nhóm nội dung lớn phù hợp với 4 nhóm chính sách nêu trong đề nghị xây dựng Luật[5]. Do đó, Ủy ban Xã hội thống nhất tên gọi của luật là "*Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi)*".

(2) Ủy ban Xã hội nhất trí phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự án Luật, đồng thời đánh giá cao Cơ quan soạn thảo, trong một số hình thức khen thưởng đã bổ sung đối tượng là tập thể nhỏ và người lao động trực tiếp; doanh nhân, trí thức, nhà khoa học; cá nhân, tập thể người nước ngoài; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài… phù hợp với thực tiễn ngày càng đa dạng trong công cuộc xây dựng, đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế.

3. Sự phù hợp của nội dung dự án Luật với chủ trương, đường lối của Đảng; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật

Ủy ban Xã hội thấy rằng, dự án Luật cơ bản phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, phù hợp với quy định và tinh thần của Hiến pháp, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật. Mặc dù trong Hồ sơ đã có báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật, Ủy ban Xã hội đề nghị Cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát một số luật, nghị quyết, pháp lệnh hiện hành[6] để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

---

[4] Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

[5] Tờ trình số 5617/TTr-BNV ngày 15/11/2018 nêu 04 nhóm chính sách bao gồm: (1) Hoàn thiện hệ thống danh hiệu thi đua; (2) Hoàn thiện hệ thống hình thức khen thưởng; (3) Hoàn thiện chế định về thẩm quyền và trách nhiệm quản lý; và (4) Cải cách thủ tục hành chính trong thi đua khen thưởng.

[6] Luật Di sản văn hóa; Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức; Luật Khoa học và công nghệ; Luật Nghĩa vụ quân sự; Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước…; Pháp lệnh Ưu đãi người có công với Cách mạng; Pháp lệnh Quy định danh hiệu Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"…

4. Việc bảo đảm chính sách dân tộc, lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật

Cơ quan soạn thảo đã tuân thủ các quy định về trình tự, thủ tục lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quá trình xây dựng dự án Luật và đã tiếp tục quy định "*bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng*", đồng thời thể chế hóa quan điểm "*Quan tâm khen thưởng cơ sở, vùng biên giới, hải đảo và vùng dân tộc thiểu số*"[7] tại quy định về nguyên tắc khen thưởng (Điều 6 dự thảo Luật). Ủy ban Xã hội đề nghị Cơ quan soạn thảo tiếp tục nghiên cứu để cụ thể hóa các nguyên tắc này trong các quy định về tiêu chuẩn danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cụ thể.

5. Về Hồ sơ dự án Luật

Hồ sơ dự án Luật được chuẩn bị công phu, bảo đảm các thành phần hồ sơ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ủy ban Xã hội đánh giá cao Cơ quan soạn thảo đã nghiêm túc tiếp thu, bổ sung hoàn thiện nhiều nội dung, cập nhật số liệu trong các báo cáo thành phần của Hồ sơ trên cơ sở ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cơ quan chủ trì thẩm tra, các cơ quan của Quốc hội.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG LỚN

1. Mối quan hệ giữa thi đua và khen thưởng

Dự thảo Luật điều chỉnh cả thi đua và khen thưởng, Ủy ban Xã hội tán thành với quan điểm xuyên suốt là bảo đảm mối quan hệ giữa thi đua và khen thưởng, vừa thể hiện kết quả của thi đua không chỉ là danh hiệu thi đua mà thành tích của thi đua còn là cơ sở để khen thưởng và ngược lại, khen thưởng là động lực để thúc đẩy phong trào thi đua, song vẫn thể hiện thi đua và khen thưởng là hai phạm trù có sự độc lập tương đối với nhau về tính chất, phạm vi và nguyên tắc. Thi đua là hoạt động có tổ chức với sự tham gia tự nguyện, tự giác, công khai của cá nhân, tập thể. Khen thưởng là một chính sách thể hiện sự ghi nhận, biểu dương, tôn vinh cá nhân tập thể có thành tích. Thi đua thường gắn với khen thưởng, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói "*thi đua là gieo trồng, khen thưởng là thu hoạch*", nhưng không phải mọi khen thưởng đều xuất phát trực tiếp từ thi đua (khen thưởng đột xuất, khen thưởng quá trình cống hiến, khen thưởng theo niên hạn, khen thưởng đối ngoại).

2. Thi đua, khen thưởng đối với khu vực ngoài nhà nước

(1) Pháp luật hiện hành về thi đua, khen thưởng đã có các quy định về việc biểu dương, tôn vinh các đối tượng là doanh nhân, doanh nghiệp có đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước[8]. Tuy nhiên, qua giám sát, Ủy ban Xã hội nhận thấy, trong quá trình triển khai thực hiện có một số tồn tại, hạn chế

---

[7] Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

[8] Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 về việc ban hành Quy chế quản lý tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp; Thông tư số 01/2012/TT-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2012 quy định chi tiết thi hành Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

như: (i) Vẫn còn tình trạng bộ, ngành, cơ quan trung ương, một số đoàn thể chưa thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật khi trình Thủ tướng Chính phủ cho phép tổ chức các giải thưởng phạm vi toàn quốc[9]; (ii) Trong quá trình tổ chức chưa thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, tổ chức bình xét chưa bám sát các tiêu chí đã quy định, không bảo đảm tính khách quan và chính xác, dẫn đến một số doanh nghiệp, doanh nhân được tôn vinh, biểu dương, nhưng thành tích chưa thực sự tiêu biểu xuất sắc, thậm chí còn có những cá nhân, tập thể vi phạm pháp luật sau khi được tôn vinh, biểu dương[10].

(2) Ủy ban Xã hội đồng tình với việc bổ sung một số quy định nguyên tắc về đối tượng, tiêu chuẩn trong dự thảo Luật (tại các điều 39, 40, 41, 72, 73 và 80 của dự thảo Luật) nhằm "*tôn vinh, khen thưởng kịp thời, xứng đáng những doanh nhân có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*" theo tinh thần Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII xác định, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, toàn diện để thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, cũng như quản lý nhà nước đối với việc tổ chức các giải thưởng tôn vinh doanh nghiệp, doanh nhân.

(3) Ủy ban Xã hội thấy rằng, trong khu vực ngoài Nhà nước, bên cạnh các doanh nhân, doanh nghiệp còn có các tổ chức khác như bệnh viện tư, trường học tư... cũng có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Vì vậy, đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát bổ sung quy định để bảo đảm bao quát hết các nhóm đối tượng trong khu vực ngoài Nhà nước. Đồng thời, khi quy định chi tiết việc xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng đối với nhóm đối tượng này, cần xác định rõ thủ tục, hồ sơ, hình thức khen thưởng, tôn vinh, tuyến trình khen thưởng theo hướng bảo đảm cải cách thủ tục hành chính và phù hợp với thực tiễn tổ chức, hoạt động của doanh nhân, doanh nghiệp và tổ chức khu vực ngoài Nhà nước.

3. Về thi đua và danh hiệu thi đua

a) Về việc bổ sung danh hiệu thi đua "Xã tiêu biểu", "Phường, thị trấn tiêu biểu" (Điều 26)

---

[9] Đã có 18 giải thưởng do các bộ, ngành, đoàn thể trung ương đề nghị nhưng không được Thủ tướng Chính phủ cho phép tổ chức.

[10] Giải thưởng "Doanh nhân Việt Nam làm theo lời Bác" (năm 2014), sau khi được cho phép tổ chức, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam đã có quyết định giao cho đơn vị trực thuộc tổ chức không đúng thẩm quyền, có những sai phạm trong tuyên truyền, quảng bá và huy động kinh phí, Thủ tướng Chính phủ có văn bản chỉ đạo dừng tổ chức giải thưởng.

- Chương trình "Liên hoan vinh danh các Doanh nghiệp Rồng Vàng và Thương hiệu mạnh Việt Nam", do Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức, trao tặng danh hiệu "Rồng vàng" và danh hiệu "Thương hiệu mạnh Việt Nam" cho các doanh nghiệp hàng năm…

- Giải thưởng "Top 100 doanh nghiệp tiêu biểu xuất sắc", "Top 100 nhà quản lý tài đức" do Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành nghề nông thôn tổ chức tại Lào năm 2013, 2014 (Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản chỉ đạo thực hiện đúng quy định và dừng việc tổ chức giải thưởng).

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vinaca sản xuất thuốc chống ung thư giả đạt top 10 thương hiệu hàng đầu Việt Nam trong chương trình tôn vinh thương hiệu, sản phẩm dịch vụ hàng đầu Việt Nam do Viện công nghệ chống làm giả và Trung tâm tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp và phát triển thương hiệu tổ chức.

Ủy ban Xã hội thấy rằng, theo quy định hiện hành, cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể ở cấp xã có các danh hiệu "*Tập thể lao động tiên tiến", "Tập thể lao động xuất sắc*", do vậy việc bổ sung danh hiệu thi đua *"xã tiêu biểu", "Phường, thị trấn tiêu biểu*" đối với người dân ở phạm vi cấp xã là phù hợp với chủ trương đưa phong trào thi đua hướng về cơ sở, người lao động trực tiếp. Tuy nhiên, đề nghị Cơ quan soạn thảo tiếp tục cân nhắc, giải trình và làm rõ thêm:

(1) Các danh hiệu thi đua này có làm cơ sở để xem xét danh hiệu thi đua cao hơn không và phạm vi "*tiêu biểu*" quy định như dự thảo Luật có bảo đảm thực hiện chủ trương hạn chế khen thưởng hình thức?

(2) Tiêu chuẩn "*Đạt chuẩn nông thôn mới*" là nỗ lực của cả hệ thống chính trị với sự đầu tư từ trung ương, tỉnh và huyện trong phong trào thi đua *"cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*". Đến năm 2025 khi đạt được mục tiêu cả nước có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới thì tiêu chuẩn này không còn ý nghĩa và quy định như dự thảo Luật chưa bảo đảm tính ổn định của quy phạm pháp luật.

(3) Bên cạnh các xã đạt nông thôn mới đã đặt ra các mục tiêu cao hơn là *"Nông thôn mới kiểu mẫu", "Nông thôn mới nâng cao"* thì đối với các xã biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn, việc đạt chuẩn nông thôn mới rất khó khăn, do đó, cần xem xét có tiêu chí phù hợp hơn như tiêu chí đại đoàn kết toàn dân tộc đối với xã thuộc vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số; xã biên giới, hải đảo là tiêu chí giữ gìn, bảo vệ an ninh biên giới, quan hệ hữu nghị với nhân dân nước láng giềng…

(4) Tiêu chuẩn "*dẫn đầu*" chưa rõ ràng về quy mô và phạm vi nên khó xác định.

b) Về việc thay đổi tên gọi danh hiệu thi đua đối với gia đình, thôn, bản, làng, ấp, tổ dân phố (Điều 27 và Điều 28)

Dự thảo Luật đã đổi tên danh hiệu thi đua "*gia đình văn hóa", "thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hóa*" thành "*gia đình tiêu biểu", "thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố tiêu biểu"*. Ủy ban Xã hội đề nghị Cơ quan soạn thảo làm rõ:

(1) Cơ sở của việc đổi tên này trong khi các quy định về *"gia đình văn hóa", "thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hóa*" đã thực hiện ổn định và Báo cáo tổng kết 17 năm thi hành Luật không đề cập bất kỳ nội dung nào đến danh hiệu này.

(2) Làm rõ nội hàm, phạm vi, tính chất của "*tiêu biểu*", có phân biệt cấp độ "*tiêu biểu*" theo các phạm vi, địa bàn để có các tiêu chuẩn khác nhau đối với từng cấp độ (ví dụ: gia đình tiêu biểu của thôn, xã, huyện…, thôn tiêu biểu của xã, huyện, tỉnh…).

(3) Mối quan hệ giữa danh hiệu thi đua "*gia đình tiêu biểu*" và "*gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội*" là đối tượng được bổ sung hình thức khen thưởng "*Bằng khen của Thủ tướng*

Chính phủ" (khoản 6, Điều 72), "*Bằng khen của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh*" (khoản 5 Điều 73).

(4) Nghiên cứu bổ sung cụm từ "*buôn, bon, phum, sóc*" tại một số điều, khoản có liên quan để bảo đảm tính thống nhất, đầy đủ[11].

4. Về hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng

a) Về các hình thức khen thưởng

Hình thức khen thưởng là nội dung rất quan trọng của Luật Thi đua, khen thưởng; xác định đúng, đủ các hình thức khen thưởng và phù hợp với tính chất, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng sẽ góp phần đưa công tác thi đua, khen thưởng ngày càng phát huy vai trò tác dụng. Hình thức khen thưởng phải phản ánh và phục vụ nhiệm vụ chính trị của đất nước và phải đổi mới kịp thời theo tình hình. Hình thức khen thưởng cũng phải phù hợp với tính chất, đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng.

Ủy ban Xã hội thống nhất với quan điểm mới, nhất quán từ khi xây dựng Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003, đó là: Huân chương là hình thức khen thưởng gắn với công trạng, thành tích, đóng góp xuất sắc; Huy chương là hình thức gắn với niên hạn công tác là chủ yếu; Danh hiệu vinh dự Nhà nước chủ yếu do đóng góp lớn ở một số lĩnh vực; Giải thưởng nhà nước dành để tặng cho các tác giả của các công trình xuất sắc. Chính vì vậy, Huân chương, Huy chương, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Nhà nước là các hình thức khen thưởng của Nhà nước theo các tiêu chí khác nhau. Ủy ban Xã hội đề nghị Cơ quan soạn thảo làm rõ việc dự thảo Luật còn duy trì quan điểm này hay không?

b) Về tiêu chuẩn khen thưởng

(1) Theo Báo cáo Tổng kết đánh giá thi hành Luật[12], một trong những hạn chế của Luật hiện hành đó là một số quy định về tiêu chuẩn khen thưởng chưa được rõ ràng, chưa cụ thể, thiếu định lượng. Ủy ban Xã hội đề nghị Cơ quan soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, rà soát, lượng hóa tối đa các tiêu chuẩn khen thưởng để bảo đảm khắc phục đầy đủ hạn chế đã tổng kết.

(2) Đối với một số hình thức khen thưởng (ví dụ như "*Huân chương Độc lập", "Huân chương Lao động", "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ"...),* dự thảo Luật quy định tiêu chuẩn khen thưởng gắn với "*Cờ thi đua của Chính phủ"*. Tuy nhiên, để được xét tặng "*Cờ thi đua của Chính phủ", "Cờ thi đua của bộ, ban, ngành tỉnh*" thì tập thể phải nằm trong cụm, khối thi đua. Với quy định như vậy, các tập thể không thuộc cụm, khối thi đua (như các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tập đoàn, tổng công ty và một số loại hình pháp nhân …) sẽ khó tiếp cận với hình thức khen thưởng bậc cao. Đề nghị Cơ quan soạn thảo cân nhắc giữ quy định hiện hành để không bỏ sót đối tượng.

---

[11] Phù hợp với Thông tư số 01/VBHN-BNV ngày 16/4/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

[12] Trang 39, Báo cáo số 4646/BC-BNV ngày 21/9/2021 Tổng kết đánh giá 17 năm thi hành Luật Thi đua, khen thưởng.

c) Việc bổ sung hình thức khen thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" (Điều 51 và Điều 55)

Qua thảo luận có hai loại ý kiến về vấn đề này như sau:

- *Loại ý kiến thứ nhất* thống nhất với Tờ trình của Chính phủ đề nghị bổ sung hình thức khen thưởng "*Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang*" để thể hiện sự ghi nhận, tri ân đối với lực lượng Thanh niên xung phong đã có nhiều hy sinh, đóng góp trong sự nghiện kháng chiến của dân tộc; đồng thời cụ thể hóa Kết luận của Ban Bí thư tại Thông báo số 3257-CV/VPTW ngày 07/02/2017[13], thể hiện sự ghi nhận, tri ân đối với lực lượng Thanh niên xung phong đã đóng góp công sức trong các thời kỳ kháng chiến, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị không quy định "*Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang"* trong dự thảo Luật vì: (i) Luật Thi đua, khen thưởng không quy định cụ thể việc khen thưởng thành tích kháng chiến; (ii) Đã có những hình thức khen thưởng chung đối với những người tham gia kháng chiến ("*Bằng khen"*, *"Huy chương kháng chiến"*, *"Huân chương kháng chiến*"…) trong đó bao gồm cả lực lượng thanh niên xung phong nếu đáp ứng đủ các điều kiện tiêu chuẩn của từng hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật; (iii) Việc khen thưởng thành tích xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đã được khái quát hóa chung về đối tượng, nếu phân biệt cụ thể tên từng loại đối tượng như thanh niên xung phong thì sẽ còn nhiều đối tượng khác cần được cụ thể hóa và tạo sự so sánh rất khập khiễng giữa các đối tượng trong khi dự án Luật đang tiếp cận theo hướng cá nhân, tập thể nào đạt thành tích, công trạng đến đâu thì khen thưởng tương ứng; và (iv) Hơn nữa, cũng cần làm rõ thanh niên xung phong tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo quy định của Luật Thanh niên[14], nếu là đối tượng được xét tặng "*Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang*" thì quy định tiêu chuẩn cụ thể để bảo đảm bình đẳng với các đối tượng khác cũng tham gia xây dựng bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay. Ngoài ra, cần thống nhất về số lượng Thanh niên xung phong dự kiến được trao "*Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang*"[15].

Ủy ban Xã hội thấy rằng:

(1) Thanh niên xung phong kháng chiến là lực lượng đã có nhiều hy sinh, đóng góp rất lớn cho sự nghiệp chung của dân tộc. Việc ghi nhận, tôn vinh, khen thưởng chung cho thành tích kháng chiến là hết sức cần thiết và đã được quy định thống nhất trong hệ thống khen thưởng trước năm 2003 cho tất cả các lực lượng tham gia kháng chiến, trong đó có lực lượng thanh niên xung phong.

---

[13] Thông báo số 3257-CV/VPTW ngày 07/02/2017 của Văn phòng Trung ương thông báo kết luận của Ban Bí thư: "Đồng ý chủ trương tặng thưởng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" cho Thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ các thời kỳ kháng chiến, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".

[14] Thanh niên xung phong là lực lượng xung kích của thanh niên tham gia thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm, giáo dục, đào tạo, rèn luyện thanh niên và các nhiệm vụ đột xuất, cấp bách, khó khăn, gian khổ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

[15] Theo Báo cáo Đánh giá tác động chính sách "Hiện tại có 670.000 Thanh niên xung phong dự kiến được trao hình thức khen thưởng" và dự kiến hằng năm có khoảng 200 người được khen thưởng (số đối tượng này chủ yếu thuộc Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh).

Trên thực tế, lực lượng Thanh niên xung phong đã được nhận các hình thức khen thưởng cao nhất của Nhà nước[16] và về cơ bản, các cán bộ, đội viên Thanh niên xung phong đã được xét khen thưởng như những đối tượng khác tham gia kháng chiến, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo niên hạn, công trạng, thành tích. Thanh niên xung phong nếu là người có công với Cách mạng[17] còn được thực hiện chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với Cách mạng và những chính sách khác đối với thanh niên xung phong trực tiếp tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, làm nhiệm vụ quốc tế, Thanh niên xung phong ở cơ sở miền Nam[18]…

Luật Thi đua, khen thưởng hiện hành không quy định về hình thức khen thưởng huân chương, huy chương đối với người có thành tích kháng chiến mà quy định việc tiếp tục thực hiện khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và giao Chính phủ hướng dẫn thể thức, thời hạn kết thúc (khoản 1 Điều 101 Luật hiện hành), không có quy định riêng đối với Thanh niên xung phong trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

(2) Thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng, để ghi nhận sự tham gia, đóng góp xây dựng lực lượng Thanh niên xung phong tập trung tham gia kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, cán bộ, đội viên thanh niên xung phong đã được tặng *"Kỷ niệm chương Thanh niên xung phong"*[19].

(3) Việc bổ sung một hình thức khen thưởng riêng "*Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang"* như dự thảo Luật cần cân nhắc vì: (i) Chưa phù hợp với quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị nêu tại Thông báo số 120-TB/TW ngày 18/01/2013 về Đề án đổi mới công tác thi đua - khen thưởng, theo đó cần "*giảm bớt các hình thức khen thưởng cấp nhà nước"*; (ii) Chưa bảo đảm nguyên tắc

---

[16] Lực lượng Thanh niên xung phong Việt Nam đã được tặng thưởng Huân chương Sao Vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hạng nhất, Huân chương Thành đồng Tổ quốc, Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang.

[17] Theo Báo cáo số 353/HCTNXPVN-BCS ngày 09/8/2021 của Hội Cựu Thanh niên xung phong Việt Nam, có 46.000 thanh niên xung phong bị thương, đã xác nhận được 33.700 người là thương binh, trên 10.000 người hy sinh, đã xác nhận được 4.952 là liệt sĩ…

[18] - Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước; Quyết định số 188/2007/QĐ-Ttg ngày-06/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005.

- Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bảo hiểm y tế và mai táng phí đối với thanh niên xung phong chống Pháp.

- Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với Thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến (Thay thế Quyết định số 104/1999/QĐ-TTg ngày 14/4/1999.

- Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

- Nghị định số 112/2017/NĐ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với Thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965-1975.

- Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, trong đó có quy định về chế độ bảo hiểm y tế đối với Thanh niên xung phong, Thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam.

[19] Hướng dẫn số 60-HD/TWĐTN ngày 09/8/2011 của Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hướng dẫn tặng Kỷ niệm chương Thanh niên xung phong.

không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được[20], tính công bằng trong việc khen thưởng các lực lượng khác tham gia kháng chiến[21], xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; công bằng với các hình thức khen thưởng huy chương khác *("Huy chương Chiến sĩ vẻ vang"*[22], *"Huy chương Vì an ninh Tổ quốc", "Huy chương Quân kỳ quyết thắng")* và các lực lượng khác đã đóng góp trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nhưng chưa có hình thức khen thưởng tương tự; (iii) Vấn đề này còn nhiều ý kiến khác nhau[23], bao gồm cả tính khả thi khi thực hiện chính sách[24] (theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách, dự kiến cần một khoản kinh phí lớn để thực hiện khen thưởng[25]).

Đa số ý kiến Ủy ban Xã hội thấy rằng, chưa đủ điều kiện để bổ sung hình thức khen thưởng "*Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang*" vào dự án Luật trong lần sửa đổi này.

5. Về vấn đề tổng kết khen thưởng thành tích kháng chiến (Khoản 3 Điều 98)

Khoản 3 Điều 98 dự thảo Luật giữ nguyên quy định của khoản 1 Điều 101 Luật Thi đua, khen thưởng hiện hành, theo đó, Nhà nước tiếp tục xem xét và thực hiện việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến cho những cá nhân, tập thể, gia đình, địa phương và cơ sở có công lao, thành tích trong các cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc. Chính phủ hướng dẫn thể thức và thời hạn kết thúc việc khen thưởng tổng kết thành tích các cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc.

Ủy ban Xã hội nhận thấy, Chỉ thị số 34/CT-TW ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị về Đề án đổi mới công tác thi đua khen thưởng đặt ra nhiệm vụ "*Tập trung giải quyết dứt điểm việc khen thưởng thành tích trong các cuộc kháng*

---

[20] Một bộ phận thanh niên xung phong đã được khen thưởng Bằng khen, Huy chương kháng chiến, Huân chương kháng chiến. Đặc biệt, có 42 tập thể và 40 cá nhân được tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng (chủ yếu là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân).

[21] Dân quân, du kích, dân công hỏa tuyến và các lực lượng dân sự khác tham gia kháng chiến.

[22] - Trong thời kỳ kháng chiến, "Huy chương Chiến sĩ vẻ vang" được xét tặng thưởng cho "những người đã phục vụ tại ngũ liên tục trong 3 năm hoặc đã phục vụ tại ngũ liên tục trong 2 năm mà được xếp vào loại giỏi về mọi mặt trong thời gian ấy" (điểm d Điều 4 Pháp lệnh số 52/LCT Đặt Huân chương và Huy chương Chiến sĩ vẻ vang năm 1961). Trong khi đó, khoản 1 điều 55 dự thảo Luật quy định "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" được xét tặng hoặc truy tặng cho "Thanh niên xung phong tham gia thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ làm nhiệm vụ quốc tế giúp bạn Lào và Căm-pu-chia, hoàn thành nhiệm vụ, có thời gian tại ngũ từ 02 năm trở lên. Đối với trường hợp hy sinh, bị thương trong khi làm nhiệm vụ đã được công nhận liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, thanh niên xung phong bị nhiễm chất độc hóa học, có thời gian tại ngũ 1 năm trở lên.."

- Trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, theo quy định của dự thảo Luật, "Huy chương Chiến sĩ vẻ vang" hạng Ba được tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến liên tục từ 10 năm đến dưới 15 năm (điểm c khoản 1 Điều 54 dự thảo Luật); trong khi đó, "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" được tặng hoặc truy tặng cho "Thanh nhiên xung phong tham gia thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hoàn thành nhiệm vụ, có thời gian tại ngũ từ 5 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý thanh niên xung phong có thời gian tại ngũ từ 9 năm trở lên…" (khoản 2 Điều 55 dự thảo Luật).

[23] Theo Hồ sơ dự án Luật Chính phủ trình chỉ có 3/97 bộ, ngành, địa phương đồng ý với hình thức khen thưởng này, không đồng ý (17/97) hoặc không có ý kiến (77/97) về vấn đề này .

[24] Lực lượng thanh niên xung phong được ra đời năm 1950, theo Báo cáo của Hội Cựu thanh niên xung phong, số lượng là 670.000 người.

[25] Dự tính, số đối tượng là 400.000, tổng chi phí khoảng 1.140,4 tỷ đồng, bao gồm: Chi phí trang thiết bị vật tư: 128 tỷ đồng; Tiền khen thưởng: 834 tỷ đồng (cho 400.000 đối tượng); Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước: 85,4 tỷ đồng; Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của đối tượng: 93 tỷ đồng.

chiến." Đồng thời, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư[26], Ban cán sự đảng Chính phủ đang thực hiện tổng kết khen thưởng thời kỳ kháng chiến, hoàn thành và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong năm 2021.

Do đó, Ủy ban Xã hội đề nghị Chính phủ báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của các cơ quan có thẩm quyền trong quý IV/2021 để làm căn cứ cho việc hoàn thiện quy định của dự thảo Luật.

III. VỀ MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC

1. Về giải thích từ ngữ (Điều 3)

(1) Dự thảo Luật đang có một số từ được sử dụng nhiều, có thể gây ra nhiều cách hiểu khác nhau như: "*tập thể*"[27], "*sáng kiến"*… đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát bổ sung vào các quy định về giải thích từ ngữ (Điều 3) để bảo đảm cách hiểu thống nhất và thuận tiện trong quá trình tổ chức thực hiện.

(2) Ủy ban Xã hội nhận thấy, quy định về các loại hình khen thưởng tại Điều 4 tương tự như giải thích nội hàm của các loại hình khen thưởng, đề nghị Cơ quan soạn thảo cân nhắc chuyển nội dung này về Điều 3 thì phù hợp hơn.

2. Về căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua (Điều 9)

Quy định căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua là phải "*đăng ký thi đua*" (khoản 2 Điều 9) sẽ dẫn đến việc đăng ký thi đua mang tính hình thức, tạo thành rào cản khi xét tặng danh hiệu thi đua cho những cá nhân có cố gắng đạt thành tích xuất sắc nhưng không đăng ký thi đua ở những danh hiệu cao hơn. Đề nghị Cơ quan soạn thảo cân nhắc quy định rõ khi nào phải đăng ký tham gia thi đua, nên chăng chỉ yêu cầu "*đăng ký tham gia thi đua*" đối với trường hợp xét tặng danh hiệu cho các đợt thi đua, chuyên đề, chương trình thi đua cụ thể.

3. Về tiêu chuẩn sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học để làm cơ sở xét tặng danh hiệu thi đua (các Điều 18, 19 và 20)

(1) Dự thảo Luật đã có quy định về thẩm quyền công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến hoặc công nhận sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu và phạm vi ảnh hưởng đối với danh hiệu "*Chiến sỹ thi đua toàn quốc*" (Điều 18) và danh hiệu "*Chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành tỉnh*" (Điều 19). Tuy nhiên, đối với danh hiệu "*Chiến sỹ thi đua cơ sở*" (Điều 20) thì chưa có quy định về thẩm quyền này. Ủy ban Xã hội đề nghị Cơ quan soạn thảo bổ sung quy định về thẩm quyền công nhận sáng kiến để bảo đảm tính thống nhất.

(2) Việc quy định đề án khoa học như dự thảo Luật là chưa bao quát hết các hình thức theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ[28]. Ủy ban Xã hội đề

---

[26] Công văn số 13843-CV/VPTW ngày 04/12/2020 về việc tổng kết khen thưởng thời kỳ kháng chiến.

[27] Tập thể lớn hay nhỏ, có khen thưởng tập thể trong tập thể, tập thể trên tập thể hay không…

[28] Theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2018), các hình thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm *chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu và các hình thức khác do Chính phủ quy định,* trong đó có bao gồm cả hình thức là *đề án khoa học*.

nghị cân nhắc thay cụm từ "*đề án khoa học*" thành cụm từ "*nhiệm vụ khoa học và công nghệ*", đồng thời rà soát để tránh trùng lắp.

4. Về Huân chương

a) Về tiêu chuẩn khen thưởng "Huân chương Lao động" các hạng (các điều 39, 40 và 41)

Điểm d khoản 1 Điều 39 của dự thảo Luật quy định "*Huân chương Lao động"* hạng Nhất được tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn: "*đã được tặng thưởng "Huân chương Lao động" hạng Nhì và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong thời gian đó có 03 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có 02 lần được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh*".

Ủy ban Xã hội thấy rằng, quy định như dự thảo Luật chưa rõ ràng thời điểm để tính danh hiệu "*Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh*" (trước hay sau khi đối tượng được tặng thưởng "*Huân chương Lao động*" hạng Nhì). Đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý quy định theo hướng làm rõ khung thời gian tính tiêu chuẩn xét tặng và bổ sung điều kiện trong thời gian đó cá nhân không bị kỷ luật để bảo đảm mục tiêu của khen thưởng là nhằm khuyến khích, cổ vũ, động viên cá nhân, tập thể hăng hái thi đua, lao động.

b) Về tiêu chuẩn thành tích đột xuất trong các hình thức khen thưởng "Huân chương Lao động" hạng Nhất và "Huân chương bảo vệ Tổ quốc"

Dự thảo Luật bổ sung tiêu chuẩn khen thưởng "*Huân chương Lao độn*g" hạng Nhì, hạng Ba (Điều 40 và Điều 41), "Huân chương Bảo vệ Tổ quốc" hạng Nhì, hạng Ba (Điều 43 và Điều 44), "*Huân chương Chiến công*" hạng Nhất, Nhì, Ba (các Điều 45, 46 và 47) đối với tập thể lập được thành tích "*đột xuất*", để bảo đảm khen thưởng kịp thời đối với tập thể có thành tích "*đột xuất*". Bên cạnh đó, các danh hiệu "*Anh hùng Lao động", "Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân*" cũng được tặng cho tập thể lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất. Ủy ban Xã hội thấy rằng, tiêu chuẩn thành tích "*đột xuất*" chưa được thể hiện trong "*Huân chương Lao động*" hạng Nhất (Điều 39) và "*Huân chương Bảo vệ Tổ quốc*" (Điều 42). Đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát, bổ sung để bảo đảm thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 4, bảo đảm nguyên tắc thành tích đến đâu khen đến đó, cũng như để ghi nhận những thành tích đột xuất của tập thể ở mức cao hơn, phù hợp với thực tiễn công tác, lao động.

5. Về Danh hiệu vinh dự Nhà nước (Từ Điều 57 đến Điều 65)

a) Danh hiệu "Nhà giáo Nhân dân", "Nhà giáo Ưu tú" (Điều 62) và "Thầy thuốc Nhân dân", "Thầy thuốc Ưu tú" (Điều 63)

Ủy ban Xã hội đề nghị Cơ quan soạn thảo cân nhắc giảm về số năm trong tiêu chuẩn những danh hiệu này đối với những đối tượng trực tiếp làm công tác chuyên môn kỹ thuật, trực tiếp giảng dạy hoặc cán bộ quản lý trong lĩnh vực y tế, giáo dục ở vùng hải đảo, dân tộc thiểu số để bảo đảm nguyên tắc quan tâm hơn đến vùng biên giới, hải đảo, dân tộc thiểu số…

b) Danh hiệu vinh dự Nhà nước "Nghệ sĩ nhân dân", "Nghệ sĩ ưu tú"

Tờ trình đã nêu lý do bỏ đối tượng xét danh hiệu *"Nghệ sĩ nhân dân", "Nghệ sĩ ưu tú"* đối với "*nhạc sĩ*" và "*phát thanh viên*", song chưa thuyết phục. Trong khi đó, "*nhạc sĩ*" và *"họa sĩ"* đều là người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, cùng có thể là đối tượng được xét tặng "*Giải thưởng Nhà nước"* và dự thảo Luật vẫn giữ "*họa sĩ*" là đối tượng được xét tặng danh hiệu "*Nghệ sĩ Nhân dân", "Nghệ sĩ Ưu tú*" (khoản 1 Điều 64). Đề nghị Cơ quan soạn thảo giải trình thêm.

6. Về hình thức Giấy khen (Điều 74)

Khoản 2 Điều 74 dự thảo Luật giao bộ, ban, ngành, tỉnh quy định tiêu chuẩn cụ thể tặng Giấy khen đối với gia đình, cá nhân, tập thể trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý nhưng chưa quy định thẩm quyền quy định tiêu chuẩn tặng Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã (điểm b khoản 1 Điều 74). Đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung để bảo đảm tính khả thi trong quá trình triển khai thực hiện.

7. Về thẩm quyền đề nghị khen thưởng (Điều 82)

Qua hoạt động giám sát, Ủy ban Xã hội thấy rằng, có một số bất cập về tuyến trình khen thưởng đối với một số nhóm đối tượng, cụ thể:

a) ***Đối với lực lượng dân quân tự vệ***: Đây là thành phần của lực lượng vũ trang nhân dân; là lực lượng bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng, tài sản của Nhân dân, tài sản của cơ quan, tổ chức ở địa phương, cơ sở; làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở khi có chiến tranh[29]. Theo số liệu của Bộ Quốc phòng, lực lượng dân quân tự vệ chiếm khoảng 1,45% dân số. Theo quy định, Bộ Quốc phòng là cấp quản lý về tổ chức, con người, địa phương là cấp chi trả phụ cấp cho đối tượng này. Trong bối cảnh cần huy động lực lượng dân quân tự vệ (thiên tai, dịch bệnh…) thì Bộ Quốc phòng là cấp chi trả phụ cấp. Do vậy, gặp khó khăn trong đề nghị khen thưởng đối với đối tượng này mặc dù quy định về khen thưởng đã được quy định tại khoản 4 Điều 46 của Luật Dân quân tự vệ[30].

b) Đối với doanh nghiệp: Hiện đang được xây dựng theo đơn vị hành chính và cơ quan quản lý theo ngành, lĩnh vực. Các doanh nghiệp thường hoạt động đa lĩnh vực, đa ngành nghề và trên nhiều địa bàn trong nước và quốc tế. Với quy định như hiện hành sẽ phải trải qua rất nhiều cấp, rất khó khăn cho doanh nghiệp để tiếp cận[31].

---

[29] Điều 3 của Luật Dân quân tự vệ

[30] Khoản 1 Điều 46 Nghị định 91/2017/NĐ-CP quy định: *"Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý"*.

[31] Điểm a khoản 6 Điều 46 Nghị định 91/2017/NĐ-CP quy định: *"... Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cấp giấy phép thành lập và hoạt động... khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng..."*; Khoản 9 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV quy định: "Khi khen thưởng cho tập thể, cá nhân… không thuộc

Ủy ban Xã hội thấy rằng, những vướng mắc trên chủ yếu xuất phát từ tuyến trình khen thưởng. Do vậy, đề nghị cần quy định rõ hoặc quy định mang tính nguyên tắc trong dự thảo Luật để giải quyết bất cập nêu trên tại Điều này.

8. Về khen thưởng theo thủ tục đơn giản (Điều 84)

Ủy ban Xã hội thấy rằng, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 84 còn chung chung, chưa rõ mục đích ghi nhận, biểu dương, tôn vinh, dễ dẫn đến tùy tiện trong áp dụng pháp luật, nhất là trường hợp khen thưởng theo thủ tục đơn giản. Ủy ban Xã hội đề nghị quy định rõ các thành tích, công trạng được khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

9. Về quỹ thi đua, khen thưởng (Điều 91)

Ủy ban Xã hội đề nghị bổ sung từ "*thi đua*" trước đoạn "*…khen thưởng của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế*" tại khoản 1 Điều 91 để bảo đảm thống nhất với tên Điều và thuận lợi cho việc áp dụng trong thực tiễn do doanh nghiệp có thể sử dụng nguồn tài trợ cho quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

10. Về ngôn ngữ, kỹ thuật văn bản

Ủy ban Xã hội đề nghị tiếp tục rà soát từ ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản trong dự thảo Luật để bảo đảm văn phong, tính quy phạm, tính thống nhất trong toàn bộ dự thảo Luật cũng như với các Luật chuyên ngành có liên quan.

11. Về giao và chuẩn bị văn bản quy định chi tiết

Hồ sơ dự án Luật đã bao gồm đề cương của dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật với 229 điều, trong khi dự thảo Luật hiện có 98 điều với 30 nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết. Ủy ban Xã hội đề nghị Cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát, thực hiện đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật[32] về giao quy định chi tiết; nghiên cứu luật hóa những quy định trong các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật hiện hành đã thực hiện ổn định, phù hợp trong thời gian qua, bảo đảm tinh thần những vấn đề quan trọng phải được quy định thống nhất trong luật.

IV. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN TẬP TRUNG THẢO LUẬN

Ủy ban Xã hội đề xuất một số nội dung đề nghị các vị đại biểu Quốc hội tập trung thảo luận như sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

2. Việc sửa đổi, bổ sung các danh hiệu thi đua; việc bổ sung danh hiệu thi đua "*Xã tiêu biểu", "Phường, thị trấn tiêu biểu*" (Điều 26); việc thay đổi tên gọi

---

đối tượng quản lý về tổ chức, quỹ lương… chỉ khen thưởng các hình thức thuộc thẩm quyền, không đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước…"; Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 12/2019/TT-BNV quy định: " Tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp hoạt động tại nơi đặt trụ sở giao dịch chính do người đứng đầu doanh nghiệp khen hoặc đề nghị Chủ tịch UBND cấp tỉnh nơi đặt trụ sở giao dịch chính khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng;… có thành tích đóng góp cho địa phương ngoài nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính do Chủ tịch UBND cấp tỉnh nơi tập thể, cá nhân lập được thành tích khen thưởng theo quy định".

[32] Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

danh hiệu thi đua đối với gia đình, thôn, bản, làng, ấp, tổ dân phố (Điều 27 và Điều 28).

3. Việc sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn xét tặng một số danh hiệu thi đua đặc biệt là việc bổ sung tiêu chuẩn sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học để làm cơ sở xét tặng danh hiệu thi đua (Điều 18, 19, 20)

4. Việc sửa đổi, bổ sung về hình thức khen thưởng, nhất là hình thức khen thưởng "*Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang*" (Điều 55)

5. Việc sửa đổi, bổ sung về đối tượng khen thưởng, đặc biệt là việc bỏ đối tượng xét tặng danh hiệu "*Nghệ sĩ nhân dân", "Nghệ sĩ ưu tú*" đối với "*nhạc sĩ", "phát thanh viên*" (Điều 64).

6. Về tiêu chuẩn khen thưởng Huân chương (Từ Điều 30 đến Điều 50); Danh hiệu vinh dự Nhà nước (từ Điều 57 đến Điều 65).

7. Về thẩm quyền đề nghị khen thưởng (Điều 82); Xử lý vi phạm về thi đua, khen thưởng (Điều 93).

8. Các nội dung khác mà đại biểu quan tâm.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra của Ủy ban Xã hội về dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi), kính trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của QH;
- TANDTC, VKSNDTC;
- VPTƯĐ, VPCTN, VPQH, VPCP;
- Các Bộ: NV, TP, QP, CA, TC, NG, NN&PTNT, VH-TT&DL;
- UBTƯMTTQVN, TLĐLĐVN, HLHPNVN, TUĐTNCSHCM, PTM&CNVN, TƯ Hội NDVN; TƯ Hội CCBVN; Hội CTNXP;
- Ban Thi đua-Khen thưởng Trung ương;
- Lưu: HC, XH.
- **e-Pas: 78493**

TM. ỦY BAN XÃ HỘI
CHỦ NHIỆM

(Đã ký)

Nguyễn Thúy Anh